

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án có nguồn gốc rõ ràng, trung thực. Toàn bộ nội dung chưa được công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu tương tự nào khác.

Tác giả Luận án

Trần Văn Thiện

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ..... 7

1.1. KINH TẾ HỢP TÁC XÃ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

KINH TẾ - XÃ HỘI 7

1.1.1. Khái niệm hợp tác xã và phát triển kinh tế hợp tác xã 7

1.1.2. Bản chất kinh tế hợp tác xã..... 13

1.1.3. Các nguyên tắc hoạt động cơ bản của hợp tác xã..... 15

1.1.4. Vai trò kinh tế HTX đối với phát triển kinh tế - xã hội..... 16

1.1.5. Các loại hình hợp tác xã..... 20

1.1.6. Tiêu chí phản ánh sự phát triển kinh tế hợp tác xã..... 21

1.1.7. Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hợp tác xã 26

1.2. TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

HỢP TÁC XÃ 34

1.2.1. Khái niệm tín dụng ngân hàng..... 34

1.2.2. Đặc điểm tín dụng ngân hàng trong khu vực kinh tế hợp tác xã 35

1.2.3. Cơ chế tác động của tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX..... 36

1.3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TÍN DỤNG NGÂN

HÀNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ..... 49

1.3.1. Tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX của một số nước 49

1.3.2. Bài học kinh nghiệm quốc tế về tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã..... 58

Kết luận chương 1..... 62

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN	
PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM.....	63
2.1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000-2007	63
2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2007	63
2.1.2. Thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2000-2007	67
2.1.3. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã.....	85
2.2. THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM.....	88
2.2.1. Cơ chế và chính sách tín dụng đối với kinh tế hợp tác xã.....	88
2.2.2. Thực trạng quy mô tín dụng đối với hợp tác xã	94
2.2.3. Chất lượng tín dụng cho vay hợp tác xã và xử lý rủi ro	113
2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM	119
2.3.1. Kết quả đạt được	119
2.3.2. Những hạn chế	136
2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế.....	140
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN	
PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM..	152
3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM.....	152
3.1.1 Chủ trương và định hướng phát triển kinh tế hợp tác xã.....	152
3.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế hợp tác xã đến năm 2010 và dự báo đến năm 2015-2020	157
3.1.3. Một số cơ hội và thách thức về hoạt động tín dụng ngân hàng đối với kinh tế Hợp tác xã trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.....	160

3.2. GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM.....	162
3.2.1. Đa dạng hóa nguồn vốn cho vay phát triển kinh tế hợp tác xã với lãi suất hợp lý.....	162
3.2.2. Mở rộng cho vay kinh tế hợp tác xã kết hợp với nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng đối với các dự án của hợp tác xã.....	166
3.2.3. Tăng hạn mức tín dụng và linh hoạt thời hạn cho vay đối với kinh tế hợp tác xã	173
3.2.4. Đơn giản hoá thủ tục cho vay	174
3.2.5. Đa dạng hóa các phương thức cho vay đối với kinh tế hợp tác xã..	176
3.2.6. Đa dạng các hình thức bảo đảm trong hoạt động cho vay đối với kinh tế hợp tác xã.....	180
3.2.7. Nâng cao trình độ nhận thức và nâng cao trình độ của cán bộ tín dụng trong hoạt động cho vay kinh tế hợp tác xã.....	185
3.2.8. Giải pháp khác	189
3.3. GIẢI PHÁP ĐIỀU KIỆN.....	191
3.3.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển kinh tế hợp tác xã	191
3.3.2. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ cho hợp tác xã.....	195
3.3.3. Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác xã	197
3.3.4. Giải pháp điều kiện khác	200
KẾT LUẬN.....	204
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	208
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	209

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BKH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
CBTD	Cán bộ tín dụng
CN-TTCN	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
GDP	Thu nhập quốc nội
HTX	Hợp tác xã
NHCT	Ngân hàng Công thương
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHĐT&PT	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển
NHHT	Ngân hàng Hợp tác
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHNo & PT NT	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NHNT	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NHTW	Ngân hàng Trung ương
NO - NT	Nông nghiệp - nông thôn
NQH	Nợ quá hạn
TCTD	Tổ chức tín dụng
TCKT	Tổ chức kinh tế
TD	Tín dụng
TDH	Trung dài hạn
TDNH	Tín dụng ngân hàng
TSBĐ	Tài sản bảo đảm
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VNĐ	Đồng Việt Nam
USD	Đô la Mỹ
QTD ND	Quỹ tín dụng nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

BẢNG

<i>Bảng số 2.1:</i> Cơ cấu các hợp tác xã theo ngành nghề tính đến hết năm 2007.....	74
<i>Bảng số 2.3:</i> Thực trạng cơ cấu vốn cố định và vốn lưu động của HTX năm 2007	95
<i>Bảng số 2.4:</i> Thực trạng vốn tự có của HTX phân theo ngành kinh tế năm 2007	97
<i>Bảng số 2.5:</i> Thực trạng vốn của kinh tế HTX phân bố theo vùng kinh tế năm 2007	98
<i>Bảng số 2.6:</i> Kết quả kinh doanh của HTX phân theo ngành kinh tế năm 2007.....	100
<i>Bảng số 2.7:</i> Cơ cấu vốn và hiệu quả kinh tế HTX giai đoạn 2001 - 2007....	101
<i>Bảng số 2.8:</i> Thực trạng vốn đi vay của kinh tế HTX giai đoạn 2000 - 2007....	103
<i>Bảng số 2.9:</i> Tổng dư nợ kinh tế HTX theo ngành nghề giai đoạn 2000 - 2007....	104
<i>Bảng số 2.10:</i> Tổng dư nợ kinh tế HTX qua các năm theo vùng kinh tế giai đoạn 2000 - 2007	105
<i>Bảng số 2.11:</i> Dư nợ tín dụng trung dài hạn kinh tế HTX theo ngành nghề giai đoạn 2000 - 2007	106
<i>Bảng số 2.12:</i> Dư nợ tín dụng trung dài hạn kinh tế HTX theo vùng kinh tế giai đoạn 2000 - 2007	108
<i>Bảng số 2.13:</i> Dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX theo ngành nghề giai đoạn 2000 - 2007	110
<i>Bảng số 2.14:</i> Dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX theo vùng kinh tế giai đoạn 2000 - 2007	112
<i>Bảng số 2.15:</i> Nợ phải thu, phải trả và cân đối khả năng vốn của HTX để trả nợ năm 2007	115
<i>Bảng số 2.16:</i> Vốn tín dụng ngân hàng đối với các HTX mới thành lập đến hết năm 2007	121
<i>Bảng số 2.17:</i> Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh của HTX giai đoạn 2000 - 2007.....	123
<i>Bảng số 2.18:</i> Cơ cấu vốn đầu tư của HTX qua các năm 2000-2007	125

BIỂU ĐỒ

<i>Biểu đồ 2.1:</i> Cơ cấu hợp tác xã phân bố theo lãnh thổ đến hết năm 2007 [4] ;[6]	83
<i>Biểu đồ 2.2:</i> Cơ cấu vốn tự có của HTX năm 2007.....	96
<i>Biểu đồ 2.3:</i> Thực trạng vốn của kinh tế HTX phân bố theo vùng kinh tế năm 2007	99
<i>Biểu đồ 2.4:</i> Cơ cấu vốn và hiệu quả kinh tế HTX giai đoạn 2001 - 2007 ...	102
<i>Biểu đồ 2.5:</i> Tổng dư nợ kinh tế HTX qua các năm theo vùng kinh tế	105
<i>Biểu đồ 2.6:</i> Nợ phải thu, phải trả và cân đối khả năng vốn của HTX để trả nợ năm 2007	116
<i>Biểu đồ 2.7:</i> Vốn tín dụng ngân hàng đối với các HTX mới thành lập đến hết năm 2007.....	121

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mô hình kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam ra đời ngay sau khi miền Bắc được hoà bình, cuộc kháng chiến chống Pháp thành công. Thời điểm này miền Bắc bước vào xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và phát triển phong trào hợp tác xã ở nông thôn. Tại miền Nam, sau ngày 30-4-1975 khi đất nước được hoàn toàn thống nhất, phong trào hợp tác xã cũng phát triển mạnh mẽ và rộng khắp. Có thể nói, mô hình kinh tế hợp tác xã đã đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn, với các mô hình cụ thể như: hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp,... của những năm thời kỳ bao cấp của cả nước. Trong thời kỳ này, với hệ thống ngân hàng một cấp, nhưng cũng đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chính sách tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn đối với sự tồn tại và phát triển của mô hình kinh tế hợp tác xã.

Bước vào thời kỳ đổi mới kinh tế xã hội toàn diện của đất nước, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế hiện nay mô hình kinh tế hợp tác xã vẫn tồn tại trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở nông thôn và trong một số lĩnh vực ngành nghề.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng, phong trào HTX nước ta tuy có những bước thăng trầm, song nhìn chung vẫn liên tục phát triển. Luật HTX ban hành tháng 6/1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997 đã tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho mô hình kinh tế HTX phát triển, khẳng định mạnh mẽ việc Nhà nước vẫn coi trọng kinh tế HTX và tạo điều kiện để nó phát triển, mặc dù kinh tế HTX đang ở giai đoạn khó khăn. Các địa phương trong cả nước đã

thực hiện chuyển đổi hoạt động của các HTX theo luật, kịp thời chỉnh sửa những lệch lạc, khắc phục những tồn tại của mô hình cũ.

Đến nay trên cả nước có 16.899 HTX, trong đó có 9.313 HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp, 515 HTX thương mại - dịch vụ, 2.325 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 542 HTX xây dựng, 591 HTX thủy sản, 1.086 HTX giao thông vận tải và 1.629 các loại hình HTX khác. Đó là một lực lượng hùng hậu kinh tế HTX phát triển trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tuy nhiên việc đổi mới hoạt động, cũng như đổi mới quản lý của kinh tế hợp tác xã cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Đảng và nhà nước ra nhiều nghị quyết quan trọng, môi trường pháp lý cho hoạt động của hợp tác xã cũng không ngừng được hoàn thiện.

Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX và lần thứ X đều đã khẳng định: *“Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”* và *“Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt”*.

Luật hợp tác xã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 9 đã thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996; có hiệu lực từ ngày 1/1/1997 và các văn bản dưới luật, cùng một số chính sách khác đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho kinh tế hợp tác xã phát triển. Tuy nhiên kinh tế HTX ở Việt Nam thiếu năng động, hoạt động còn mang tính hình thức, năng lực quản lý và điều hành yếu, hiệu quả hoạt động kém, quy mô dàn trải, không phản ánh đúng quan hệ sản xuất, chưa theo kịp cơ chế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Trong khi, những năm qua phong trào hợp tác xã quốc tế với 96 nước thành viên đang rất phát triển, mang lại nhiều lợi ích cho xã viên và đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đó.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, Khoá IX, ngày 18-3-2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh

tế tập thể đã xác định: “Mục tiêu từ nay đến năm 2010 là đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế”.

Mặc dù vậy, một trong số các vấn đề cấp bách đặt ra cần được giải quyết đó là đổi mới chính sách tín dụng ngân hàng đối với kinh tế hợp tác xã.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đã chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới - WTO từ ngày 7-11-2006, song thực tiễn đặt ra là những người sản xuất nhỏ lẻ, vốn ít, năng lực tiếp cận với thị trường hạn chế, nên thường là những người yếu thế, bị thua thiệt trong cạnh tranh của quá trình hội nhập. Vì vậy mô hình kinh tế hợp tác có vai trò rất quan trọng liên kết họ lại, là cầu nối về vốn, công nghệ, thị trường và thông tin khác,... để họ đứng vững trong cạnh tranh. Như vậy phát triển kinh tế hợp tác xã còn có ý nghĩa kinh tế - xã hội sâu sắc đặt ra của chính quá trình hội nhập.

Song một trong những nhân tố rất quan trọng để cho kinh tế hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và phát triển được thì đòi hỏi phải có vốn. Nhưng một thực tế đặt ra là vốn tự có của hợp tác xã rất hạn chế, mà chủ yếu tồn tại dưới dạng quyền sử dụng đất, trụ sở và nhà xưởng cũ nát, công nợ dây dưa, vốn đóng góp bằng tiền của xã viên cũng rất ít,... nên phải trông chờ chủ yếu vào vốn vay ngân hàng thương mại. Tuy nhiên đa số các HTX không vay được vốn ngân hàng để phát triển sản xuất kinh doanh. Muốn kinh tế HTX phát triển thì vai trò của tín dụng ngân hàng là rất quan trọng. Ngược lại các NHTM cũng không mở rộng được quy mô vốn cho vay kinh tế hợp tác xã do đối tượng khách hàng này không đảm bảo được các yêu cầu, nguyên tắc và chính sách tín dụng hiện hành. Hơn nữa, các NHTM cũng muốn phát triển các dịch vụ khác tại thị trường giàu tiềm năng này bên cạnh việc cho vay vốn nhưng cũng còn nhiều trở ngại. Mâu thuẫn này đang đặt ra rất cấp bách trong thực tiễn cần được nghiên cứu, giải quyết.

Chính vì vậy Luận án lựa chọn đề tài: *“Tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam”* để nghiên cứu là xuất phát từ yêu cầu cấp bách đang đặt ra trong thực tiễn nói trên.

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài

Từ trước đến nay có rất nhiều đề tài luận án tiến sỹ, luận án thạc sỹ, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Viện và cấp trường về kinh tế hợp tác xã. Tuy nhiên các đề tài nghiên cứu này tập trung ở chuyên ngành: Kinh tế - Quản lý - Kế hoạch hoá Kinh tế quốc dân. Các đề tài đó chủ yếu nghiên cứu về góc độ kinh tế ngành: nông nghiệp - nông thôn.

Bên cạnh đó có một số đề tài luận án Tiến sỹ, luận văn thạc sỹ và đề tài nghiên cứu cấp ngành về mô hình Quỹ tín dụng nhân dân, một loại hình kinh tế hợp tác tín dụng, được thực hiện tại Học viện Ngân hàng, tại Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh,...; tại Đại học kinh tế quốc dân,...; cụ thể như sau:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành: *“Phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân theo mô hình mới”* do Vụ trưởng Vụ tín dụng hợp tác - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ông Nguyễn Xuân Sơn làm chủ nhiệm, nghiệm thu năm 1996.

- Luận án Tiến sỹ, với đề tài: *“Một số giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân”* của NCS. Nguyễn Mạnh Dũng, bảo vệ tại Học viện Ngân hàng năm 2001.

- Luận án Tiến sỹ: *“Giải pháp củng cố và hoàn thiện hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở nước ta hiện nay”*, của NCS Nguyễn Hữu Thắng, bảo vệ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân năm 2003.

Song trong tổng số danh mục 317 Luận án Tiến sỹ được nộp lưu giữ tại Thư viện quốc gia, tính đến tháng 5-2008 thì chưa có đề tài luận án tiến sỹ nào nghiên cứu sâu và nghiên cứu riêng về tín dụng ngân hàng đối với kinh tế hợp tác xã. Vì vậy luận án chọn đề tài nói trên để nghiên cứu là công trình đầu tiên đi chuyên sâu về lĩnh vực này.

3. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về vai trò của TDNH đối với phát triển kinh tế HTX trong nền kinh tế thị trường.
- Phân tích rõ thực trạng và đánh giá thực trạng tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX tại Việt Nam giai đoạn 2000 - 2007.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả tín dụng để phát triển kinh tế HTX tại Việt Nam trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- + Đối tượng nghiên cứu:
 - Những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế HTX trong nền kinh tế thị trường.
 - Thực trạng hoạt động tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế HTX ở Việt Nam.
 - Các giải pháp tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế HTX ở Việt Nam trong thời gian tới.
- + Phạm vi nghiên cứu:
 - Nghiên cứu kinh tế Hợp tác xã là một trong số các hình thức chủ yếu về liên kết, hợp tác của kinh tế tập thể được điều chỉnh bởi Luật hợp tác xã.
 - Kinh tế hợp tác xã tức là tính hiệu quả thiết thực, vai trò của hợp tác xã đối với xã viên, đối với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế, từ các phương pháp truyền thống, như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, điều tra, phân tổ thống kê, so sánh, đến các phương pháp phân tích hoạt động kinh tế, phỏng vấn, chọn mẫu,... với sự trợ giúp của kỹ thuật vi tính và tham khảo các công trình nghiên cứu khác có liên quan để làm nổi bật kết quả nghiên cứu của đề tài.

6. Những đóng góp mới của Luận án

- Phân tích vai trò tất yếu của kinh tế HTX trong nền kinh tế thị trường nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

- Lý giải sự cần thiết phát triển kinh tế HTX ở Việt Nam trong việc xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội và giúp những người lao động sản xuất nhỏ liên kết lại trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Xây dựng chính sách tín dụng mới và đề xuất giải pháp tín dụng phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế HTX ở Việt Nam.

- Công trình nghiên cứu cũng sẽ là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo lĩnh vực kinh tế chuyên ngành trong một số trường đại học, học viện,... góp phần hoàn thiện chính sách tín dụng đối với mô hình kinh tế hợp tác xã.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, 16 Bảng số liệu và một số sơ đồ, biểu đồ, nội dung chính của Luận án bao gồm 193 trang được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế hợp tác xã.

Chương 2: Thực trạng tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp tín dụng ngân hàng góp phần phát triển kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

1.1. KINH TẾ HỢP TÁC XÃ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1.1. Khái niệm hợp tác xã và phát triển kinh tế hợp tác xã

1.1.1.1. Hợp tác xã và kinh tế hợp tác xã

Lao động sản xuất bao giờ cũng mang tính chất xã hội, sự hợp tác của những người lao động là cơ sở sâu sắc để liên kết những người lao động với nhau. Bởi vậy, việc hợp tác là một quan hệ, một thực tế, là một nhu cầu có tính tất yếu khách quan trong quá trình phát triển sản xuất. Hợp tác bao trùm tất cả trình độ tổ chức của người lao động: từ cá nhân đến tập thể lao động, hợp tác diễn ra toàn diện và rộng khắp. Hợp tác là một “sản phẩm” đặc thù của quá trình lao động có vai trò to lớn đối với tiến bộ xã hội. Hợp tác là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động, kết hợp sức mạnh của tập thể với sức mạnh của thành viên để giải quyết tốt hơn, hiệu quả hơn những vấn đề của SXKD và đời sống.

Vì vậy, luận án cho rằng, khái niệm: *HTX là tổ chức có tư cách pháp nhân, tự chủ, do những người lao động có nhu cầu tự nguyện tập hợp theo qui định của pháp luật để giải quyết tốt hơn, có hiệu quả hơn các vấn đề của SXKD và đời sống.*

Đầu thế kỷ XIX, nhiều HTX ở một số nước châu Âu đã được hình thành trên cơ sở tổ chức giản đơn. Năm 1844, một nhóm công nhân ở Rochdale - Vương quốc Anh đã thành lập HTX tiêu dùng để cung cấp nhu yếu phẩm với mức giá phải chăng cho người tiêu dùng cũng trong thời gian này. Ở Pháp những người lao động cũng đã tổ chức thành lập một số HTX của công nhân.

Đến cuối thế kỷ thứ XIX, HTX ở nhiều nước trên thế giới đã phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng nên đã xuất hiện các nhu cầu về hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm giữa các quốc gia. Xuất phát từ tình hình kinh tế đó, năm 1889, ông Vansitart Wil - Tổng thư ký Liên hiệp các HTX toàn quốc Vương quốc Anh đã đứng ra thành lập Ủy ban trụ bị thành lập Liên minh HTX quốc tế.

Ngày 19/8/1845, có tổng số 207 đại biểu từ nhiều nước đã họp tại London- Vương quốc Anh và nhất trí thành lập Liên minh HTX quốc tế (ICA). Đây là tổ chức độc lập, tập hợp và đại diện cho tất cả các tổ chức HTX thành viên trên toàn thế giới. [26].

Đến nay trên thế giới có 96 nước và vùng lãnh thổ là thành viên Liên minh HTX quốc tế, cụ thể [26]:

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Có 29 nước, 64 tổ chức với 480.648 HTX và 414.383.862 xã viên.

- Khu vực châu Âu: Có 37 nước, 88 tổ chức với 197.283 HTX và 118.473.433 xã viên.

- Khu vực châu Mỹ: Có 18 nước, 61 tổ chức với 43.945 HTX và 9.561.443 xã viên.

Ngoài 96 nước thành viên, Liên minh HTX quốc tế còn có 8 tổ chức quốc tế là thành viên:

- Liên đoàn HTX tín dụng châu Á (ACCU)
- Liên đoàn HTX tín dụng khu vực Mỹ La Tinh (COLAC)
- Hội đồng Quốc tế HTX tiêu dùng (ICCCU)
- Hiệp hội Quốc tế dầu mỏ (ICPA)
- Tổ chức HTX Châu Mỹ (OCA)
- Hiệp hội các HTX Trung Mỹ và Caribê (CCC - CA)
- Liên đoàn các HTX Mỹ - La Tinh (COLACOT)

Năm 1988, Liên minh HTX Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Liên minh HTX Quốc tế.

Vai trò của Liên minh HTX Quốc tế là tăng cường các hoạt động HTX dưới các hình thức khác nhau, phối hợp và hỗ trợ các hoạt động nhằm đem lại lợi ích cho xã viên HTX trên toàn thế giới. Liên minh HTX Quốc tế đã và đang cải tiến sự hỗ trợ cho 238 tổ chức thành viên đại diện cho 724.904.000 xã viên.

Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã viết về HTX như sau: Mục đích của HTX: tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của HTX Anh (năm 1761) đã nói: *“cốt làm cho những người nghèo hoá ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây”*. [39]

Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: Tục ngữ An Nam có câu: *“Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó”* và *“một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao”*. [39] Lý luận HTX đều ở trong những điều ấy.

Hợp tác xã tuy là một mô hình kinh tế được hình thành để giúp đỡ nhau nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có tiêu đi mà không làm ra và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý tương trợ, HTX có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho những người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, ai cũng giúp mà ai cũng được giúp.

Về cách tổ chức: Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi HTX. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy HTX. Cũng không phải có HTX này thì không lập được HTX kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được HTX nào và có khi hai HTX - mua và bán lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các HTX ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai HTX tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một HTX mua và một HTX bán.

HTX chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hoá, cầm máy,... thì cho phép mượn người ngoài. Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều, góp ít, vào trước, vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

Vậy HTX là gì? Khái niệm HTX ra sao? HTX và kinh tế HTX có gì khác nhau?

Điều 1 Luật HTX được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20/3/1996 đã nêu rõ: *“HTX là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo qui định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”*. [44].

Về kinh tế hợp tác xã. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX năm 2001 đã chỉ rõ: *“Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”* và *“Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó HTX là nòng cốt”*. [37]. Điều đó đã khẳng định vai trò quan trọng không thể thay thế của kinh tế HTX trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Nói đến kinh tế HTX cũng là nói đến mối quan hệ trong một nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta.

Kinh tế HTX là các chỉ số về kinh tế, các quan hệ vận chất, quan hệ kinh tế trong nội bộ một tổ chức là HTX. Nghiên cứu về kinh tế HTX ở Việt Nam là nghiên cứu các chỉ tiêu định lượng, các mối quan hệ sở hữu, phân phối, mua bán, tài trợ, chịu trách nhiệm khi phá sản, giải thể...bao gồm mối quan hệ kinh tế trong nội bộ HTX và trong tổng thể các HTX ở Việt Nam.

Kinh tế HTX thì không bao hàm kinh tế của từng hộ xã viên riêng biệt nhưng nó có quan hệ gắn bó mật thiết và có tác dụng tương hỗ lẫn nhau. Phát triển kinh tế HTX sẽ làm cho kinh tế hộ xã viên phát triển và ngược lại.

Khi đất nước đã giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và phát triển HTX. Kinh tế HTX đã có vai trò to lớn trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Ngày nay, kinh tế HTX là một thành phần kinh tế trong hệ thống các thành phần kinh tế của nền kinh tế quốc dân. Mỗi HTX là một dạng tổ chức kinh tế, ở đó có sự liên kết, hợp tác giữa các thành viên. Các thành viên góp công sức, vốn, tài sản của mình để cùng sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, lãi cùng chia, lỗ cùng chịu.

1.1.1.2. Phát triển kinh tế hợp tác xã

Phát triển kinh tế HTX được hiểu trên những mặt sau:

- Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX cao hơn: HTX, bản thân nó là một doanh nghiệp, vì vậy bản thân nó phải quyết định số phận của chính nó có tồn tại, phát triển được trong cạnh tranh hay không. Điều này cũng nói lên tính độc lập trong hoạt động, nhất là đối với các HTX nông nghiệp khi mà chính quyền địa phương cấp xã nơi này, nơi khác còn can thiệp sâu vào hoạt động của HTX. Tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao còn giúp cho HTX phát huy khả năng sáng tạo, năng động, trách nhiệm hơn trong hoạt động của mình.

- Những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung tự nguyện gia nhập HTX ngày càng tăng cao. Điều này phụ thuộc vào việc người lao động hiểu sâu, rộng về kinh tế HTX kiểu mới. HTX kiểu mới được qui định trong luật HTX sửa đổi, đó là mô hình HTX không giới hạn theo địa giới hành chính, các thành phần kinh tế liên kết chặt chẽ với kinh tế HTX. Thậm chí có công ty, doanh nghiệp nằm trong HTX, sở hữu tư nhân được thừa nhận bên cạnh sở

hữu tập thể HTX để giúp sức trong SXKD. Với tính ưu việt đó, những người lao động hiểu được sẽ tham gia nhiều hơn vào kinh tế HTX, những người có tay nghề cao trong những lĩnh vực HTX cần phát triển mà trước đây tự nguyện xin ra, nay có dịp trở lại tham gia kinh tế HTX.

- Việc góp vốn, góp sức tăng: từ niềm tin ở HTX kêu gọi những người tham gia tự nguyện góp nhiều vốn hơn, tâm huyết hơn đối với kinh tế HTX. Nhờ việc góp vốn tăng làm cho vốn chủ sở hữu của HTX tăng lên, trách nhiệm của các thành viên trong HTX tăng. Đây chính là môi trường thuận lợi để vốn tín dụng ngân hàng và các nguồn vốn khác tham gia, càng làm cho kinh tế HTX ngày thêm phát triển.

- Sức mạnh tập thể từng xã viên và các thành viên tham gia tăng. Sức mạnh ở đây là nói đến sản phẩm hàng hoá dịch vụ có sức cạnh tranh cao trên thị trường, khoa học công nghệ được ứng dụng hiệu quả, việc bao tiêu sản phẩm hàng hoá được khép kín, có tổ chức chặt chẽ, chất lượng dịch vụ hỗ trợ của HTX là không thể thay thế.

- Giúp nhau hiệu quả tăng trong SXKD dịch vụ và cải thiện đời sống. Thông qua HTX, những người lao động cùng liên kết cộng tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh nghiệm, về giống, về vốn, về tay nghề, sát cánh bên nhau cùng tồn tại và phát triển trong cạnh tranh. Kinh tế HTX chỉ có thể phát triển khi hiệu quả trong SXKD và dịch vụ không ngừng được nâng cao, đời sống, thu nhập của xã viên được cải thiện và ngược lại.

- Phát triển kinh tế HTX còn được hiểu là việc tăng mức đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội đất nước của kinh tế HTX. Đó là tăng sản phẩm hàng hoá dịch vụ, tiến tới có tỷ trọng đóng góp xứng đáng trong GDP của nền kinh tế, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người lao động, phát triển ngành nghề, nâng cao đời sống người lao động, ổn định an ninh nông thôn.

1.1.2. Bản chất kinh tế hợp tác xã

Xét về bản chất kinh tế một HTX có thể được hiểu trên các khía cạnh như sau:

- *HTX là một doanh nghiệp:*

HTX là một có tổ chức chặt chẽ, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, có tài sản, có mục tiêu phương hướng hoạt động từng thời kỳ, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy, HTX cũng luôn tính toán đầu vào, đầu ra, nghiên cứu tìm hiểu thị trường để có ứng phó kịp thời khi có biến động. Tuy nhiên HTX khác doanh nghiệp ở chỗ: bộ máy lãnh đạo, kiểm soát được bầu ra trên cơ sở tín nhiệm của các xã viên theo phổ thông đầu phiếu mà không thuộc vốn góp nhiều hay ít..

- *HTX là một tổ chức hoạt động nhằm tìm kiếm lợi nhuận*

Giống như các doanh nghiệp khi tiến hành hoạt động SXKD, HTX phải tính toán được chi phí để SX ra một đơn vị sản phẩm hay dịch vụ của mình. Hàng hoá dịch vụ ấy bán cho ai và với số lượng bao nhiêu. HTX cũng phải dự tính trước được khoản tiền lãi khi sản phẩm hàng hoá và dịch vụ bán được. Số tiền thu được dùng để trang trải các chi phí sản xuất, quản lý, mở rộng SXKD cũng như nâng cao phúc lợi cho xã viên. Đồng thời, HTX cũng phải kiểm soát được các khoản chi tiêu của mình.

- *HTX là một tổ chức có tính sở hữu lỏng*

Chủ nhân của HTX chính là những công dân, những nhóm người. Tính sở hữu trong nội tại HTX cũng chỉ là tương đối. Nhiều tài sản xã viên góp vào HTX nhưng lại giao ngay sau đó cho chính xã viên đó sử dụng để phát huy hiệu quả cao nhất. Các thành viên cùng nhau lập nên HTX là do họ cùng chung một số quyền lợi mà bản thân họ nếu riêng lẻ không thể tạo ra được, hoặc làm không có hiệu quả. Vì vậy, tiền vốn, tài sản đều là của cá nhân góp cho HTX, chỉ những quỹ không chia mới thuộc sở hữu tập thể (nhưng xét cho cùng vẫn là sở hữu của xã viên). Tiền lãi do kết quả hoạt động SXKD sau khi

đã làm đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước thuộc về xã viên, họ có toàn quyền quyết định về phương án ăn chia. Ngược lại khi bị thua lỗ họ cũng phải chịu toàn bộ trách nhiệm vật chất.

- HTX là tổ chức liên kết kinh tế đa dạng

Trước hết, HTX là tổ chức của nhiều người, là sở hữu của những người có cùng quyền lợi và mục tiêu, cùng ngành nghề, hướng tới lợi nhuận ngày càng cao hơn. Những sản phẩm hàng hoá dịch vụ của HTX làm ra chỉ có các xã viên của HTX đó mới có quyền định đoạt.

Bản thân nội tại HTX cũng tồn tại đa sở hữu, có những công ty con, doanh nghiệp, tổ hợp, tư nhân bên trong HTX nhằm phát huy hết thế mạnh vốn có, tăng khả năng cạnh tranh của kinh tế HTX .

HTX cũng không bó hẹp trong cùng một địa phương, một vùng, mà có thể liên kết, mở rộng tầm hoạt động SXKD dịch vụ rộng rãi phù hợp với điều kiện phát triển ngành nghề và trình độ quản lý của từng HTX.

Với tính liên kết kinh tế đa dạng như trên đã mở ra cho kinh tế HTX một tiềm năng lớn để phát triển một cách linh hoạt hiệu quả.

- HTX là tổ chức quản trị dân chủ, có sự tham gia bình đẳng của mọi xã viên

Mỗi xã viên HTX vừa là chủ nhân vừa là khách hàng. Họ có quyền tham gia vào các hoạt động của HTX thông qua phiếu bầu. Mỗi xã viên được một phiếu, các phiếu có giá trị như nhau bất kể cổ phần hùn vốn của người đó là bao nhiêu. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa HTX với các loại hình công ty, doanh nghiệp khác. Nó quy định bản chất xã hội, dân chủ, tính ưu việt của loại hình kinh tế này.

Tóm lại: Xét về bản chất, HTX là một tổ chức kinh tế đặc thù, là một doanh nghiệp nên hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, là một tài sản riêng, thuộc sở hữu nhiều người. Việc quản lý thực hiện dân chủ, có sự tham gia của mọi xã viên.

1.1.3. Các nguyên tắc hoạt động cơ bản của hợp tác xã

- Nguyên tắc tự nguyện

Nội dung của nguyên tắc này là: xã viên hoàn toàn tự nguyện gia nhập và xin ra HTX. Ở nước ta, mọi công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tán thành điều lệ HTX, tự nguyện góp sức góp vốn xin gia nhập HTX đều có thể trở thành xã viên HTX. Ngược lại nếu muốn, họ có thể tự nguyện xin ra HTX mà không bị bất kỳ một sức ép nào. Như vậy, HTX bao gồm một nhóm người liên kết lại với nhau để mưu đồ lợi ích cho chính mình, bảo vệ mình trước sự cạnh tranh nghiệt ngã của cơ chế thị trường mà nếu hoạt động riêng lẻ thì họ không thể làm được.

- Nguyên tắc tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi

Nguyên tắc này qui định HTX tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động SXKD dịch vụ và tự qui định việc phân phối thu nhập đảm bảo HTX và xã viên đều có lợi. Việc phân phối thu nhập thông qua phương án ăn chia được các xã viên bàn bạc công khai, dân chủ.

Nguyên tắc này, phải được ghi cụ thể trong điều lệ của từng HTX từ qui định về góp vốn đến tổ chức hoạt động kinh doanh, phân phối lợi ích và cách tổ chức quản lý của HTX. Sức mạnh của HTX chỉ có thể được phát huy tối đa khi xử lý được hài hoà các lợi ích của Nhà nước, tập thể và xã viên.

- Nguyên tắc quản lý dân chủ bình đẳng

Nội dung của nguyên tắc này là: xã viên HTX có quyền tham gia quản lý kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của HTX và có quyền ngang nhau trong biểu quyết.

Như vậy quyền làm chủ của xã viên trong HTX khác với làm chủ trong các doanh nghiệp khác. Trong HTX, mọi xã viên đều có quyền bình đẳng như nhau về chính trị xã hội bất kể xã viên đó đóng góp bao nhiêu tài sản, vốn hay giữ chức vụ gì. Riêng về kinh tế, bình đẳng ở đây phải được hiểu theo nghĩa

rộng hơn: Bình đẳng không có nghĩa là bằng nhau và như nhau mà ở đây ai lao động nhiều góp tài sản nhiều, vốn lớn, đóng góp nhiều sáng kiến làm lợi cho HTX thì người đó được hưởng nhiều và ngược lại.

Chỉ thực hiện đúng nguyên tắc trên mới đảm bảo HTX phát triển nhanh, vững chắc và đúng hướng, đáp ứng được nguyện vọng của toàn thể xã viên.

- Nguyên tắc hợp tác và phát triển cộng đồng xã viên

Nội dung của nguyên tắc này là xã viên phát huy tinh thần tập thể, nâng cao ý thức hợp tác trong HTX và cộng đồng xã hội. Nguyên tắc hợp tác cần phải hiểu rộng hơn là ngoài việc hợp tác trong nội bộ còn cần thiết phải hợp tác giữa HTX với các thành phần kinh tế khác, hợp tác trong nước hợp tác với nước ngoài với bước đi phù hợp theo đúng qui định của pháp luật. Tính cộng đồng xã viên thể hiện sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau và cùng phát triển.

1.1.4. Vai trò kinh tế HTX đối với phát triển kinh tế - xã hội

1.1.4.1. Vai trò kinh tế HTX trong cơ cấu nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam

Trước năm 1986 nền kinh tế nước ta được tổ chức và vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp. Đó là nền kinh tế trì trệ kém phát triển thiếu năng động và không có sự cạnh tranh. Trong suốt thời gian dài nó tồn tại chủ yếu nhờ vào nguồn viện trợ nước ngoài. Khi nguồn viện trợ đó không còn thì sự kém hiệu quả của cơ chế quan liêu bao cấp bộc lộ rõ nét.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện đường lối đổi mới theo hướng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN. Đó là một nền kinh tế “mở” từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tại Đại hội đảng toàn quốc lần thứ IX năm 2001 đã khẳng định nền kinh tế nước ta hiện nay đang tồn tại các thành phần kinh tế như sau: [37]

- 1- Kinh tế Nhà nước.
- 2- Kinh tế tập thể.
- 3- Kinh tế cá thể, tiểu chủ.
- 4- Kinh tế Tư bản tư nhân.
- 5- Kinh tế tư bản Nhà nước.
- 6- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong các thành phần kinh tế đó còn tồn tại 3 hình thức sở hữu cơ bản, đó là: sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Các hình thức sở hữu này có thể đan xen, hỗn hợp. Trong hệ thống các thành phần kinh tế nêu trên, kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

1.1.4.2. Vai trò kinh tế HTX đối với phát triển kinh tế

Kinh tế tập thể mà nòng cốt là kinh tế HTX được xác định là thành phần kinh tế có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước, bởi lẽ sau:

Thứ nhất: HTX phát triển sẽ khai thác triệt để mọi tiềm năng của đất nước để cùng với kinh tế Nhà nước thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Doanh nghiệp Nhà nước thường có vốn lớn, có tính chuyên nghiệp cao nên các sản phẩm hàng hoá có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Còn các HTX đa phần sản xuất theo hướng sử dụng nhiều sức lao động với các sản phẩm đơn chiếc, truyền thống mang tính chất thủ công. Do vậy sự có mặt của các HTX sẽ bổ xung cho kinh tế Nhà nước và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Việc khai thác tiềm năng của HTX được thể hiện trên 3 mặt là vốn - lao động - khoa học kỹ thuật.

Về vốn: Các HTX khai thác và sử dụng triệt để mọi nguồn vốn trong xã hội nhờ qui mô đa dạng và năng động của mình trong khi kinh tế Nhà nước cần những nguồn vốn lớn và ổn định.

Về lao động: HTX với loại hình đa dạng, công cụ thô sơ, kỹ thuật đơn giản có thể sử dụng được mọi đối tượng lao động từ người có tay nghề cao đến lao động phổ thông, ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Thực tế những năm qua cho thấy khi chuyển đổi cơ cấu kinh tế mà đứng trước thử thách khắc nghiệt của cơ chế thị trường nhiều doanh nghiệp của Nhà nước không trụ nổi, phải giải thể hoặc thu hẹp qui mô sản xuất kinh doanh, một số lượng lớn lao động ở các doanh nghiệp này đã chuyển sang SXKD nhỏ lẻ, vào các HTX để dựa vào nhau cùng tồn trong cạnh tranh.

Về khoa học kỹ thuật: HTX dựa trên sở hữu tập thể và tư nhân về TLSX và vốn. Các xã viên phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hiệu quả SXKD của mình. Do đó trách nhiệm của từng xã viên được xác định rõ rệt, buộc mọi người phải có tinh thần tự giác cao trong trong sử dụng và bảo quản tư liệu SX, chất lượng sản phẩm cũng như kết quả cuối cùng của SXKD. Điều này đã tạo ra động lực thúc đẩy việc đổi mới, cải tiến kỹ thuật và tiếp thu công nghệ hiện đại.

Thứ hai: HTX phát triển sẽ thúc đẩy việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo tính tự chủ cao, tham gia bình đẳng vào hoạt động SXKD, từ đó tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh theo đúng nguyên tắc kinh tế thị trường.

Mặt khác, sự phát triển của kinh tế HTX sẽ dần tạo ra thêm “các hàng hoá” cho thị trường vốn, đó là các cổ phiếu từ kinh tế HTX từ đó thúc đẩy sự phát triển đa dạng của thị trường vốn.

Khác với chế độ trả lương theo khung, bậc trong doanh nghiệp Nhà nước, các HTX thực hiện chế độ trả công theo năng lực và công sức của người lao động bỏ ra. Việc tuyển dụng và thuê mướn nhân công được thực

hiện thông qua thị trường và do thị trường quyết định. Chính điều này là cơ sở hoàn thành nên thị trường sức lao động và qua đó người lao động phát huy được hết khả năng của mình.

Thứ ba: Khu vực HTX phát triển sẽ góp phần giải phóng mọi tiềm năng của nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các qui luật kinh tế thị trường. Sự tham gia bình đẳng và đồng đảo các HTX sẽ làm cho các qui luật kinh tế vốn có của nền kinh tế thị trường như qui luật cung cầu, qui luật giá trị... phát huy tác dụng điều tiết nền kinh tế từ đó góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế xã hội.

Thứ tư: HTX với qui mô đa dạng từ nhỏ đến lớn nên rất linh hoạt, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường. Nếu được tạo điều kiện thuận lợi và có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước thì khu vực HTX sẽ có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế hàng hoá qui mô lớn.

1.1.4.3. Vai trò kinh tế HTX đối với phát triển xã hội

HTX là hình thức kinh tế phù hợp ở Việt Nam để tập hợp các chủ thể SXKD nhỏ bé để đi lên, một hình thức kinh tế mà Nhà nước cần tận dụng để phát triển kinh tế đất nước. Tổ chức HTX không phải chỉ để giúp những người SX nhỏ có đủ sức cạnh tranh, chống lại sự chèn ép của các doanh nghiệp lớn mà về lâu dài, phát triển kinh tế HTX dần dần trở thành bộ phận nền tảng của nền kinh tế quốc dân như hiến pháp năm 1992 xác định: Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng..., kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng nền kinh tế quốc dân.

Phát triển kinh tế HTX ở nước ta bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế là phải đạt được các mục tiêu xã hội. Chỉ có kinh tế HTX mới có thể giúp người nghèo, người lao động phổ thông, lao động chưa được đào tạo ở nhiều lứa tuổi khác nhau hợp tác tạo nên sức mạnh trong sản xuất đỡ bị thua thiệt trong

cạnh tranh. Cũng chính kinh tế HTX đã góp phần tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập giải quyết xoá đói giảm nghèo giúp đỡ lẫn nhau trên cơ sở tình làng nghĩa xóm, quan tâm đến hoàn cảnh khó khăn không may mắn trong cuộc sống theo nghĩa cử “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều” quan tâm đến những người có công với nước... Đó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Vì thế, phát triển kinh tế HTX (nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa) sẽ góp phần thực hiện đoàn kết gắn bó giữa các tầng lớp nhân dân, bản sắc văn hoá dân tộc được phát huy đậm nét. Kinh tế HTX phát triển, từng bước tham gia hội nhập khu vực và quốc tế sẽ càng có điều kiện góp phần giới thiệu bản sắc văn hoá Việt Nam, con người Việt Nam với cộng đồng thế giới.

Như vậy, với đặc thù riêng có của nền kinh tế HTX, bên cạnh lợi ích kinh tế, lợi ích xã hội đạt được là rất to lớn không chỉ trong nội bộ HTX mà đối với toàn xã hội, đất nước. Kinh tế HTX tồn tại khác quan bên cạnh các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

1.1.5. Các loại hình hợp tác xã

1.1.5.1. Phân loại theo ngành nghề hoạt động

Theo ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh có các loại hình hợp tác xã sau đây:

- HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp: là HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với các ngành nghề trồng trọt và chăn nuôi là chính, bên cạnh đó là các dịch vụ hỗ trợ cho xã viên.

- HTX thương mại dịch vụ: hoạt động kinh doanh thương mại và thực hiện các hoạt động dịch vụ nhằm tăng thu lợi nhuận, nâng cao đời sống xã viên, góp phần tích cực trong xoá đói giảm nghèo cho người buôn bán nhỏ.

- HTX Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: hoạt động trong ngành công nghiệp SX nhỏ, phát huy tay nghề các thợ thủ công, phát triển làng nghề, phố nghề truyền thống.

- HTX vận tải: hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng cả đường bộ, đường thủy... nhằm liên kết những xã viên có phương tiện lại để cùng có nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập, đời sống ngày càng nâng cao.

- HTX mang tính chất xã hội như: HTX trường học, HTX y tế, v.v..

1.1.5.2. Phân loại theo trình độ phát triển

- HTX bậc thấp: là hình thức tổ chức HTX mà những tư liệu SX chủ yếu thuộc sở hữu của xã viên nhưng do HTX thống nhất quản lý sử dụng. HTX chia thành tổ đội với các công cụ sản xuất cố định, các tổ đội sắp xếp lao động theo hệ thống theo kế hoạch thống nhất của HTX. Phân phối sản phẩm theo cách lấy tổng số thu hoạch trừ đi chi phí, nộp thuế, quỹ công ích còn lại đem chia cho xã viên theo số ngày công.

- HTX bậc cao: là hình thức tổ chức HTX có qui mô lớn, có quan hệ về tư liệu sản xuất đa dạng, trình độ sở hữu tập thể các công cụ và tư liệu sản xuất, thực hiện các đội chuyên, đội khoán, trình độ ứng dụng khoa học công nghệ cao. Các HTX bậc cao có cả ở hình thức SXKD tập trung và không tập trung.

1.1.6. Tiêu chí phản ánh sự phát triển kinh tế hợp tác xã

1.2.6.1. Phát triển kinh tế HTX theo chiều rộng

Phát triển kinh tế HTX theo chiều rộng là sự gia tăng số lượng các HTX ở các ngành nghề khác nhau, giải quyết được nhiều công ăn việc làm hơn, đồng thời mở rộng qui mô các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Thứ nhất, phát triển HTX theo ngành nghề

Đó là việc tăng về số lượng các HTX trong một ngành nghề đã có và trong một số ngành nghề, lĩnh vực mới. Đối với từng HTX trong một ngành

ngành cụ thể phát triển theo chiều rộng hiểu là mở rộng về quy mô hoạt động SXKD so với trước đó.

+ HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp: là HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với các ngành nghề trồng trọt và chăn nuôi là chính, bên cạnh đó là các dịch vụ hỗ trợ cho xã viên.

Sau này được mở rộng thành lập thêm hoặc tách ra thành các HTX Lâm, Ngư, Diêm nghiệp cho đúng chuyên ngành với mong muốn các HTX làm tốt thì nông dân sẽ thu nhập được nhiều và no đủ hơn. Sự gia tăng về số lượng HTX này và ở từng HTX mở rộng sản xuất kinh doanh được hiểu là phát triển theo chiều rộng.

+ HTX thương mại dịch vụ: hoạt động kinh doanh thương mại và thực hiện các hoạt động dịch vụ nhằm tăng thu lợi nhuận, nâng cao đời sống xã viên, góp phần tích cực trong xoá đói giải nghèo cho người buôn bán nhỏ.

+ HTX Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất nhỏ, phát huy tay nghề các thợ thủ công, phát triển làng nghề, phố nghề truyền thống. Thông qua hoạt động của các HTX này, các thợ thủ công cá thể đi vào con đường làm ăn tập thể, có điều kiện phát huy tay nghề hiệu quả hơn và từ đó xây dựng quan hệ kinh tế giữa HTX với kinh tế Nhà nước trong hệ thống kinh tế quốc dân.

+ HTX vận tải: hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hành khách và hàng hoá bằng cả đường bộ, đường thuỷ... nhằm liên kết những xã viên có phương tiện lại để cùng có nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập, đời sống ngày càng nâng cao. Từ đó phát triển thêm phương tiện, nâng cấp phương tiện đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế xã hội.

Việc phát triển HTX theo chiều rộng còn được hiểu là việc tăng thêm các HTX ở các ngành nghề mới như HTX trường học, HTX y tế, HTX mô trường.v.v..

- *Thứ hai: Phát triển HTX theo cấp độ, phạm vi hoạt động*

+ HTX bậc thấp: là hình thức tổ chức HTX mà những tư liệu SX chủ yếu thuộc sở hữu của xã viên nhưng do HTX thống nhất quản lý sử dụng. HTX chia thành tổ đội với các công cụ SX cố định, các tổ đội sắp xếp lao động theo hệ thống theo kế hoạch thống nhất của HTX. Phân phối sản phẩm theo cách lấy tổng số thu hoạch trừ đi chi phí, nộp thuế, quỹ công ích còn lại đem chia cho xã viên theo số ngày công. Cũng có những HTX thực hiện giao khoán sản phẩm cho xã viên HTX tìm việc làm, giao khoán cho xã viên rồi bao tiêu sản phẩm. Hàng tháng, hàng quý hoặc theo mùa vụ, căn cứ vào các chỉ tiêu giao khoán mà HTX thu sản lượng theo mức đã giao ban đầu, sau khi trừ chi phí nộp thuế cho Nhà nước, lợi nhuận sẽ được phân chia cho các cổ đông và dành một phần cho tích lũy, phát triển SXKD.

+ HTX bậc cao: là hình thức tổ chức HTX có qui mô lớn, có quan hệ về tư liệu SX đa dạng. Sự khác nhau giữa HTX bậc thấp và HTX bậc cao ở trình độ sở hữu tập thể các công cụ và tư liệu sản xuất, thực hiện các đội chuyên, đội khoán, trình độ ứng dụng khoa học công nghệ cao. Các HTX bậc cao có cả ở hình thức SXKD tập trung và không tập trung. Đây là mục tiêu phấn đấu của kinh tế HTX để phát huy sức mạnh tập thể, đứng vững trong cạnh tranh. Thực tế hiện nay cũng đã có nhiều gương điển hình về HTX dạng này trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (nhất là dịch vụ vận tải).

+ HTX phát triển theo phạm vi hoạt động thường là gắn với địa giới hành chính như: thôn, xã, liên xã, vùng... để liên kết phát huy sức mạnh của các làng nghề, vùng trồng cây công nghiệp ...

1.1.6.2. Phát triển kinh tế HTX theo chiều sâu

Việc phát triển HTX theo chiều sâu là việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong nội bộ từng HTX để nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế HTX, mang lại lợi ích nhiều hơn cho xã viên. Phát triển kinh tế HTX theo chiều sâu thể hiện ở các nội dung sau đây:

Một là, nâng cao chất lượng các dịch vụ do HTX

Các dịch vụ do HTX đảm nhiệm có ở mô hình các HTX dịch vụ hỗ trợ và các HTX vừa SX tập trung, vừa dịch vụ hỗ trợ. Việc phát triển kinh tế HTX có chiều sâu, có chất lượng, trước hết phải nói đến việc nâng cao chất lượng các dịch vụ. Đối với các xã viên nhỏ lẻ, điều kiện SXKD phân tán thì các dịch vụ HTX đảm nhiệm là quyết định đến sản lượng hàng hoá, đến công ăn việc làm, bao tiêu sản phẩm... và cuối cùng là quyết định thu nhập của xã viên.

+ Đối với các HTX nông nghiệp, các dịch vụ HTX đảm nhiệm luôn phải được nâng cao trong quá trình phát triển kinh tế HTX đó là:

Dịch vụ làm đất: HTX phải được đầu tư về máy móc để làm nhanh, đúng thời vụ, làm kỹ, phù hợp với từng loại cây trồng và chiếm ưu thế hơn hẳn so với xã viên làm thủ công và cơ khí nhỏ lẻ.

Dịch vụ tưới nước: đó là nói đến hệ thống thuỷ lợi bao gồm các trạm bơm nước, hệ thống kênh rạch đảm bảo cả tưới nước và thoát nước. Dịch vụ này chỉ HTX là có ưu thế và giải quyết tốt.

Dịch vụ cung ứng vật tư về cây trồng, con giống, phân bón, thuốc trừ sâu,... Với dịch vụ này, HTX là trung gian tạo ra sự liên kết giữa 3 nhà “Nhà nông, Nhà khoa học, Nhà doanh nghiệp” để cung ứng theo mùa vụ, số lượng cần thiết, hỗ trợ kịp thời khi xã viên chưa có đủ vốn.

Dịch vụ cung cấp điện: Đây cũng là thế mạnh của HTX khi từng xã viên không thể đảm nhiệm được. HTX làm dịch vụ cung cấp điện cho xã viên cả trong SXKD và trong tiêu dùng hàng ngày.

Dịch vụ bao tiêu sản phẩm: dịch vụ này không thể thiếu được khi SXKD ngày càng phát triển và từng bước được chuyên môn hoá cao. Sản xuất hàng hoá phải theo yêu cầu của thị trường, xuất phát từ thị trường nên dịch vụ này quyết định đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong các HTX nông nghiệp hiện nay.

Các dịch vụ khác: tùy theo ngành nghề được mở rộng, qui mô phát triển SXKD của HTX mà các dịch vụ cũng được phát triển tương ứng như: dịch vụ chế biến sản phẩm, dịch vụ y tế, dịch vụ thú y ...

+ Đối với các HTX phi nông nghiệp, chất lượng các dịch vụ được nâng cao đó là:

Dịch vụ đầu vào: thông qua việc ký kết các hợp đồng tìm việc làm (các HTX xây dựng, tiểu thủ công nghiệp) hợp đồng vận tải, hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng mua nguyên liệu, máy móc...

Dịch vụ đầu ra: Các hợp đồng bao tiêu sản phẩm, xuất khẩu ...

Dịch vụ sửa chữa, gia công chế biến sản phẩm: bao gồm cả sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ các phương tiện cho xã viên kể cả khi xã viên chưa đủ vốn (Trường hợp này HTX ứng trước vốn) hoàn chỉnh thêm về bao bì, mẫu mã đối với các sản phẩm do xã viên gia công ...

Hai là, cơ cấu SXKD trong nội bộ HTX thay đổi theo hướng làm tăng giá trị sản lượng, tăng doanh thu, giảm chi phí và lợi nhuận tăng.

Kinh tế HTX cũng như các thành phần kinh tế khác là luôn hướng tới thị trường và đứng vững trong cạnh tranh. Muốn đạt được điều đó, cơ cấu SXKD trong HTX phải được chuyển dịch trên cơ sở dự báo, phân tích tốt về thị trường. Khi cơ cấu SXKD thay đổi, sản phẩm hàng hoá của HTX được thị trường chấp nhận với giá cả như nhà sản xuất mong đợi thì điều đó cũng khẳng định HTX đã được phát triển. Kết quả đó đã đưa đến lợi nhuận tăng, đời sống của xã viên hợp tác xã được nâng cao và tích lũy nội bộ HTX được gia tăng.

Ba là, năng lực sản xuất KD của HTX được nâng cao

Đó là việc đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào để phát triển SXKD. Máy móc thiết bị, phương tiện hoạt động của HTX phải được đầu tư hiện đại hoá mới đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác. Bên cạnh đó là năng lực điều hành SXKD, trình độ tay nghề của xã viên cũng được nâng cao

ngang tầm để làm chủ thiết bị công nghệ và ứng dụng những tiến bộ khoa học mới về vật nuôi, giống cây trồng ...

Năng lực về tài chính cũng là một bộ phận trọng yếu trong năng lực SXKD của HTX, năng lực tài chính được nâng cao khi vốn tích lũy của HTX được nâng lên, vốn cổ phần đóng góp của xã viên HTX tăng và các nguồn vốn tài trợ khác cho kinh tế HTX được tăng cường.

Bốn là, kinh tế HTX được đánh giá là phát triển khi SXKD phát triển các chỉ tiêu về giá trị sản lượng, lợi nhuận, nộp ngân sách Nhà nước kỳ sau tăng hơn kỳ trước.

Đây là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh sự gia tăng cân bằng giữa 3 lợi ích Nhà nước - HTX -Xã viên. Cũng chính từ những chỉ tiêu này sẽ là đòn bẩy kinh tế hiệu quả nhất để thúc đẩy kinh tế HTX phát triển hơn nữa.

Năm là, phát triển kinh tế HTX cũng còn được phản ánh qua tính liên kết cao giữa các xã viên, các thành viên HTX, phát triển tính dân chủ, sáng tạo của xã viên trong việc SXKD, phát triển thị trường tiêu thụ. Từ đó giúp cho kinh tế HTX phát triển bền vững, có vị thế ngày càng lớn hơn trên thị trường.

1.1.7. Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hợp tác xã

1.1.7.1. Nguồn vốn

Là một doanh nghiệp, HTX muốn duy trì SXKD cần phải có vốn. Muốn phát triển SXKD (là nhân tố then chốt để phát triển kinh tế HTX) thì càng cần có nhiều vốn.

Vốn để đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế HTX như hệ thống điện, hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, phương tiện sản xuất - chế biến, vốn cho xây dựng nhà kho bến bãi, phân xưởng... loại vốn này có thời gian thu hồi dài, được phân bổ khấu hao dần vào giá thành sản phẩm hàng hoá dịch vụ.

Vốn để đầu tư mua nguyên nhiên liệu đầu vào, mua giống, cây con vật nuôi,... có thời gian thu hồi ngắn.

Vốn của HTX được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau:

- ***Nguồn vốn chủ sở hữu*** là nguồn vốn của HTX, nó có nguồn gốc từ nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ không hoàn lại, vốn góp của xã viên và vốn tích lũy của HTX. Nguồn vốn này nói lên thực lực tài chính của HTX.

Nguồn vốn từ Nhà nước, các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tài trợ không hoàn lại cho kinh tế HTX bao gồm:

Nguồn vốn Nhà nước cấp từ thời bao cấp để lại, tồn tại dưới những dạng đất đai, nhà xưởng, nhà kho, các công trình hạ tầng, vốn xoá nợ có nguồn gốc từ ngân sách, vốn hỗ trợ trong ứng dụng khoa học công nghệ mới...

Nguồn vốn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tài trợ không hoàn lại cho kinh tế HTX như các chương trình xoá đói giảm nghèo, chương trình nhân đạo, thậm chí phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông qua kinh tế HTX.

Nguồn vốn góp của xã viên: Đây là số vốn cổ phần xã viên tự nguyện đóng góp khi mới gia nhập HTX và nguồn vốn góp bổ sung sau mỗi kỳ đại hội xã viên quyết định. Nguồn vốn này tồn tại ở nhiều dạng khác nhau như tiền mặt, vật tư hàng hoá hoặc là các tài sản cố định,... Nguồn vốn này ở từng dạng HTX là rất khác nhau theo điều lệ từng loại hình HTX quy định.

HTX hiện nay tồn tại đa sở hữu cho nên có những xã viên đóng góp vốn bằng tài sản cố định, phương tiện SXKD rất lớn cho HTX, sau đó được HTX giao luôn tài sản, phương tiện cho chính xã viên đó để khai thác trong SXKD. Các nghĩa vụ khác của quá trình SXKD do HTX lo. Những dạng HTX thường có vốn chủ sở hữu rất lớn, như HTX vận tải, HTX thuỷ sản, các HTX có các công ty TNHH trong HTX,...

Nguồn vốn tích lũy của HTX: Là phần lợi nhuận không chia của HTX để tái SX mở rộng cho kỳ sau. Nguồn vốn này tăng trưởng dần sau từng năm SXKD hiệu quả của kinh tế HTX. Sự tăng trưởng của nguồn vốn này nói lên hiệu quả của kinh tế HTX.

Nguồn vốn vay Ngân hàng thương mại: Đây là nguồn vốn bổ xung cho kinh tế HTX phát triển. Nguồn vốn này vừa bổ xung vốn lưu động thiếu, vừa tham gia đầu tư mua sắm, xây dựng những tài sản cố định, công trình hạ tầng của kinh tế HTX. Trong thời kỳ bao cấp, kinh tế HTX đã khẳng định là hậu phương lớn phục vụ hiệu quả, kịp thời cho tuyến tuyến lớn, ở đó luôn có vốn vay Ngân hàng thường trực bên cạnh. Ngày nay kinh tế HTX muốn phát triển, lớn mạnh trong cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác cũng không thể thiếu sự tham gia của nguồn vốn đi vay Ngân hàng với một cơ chế phù hợp. Nguồn vốn vay Ngân hàng có ưu điểm là rất linh hoạt, đáp ứng được với quy mô lớn, nhỏ khác nhau, thời gian dài hoặc ngắn khác nhau, với lãi suất là đòn bẩy kích thích nên tính hiệu quả luôn đặt lên hàng đầu cho kinh tế HTX. Tuy nhiên để tiếp cận được nguồn vốn này cần phải đáp ứng rất nhiều điều kiện để đảm bảo tính an toàn, hiệu quả cho cả Ngân hàng và HTX.

Nguồn vốn vay các Quỹ tín dụng nhân dân: Nguồn vốn này cũng rất linh hoạt, nó phù hợp với những nhu cầu SXKD còn nhỏ lẻ, tính liên kết, cạnh tranh chưa cao. Đây cũng là một kênh cấp vốn cần thiết cho kinh tế HTX, góp phần tích cực trong chương trình xoá đói giảm nghèo qua kinh tế HTX.

Nguồn vốn vay do giúp đỡ lẫn nhau giữa các xã viên trong HTX. Đây là một hoạt động tương hỗ giữa các xã viên khi chưa tiếp cận được với nguồn vốn, vay Ngân hàng và vay các HTX tín dụng. Nguồn vốn này cũng chủ yếu cho những nhu cầu thiết yếu, đột xuất, nhỏ lẻ phục vụ đời sống dân sinh trong việc xoá đói giảm nghèo. Với nguồn vốn này, quy mô thường rất nhỏ, thời hạn

ngắn và lãi suất thường đa dạng. Nếu quản lý không tốt những quan hệ này sẽ dẫn đến nạn cho vay nặng lãi, bóc lột người lao động.

Nguồn vốn cho vay của các tổ chức cá nhân khác:

Nguồn vốn này thường HTX đi huy động với những lãi suất khác nhau khi SXKD theo mùa vụ hoặc khi đã có phương án SXKD khả thi nhưng không tiếp cận được các nguồn vốn vay ở trên. ở đây có cả những trường hợp vay nóng với lãi suất cho vay nặng lãi (như mua sắm phương tiện vận tải,...). Hoặc cũng có thể là nguồn vốn vay ưu đãi theo những chương trình xoá đói giảm nghèo cụ thể, được lấy kinh tế HTX làm đầu mối.

Nguồn vốn tín dụng thương mại: Nguồn vốn này phát sinh trong quá trình mua bán chịu vật tư hàng hoá và đó chính là quan hệ tín dụng thương mại. Những nguyên nhiên liệu vật tư đầu vào (đối với HTX sản xuất gia công chế biến), những hàng hoá (đối với HTX kinh doanh) được HTX nhập vào mà chưa phải trả tiền ngay và được ấn định một thời hạn trả cụ thể. Trong thời gian chưa phải trả, nguồn vốn này được HTX chiếm dụng một cách hợp lý mà không phải chịu lãi suất. Nguồn vốn này rất có lợi cho HTX khi tiếp cận nguồn vốn nhân hàng chưa được nhiều.

Tuy nhiên, không phải HTX nào cũng có nguồn vốn đi chiếm dụng này một cách đáng kể, bởi vì điều này còn phụ thuộc vào mức độ uy tín trong SXKD của HTX, năng lực quản lý điều hành của Ban lãnh đạo HTX. Hơn nữa về mặt dài hạn thì nguồn vốn này không ổn định và không được phép chi dùng vào việc khác.

Như vậy nguồn vốn cho phát triển kinh tế HTX, quan trọng hàng đầu là nguồn vốn chủ sở hữu, sau đó nguồn vốn đi vay rồi đến nguồn vốn đi chiếm dụng. Trong điều kiện kinh tế HTX ở Việt Nam có điều kiện xuất phát rất thấp, với chủ sở hữu nhỏ thì nguồn vốn đi vay càng trở lên quan trọng hơn bao giờ hết để kinh tế HTX phát triển cho ngang tầm vị trí, vai trò của thì chỉ

có nguồn vốn vay Ngân hàng mới đáp ứng được do tính ưu việt về quy mô, thời hạn, lãi suất của nguồn vốn này.

Thời kỳ bao cấp, kinh tế HTX đã có bước phát triển mạnh, là hậu phương lớn tiếp sức cho tiền tuyến lớn, hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước. Tín dụng Ngân hàng đã luôn theo sát và phục vụ đắc lực quá trình SXKD của kinh tế HTX lúc bấy giờ. Tuy nhiên, khi xoá bỏ bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, kinh tế HTX đã chưa theo kịp và gặp nhiều khó khăn. Từ khi có luật HTX đã thiết lập khung pháp lý cho HTX kiểu mới, kinh tế HTX cần phát triển ngang tầm với vị trí của nó trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vai trò của vốn vay ngân hàng càng quan trọng hơn bao giờ hết.

1.1.7.2. Trình độ và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại

Ngày nay, tiến bộ khoa học công nghệ đã phát triển như vũ bão ở mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực, nó đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành nghề, lĩnh vực đó. Khoa học công nghệ đã đi vào kinh tế HTX nhưng chưa rộng rãi và chưa sâu.

Các HTX nông nghiệp, thuỷ sản đã có yếu tố quyết định về giống, cây con cho năng suất cao, thích ứng với thời tiết như thế nào, công nghiệp chế biến nông thuỷ sản cần đến khoa học công nghệ thế nào để bảo quản, chế biến đảm bảo giá trị cao khi tiêu thụ với giá cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Các HTX xây dựng hiện nay nếu không có những máy móc thiết bị hiện đại sẽ không thể thi công xây dựng những công trình có vốn lớn, chất lượng cao, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

Một số HTX vận tải, đánh cá đã có những con tàu hàng ngàn tấn, vận chuyển hàng hoá trên biển từ Bắc vào Nam và đánh bắt hải sản xa bờ. Ngoài số vốn lớn hàng chục tỷ đồng, các phương tiện này còn được xem xét đăng

kiểm một cách chặt chẽ theo định mức chuẩn quốc gia và quốc tế. Để đảm bảo tiêu chuẩn này, trên mỗi phương tiện phải có các thiết bị hiện đại như radar, máy định vị, hệ thống đảm bảo an toàn về cứu sinh, chống cháy nổ, ... cùng với máy móc hiện đại công suất lớn. Các HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển mạnh mẽ cũng có nguyên nhân quan trọng từ việc ứng dụng khoa học công nghệ còn chậm sản phẩm hàng hoá chất lượng chưa cao, chưa tinh xảo, mẫu mã chưa đẹp.

Việc ứng dụng khoa học công nghệ đối với phát triển kinh tế HTX là cấp bách hơn lúc nào hết. Tuy nhiên vấn đề chọn lựa đi tắt đón đầu là quan trọng, để tránh lãng phí và sớm lạc hậu khi vốn HTX còn rất khiêm tốn. Điều này phụ thuộc rất lớn vào yếu tố con người tham gia lãnh đạo, quản lý mà chúng ta nghiên cứu dưới đây.

1.1.7.3. Trình độ và chất lượng nguồn nhân lực

Cũng như các doanh nghiệp khác, kinh tế HTX muốn phát triển được trước hết phải có những con người gắn bó với nó, làm chủ nó, làm cho hoạt động của nó ngày càng hiệu quả hơn.

Nguồn nhân lực của HTX bao gồm những người lao động quản lý, lao động kỹ thuật và lao động thủ công. Tùy từng ngành nghề cụ thể mà các dạng lao động này có vai trò khác nhau trong HTX.

Đối với lao động quản lý, thông qua luật HTX và các chính sách vĩ mô khác, kết hợp với điều lệ HTX, Ban quản lý HTX áp dụng vào thực tiễn hoạt động của HTX tạo ra không khí cởi mở, dân chủ, công khai, công bằng trong HTX, các xã viên yên tâm phấn khởi hiến kế, hiến công cùng phát triển kinh tế HTX. Trong cơ chế thị trường vai trò của lao động quản lý là hết sức quan trọng, nó là kết tinh trí tuệ, đạo đức của lực lượng lao động trong HTX, quyết định hướng đi, bước đi, hiệu quả hoạt động của từng HTX.

Lao động kỹ thuật cũng rất quan trọng. Đây là lực lượng đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào SXKD như: vận hành các máy móc, công nghệ tiên tiến, ứng dụng các giống cây, con mới cho năng suất cao, phòng trừ bệnh dịch, các kỹ thuật về cây trồng, chăn nuôi gia súc, kỹ thuật chế biến, ...

Lao động phổ thông là hầu hết những lao động chưa được qua đào tạo qua trường lớp, họ tự học nghề lẫn nhau hoặc qua các lớp hướng dẫn tay nghề ngắn hạn. Tuy nhiên, đây là lực lượng đông đảo nhất, có sức khoẻ và tay nghề phù hợp, họ sẵn sàng theo hướng dẫn của lao động quản lý và kỹ thuật để làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá theo đúng yêu cầu.

1.1.7.4. Thị trường đầu vào và đầu ra

Đây là nhân tố luôn luôn động, nó quyết định các HTX sản xuất cái gì, SX như thế nào và SX bao nhiêu nhân tố thị trường bao gồm:

Thị trường đầu vào: đó là những nơi mua của những người bán các sản phẩm, hàng hoá, nguyên nhiên liệu phục vụ cho SXKD của HTX như mua giống cây con, phân bón, thuốc trừ sâu, điện, các hàng hoá (đối với HTX thương mại),... Nếu giá cả của những yếu tố đầu vào này hợp lý, sẽ tạo ra giá thành sản phẩm thấp là yếu tố thuận lợi trong SXKD và tiêu thụ. Ngược lại sẽ là khó khăn trong việc duy trì SXKD, bảo đảm thu nhập cho người lao động.

Thị trường đầu ra: Đây là thị trường rất quan trọng, nó là nơi tiêu thụ sản phẩm dịch vụ HTX làm ra. Muốn phát triển kinh tế HTX phải có một chiến lược phát triển thị trường đầu ra trên cơ sở phát huy được lợi thế so sánh về ngành nghề, sản phẩm hàng hoá trong cạnh tranh và chú ý phát triển các thị trường mới. Thị trường đầu ra quyết định tất cả các ngành nghề của kinh tế HTX thể hiện ở chỗ: SX ra lúa gạo có nơi tiêu thụ không? (giả định về giá cả chấp nhận được), làm ra con tôm có nơi mua không? Đánh bắt cá về có bán được không? đóng tàu vận tải có người thuê không ...

Vì vậy, muốn phát triển kinh tế HTX, cần thiết phải có sự ưu tiên, tập trung (chứ không tự phát, phân tán như hiện nay) nghiên cứu, tìm hiểu và tìm kiếm những thị trường có lợi nhất, có ưu thế nhất, phù hợp với sức mình nhất. Có như thế kinh tế HTX mới tồn tại và phát triển trong cạnh tranh bình đẳng được.

1.1.7.5. Các nhân tố khác

Để phát triển kinh tế HTX, ngoài các yếu tố đã nêu trên, một số yếu tố phụ trợ khác cũng rất cần thiết, nhất là với nước ta đang là một nước có nền kinh tế kém phát triển, kinh tế HTX còn đang gặp rất nhiều khó khăn. Nhân tố phụ trợ khác đó là:

- Sự trợ giúp của Nhà nước: Bất cứ kinh tế HTX của nền kinh tế nước nào cũng có sự trợ giúp của Nhà nước. Vì thế HTX không những mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực mà nó còn mang lại nhiều lợi ích xã hội khác nữa. sự trợ giúp của Nhà nước thể hiện ở những mặt sau:

- Trợ giúp trong tìm kiếm thị trường: Thông qua quan hệ, hiểu biết thị trường trong nước và quốc tế, Nhà nước mang lại những thông tin, định hướng về thị trường, giúp kinh tế HTX phát triển những thị trường truyền thống và phát triển thị trường mới.

- Trợ giúp trong các chính sách vĩ mô, như tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi khuyến khích kinh tế HTX phát triển, chính sách bảo hộ hàng hoá trong nước nhằm bảo vệ lợi ích xã viên (nhất là nông dân), chính sách tạo ra nhiều kênh dẫn vốn, nhất là những nguồn vốn có lãi suất thấp giúp phát triển kinh tế HTX, chính sách đào tạo cán bộ quản lý cho HTX, ...

- Việc tuyên truyền, quảng bá về HTX kiểu mới để các xã viên và người lao động hiểu, tin tưởng ở mô hình, cách làm của HTX kiểu mới, khi mà HTX kiểu cũ đã đi vào tiềm thức hàng thế hệ người Việt Nam, hiểu rõ những lợi ích to lớn của kinh tế HTX mang lại và tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế HTX nhất là trong công cuộc xoá đói giảm nghèo ở nước ta.

- Mở rộng liên kết, hợp tác giữa các thành phần kinh tế và tăng cường liên kết trong nội bộ HTX. Từ đó, kinh tế HTX là một thể thống nhất, phát huy thế mạnh nội lực ở mức cao nhất và tham gia bình đẳng cùng các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tóm lại: Phát triển kinh tế HTX trọng tâm phụ thuộc vào ba yếu tố không thể tách rời: vốn - khoa học công nghệ - thị trường. Trong nhân tố vốn thì vốn tín dụng Ngân hàng với đòn bẩy lãi suất làm kích thích sẽ không thể thiếu nếu kinh tế HTX muốn phát triển ngang tầm vị trí vai trò của nó đã được xác định. Ngoài ba nhân tố trong tâm trên nhân tố nguồn nhân lực, quản lý và phụ trợ khác cũng cần thiết khi kinh tế HTX còn đang ở điểm xuất phát rất thấp. Các nhân tố này hoà quyện chi phối, tác động lẫn nhau, cùng thúc đẩy phát triển kinh tế HTX.

1.2. TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

1.2.1. Khái niệm tín dụng ngân hàng

Tín dụng xuất phát từ chữ La tinh là *creditum* có nghĩa là tin tưởng, tín nhiệm. Tiếng Anh gọi là *credit*. Theo ngôn ngữ dân gian Việt Nam, tín dụng có nghĩa là sự vay mượn. Trong thực tế cuộc sống thuật ngữ tín dụng được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau; ngay cả trong quan hệ tài chính, tùy theo từng bối cảnh cụ thể mà thuật ngữ tín dụng có một nội dung riêng.

- Trong một quan hệ tài chính cụ thể, tín dụng là một giao dịch về tài sản trên cơ sở có hoàn trả giữa hai chủ thể. Ví dụ một doanh nghiệp bán hàng trả chậm cho một doanh nghiệp khác, người bán chuyển giao hàng hoá cho bên mua và sau một thời gian nhất định theo thoả thuận bên mua phải trả tiền cho bên bán. Ngân hàng và các định chế tài chính khác cho vay với các doanh nghiệp và cá nhân, tức là ngân hàng cấp tiền vay cho bên đi vay và sau một thời hạn nhất định người đi vay phải thanh toán vốn gốc và lãi.

- Tín dụng còn có nghĩa là một số tiền cho vay mà các định chế tài chính cung cấp cho khách hàng sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó phải hoàn trả lãi và nợ gốc theo cam kết.

1.2.2. Đặc điểm tín dụng ngân hàng trong khu vực kinh tế hợp tác xã

Có thể nói cho đến nay hợp tác xã vẫn là một đối tượng khách hàng trong quan hệ hoạt động tín dụng của NHTM. Do đó mở rộng và phát triển tín dụng đối với kinh tế hợp tác xã vẫn mang lại nguồn thu không nhỏ cho các NHTM; đồng thời giúp phân tán rủi ro đối với các đối tượng khách hàng khác nhau. Bởi vậy nên từ lâu các ngân hàng thương mại luôn muốn mở rộng, phát triển hoạt động tín dụng đối với đối tượng khách hàng này cả về quy mô và chất lượng. Kinh tế càng phát triển, cho vay của các NHTM đối với kinh tế HTX càng có vị trí nhất định trong cơ cấu khách hàng vay vốn.

Cho vay của NHTM đối với kinh tế HTX, nói rộng ra là tín dụng ngân hàng thương mại đối với kinh tế HTX, là một lĩnh vực rất phức tạp và thường xuyên cập nhật theo những chuyển biến của môi trường kinh tế. Để hiểu rõ nội dung này, chúng ta cần hiểu những đặc điểm quan trọng của tín dụng ngân hàng thương mại đối với kinh tế HTX như sau:

- Trong thời gian qua, hiện nay và chắc chắn trong nhiều năm tới tín dụng vẫn là một kinh đáp ứng nhu cầu vốn quan trọng nhất cho kinh tế HTX, cho nên nếu các HTX đảm bảo đủ các điều kiện vay vốn thì vẫn có cơ hội tiếp cận tín dụng của hầu hết các ngân hàng. Ngân hàng sử dụng phần lớn nguồn tiền mình huy động được để cho vay và thu lãi. Do vậy, hiệu quả hoạt động cho vay rất quan trọng bởi nó ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng, ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Do đó kinh tế HTX cũng phải bình đẳng như các đối tượng khách hàng khác trong quan hệ tín dụng với NHTM.

- Tín dụng NHTM đối với kinh tế HTX là hoạt động có mức độ rủi ro tiềm ẩn rất cao so với tất cả các đối tượng khách hàng vay vốn của NHTM.

Thông thường, ngân hàng chỉ quyết định cho vay khi thấy rủi ro sẽ không xảy ra với khoản tiền cho vay. Tuy nhiên, phán đoán của các nhà ngân hàng không phải bao giờ cũng chính xác, bởi có rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới việc trả nợ ngân hàng của kinh tế HTX. Mặt khác trình độ nghiệp vụ và đạo đức của cán bộ tín dụng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng phân tích, thẩm định tín dụng, và ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay của ngân hàng đối với kinh tế HTX. Do vậy, rủi ro khi cho vay là không thể tránh khỏi, là khách quan (xét trên quan điểm quản lý toàn bộ ngân hàng). Cũng chính vì lý do đó cần nâng cao nhận thức của cán bộ tín dụng, cán bộ ngân hàng thương mại đối với kinh tế HTX.

- Ngân hàng thực hiện cấp tín dụng dưới hai hình thức chủ yếu là cho vay (bằng tiền) và cho thuê (bất động sản và động sản). Trong những năm trở về trước, hoạt động tín dụng chỉ có cho vay bằng tiền. Xuất phát từ tính đặc thù đó mà nhiều lúc thuật ngữ “tín dụng” và “cho vay” được coi là đồng nghĩa với nhau. Từ những năm 1970 trở lại đây, cho thuê vận hành và cho thuê tài chính, ngoài ra còn có chiết khấu và bảo lãnh, đã được các ngân hàng hoặc các định chế tài chính khác cung cấp cho khách hàng nói chung, trong đó có kinh tế HTX. Đây là cơ hội để khắc phục khó khăn thiếu tài sản đảm bảo tiền vay của kinh tế HTX trong quan hệ tín dụng với NHTM.

- Tín dụng ngân hàng phải tuân theo nguyên tắc hoàn trả (cả vốn và lãi). Vì vậy người cho vay (ngân hàng) khi chuyển giao vốn vay, giải ngân vốn vay cho kinh tế HTX sử dụng phải có cơ sở để tin rằng HTX sẽ trả đủ và đúng hạn. Đây là yếu tố hết sức cơ bản trong quản lý tín dụng .

1.2.3. Cơ chế tác động của tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX

1.2.3.1. Nguyên tắc tín dụng ngân hàng

- Khách hàng (HTX) phải cam kết hoàn trả vốn (gốc) và lãi với thời gian xác định các khoản tín dụng của ngân hàng chủ yếu có nguồn gốc từ các

khoản tiền gửi của khách hàng và các khoản ngân hàng vay mượn. Ngân hàng phải có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi như đã cam kết. Do vậy, ngân hàng luôn yêu cầu người nhận tín dụng phải thực hiện đúng cam kết này.

- Khách hàng (HTX) phải cam kết sử dụng tiền vay đúng mục đích, không trái với các quy định của pháp luật và các quy định khác của ngân hàng cấp trên. Mục đích tài trợ được ghi trong hợp đồng tín dụng đảm bảo ngân hàng không tài trợ cho các hoạt động trái luật pháp và việc tài trợ đó là phù hợp với cương lĩnh của ngân hàng.

- Ngân hàng tài trợ dựa trên phương án hoặc dự án có hiệu quả. Thực hiện nguyên tắc này là điều kiện để thực hiện nguyên tắc thứ nhất. Phương án hoạt động có hiệu quả của HTX minh chứng cho khả năng thu hồi được vốn đầu tư và có lãi để trả nợ ngân hàng. Các khoản tài trợ của ngân hàng phải gắn liền với việc hình thành tài sản của HTX. Trong trường hợp xét thấy kém an toàn, ngân hàng đòi hỏi HTX phải có tài sản đảm bảo khi vay.

1.2.3.2. Hình thức tín dụng của NHTM đối với kinh tế HTX

Các NHTM sử dụng rất nhiều phương thức cấp tín dụng phù hợp với từng đối tượng khách hàng (HTX) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng (HTX) cũng như công tác quản lý tiền vay của ngân hàng.

- Tín dụng ngắn hạn: Các khoản tín dụng này chủ yếu được tài trợ cho việc mua hàng dự trữ như nguyên liệu thô hoặc hàng hóa thành phẩm.

Đây là những khoản tín dụng ngắn hạn đối với các HTX, với kì hạn thường kéo dài từ vài ngày cho tới 1 năm, thường được dùng để mua hàng dự trữ hoặc mua nguyên vật liệu, thông thường được bảo đảm bằng các khoản phải thu hoặc được thế chấp bằng hàng tồn kho. Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng phải có số dư tiền gửi. Số dư bao gồm lượng tiền gửi tối thiểu bắt buộc được xác định trên cơ sở qui mô của hạn mức tín dụng.

Một hình thức tín dụng ngắn hạn có bảo đảm phổ biến trong ngân hàng thương mại là cho vay hỗ trợ các công trình xây dựng nhà ở, các toà nhà văn phòng, trung tâm thương mại và các công trình khác. Mặc dù thời gian xây dựng công trình kéo dài nhưng các khoản tín dụng lại chỉ mang tính tạm thời, được cung cấp cho bên thi công để trả tiền thuê công nhân, thuê thiết bị xây dựng, mua vật liệu xây dựng và thiết kế mặt bằng. Khi giai đoạn xây dựng kết thúc, bên thi công thường vay thế chấp dài hạn từ các tổ chức tài chính khác để lấy tiền thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn.

Đối với những người bán lẻ hàng hoá lâu bền, ngân hàng có thể đồng ý tài trợ toàn bộ dự trữ tồn kho thông qua việc xác định kế hoạch sản. Ngân hàng sẽ cấp tín dụng cho người bán lẻ để họ có thể yêu cầu hãng sản xuất chuyển hàng. Lúc đầu hầu hết các khoản tín dụng như vậy có kì hạn 90 ngày và sau đó có thể tái gia hạn với thời gian một tháng hay vài tháng.

Đối với hầu hết những khoản tín dụng được thế chấp bằng các khoản phải thu hay bằng hàng tồn kho, HTX đi vay vẫn có quyền sở hữu đối với tài sản, nhưng đôi khi quyền sở hữu cũng được chuyển sang cho ngân hàng để hạn chế rủi ro khi một số khoản nợ không được thanh toán như dự tính. Ví dụ chung nhất của trường hợp này là là nghiệp vụ bao thanh toán, ngân hàng thực sự đảm nhận trách nhiệm thu hộ đối với các khoản phải thu của HTX. Do ngân hàng phải gánh chịu hoàn toàn các chi phí phát sinh và rủi ro của khoản cho vay bao thanh toán nên ngân hàng thường đưa ra mức lãi suất chiết khấu cao hơn và cho HTX vay ít hơn giá trị ghi sổ của các khoản phải thu.

Ngân hàng cấp tín dụng ngắn hạn dưới hình thức chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán, cho vay mở L/C, thấu chi trên tài khoản, cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức.

- Tín dụng trung và dài hạn mua thiết bị và các tài sản cố định khác.

Các khoản tín dụng trung và dài thường được dùng để tài trợ cho những hoạt động đầu tư kéo dài hơn một năm như mua thiết bị, hoặc xây dựng các công trình. Thường thì các HTX yêu cầu được cấp một khoản tín dụng trọn gói dựa trên chi phí dự tính của dự án đã đề xuất và cam kết thanh toán khoản vay thành nhiều lần. Khoản nợ sẽ được trả dần và được thanh toán trên cơ sở dòng thu nhập tương lai của doanh nghiệp. Nhìn chung, kế hoạch thanh toán được xây dựng phù hợp với chu trình chu chuyển tiền tệ của HTX.

Thông thường các khoản tín dụng này được bảo đảm bằng tài sản cố định thuộc sở hữu của người vay. Do rủi ro lớn hơn, lãi suất trong trường hợp này được đặt cao hơn đối với các khoản cho vay kinh doanh ngắn hạn.

Tín dụng theo dự án dài hạn là loại hình có mức độ rủi ro cao nhất, tài trợ cho việc xây dựng những tài sản cố định được dự tính sẽ mang lại thu nhập trong tương lai.

Ngân hàng cấp tín dụng trung và dài hạn thường dưới hình thức cho vay từng lần, cho vay trả góp, cho thuê, đồng tài trợ.

1.2.3.3. Quy trình cấp tín dụng cho kinh tế HTX

Quy trình cấp tín dụng được soạn thảo với mục đích giúp cho quá trình cho vay diễn ra thống nhất, khoa học, nhằm hạn chế, phòng ngừa rủi ro và nâng cao chất lượng tín dụng, góp phần đáp ứng tốt hơn nhu cầu vay vốn của khách hàng là HTX.

Quy trình cấp tín dụng có thể có một số nội dung chi tiết khác nhau tùy theo tính chất của nghiệp vụ tín dụng, được bắt đầu từ khi CBTD tiếp nhận hồ sơ khách hàng và kết thúc khi kế toán viên tất toán- thanh lý hợp đồng tín dụng.

Bước 1: Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn

Đối với khách hàng quan hệ tín dụng lần đầu: CBTD hướng dẫn khách hàng cung cấp những thông tin về khách hàng, các điều kiện của NHPN mà

khách hàng phải đáp ứng về điều kiện vay vốn và tư vấn việc thiết lập hồ sơ cần thiết để được NH cho vay.

Đối với khách hàng đã có quan hệ tín dụng: CBTD hướng dẫn khách hàng hoàn thiện hồ sơ, đối chiếu và tiếp nhận hồ sơ. Danh mục Hồ sơ vay vốn gồm có

** Hồ sơ pháp lý*

- Chứng nhận đăng kí kinh doanh
- Điều lệ HTX
- Giấy chứng nhận mã số nhập khẩu (nếu có)
- Giấy chứng nhận đăng kí chất lượng sản phẩm, thương hiệu sản phẩm
- Biên bản họp hội đồng thành viên (theo mẫu của NHPN)
- CMND (Hộ chiếu) Photo của Chủ nhiệm HTX (người đại diện cho

HTX theo pháp luật)

- Biên bản (Chứng nhận góp vốn) của các thành viên, xã viên HTX

** Hồ sơ tài chính*

- Bảng cân đối kế toán tính đến thời điểm gần nhất
- Các hợp đồng kinh tế đã và đang thực hiện
- Các công trình xây dựng dở dang

** Hồ sơ tài sản đảm bảo*

- Sổ đỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở
- Chứng từ, hoá đơn nộp tiền thuê đất
- Bản thiết kế và dự toán thi công nhà xưởng
- Hồ sơ các thiết bị máy móc dự kiến cầm cố thế chấp (chủng loại,

nguồn gốc xuất xứ, giá trị hạch toán)

Bước 2: Thẩm định các điều kiện vay vốn

Đây chính là việc xem xét khách hàng có thoả mãn điều kiện vay mà NH đưa ra hay không. Cán bộ ngân hàng sẽ tiến hành thẩm định khách hàng theo các nội dung sau:

+ Kiểm tra hồ sơ khách hàng: CBTD kiểm tra tính xác thực hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ văn bản trong danh mục hồ sơ khách hàng. Ngoài ra cần kiểm tra thêm các vấn đề xác minh quyền hạn, trách nhiệm của HTX, thời hạn hoạt động còn lại của HTX, ngành nghề được phép kinh doanh...

+ Kiểm tra hồ sơ khoản vay và hồ sơ bảo đảm tiền vay: CBTD kiểm tra tính xác thực, hợp pháp, hợp lệ của từng loại hồ sơ, các báo cáo tài chính dự tính cho ba năm tới và phương án sản xuất kinh doanh/dự án đầu tư, khả năng vay trả, nguồn trả. Ngoài ra kiểm tra sự phù hợp về ngành nghề ghi trong đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh hiện tại của HTX và phù hợp với phương án dự kiến đầu, xu hướng phát triển của ngành nghề trong tương lai.

+ Kiểm tra mục đích vay vốn: Kiểm tra xem nhu cầu vay vốn có thuộc đối tượng cho vay hay không thuộc đối tượng cho vay, kiểm tra tính hợp pháp của mục đích vay vốn.

Điều tra, thu thập, tổng hợp thông tin về khách hàng và phương án sản xuất kinh doanh/dự án đầu tư.

+ Về khách hàng vay vốn: CBTD cần tìm hiểu thông tin lấy từ hồ sơ vay vốn ngoài ra còn phải tìm kiếm thông tin bằng cách: đi thực tế tại nơi sản xuất kinh doanh của khách hàng, qua các phương tiện đại chúng, qua các bạn hàng...

+ Về phương án sản xuất kinh doanh: CBTD tìm hiểu giá cả, tình hình cung cầu thị trường đối với các yếu tố đầu vào, đầu ra của sản phẩm mà phương án sản xuất kinh doanh/dự án đầu tư tạo ra.

Kiểm tra xác minh thông tin: Quá trình kiểm tra và xác minh thông tin về khách hàng và phương án vay vốn được thực hiện qua các nguồn sau: hồ sơ vay vốn trước đây, trung tâm thông tin tín dụng NHNN (thông tin CIC đối với các khoản vay trên 50 triệu đồng).

Phân tích thẩm định khách hàng vay vốn, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của HTX. Nếu HTX làm ăn tốt, có lợi nhuận cao ổn định có nghĩa là khoản vốn của Ngân hàng cho HTX có thể sẽ sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

Bước 3: Lập tờ trình chuyển lên HĐQT

CBTD lập tờ trình thẩm định. Trong tờ trình thẩm định CBTD phải ghi rõ ý kiến của mình là cho vay hay không cho vay và nêu lý do cụ thể.

Khi hoàn tất công việc thẩm định, CBTD chuyển toàn bộ hồ sơ và tờ trình thẩm định cho HĐQT cơ sở xem xét quyết định.

Nếu dự án cho vay nằm trong mức phán quyết của HĐQT thì HĐQT ghi quyết định cho vay hay không cho vay vào Biên bản họp HĐQT và nêu lý do cụ thể. Nếu HĐQT từ chối cho vay thì phải thông báo bằng văn bản với khách hàng trong đó nêu lý do từ chối cho vay.

Bước 4: Công chứng tài sản đảm bảo nợ vay và đăng kí giao dịch đảm bảo

Tất cả tài sản đảm bảo nợ vay đều phải có công chứng và đăng kí giao dịch đảm bảo theo đúng qui định của pháp luật. Những trường hợp khác không qua công chứng. Đăng kí giao dịch đảm bảo phải có ý kiến của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc NHTM.

Bước 5 : Ký kết hợp đồng

Sau khi phân tích tình hình khách hàng, phương án vay vốn, nếu thấy khả quan, ngân hàng đồng ý cho vay vốn thì tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng. Trong hợp đồng có các thông tin về khách hàng cũng như bên ngân hàng, chẳng hạn như: tên doanh nghiệp, ngân hàng, trụ sở chính, người đại diện cho các bên... Đồng thời trong đó có thoả thuận về các khoản vay như: số tiền vay, mục đích sử dụng, phương thức cho vay, kỳ hạn trả nợ, hình thức bảo đảm tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên...

Bước 6: Giải ngân và quản lý trong khi cho vay

Thực hiện cho vay theo kế hoạch đã ký kết trong hợp đồng. Quá trình giải ngân được thực hiện với số lần giải ngân, số tiền vay mỗi lần cùng thời gian thực hiện như đã thoả thuận. Cần phải thường xuyên tiến hành kiểm tra xem người vay có sử dụng vốn đúng mục đích hay không, tiến độ thực hiện công việc có khả quan hay không,... Nếu phát hiện người vay có hành vi vi phạm hợp đồng thì tùy theo mức độ mà có thể yêu cầu họ điều chỉnh cho phù hợp hay đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi vốn vay.

Bước 7: Thu hồi nợ và giải quyết nợ quá hạn

Tiến hành thu hồi nợ và lãi như theo thoả thuận trong hợp đồng khi đến hạn. Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn nếu khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, lừa đảo có dấu hiệu nguy hiểm như vỡ nợ, phá sản. Khi xảy ra nợ quá hạn thì ngân hàng có thể dẫn nợ cho khách hàng nếu như xét thấy họ có khả năng trả nợ hoặc tiến hành xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

1.2.3.4. Chính sách tín dụng

a. Chính sách lãi suất

Khi sử dụng bất kỳ khoản tín dụng nào, người vay cũng phải trả thêm một phần giá trị ngoài phần vốn gốc vay ban đầu. Tỷ lệ phần trăm của phần tăng thêm này so với phần vốn vay ban đầu được gọi là lãi suất. Đó là giá cả của quyền được sử dụng vốn vay trong một thời gian nhất định mà người sử dụng trả cho người sở hữu nó.

Lãi suất cho vay của NHTM đối với kinh tế HTX nói riêng và khách hàng nói chung được xác định trên cơ sở lãi suất huy động vốn, các khoản vốn phải nộp dự trữ bắt buộc, dự trữ bảo đảm thanh toán, rủi ro hoạt động ngân hàng, chi phí hoạt động của ngân hàng, thuế phải nộp và lợi nhuận bình quân của NHTM,...

Lãi suất là công cụ phân phối vốn và kích thích sử dụng vốn có hiệu quả.

Đối với những dự án có mức độ rủi ro như nhau, dự án nào có lãi suất cao hơn thường thu hút được vốn nhanh hơn. Còn những dự án nào chứa đựng nhiều rủi ro thì phải trả lãi cao mới có khả năng thu hút được vốn. Như vậy, bằng cách đưa ra các mức lãi suất khác nhau có thể tạo được sự phân bổ các luồng vốn theo mục đích mong muốn.

Trong quan hệ vay vốn, người đi vay không chỉ phải hoàn trả gốc khi đến hạn mà phải trả thêm phần lãi khoản vay. Hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi là nguyên tắc của tín dụng. Bằng việc buộc phải trả lãi đã kích thích kinh tế HTX khi được vay vốn phải sử dụng vốn có hiệu quả. Vốn phải có tác dụng thúc đẩy sản xuất kinh doanh, dịch vụ, tạo thu nhập để bù đắp chi phí, có lợi nhuận, tạo cơ sở cho việc trả lãi, vì tiền lãi thực chất là một phần lợi nhuận mà người đi vay trả cho người cho vay.

b. Chính sách hạn mức tín dụng

Ngân hàng cho vay đối với doanh nghiệp nói chung và kinh tế HTX nói riêng đều là đáp ứng nhu cầu vốn còn thiếu đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng mà NHTM cho vay đối với kinh tế HTX phụ thuộc vào hai yếu tố : Đó là nhu cầu vốn của HTX, việc đáp ứng các điều kiện vay vốn của HTX và khả năng về nguồn vốn của ngân hàng. Tuy nhiên, những nhu cầu vốn của kinh tế HTX không phải sẽ được đáp ứng hoàn toàn mà phải được ngân hàng thẩm định lại theo trình tự đối với từng ngành nghề, với khả năng trả nợ, với tính khả thi và tính hiệu quả của dự án để quyết định có cho vay hay không.

Ngân hàng thương mại cũng là một loại hình doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, cần được bảo toàn và phát triển vốn. Vì vậy, giữa ngân hàng thương mại và kinh tế HTX phải cùng tính toán kỹ lưỡng những dự án, cùng chung chịu đựng những rủi ro bất khả kháng xảy ra

Hạn mức tín dụng của NHTM đối với kinh tế HTX đưa ra cao hay thấp tùy thuộc vào mức độ hấp thụ vốn của loại hình kinh tế này, tùy thuộc vào lĩnh vực kinh doanh, xu thế phát triển của thị trường tiêu thụ, năng lực quản lý của HTX, năng lực tài chính và các yếu tố khác của chính kinh tế HTX.

c. Chính sách tài sản đảm bảo

Tài sản đảm bảo là tài sản của HTX vay vốn hoặc Bên thứ ba làm đảm bảo cho khoản vay vốn của người vay. Trường hợp HTX vì một lý do nào đó không trả được nợ thì người cho vay được quyền bán tài sản đó để thu nợ mà người có tài sản cam kết hoàn toàn đồng ý.

Chính sách về tài sản đảm bảo đối với doanh nghiệp nói chung và kinh tế HTX nói riêng nhằm tăng trách nhiệm vật chất đối với người vay vốn. Tài sản đảm bảo chỉ là khâu cuối cùng khi dự án vay vốn không mang lại hiệu quả như mong muốn.

Chính sách tài sản đảm bảo được dần nói rộng khi uy tín trong quan hệ tín dụng được nâng cao, biểu hiện cụ thể ở việc chấm điểm và xếp hạng tín dụng kinh tế HTX.

Giá trị tài sản đảm bảo càng lớn thì càng đảm bảo khả năng tài chính càng mạnh mẽ và tính cộng đồng trách nhiệm vật chất càng cao của HTX với tư cách khách hàng vay vốn.

d. Chính sách quản lý rủi ro

Để thực hiện được điều này đòi hỏi ngân hàng phải thực hiện tốt các nguyên tắc an toàn tín dụng khi tài trợ, xây dựng chính sách tín dụng và quy trình phân tích tín dụng hoàn chỉnh, luôn theo sát khách hàng và nhanh nhạy trong việc nắm bắt thông tin.

Chính sách quản lý rủi ro được thể hiện ở các biện pháp sau:

- Hoàn thiện công tác chấm điểm tín dụng và xếp hạng HTX:

Để có thể nâng cao chất lượng các khoản tín dụng, hiện nay, các NHTM ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động chấm điểm tín dụng và xếp hạng HTX như dạng xếp hạng doanh nghiệp của mình.

Hiện nay, hầu hết các NHTM Việt Nam đã thực hiện xếp hạng doanh nghiệp theo hướng dẫn cụ thể của NHNN, nay cần tiến tới xếp hạng HTX.

- Thu thập thông tin nhanh chóng, chính xác về khách hàng trước khi vay và cả sau khi vay. Các quyết định cho vay đưa ra trên cơ sở thiếu thông tin thường dẫn đến hậu quả khôn lường gây thiệt hại cho ngân hàng. Nếu có nhiều thông tin về hoạt động của khách hàng vay hơn (khả năng tài chính, doanh thu, lợi nhuận...), ngân hàng sẽ dự đoán và xử lý kịp thời hơn, qua đó có thể giảm thiểu rủi ro.

- Tăng cường cho vay có tài sản đảm : “Cho vay có tài sản đảm bảo là việc cho vay vốn của tổ chức tín dụng mà theo đó nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay được cam kết bảo đảm thực hiện bằng tài sản cầm cố, thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của khách hàng vay hoặc bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba.”

Việc hoàn thiện cũng như áp dụng linh hoạt các hình thức bảo đảm tiền vay sẽ là một trong những rào chắn rủi ro hữu hiệu nhất cho ngân hàng .

- Đa dạng hoá rủi ro: Các nhà kinh tế thường có câu: “*không nên cho hết trứng vào một giỏ*”. Điều này rất đúng trong hoạt động tín dụng của ngân hàng. Tức là khi cấp tín dụng, NHTM thường đa dạng hóa danh mục tín dụng của mình, giúp loại trừ một số rủi ro, tránh được rủi ro dây chuyền. Biện pháp này các NHTM có thể thực hiện được dễ dàng.

- Chuyển rủi ro: Khi cảm thấy hoạt động tín dụng có khả năng xảy ra rủi ro lớn nhưng nhà ngân hàng lại không muốn bỏ lỡ phần lợi nhuận kénh xù, họ có thể hạn chế rủi ro bằng cách chuyển bớt một phần rủi ro tiềm ẩn đó cho các chủ thể có khả năng và sẵn sàng chịu rủi ro khác bằng việc trả phí cho các chủ thể đó (ví dụ: công ty bảo hiểm...). Hơn nữa, do hoạt động của NHTM có tốt hay không phụ thuộc phần lớn vào uy tín của NH đối với khách hàng. Nếu từ chối cho vay sẽ khó tạo được sự hài lòng của khách hàng, ngân

hàng sẽ mất khách. Vì thế các ngân hàng thường thực hiện việc chuyển rủi ro dưới nhiều hình thức như:

+ Mua bảo hiểm tín dụng.

+ Đồng tài trợ: Đây là hình thức nhiều ngân hàng cùng cấp tín dụng một khách hàng có dự án mà nhu cầu về vốn lớn hoặc nhiều rủi ro.

+ Bán rủi ro: Là hình thức chuyển rủi ro sang cho các chủ thể có khả năng chịu rủi ro lớn hơn. Trong trường hợp khoản vay có rủi ro tiềm ẩn cao, ngân hàng cảm thấy khó có thể chịu nổi nếu rủi ro xảy ra, ngân hàng sẽ “bán” khoản tín dụng này cho ngân hàng lớn hơn hoặc một trung gian tài chính khác để hưởng phí hoa hồng.

- Nâng cao năng lực tài chính và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ tín dụng:

e. Xử lý nợ quá hạn, nợ có vấn đề:

Như ta đã biết, rủi ro tín dụng là yếu tố khách quan, không thể loại trừ hoàn toàn. Vì vậy trong hoạt động kinh doanh nói chung và trong hoạt động tín dụng nói riêng, NHTM luôn phải chuẩn bị tâm lý để sẵn sàng ứng phó khi rủi ro xảy ra và có biện pháp xử lý thích đáng để hoạt động kinh doanh được tiếp diễn. Các biện pháp xử lý thông thường của các NHTM bao gồm:

- Ngân hàng thường xuyên tiến hành phân loại nợ quá hạn (nợ khó đòi, nợ có khả năng thu hồi) hoặc nợ có vấn đề theo các tiêu thức đã được quy định, phân tích nguyên nhân, thực trạng và đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

+ Trường hợp người vay có khó khăn tài chính tạm thời song vẫn còn khả năng và ý chí trả nợ thì ngân hàng áp dụng chính sách hỗ trợ như: cho vay thêm, gia hạn nợ, giảm lãi...

Gia hạn nợ: Theo Quyết định số 493 của Thống đốc NHNN, có thể định nghĩa: “**Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ**” (gia hạn nợ) là khoản nợ mà tổ chức tín dụng chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ cho khách

hàng do tổ chức tín dụng đánh giá khách hàng suy giảm khả năng trả nợ gốc hoặc lãi đúng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng nhưng tổ chức tín dụng có đủ cơ sở để đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ đã cơ cấu lại.

Cho vay thêm: Khi khoản vay của khách hàng có vấn đề (nguyên nhân khách quan), khách hàng không có đủ khả năng trả nợ. Trong trường hợp này nếu khách hàng có dự án mới khả thi, hiệu quả cao, lợi nhuận dự tính có đủ khả năng trả nợ cho NH thì khi đó NH có thể xem xét cho khách hàng vay thêm khoản vay mới để đầu tư. (Khác với đảo nợ là cho vay thêm không phải để đầu tư mà để trả nợ cũ).

Giảm nợ: Là những khoản vay của khách hàng đang trong hạn hoặc đã đến hạn trả nợ nhưng khách hàng vay gặp phải rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt, hạn hán hay các đại dịch như H5N1... làm cho khách hàng kinh doanh thua lỗ, tình trạng tài chính yếu kém không thể trả đầy đủ và kịp thời món vay. Khi đó, ngân hàng cho vay có thể giảm bớt một phần nợ lãi tiền vay trong khoản vay để tạo điều kiện cho khách hàng có thể trả nợ cho ngân hàng.

Xoá nợ: Đây có thể là những khoản vay của khách hàng đang trong hạn hoặc hết hạn, ngân hàng đã sử dụng 2 biện pháp trên nhưng khách hàng vẫn không thể trả nợ; hoặc khách hàng không còn tồn tại mà cũng không có tài sản gì để xiết nợ; hoặc phải xoá nợ theo chính sách chỉ định của Chính phủ (xoá nợ cho những đối tượng khách hàng gặp rủi ro bất khả kháng mà không thể khắc phục lại được như lũ quét, động đất, Sóng Thần...) nhằm ổn định tình hình kinh tế, xã hội, ổn định đời sống cho nhân dân.

+ Trường hợp người vay cố tình lừa đảo ngân hàng, chây ì, không có khả năng trả thì ngân hàng áp dụng chính sách thanh lý như: bán tài sản thế chấp, phong toả tiền gửi trên tài khoản, khởi kiện...

+ Trường hợp do cán bộ ngân hàng gây ra, cán bộ ngân hàng đó phải có trách nhiệm đòi nợ, bồi thường.

-Xử lý bằng quỹ dự phòng. Mỗi ngân hàng đều trích lập quỹ dự phòng (cả quỹ dự phòng chung và quỹ dự phòng riêng cho từng khoản vay). Khi xảy ra rủi ro tín dụng, ngân hàng trích quỹ này để bù đắp rủi ro, đồng thời chuyển nợ xấu không thể thu hồi sang tài sản ngoài bảng để theo dõi và tiếp tục tìm cách thu hồi.

- Xử lý bằng cách chuyển nợ tồn đọng sang cho các công ty mua bán nợ. Ví dụ như ở Việt Nam có công ty mua bán nợ AMC. Hiện tại một số ngân hàng lớn cũng đã thành lập công ty khai thác và xử lý nợ tồn đọng.

1.3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

1.3.1. Tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX của một số nước

1.3.1.1. Kinh tế HTX ở Ca Na Đa [41]; [26]

Hiệp hội HTX Ca Na Đa (CCA) là một tổ chức HTX Quốc gia cấp cao nhất đại diện cho các HTX ở vùng nói tiếng Anh và đối tác của CCA là hội đồng HTX Ca Na Đa (CCC) đại diện cho các HTX ở vùng nói tiếng Pháp. [41]; [26].

HTX là những tổ chức kinh doanh do xã viên sở hữu đồng thời cũng là những người sử dụng các dịch vụ của HTX. Tất cả các xã viên quản lý HTX một cách dân chủ và lợi nhuận sẽ được chia cho xã viên theo tỷ lệ sử dụng dịch vụ và đóng góp của họ.

Hệ thống HTX cung cấp hàng hoá và dịch vụ ở nhiều lĩnh vực khác nhau cho xã viên và người dân. Ca na đa có trên 15 triệu xã viên của 10.000 HTX. Trong số 500 doanh nghiệp hàng đầu do tạp chí tài chính bình chọn năm 1997 thì có 17 HTX. Các HTX đã cam kết thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế của Ca na đa.[41]; [26].

Thị phần của các HTX về mặt hàng ngũ cốc và hạt cải dầu chiếm 59% ở miền Tây và 21% ở miền Đông Ca na đa, về các sản phẩm từ sữa chiếm 57%, sản phẩm gia cầm chiếm 47%, sản phẩm rau hoa quả chiếm 23%.[41]; [26].

Có 335 HTX thành viên nằm ở các tỉnh phía Tây Ca na đa với tổng doanh thu 2,8 tỷ USD, chiếm thị phần khu vực lớn nhất Ca na đa, HTX Calgary HTX tiêu dùng lớn nhất ở khu vực Bắc Mỹ, chiếm 40% thị phần bán lẻ ở địa phương Ca na đa có 582 HTX tiêu dùng với trên 3 triệu xã viên, tài sản là 2.579,1 triệu USD và vốn cổ phần là 1.540 triệu USD. Hai HTX bán buôn Ca na đa phục vụ chủ yếu cho các HTX tiêu dùng trong các vùng chiếm thị phần lớn nhất là FCL và HTX Atlanta.[41]; [26].

Tín dụng NH đối với phát triển kinh tế HTX ở Canada thể hiện trên những mặt sau:

Về nguyên tắc tín dụng: Phương án SXKD hiệu quả cả về kinh tế và môi trường luôn được đặt lên hàng đầu. Vốn chủ sở hữu trong phương án chiếm từ 5-10%; nguyên tắc hoàn trả nợ gốc lãi đúng hạn để chủ động quay vòng vốn; nguyên tắc vốn vay được sử dụng đúng mục đích như khi cam kết trước khi vay vốn.[41]; [26].

Quy trình cấp tín dụng được thực hiện chủ yếu ở phía HTX. Các HTX theo những tiêu chí của CCA quy định phải tự hoàn thiện mình, minh bạch và tự chịu trách nhiệm về tài chính. NHTM cho các HTX vay vốn trên cơ sở có ý kiến của CCA mà không cần trực tiếp thẩm định.[41]; [26].

Chính sách tín dụng: Chính sách lãi suất luôn gắn với phát triển dịch vụ ngân hàng. HTX nào sử dụng dịch vụ càng nhiều thì lãi suất càng thấp và ngược lại. Chính sách này cũng rất thị trường ở chỗ lấy ”mỡ nó rán nó”. Từ đó ngân hàng cũng có lợi mà HTX cũng có lợi. Hạn mức tín dụng đối với HTX không hạn chế cho từng HTX mà hạn chế ở từng ngành nghề nhất định và phải mua bảo hiểm tín dụng đối với những ngành nghề có rủi ro cao như

nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản, ngành nông nghiệp, diêm nghiệp, vv... Các HTX nhà ở luôn là ưu tiên hàng đầu về lãi suất và thời hạn cho vay, thông qua CCA mà xã viên HTX các ngành nghề đều được xem xét để được mua nhà ở theo mức đóng góp cho HTX. Hàng năm chính phủ đều có rà soát phần rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại đối với cho vay kinh tế HTX để có chính sách khấu trừ nộp thuế theo tỷ lệ nhất định. [41]; [26].

1.3.1.2. Kinh tế HTX ở Hàn Quốc [41]; [26]

Các HTX đóng vai trò trọng trong việc phát triển kinh tế và ổn định xã hội ở Hàn Quốc. Ở Quốc gia này có các tổ chức HTX Quốc gia chuyên ngành như liên đoàn Quốc gia HTX nông nghiệp Hàn Quốc, liên đoàn Quốc gia HTX nghề cá,... Các liên đoàn này hoàn toàn độc lập với nhau và đều là thành viên viên của liên minh HTX Quốc tế. Nhìn chung, các liên đoàn của HTX Hàn Quốc hoạt động kinh doanh rất có hiệu quả. Liên đoàn Quốc gia HTX nông nghiệp Hàn Quốc là một trong số đó. Sau đây chúng ta nghiên cứu sâu về liên đoàn này. [41]; [26].

Liên đoàn Quốc gia HTX nông nghiệp Hàn Quốc (NACF) được thành lập năm 1961, là tổ chức cao nhất của các HTX nông nghiệp Hàn Quốc. Liên đoàn được thành lập nhằm tăng năng suất lao động của ngành nông nghiệp và tăng cường vị trí kinh tế xã hội của những người nông dân xã viên và bảo đảm sự phát triển cân đối của nền kinh tế quốc dân như đã được quy định trong luật HTX nông nghiệp Hàn Quốc. [41]; [26].

Với 1387 HTX thành viên và khoảng 5.000 trung tâm kinh doanh khác nhau, NACF đã thành lập mạng lưới kinh doanh có sức cạnh tranh mạnh nhất và lớn nhất phục vụ cho 5 triệu nông dân Hàn Quốc và các cộng đồng nông thôn. NACF nắm giữ 40% thị phần nông phẩm trong nước và có 51.231 nhân viên làm việc tại các HTX thành viên. [41]; [26].

- Về bảo lãnh tín dụng: NACF bắt đầu thực hiện dịch này từ năm 1971. Quỹ này được dùng để cấp các khoản bảo lãnh tín dụng đối với nông dân và ngư dân các khoản bảo lãnh tín dụng cho nông dân và ngư dân, những người cần các khoản vay nhưng thiếu tài sản để thế chấp. Năm 1997, NACF cấp 2.498 tỷ won bảo lãnh tín dụng cho nông dân và ngư dân các khoản bảo lãnh tín dụng chủ yếu đạt 5.845 tỷ won vào cuối năm 1997, tăng 33,9% so với năm trước. [41]; [26].

- Về khuyến nông: NACF thực hiện “ các dự án và nhiệm vụ khuyến nông quan trọng” tổ chức các cuộc triển lãm về “sự hiểu biết nông nghiệp” xúc tiến “chiến dịch phục hồi chất đất” để bảo tồn môi trường quốc gia và một nền nông nghiệp bền vững. Công tác với cơ quan quản lý phát triển nông thôn (RDA), chiến dịch này nhằm giúp đỡ nông dân giảm sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hoá học xuống còn 2/3 mức trước đây.

Ngoài ra, NACF còn cung cấp một số dịch vụ khác nữa cho các HTX thành viên như: Dịch vụ bảo hiểm HTX , về nâng cao cuộc sống nông thôn, về nghiên cứu các mối quan hệ với quần chúng,...

Tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX đối với các Liên đoàn HTX Hàn Quốc thể hiện trên các mặt cơ bản sau:

Về nguyên tắc tín dụng: Nguyên tắc sử dụng đúng mục đích các khoản cấp tín dụng được đặt lên hàng đầu. Chính từ nguyên tắc này mà các Liên đoàn HTX thực hiện rất tốt các hoạch định chiến lược phát triển được tính toán từ trước. Nguyên tắc thân thiện với môi trường trong từng dự án SXKD luôn được thẩm định rất kỹ, sau đến là yếu tố công nghệ trong từng dự án mà ngân hàng tài trợ vốn. Những trường hợp không được NACF bảo lãnh hoặc vượt quá giới hạn bảo lãnh thì HTX đó phải thế chấp tài sản để được vay vốn ngân hàng.

Về quy trình cấp tín dụng: Việc cấp tín dụng được các ngân hàng thương mại Hàn Quốc thực hiện một cách chuyên nghiệp. Các thông tin về ngân hàng và HTX rất minh bạch, hàng năm được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Nếu một tổ chức kinh tế bị tổn thương về uy tín thì phải trải qua một giai đoạn thử thách rất khắc nghiệt. Vì vậy, việc lập hồ sơ vay vốn, các tiêu thức cho việc thẩm định hồ sơ vay vốn, quy trình giải ngân đều được thực hiện qua mạng ngân hàng điện tử mà không cần trực tiếp hai bên gặp nhau. Nếu khoản nợ gặp khó khăn thì hai bên bàn bạc tháo gỡ, nếu tháo gỡ vẫn không được thì hai bên tự giác chấp hành theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản đảm bảo hoặc phá sản.

Về chính sách tín dụng: Chính sách lãi suất cho kinh tế HTX luôn được coi trọng hàng đầu. Hàng năm, chính phủ Hàn Quốc chuyển qua ngân hàng Trung ương để chuyển đến NHTM một khoản vốn cả gói gọi là vốn "môi" với lãi suất hợp lý cho các HTX vay các dự án theo tỷ lệ 2-4-4 nghĩa là, 2 vốn chủ sở hữu HTX, 4 vốn vay lãi suất thương mại, 4 vốn vay lãi suất ưu đãi từ nguồn Chính phủ. Nhờ chính sách này, NACF đã liên kết chặt chẽ được các HTX nông nghiệp Hàn Quốc lại với nhau, bảo hộ được hàng nông sản trong nước và tránh được thua thiệt trong cạnh tranh của những người nông dân nghèo. Chính sách về quản trị rủi ro cũng hết sức minh bạch để cả ngân hàng và HTX cùng hiểu rõ, cùng cộng tác, hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động kinh doanh của mình. [41]; [26].

1.3.1.3. Kinh tế HTX ở Thái Lan [41]; [26]

Liên đoàn HTX Thái Lan (CLT) được thành lập theo luật HTX năm 1968 LCT là tổ chức HTX ở cấp Quốc gia cao nhất, thực hiện các chức năng đại diện, hỗ trợ, giáo dục bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các HTX và xã viên theo luật định vì mục tiêu phát triển HTX ở Thái Lan. [41]; [26].

Theo Luật HTX Thái Lan năm 1968, tất cả các loại hình HTX mọi cấp đều phải là thành viên của liên đoàn HTX Thái Lan được tổ chức theo ngành dọc theo chuyên ngành HTX nông nghiệp, HTX thuỷ sản, HTX đất đai, HTX dịch vụ, HTX tiêu dùng và chia thành 3 cấp: Cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia.[41]; [26].

Cung ứng vốn tín dụng cho kinh tế HTX ở Thailand chính là các NHTM Thailand, trong đó chủ lực là Ngân hàng nông dân Thailand: The Famer Bank of Thailand. Định chế tài chính này có những ưu việt, được sự quan tâm của Chính phủ, các NHTM khác phải góp một phần vốn cho ngân hàng này. The Famer Bank of Thailand cung ứng vốn cho các hộ nông dân, tín dụng ưu đãi cho HTX và đặc biệt là các hộ nông dân nghèo. [41]; [26].

Về nguyên tắc tín dụng: Vốn vay được hoàn trả gốc lãi đúng hạn, vốn sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, trên cơ sở phương án SXKD có hiệu quả. Tài sản đảm bảo cho vốn vay cũng được đặt ra nhưng không phải là quan trọng hàng đầu, mà trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính của HTX thông qua công ty kiểm toán độc lập để đề ra một hạn mức cho từng HTX theo những tiêu thức định trước.

Về quy trình cấp tín dụng: NHTM tiếp nhận và hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn được thực hiện bởi một bộ phận chuyên môn. Tiếp theo là quá trình hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan, hồ sơ khoản vay, thẩm định phương án vay vốn. Nếu đảm bảo các điều kiện tín dụng thì thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng và giải ngân theo tiến độ dự án.

Về chính sách tín dụng: Các NHTM đều cho vay với lãi suất thị trường đối với tất cả các HTX. Tuy nhiên, chủ lực vẫn là Ngân hàng nông dân Thailand được sự quan tâm của Chính phủ, các NHTM khác phải góp một phần vốn cho ngân hàng này. The Famer Bank of Thailand cung ứng vốn cho các hộ nông dân, tín dụng ưu đãi cho HTX và đặc biệt là các hộ nông dân nghèo. [41]; [26].

1.3.1.4. Kinh tế HTX ở Trung Quốc [41]; [26]

Các HTX cung tiêu ở Trung Quốc là các tổ chức kinh tế hợp tác mà nông dân là lực lượng chính. Qua nhiều năm phát triển, các HTX cung tiêu Trung Quốc đã hình thành được một mạng lưới dịch vụ trên toàn quốc, liên kết được hầu hết với khu vực nông thôn và thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế và đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn, cuộc sống và sản xuất của nông dân. [41]; [26].

Hiện nay, Trung Quốc có khoảng 180 triệu hộ nông dân là xã viên HTX, chiếm 80% tổng số hộ nông dân toàn quốc. Tổng số vốn cổ phần đạt 24,5 tỷ nhân dân tệ, với 29500 HTX cung tiêu cấp cơ sở. Số cán bộ nhân viên làm việc chuyên trách trong các HTX cung tiêu Trung Quốc là 4,55 triệu người với tổng tài sản trên 80 tỷ nhân dân tệ. Doanh thu năm 2005, các HTX Trung Quốc đạt 1526,3 tỷ Nhân dân tệ. Các HTX cung tiêu Trung Quốc đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác thân thiện với các HTX và các tổ chức kinh doanh khác ở nhiều nước và khu vực trên thế giới. Hoạt động chính của HTX cung tiêu Trung Quốc bao gồm: [41]; [26].

- Hướng dẫn nhà nông: Một trong những nhiệm vụ chính của các HTX cung tiêu là hướng dẫn nông dân trong việc phát triển sản xuất hàng hoá, hỗ trợ kinh tế nông nghiệp và sự thịnh vượng chung của nông dân. Với trên 200.000 cán bộ kỹ thuật hỗ trợ nông dân, các HTX cung tiêu đã thành lập trên 4300 cơ sở sản xuất hàng hoá nông sản đạt giá trị xuất khẩu hàng trăm triệu USD. [41]; [26].

- Cung ứng dịch vụ kinh doanh : Để đáp ứng được tốt hơn nhu cầu sản xuất của nông dân, các HTX cung tiêu đã thành lập một hệ thống cung cấp và dịch vụ đầu vào nông nghiệp hoàn chỉnh bao gồm việc mua, lưu kho, phân phối, cung ứng và phân tích đất, phân bón và các ứng dụng khoa học trong việc sử dụng thuốc trừ sâu. Năm 2005 các HTX cung tiêu đã cung ứng 70%

nhu cầu phân bón cả nước, trong đó có 520.000 tấn thuốc trừ sâu, 350.000 tấn màng nhựa cho nông nghiệp. Các HTX này cũng đã xây dựng được 420.000 trạm chăm sóc cây trồng, các trung tâm tư vấn và các trạm dịch vụ của xã. Trong những năm gần đây, theo nhu cầu phát triển của thị trường và kinh tế nông thôn, các HTX cung tiêu đã mở rộng loại hình kinh doanh cung ứng của mình, làm phong phú hơn các loại hàng hoá như xăng dầu, thép, kim loại màu và ô tô. [41]; [26].

- Hoạt động tiêu thụ: Nhiều cơ sở tiêu thụ được các HTX cung tiêu xây dựng trong các khu vực sản xuất nông nghiệp chính, các trung tâm thu mua nông sản, các thành phố lớn và vừa. Hiện nay có hàng ngàn trạm thu mua nông phẩm của các HTX cung tiêu và 3500 trung tâm tiêu thụ. Năm 2005, tổng giá trị hàng nông nghiệp mà các HTX cung tiêu đã mua đạt 76,93 tỷ nhân dân tệ. [41]; [26].

- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ: Việc bán buôn và bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng được coi là một trong những hoạt động quan trọng nhất của các HTX. Dựa vào các HTX cơ sở và sự hỗ trợ của các trung tâm thương mại lớn và vừa, các HTX cung tiêu đã thành lập được một mạng lưới mua và tiêu thụ các hàng hoá tiêu dùng, thực hiện kinh doanh thông qua các chuỗi cửa hàng, mua chung và tiêu thụ riêng. Hiện nay các HTX cung tiêu có trên 12.000 cửa hàng các loại, trong đó có trên 3000 cửa hàng đạt diện tích kinh doanh trên 3.000 m². Các ngành sản xuất và chế biến nông phẩm của các HTX cung tiêu đã và đang phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây. Những mặt hàng chính do các cơ sở sản xuất thộc HTX sản xuất rất đa dạng như: thực phẩm, quần áo, dệt, đồ gỗ, điện tử, đồ điện gia đình, xe gắn máy, dược phẩm... Đáng chú ý là ngành nghề chế biến hoa quả, chè, bông, rau đã chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2005, doanh thu hàng tiêu dùng đạt 173 tỷ nhân dân tệ, chiếm 27% thị phần hàng tiêu dùng toàn quốc. [41]; [26].

Tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX ở Trung Quốc được thực hiện trên các mặt cơ bản sau:

- Về nguyên tắc tín dụng: Tại Trung Quốc vốn tín dụng cấp cho các HTX do hai loại hình tổ chức thực hiện, đó Hợp tác xã tín dụng và Ngân hàng thương mại. Đối tượng vay vốn được kết hợp hài hoà, đồng thời bao gồm hai đối tượng: cho vay trực tiếp HTX ngành nghề và cho vay trực tiếp xã viên HTX. Nguyên tắc tín dụng cũng được tuân thủ theo nguyên lý chung đó là có mục đích, có hoàn trả và có điều kiện. Việc cấp tín dụng được dựa trên sự đánh giá hiệu quả, cũng như khả năng hoàn trả vốn của các phương án, dự án xin vốn do HTX lập nên hay do xã viên HTX đề nghị. Tài sản đảm bảo tiền vay không phải là quan trọng hàng đầu mà dựa trên năng lực tài chính, trình độ của đội ngũ cán bộ HTX hay hộ gia đình xã viên, uy tín trong quan hệ tín dụng. Bên cạnh đó là báo cáo tài chính, báo cáo kế toán của HTX hay tư duy, cách làm ăn, việc ghi chép sổ sách và hạch toán của hộ gia đình xã viên. [41]; [26].

- Về quy trình cấp tín dụng hay quy trình cho vay: HTX đệ trình phương án, dự án xin vay vốn đến Ngân hàng hay HTX tín dụng kèm các hồ sơ, tài liệu theo quy định. Tương tự, hộ gia đình xã viên có đơn đề nghị vay vốn, kèm với hợp đồng ký kết với HTX và các tài liệu cần thiết khác. Cán bộ tín dụng chuyên quản tiếp nhận hồ sơ, đánh giá phương án và dự án. Cán bộ thẩm định tiến hành thẩm định độc lập tại HTX hay hộ gia đình xã viên. Hội đồng tín dụng hoặc lãnh đạo NHTM, lãnh đạo HTX tín dụng quyết định cho vay trên cơ sở ý kiến của cán bộ tín dụng và cán bộ thẩm định. [41]; [26].

- Về chính sách tín dụng: Tại Trung Quốc không có quỹ bảo lãnh tín dụng cho HTX và cũng không có cơ chế gì đặc biệt về tín dụng đối với HTX mà phải tuân theo nguyên tắc thị trường do các tổ chức cho vay quyết định. Tuỳ theo ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mà các NHTM hay HTX tín dụng

ở Trung Quốc có chính sách lãi suất cụ thể theo chiến lược khách hàng và định hướng kinh doanh của mình. [41]; [26].

1.3.2. Bài học kinh nghiệm quốc tế về tín dụng ngân hàng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác xã

Thứ nhất: Về mặt nhận thức, các nước trên thế giới đều thừa nhận sự tồn tại và phát triển khách quan của kinh tế HTX. Trước xu thế toàn cầu hoá, những người nghèo, người có thu nhập thấp, người yếu thế càng cần thiết gia nhập kinh tế HTX, liên kết lại để tạo ra năng lực cạnh tranh mới là thiết thực bảo vệ lợi ích của chính mình. Tín dụng ngân hàng cũng thừa nhận mảng thị trường tiềm năng này để đầu tư và thu được lợi nhuận trực tiếp từ sản phẩm tín dụng và xa hơn nữa là mảng thị trường rộng lớn về thu các loại dịch vụ.

Thứ hai: Phải có cơ chế cho vay đặc thù đối với kinh tế HTX.

Luật ngân hàng Trung ương Canada cho phép vốn tín dụng có thể trở thành vốn góp. Trong khi kinh tế HTX một số ngành rất phát triển, một phần rất lớn lợi nhuận được phân chia theo mức đóng góp và tỷ lệ sử dụng dịch vụ của xã viên cũng như chia cho các cổ đông khác, nên vốn tín dụng tại khu vực này khá lớn. Tính riêng năm 2004 vốn tín dụng của các ngân hàng cung cấp cho kinh tế HTX ở Canada đạt 76,5 triệu USD, năm 2005 tăng lên 80,23 triệu USD và hết năm 2006 đã đạt 82 triệu USD. Việc cho vay vốn của các Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác ở Canada đối với kinh tế HTX chủ yếu là cung ứng trực tiếp cho hộ gia đình xã viên trong HTX. [41]; [26].

Riêng tại Bang Quebec của Canada, hệ thống quỹ tín dụng Desjardins rất phát triển. Đây là một loại hình HTX trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, có nhiệm vụ cung ứng vốn cho hộ thành viên của Quỹ tín dụng, cũng chính là các hộ xã viên của HTX.

Tại Hàn Quốc HTX chuyên ngành nông nghiệp phát triển rất mạnh. Tín dụng ngân hàng ở đây đã có cơ chế riêng biệt, cho vay vốn lấy mục đích đối

tượng là chính và hướng đến việc quan trọng hơn là bảo vệ môi trường với một nền nông nghiệp sạch và được chính phủ bảo hộ. [41]; [26].

Đối với Trung Quốc thì cơ chế tín dụng thương mại đối với kinh tế HTX được chia nhỏ theo phạm vi hoạt động của HTX. Các HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ trong nước có những đối tượng vay như nguyên liệu, tiền công... khác nhau. Các HTX có yếu tố nước ngoài, chế độ tín dụng có những điểm khác cho phù hợp hơn để vừa bảo vệ được lợi ích quốc gia, vừa mang lại lợi nhuận cho các quốc gia hợp tác, liên kết, liên doanh. Đối với các nước khác, tín dụng ngân hàng cho kinh tế HTX cũng rất năng động, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho kinh tế HTX cũng được xác định là đáp ứng vốn cho một thị trường rộng lớn và giàu tiềm năng. [41]; [26].

Tại Trung Quốc cũng có hàng chục nghìn HTX tín dụng, tham gia cung ứng vốn vay cho các loại hình HTX khác ở nông thôn theo nguyên tắc bình đẳng và cơ chế tín dụng thông thường. [41]; [26].

Thứ ba: Về nguồn vốn cho vay, cần thiết phải có” nguồn vốn môi” từ ngân sách nhà nước, từ các tổ chức tài chính quốc tế cùng với nguồn tín dụng thương mại.

Tại Canada, Nhà nước có chương trình tín dụng hỗ trợ HTX bằng cách chuyển vốn nhà nước sang ngân hàng, thông qua quy trình cho vay của ngân hàng với lãi suất thấp hơn lãi suất thương mại đối với HTX nhà ở và HTX nông nghiệp. [41]; [26].

Tại Thái Lan, cơ cấu cho vay không có bảo đảm bằng tài sản là 2-3-5, nghĩa là, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước 2, vốn ngân hàng 3 và vốn đối ứng của HTX là 5. Thực tế cho thấy các HTX rất hào hứng với tỷ lệ này và ra sức hợp tác làm ăn, giữ tín nhiệm với ngân hàng để thường xuyên được vay vốn và vay với số lượng ngày càng nhiều hơn. Sự trợ giúp của Chính phủ, vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác được thông qua HTX. Các xã viên có thể tiếp

nhận hoặc vay nguồn vốn này với lãi suất thấp, thời hạn ưu đãi thích hợp cho việc kinh doanh hoặc sản xuất của họ. Vốn vay được chia làm 3 thời hạn: Ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Với vốn vay này, xã viên có thể mua giống, phân bón, thuốc trừ sâu, máy nông nghiệp, mua hoặc cải tạo đất,...Hiện nay có 38,9% HTX tham gia những hoạt động kinh doanh này đạt hiệu quả tốt.[41]; [26]

Thứ tư: Về quy mô tín dụng cần phải hết sức đa dạng. Tín dụng có đa dạng mới thúc đẩy được từng khâu tạo nên yếu tố phát triển của kinh tế HTX. Quy mô đa dạng ở đây nói đến từng món cho vay, từng phương án cho vay: Cả những món nhỏ lẻ, cả những món lớn đảm bảo cho kinh tế HTX đủ sức vươn lên trong cạnh tranh..

Tại Canada, vốn tín dụng tham gia 70% những dự án xây dựng nhà ở để bán trả góp cho xã viên, tham gia 25% vốn xây dựng cơ sở hạ tầng những cơ sở chăm sóc trẻ em và người già. Một chuyên gia về kinh tế HTX của Canada đã cho biết là tín dụng ngân hàng cần đi vào hết các ngõ ngách của kinh tế HTX [41]; [26].

Thứ năm: Về đối tượng tín dụng: Các quốc gia nghiên cứu ở trên đã thực hiện chính sách đầu tư tín dụng có chọn lọc. Như ở Canada đã đầu tư mạnh vào khâu giống cây trồng và vật nuôi [41]; [26]. Thái Lan đầu tư nhiều vốn tín dụng trung dài hạn vào khâu điện, thuỷ lợi, đường giao thông nói những cánh đồng với nhau tạo nên hệ thống giao thông dày đặc, tiện lợi để nông sản sau thu hoạch nhanh chóng về nơi chế biến. Tại Hàn Quốc, NACF đã vay vốn ngân hàng hàng trăm triệu won để đầu tư những tổ hợp chế biến gạo hiện đại, đầu tư vào hệ thống chuỗi Câu lạc bộ Hanaro (giảm giá)nhằm tiếp thị, khuyến khích trưng hàng hoá, sản phẩm. [41]; [26].

Thứ sáu: Vấn đề bảo đảm tiền vay cũng được quan tâm đúng mức. Tuy nhiên, vấn đề này được coi trọng chỉ là giai đoạn đầu. Khi kinh tế HTX đã

phát triển đến “một ngưỡng tới hạn” thì tài sản thế chấp chỉ là thủ tục dự phòng. Các HTX coi chữ tín là sống còn, nên ra sức giữ gìn, bảo vệ, phát huy. Tại Canada, các HTX nông nghiệp được vay theo nhu cầu mà không cần báo trước với ngân hàng để chuẩn bị vốn, vì nhu cầu các HTX vay ngân hàng không lớn mà chủ yếu chỉ dùng vốn tín dụng nội bộ khi đã dùng hết vốn chủ sở hữu. Ngân hàng cho từng HTX những hạn mức khác nhau, nhưng những hạn mức này thường được dùng hết khi mùa vụ. HTX là đối tượng bán lẻ hiệu quả của ngân hàng. [41]; [26].

Thứ bảy: Vấn đề thủ tục tín dụng, các nước đang phát triển như Trung Quốc [41]; [26], Thái Lan thực hiện đơn giản hoá các thủ tục hồ sơ giấy tờ, giảm phiền hà, tốn kém chi phí và mất thời gian cho cả HTX và ngân hàng cho vay. Các cán bộ ngân hàng thường trực tiếp kiểm tra các điều kiện vay vốn và theo dõi chặt chẽ quá trình luân chuyển vốn. Đối với các nước còn lại thì giữa ngân hàng và HTX “tin tưởng” nhau hơn. Quá trình sử dụng vốn hầu như HTX tự chịu trách nhiệm. Các giao dịch giữa ngân hàng và HTX được thực hiện qua mạng trực tuyến, khi cần quan tâm đến vấn đề nào thì hệ thống này sẽ đáp ứng ngay tức thì.

Tóm lại, tại các nước được nghiên cứu với trình độ phát triển khác nhau, chế độ chính trị khác nhau, diện tích và dân số cũng rất khác nhau, nhưng với ưu thế về nguồn vốn và tính linh hoạt về lãi suất, tín dụng ngân hàng vẫn cần thiết luôn bên cạnh sự phát triển của kinh tế HTX. Tín dụng ngân hàng đã tham gia rất đa dạng về đối tượng, quy mô, thể loại, có chọn lọc ở những khâu mũi nhọn,...góp phần tạo ra sự phát triển năng động, hiệu quả của thành phần kinh tế quan trọng này.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, Luận án đã hoàn thành những nội dung cơ bản sau đây:

- Phân tích làm rõ khái niệm HTX, kinh tế HTX và phát triển kinh tế HTX, bản chất và vai trò của kinh tế HTX, qua đó Luận án cho rằng, mô hình kinh tế HTX vẫn tồn tại như là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường. Để phát triển bền vững mô hình kinh tế HTX cần hiểu rõ khái niệm về phát triển bền vững, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững, các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững.

- Phân tích và làm rõ khái niệm, đặc điểm và các hình thức tín dụng đối với kinh tế HTX. Do đặc thù của mô hình kinh tế này, nên tín dụng đối với HTX cũng cần có phương thức cho vay, cơ chế đảm bảo tiền vay, thời hạn và lãi suất cho vay,... phù hợp với thực tế.

- Luận án đã tổng hợp, khái quát và phân tích mô hình kinh tế HTX ở một số nước trên thế giới, rút ra bài học về phát triển kinh tế HTX đối với Việt Nam. Luận án cũng phân tích và rút ra bài học về riêng giải pháp tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX ở một số nước cũng như khả năng áp dụng đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000 - 2007

2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2007

2.1.1.1. Về bối cảnh kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2000-2007 kinh tế HTX ở Việt Nam phát triển trong bối cảnh chính trị - xã hội đất nước tiếp tục ổn định.

Nền kinh tế, sau khi bị ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997 - 1998, đã dần được phục hồi và tăng trưởng khá; mức tăng trưởng GDP hàng năm bình quân thời kỳ 2001 - 2007 đạt 7,6% năm. [20].

Công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước đang diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, các vùng của đất nước hướng tới mục tiêu xây dựng Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Cơ cấu kinh tế có chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; tỷ trọng các ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GDP năm 2000 tương ứng: 24,5%; 36,7% và 38,8% đã dịch chuyển tương ứng: 20,5%; 41,0% và 38,5% vào năm 2005; đến năm 2007 tỷ lệ này là 20,25%; 41,61% và 38,14%. [20].

Các mặt xã hội, nhất là công tác xóa đói giảm nghèo đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ (theo chuẩn nghèo của Việt Nam, tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 là 7% giảm một nửa so với năm 2000 (14%). Đến năm 2007 tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới là 11,6%. [18]; [19].

Quan hệ quốc tế không ngừng mở rộng, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng nâng cao. Việt Nam trở thành điểm sáng trong các nước đang phát triển về phát triển kinh tế đi đôi với xóa đói giảm nghèo.

2.1.1.2. Về hành lang pháp lý

Cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đã được phát triển một bước quan trọng, trong đó, nổi bật là xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp luật cho nền kinh tế thị trường.

Tư duy và lý luận về kinh tế HTX dần được hoàn thiện; bên cạnh việc ghi nhận những đóng góp mang tính lịch sử của các hợp tác xã cũ trong thời kỳ trước đây đã chỉ rõ những yếu kém, bất cập của loại hình hợp tác xã kiểu cũ, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình hợp tác xã kiểu mới là một thực tế khách quan, đã và đang được kiểm chứng bằng thực tiễn phát triển ở nước ta trong một số năm trở lại đây.

Đảng và Nhà nước luôn khẳng định tầm quan trọng và sự quan tâm sâu sắc đối với kinh tế HTX. Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa IX đã thông qua Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, đánh dấu một bước tiến quan trọng về chủ trương phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là kinh tế HTX ở nước ta.[6]

Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý và thể chế liên quan đến sự phát triển của kinh tế HTX còn chưa đầy đủ, được triển khai thực hiện chưa đồng bộ. Luật HTX năm 2003 đang trong giai đoạn hoàn thiện các văn bản dưới Luật hướng dẫn thi hành, trong đó có văn bản về cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác xã; việc huy động các nguồn lực cho phát triển và sử dụng các nguồn lực trong hợp tác xã chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đạt hiệu quả cao.

Nhận thức về vai trò của HTX mới theo Luật hợp tác xã tuy có chuyển biến tích cực song vẫn chưa có sự chuyển biến căn bản; ám ảnh về mô hình hợp tác xã kiểu cũ và hoài nghi về hợp tác xã hiện hành còn tồn tại trong bộ phận không nhỏ nhân dân, hạn chế không nhỏ tới sự phát triển của hợp tác xã.

Hợp tác xã trong thời kỳ vừa qua chưa phát triển theo đúng tiềm năng và vững chắc, kịp với sự chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế thị trường, còn lúng túng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, còn kém hiệu quả dẫn đến chưa hấp dẫn xã viên tham gia. Đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn hợp tác xã còn yếu về trình độ, không ổn định về nguồn kế cận, cũng góp phần làm giảm sự tin tưởng của xã viên vào HTX.

Công tác quản lý Nhà nước đối với kinh tế HTX bị buông lỏng trong thời gian dài. Luật Hợp tác xã đầu tiên được ban hành gần 10 năm nhưng vẫn chưa có chiến lược, kế hoạch phát triển khu vực kinh tế HTX.

2.1.1.3. Nhận thức và tư duy về kinh tế hợp tác xã

Quá trình phát triển khu vực kinh tế HTX nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn gắn liền với sự thay đổi tư duy về kinh tế hợp tác xã, cụ thể là:

- *Giai đoạn trước đổi mới (trước 1986)*: Nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp; đã đề cao tuyệt đối vai trò kinh tế HTX, gần như phủ định kinh tế hộ, kinh tế tư nhân; quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - hợp tác xã - xã viên không được phân chia rạch ròi; đặc biệt, lợi ích của xã viên và người lao động trong hợp tác xã ít được chú trọng; hợp tác xã được phát triển nhanh về số lượng và tăng quy mô chủ yếu bằng các biện pháp hành chính Nhà nước.

- *Giai đoạn từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến trước khi có Luật Hợp tác xã (1986 - 1996)*: Đất nước chuyển dần từng bước sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi trọng khuyến khích và tạo điều kiện

phát triển kinh tế hộ, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, coi kinh tế hộ là chủ thể kinh tế tự chủ; khuyến khích lợi ích cá nhân. Tuy nhiên trong giai đoạn này đã coi nhẹ vai trò của hợp tác xã, chưa chú ý đúng mức việc nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới phù hợp cơ chế kinh tế thị trường; chưa kịp thời ban hành khung khổ pháp luật, chính sách đối với hợp tác xã; khu vực hợp tác xã bị tê liệt, tan rã hoặc tự phát chuyển đổi thích nghi với môi trường mới.

- *Giai đoạn từ khi có Luật Hợp tác xã năm 1996 đến nay* : Tư duy về hợp tác xã đã bước đầu được đổi mới phù hợp với nhận thức chung của quốc tế. Quốc hội đã ban hành Luật hợp tác xã (năm 1996), tạo khung khổ pháp luật mới cho hợp tác xã kiểu mới ra đời; Nhà nước đã ban hành một số chính sách (Nghị định 15/CP của Chính phủ ngày 21 tháng 2 năm 1997 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã) hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Mô hình hợp tác xã bước đầu đã được nhận thức lại nhưng chưa thoát hẳn tư duy cũ.

Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể đã chỉ rõ vai trò, vị trí của kinh tế HTX trong tình hình mới và đề ra chủ trương, chính sách phát triển hợp tác xã. Thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Chính phủ đã trình Quốc hội và Quốc hội đã xem xét, ban hành Luật hợp tác xã 2003 tạo môi trường pháp lý thuận lợi hơn hẳn so với giai đoạn trước đó cho sự thành lập và phát triển của các hợp tác xã.

Trên thế giới, sự phát triển hợp tác xã ở các quốc gia đã trở thành phong trào mạnh mẽ có tính liên kết toàn cầu. Hợp tác xã là thể chế không thể thiếu được góp phần vào sự phát triển đất nước hài hòa về tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa; là tất yếu đối với việc thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân, cá thể, đặc biệt ở các vùng nông

thôn; đáp ứng nhu cầu phong phú của đời sống cộng đồng theo các nguyên tắc hợp tác xã. Thực tiễn phát triển của khu vực hợp tác xã trên thế giới cho thấy khu vực hợp tác xã trong thế kỷ 21 và trong thời đại toàn cầu hóa không những không giảm đi, ngược lại còn tăng lên. Các hợp tác xã tại các nước khác, nhất là các nước công nghiệp phát triển có xu hướng sát nhập, hợp nhất thành các hợp tác xã có quy mô lớn, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong phát triển đất nước.

2.1.2. Thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2000 - 2007

2.1.2.1. Một số chỉ tiêu của kinh tế HTX

a. Về kinh tế

Vai trò nổi bật và quan trọng hàng đầu của hợp tác xã là hỗ trợ và thúc đẩy kinh tế của trên 10,5 triệu xã viên hợp tác xã và 3,5 triệu thành viên tổ hợp tác là hộ gia đình, tiểu thủ, doanh nghiệp nhỏ trong nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế, tăng thu nhập. [11].

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ tính riêng các hợp tác xã đã đóng góp khoảng 7,49% trong tổng GDP của cả nước năm 2004, khoảng 7,6% năm 2005 và 7,02% năm 2007. Đáng chú ý, từ tỷ lệ đóng góp vào GDP của kinh tế HTX đã giảm trong giai đoạn 2000 - 2007; cụ thể là 8,6% vào năm 2000 xuống còn 7,5% vào năm 2003 và các năm tiếp theo như trên, mặc dù có sự tăng lên đáng kể về giá trị tuyệt đối. Như vậy có thể nói vai trò của kinh tế HTX ngày càng hạn chế, chưa thật sự hấp dẫn xã viên. [11].

Kinh tế HTX cùng kinh tế cá thể (bao gồm kinh tế xã viên hợp tác xã) chiếm khoảng gần 25% GDP trong thời kỳ 7 năm qua, có tác động rất quan trọng tới tăng trưởng chung và tạo việc làm của nền kinh tế, nhưng còn chưa được phát triển cao tiềm năng. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của khu vực kinh tế HTX còn thấp, tương ứng chỉ đạt 4,13% và 5,6% giai đoạn 1995-2003 (trước khi có luật HTX) và bấp bênh. [11].

Kinh tế xã viên hợp tác xã với tư cách là một thành tố hữu cơ của kinh tế tập thể đạt xấp xỉ, thậm chí cao hơn của HTX xét về giá trị sản xuất và giá trị gia tăng. Như vậy, giá trị gia tăng của toàn bộ khu vực kinh tế HTX (bao gồm kinh tế xã viên) ước tính chiếm khoảng trên 15% GDP cả nước.

Cơ cấu kinh tế của khu vực kinh tế tập thể phân theo ngành và lĩnh vực hoạt động như sau: Khu vực 1 (bao gồm các ngành nông lâm ngư diêm nghiệp) chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị gia tăng của toàn khu vực kinh tế tập thể (74%). Tiếp theo là khu vực 3 (bao gồm các ngành thương mại, dịch vụ) với tỷ trọng giảm dần, từ 16% năm 2000 xuống còn 15% năm 2005. Khu vực 2 (công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giảm từ 12% năm 2000 xuống còn 11% năm 2005 trong tổng giá trị gia tăng của toàn khu vực. [11].

b. Xã viên và lao động trong hợp tác xã

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, lao động khu vực hợp tác xã tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, chiếm tới 96% tổng số lao động, trong các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ không đáng kể như khu vực công nghiệp, xây dựng: 0,07%; dịch vụ: 4%. [6].

Số xã viên bình quân và số lao động bình quân một hợp tác xã tăng tương ứng từ 473 và 477 người năm 2000 lên đạt tương ứng là 540 và 545 người vào năm 2005 và tỷ lệ này không thay đổi nhiều vào năm 2007. Số xã viên là lao động trực tiếp làm việc trong hợp tác xã bình quân khoảng 46 người/ 1 HTX. [6].

Như vậy, riêng chỉ việc củng cố hợp tác xã hoạt động theo đúng Luật hợp tác xã, hợp tác xã có thể sẽ thu hút khối lượng lớn hơn rất nhiều về xã viên, lao động và vốn góp, từ đó tăng sức mạnh cho hợp tác xã.

c. Một số chỉ tiêu hiệu quả

- Số lượng hợp tác xã khá giỏi: Theo Liên minh các HTX Việt Nam, trong những năm qua, số hợp tác xã chuyên đổi làm ăn khá giỏi đã tăng dần. Vào thời điểm tháng 6/2004 có 40,1% hợp tác xã làm ăn khá giỏi; 45% trung bình và 14,9% yếu kém (trương ứng số này ở thời điểm năm 1999 là 25%, 35%, 40%). Riêng đối với các hợp tác xã thành lập mới theo Luật Hợp tác xã; tỷ lệ hợp tác xã làm ăn có lãi tính chung cho các ngành chiếm tỷ lệ cao, nhưng chưa ổn định, dao động từ 70% - 75% qua các năm. Tỷ lệ lỗ dao động trong biên độ khá lớn từ trên 7% - 20%. Đến hết năm 2007, tỷ lệ HTX làm ăn khá giỏi đạt 42%, trung bình 46% và yếu kém là 12%. [6].

- Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã: Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã từ 33 triệu đồng năm 2000 tăng lên đạt 52 triệu đồng năm 2005 đạt mức tăng bình quân 5,73% giai đoạn 2001 - 2005 ; đến năm 2007 đạt 52 triệu đồng. Tuy nhiên trong các lĩnh vực khác nhau thì lợi nhuận bình quân cũng khác nhau. Các HTX trong lĩnh vực vận tải đạt khá hơn, bình quân trên 120 triệu đồng. [6].

- Tỷ suất lợi nhuận bình quân: Tỷ suất lợi nhuận bình quân một hợp tác xã (lợi nhuận/ vốn) đạt 4,72% năm 2000 tăng 6,18% năm 2005, đạt mức tăng bình quân gần 5,07% giai đoạn 2001 - 2005 ; đến năm 2007 đạt 6,92%. Tỷ lệ này đối với từng ngành nghề của HTX cũng khác nhau. [4] ;[6].

- Năng suất lao động bình quân: Năng suất lao động bình quân một hợp tác xã (giá trị sản xuất/lao động/năm) đạt 16,24 triệu đồng năm 2000, tăng lên đạt 22,0 triệu đồng năm 2005; đạt mức tăng trưởng bình quân 5,76% giai đoạn 2001 - 2005 và đạt 24,12 triệu đồng năm 2007. [4] ;[6].

- Giá trị dịch vụ bình quân của hợp tác xã cung ứng cho một xã viên hợp tác xã: Giá trị dịch vụ bình quân của HTX cung ứng cho một xã viên hợp tác xã đạt 1,59 triệu đồng năm 2000, tăng lên đạt 2,01 triệu đồng năm 2005 và đạt 2,31 triệu đồng năm 2007. [4] ;[6].

- Giá trị xuất khẩu trực tiếp: Giá trị xuất khẩu trực tiếp (không kể xuất khẩu gián tiếp qua các tổ chức khác) của các hợp tác xã đạt 7 tỷ đồng năm 2000, đạt 15 tỷ đồng năm 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân là 20,4%/năm ; đến năm 2007 tỷ lệ này đạt 19 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân một năm của một xã viên hợp tác xã:

Thu nhập bình quân một năm của một xã viên hợp tác xã đạt 4,21 triệu đồng năm 2000, tăng lên đạt 6,46 triệu đồng năm 2005 và 7,98 triệu đồng năm 2007. [4] ;[6].

- Thu nhập bình quân năm của một lao động hợp tác xã: Thu nhập bình quân năm của một lao động hợp tác xã đạt 3,4 triệu đồng năm 2000, tăng lên ước đạt 5,8 triệu đồng năm 2005, và đạt 7,42 triệu đồng năm 2007. [4] ;[6].

Nhìn chung, các chỉ tiêu hiệu quả của khu vực hợp tác xã còn rất thấp; hợp tác xã chưa tuân thủ nghiêm nguyên tắc rất quan trọng của hợp tác xã về sử dụng dịch vụ của hợp tác xã, theo đó tỷ lệ dịch vụ hợp tác xã cung cấp cho xã viên còn rất thấp, chỉ chiếm 0,24% tổng giá trị sản xuất của hợp tác xã.

2.1.2.2. Phát triển kinh tế HTX giai đoạn 2000 - 2007

a. Thực trạng sử dụng nguồn lực

Đất đai:

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đất đai cho sản xuất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng của xã viên hợp tác xã. Tỷ lệ đất để sản xuất chung trong hợp tác xã không đáng kể. Phần lớn hợp tác xã thiếu đất làm mặt bằng trụ sở, nhà kho, sân phơi và xưởng sản xuất.

Trong lĩnh vực phi nông nghiệp, một số hợp tác xã có đất đai (đất đai làm trụ sở cũng như làm nhà xưởng, phương tiện sản xuất) nhưng sử dụng chưa hiệu quả, hoặc được sử dụng sai mục đích như cho thuê lại ở các đô thị lớn, hoặc đấu thầu cho một vài cá nhân ở nông thôn, không hoàn toàn vì mục đích phục vụ xã viên cũng như phát triển hợp tác xã.

Luật đất đai (mới) và Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai chỉ mới làm rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đai mà hợp tác xã đang sử dụng, chưa có cơ chế cụ thể cấp đất hoặc cho thuê đất theo chính sách ưu đãi đối với hợp tác xã nhất là hợp tác xã nông nghiệp.

Các ưu đãi chính sách về đất đai đối với hợp tác xã cần được cụ thể hóa và mang tính khả thi, một mặt để hỗ trợ đúng đối tượng thực sự có nhu cầu bức xúc về đất đai làm trụ sở, mặt bằng sản xuất kinh doanh; mặt khác tránh lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước để trục lợi cá nhân.

Cán bộ lãnh đạo hợp tác xã:

Phần lớn cán bộ lãnh đạo hợp tác xã là nam giới. 70% chủ nhiệm, kế toán trưởng có trình độ cấp 3 và có trình độ chuyên môn cao đẳng và sơ cấp. Số chủ nhiệm có trình độ Đại học trở lên chiếm khoảng 10%. Còn khoảng 5% số lãnh đạo hợp tác xã chỉ có trình độ văn hóa cấp tiểu học. [4] ;[6]

Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã được đào tạo từ trung cấp trở lên đạt 16,33% năm 2000 tăng lên đạt 2,02% năm 2005 và đạt 4,1% năm 2007 ; mức tăng bình quân 12,17% giai đoạn 2001-2007; tỷ lệ lao động hợp tác xã được đào tạo nghề đạt 8,5% năm 2000 tăng lên gấp đôi, đạt 17,7% năm 2006 và đạt 18,92% năm 2007 ; mức tăng bình quân 16% giai đoạn 2001-2007. [4] ;[6]

Về vốn:

Tổng số vốn bình quân của một hợp tác xã nông nghiệp khoảng 637 triệu đồng. Đáng lưu ý, các HTXNN có vốn ít nhưng nợ phải trả cũng khá lớn;

bình quân toàn quốc nợ phải trả của một hợp tác xã nông nghiệp khoảng 100 triệu đồng, cá biệt có hợp tác xã ở vùng Đông Bắc bộ số nợ phải trả xấp xỉ số vốn của hợp tác xã. [4] ;[6]

Để giải quyết khó khăn về vốn nói chung và tạo điều kiện thuận lợi về quan hệ tín dụng giữa HTX và NHTM, Chính phủ đã có chủ trương khoan nợ, xóa nợ tồn đọng có nguồn gốc ngân sách Nhà nước của các hợp tác xã nông nghiệp; cụ thể :

- + Quyết định 146/2001/QĐ-TTg ngày 02/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

- + Bộ Tài chính đã có Thông tư số 31/2002/TT-BTC ngày 29/3/2002 hướng dẫn triển khai thực hiện xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

- + Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Thông tư số 01/2002/TT-NHNN ngày 30/01/2002 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 146/2001/QĐ-TTg ngày 02/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

- + Quyết định số 1197/QĐ-TTg ngày 05/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã phi nông nghiệp.

- + Bộ Tài chính đã có Thông tư số 09/2004/TT-BTC ngày 11/02/2004 hướng dẫn triển khai thực hiện xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã phi nông nghiệp.

- + Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Thông tư số 01/2004/TT-NHNN ngày 20/02/2004 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1197/QĐ-TTg ngày 05/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã phi nông nghiệp thành lập và hoạt động trước khi có Luật Hợp tác xã năm 1996.

Với các quyết định nói trên, về cơ bản, vấn đề nợ tồn đọng có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước của các hợp tác xã nông nghiệp và phi nông nghiệp đã được xử lý. Tuy nhiên, phần nợ đọng khác của các hợp tác xã vẫn còn lớn và khó có khả năng xử lý được.

Các hợp tác xã trong các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ có mức vốn bình quân khoảng 2,5 tỷ đồng/ HTX cao hơn hẳn so với mức bình quân toàn quốc.

Mức vốn hoạt động của các hợp tác xã nhìn chung còn thấp; vốn cố định chiếm tới 70% đến 95% tổng vốn của hợp tác xã, trong khi hợp tác xã thiếu nghiêm trọng vốn lưu động; vốn góp của xã viên đã thấp (ví dụ: bình quân khoảng 62 ngàn đồng/ xã viên hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ở Thanh Hóa); hợp tác xã rất khó huy động các nguồn vốn khác ngoài vốn của xã viên, hoạt động tín dụng nội bộ vẫn còn bị cản khúc và vẫn còn bị hạn hẹp trong nội bộ một hợp tác xã trong khi quy mô vốn này rất nhỏ. Đặc biệt, ở các vùng nông thôn vốn của hợp tác xã thường rất ít.

b. Phát triển kinh tế HTX theo cơ cấu

- Cơ cấu theo loại hình Hợp tác xã

Theo số liệu của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, đến hết năm 2007 trên cả nước có 16.899 HTX, trong đó có 9.313 HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp, 515 HTX thương mại - dịch vụ, 2.325 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 542 HTX xây dựng, 591 HTX thủy sản, 1.086 HTX giao thông vận tải và 1.629 các loại hình HTX khác. Đó là một lực lượng hùng hậu kinh tế HTX phát triển trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng XHCN. [4] ;[6].

HTX nông nghiệp và dịch vụ có truyền thống từ thời bao cấp, được phân bố ở hầu hết các vùng trong cả nước. HTX này chiếm tỷ lệ 55,1% trong tổng số các HTX và đang khẳng định vai trò không thể thay thế trong việc định hướng, dẫn dắt kinh tế hộ xã viên phát triển.

HTX công nghiệp - tiểu thủ CN có tỷ trọng 13,8%, còn lại là các HTX thuộc các ngành nghề, lĩnh vực khác đang dần được khẳng định và là chỗ dựa cho người lao động nhỏ lẻ trước sức ép cạnh tranh và hội nhập.

**Bảng số 2.1: Cơ cấu các hợp tác xã theo ngành nghề
tính đến hết năm 2007**

Đơn vị tính : HTX, %

STT	HTX theo ngành nghề	Số lượng	Tỷ trọng
1	HTX Nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp	9.313	55,1
2	HTX thương mại - dịch vụ	515	3,0
3	HTX công nghiệp - tiểu thủ CN	2.325	13,8
4	HTX xây dựng	542	3,2
5	HTX thủy sản	591	3,5
6	HTX giao thông vận tải	1.086	6,4
7	HTX ngành nghề khác	2.527	15,0
	Tổng cộng	16.899	100%

Nguồn : Liên minh HTX Việt Nam [4] ;[6]

Bên cạnh số lượng hợp tác xã theo ngành nghề nói trên thì đến hết năm 2007, trong cả nước còn có 980 Quỹ tín dụng nhân dân, một loại hình HTX tín dụng, hoạt động vừa theo Luật HTX vì tất cả các Quỹ tín dụng nhân dân đều Đại hội chuyển đổi theo Luật HTX, vừa hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng.

Như vậy nếu tính cả các Quỹ tín dụng nhân dân thì đến hết năm 2007 trong cả nước có gần 18.000 HTX hoạt động trong các ngành nghề khác nhau.

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình triển khai thực hiện Quyết định 94/2002/QĐ-TTg và Chỉ thị 22/2003/CT-TTg đến hết năm 2007 vào tháng 12/2004 có 24 Liên hiệp hợp tác xã, chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội và chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực thương mại.

Theo Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong quá trình đổi mới, chuyển đổi theo Luật HTX, đến hết năm 2007 trong cả nước tổng số xã viên của các HTX là gần 10,5 triệu người, với khoảng 75% trong số đó là hộ nông dân.[4] ;[6]

- Cơ cấu theo ngành nghề

Theo Luật Hợp tác xã và tình hình thực tế, đã và đang có biến động lớn về cơ cấu và cách phân loại hợp tác xã: Hợp tác xã nông lâm nghiệp chiếm đa số nhưng không phải là các hợp tác xã nông lâm nghiệp theo kiểu cũ - tức sản xuất nông lâm nghiệp chung với sở hữu phương tiện sản xuất chung của xã viên; các hợp tác xã này chỉ làm dịch vụ phục vụ sản xuất của kinh tế hộ xã viên hợp tác xã; sản xuất nông nghiệp được thực hiện bởi các hộ, cá nhân hoặc doanh nghiệp. Nhiều hợp tác xã công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và các ngành nghề khác được thành lập và tổ chức hoạt động chưa theo đúng nguyên tắc hợp tác xã đã được Luật hợp tác xã quy định; không ít hợp tác xã hoạt động thực chất như là doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp.

**** HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp***

Đến hết năm 2007 cả nước có 9.313 HTX nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp. Các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng như: cung cấp dịch vụ phục vụ hộ xã viên, tổ chức và hoạt động theo hướng chuyên ngành với mục đích chính là tiêu thụ sản phẩm ở những vùng sản xuất tập trung (hợp tác xã chăn nuôi, hợp tác xã trồng hoa.v.v...) [4] ;[6]

Để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng xã viên, các hợp tác xã đã tổ chức thêm những dịch vụ mới hoặc sát nhập, liên kết, liên doanh giữa các hợp tác xã với nhau, hoặc giữa hợp tác xã với tư nhân; hợp tác xã với doanh nghiệp.

Các hợp tác xã hoạt động đã có hiệu quả hơn. Năm 2007 có 60% tổng số hợp tác xã, lãi bình quân một hợp tác xã là 26,3 triệu đồng, số hợp tác xã bị lỗ chiếm khoảng 10% tổng số hợp tác xã. Số hợp tác xã đạt khá giỏi chiếm 34% tổng số hợp tác xã, số hợp tác xã trung bình chiếm 44% tổng số hợp tác xã, yếu kém chiếm 22% tổng số hợp tác xã. [4] ;[6].

Hiện nay, đa số các HTX nông nghiệp đã và đang tham gia hoạt động thương mại - dịch vụ, chủ yếu cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp và góp phần tiêu thụ nông sản hàng hóa cho xã viên nói riêng và nông dân nói chung, có thể gọi là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

*** Hợp tác xã thủy sản**

Đến hết năm 2007 ngành thủy sản có 591 HTX hợp tác xã với 27.960 lao động. Giai đoạn 2001-2007 số lượng hợp tác xã tăng bình quân 5,3%; tổng số lao động của hợp tác xã tăng bình quân 10,01% (lao động bình quân một Hợp tác xã năm 2001: 36 lao động; năm 2005: 39 lao động và năm 2007 đạt 52 lao động). [4] ;[6].

Các hợp tác xã thủy sản đã thực sự hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất - kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế, đời sống của người lao động được ổn định và cải thiện. Đã góp phần chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, tàu thuyền theo hướng giảm dần phương tiện, hoạt động khai thác thủy hải sản ở vùng biển xa bờ; góp phần giải quyết việc làm cho các lao động tại địa phương, đời sống xã viên và lao động ổn định, thu nhập bình quân của xã viên lao động tăng lên. Bên cạnh các HTX chuyên về khai thác, các HTX nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng lên.

Tuy vậy hợp tác xã thủy sản vẫn đang đối mặt với các khó khăn, hạn chế như: còn tư tưởng ỷ lại trông chờ bao cấp của xã viên hợp tác xã khai thác hải sản vay vốn ưu đãi của Nhà nước; các hợp tác xã có quy mô nhỏ, vốn ít trong khi đó vốn cố định chiếm tỷ lệ lớn trong tổng vốn của hợp tác xã; đặc biệt, hầu hết các hợp tác xã không có sổ sách kế toán. Vấn đề lớn đang tồn tại cần xử lý là nợ đọng lớn vốn ngân sách Nhà nước cho đóng tàu thuyền đánh bắt xa bờ của các hợp tác xã khó có khả năng thu hồi.

*** Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

Đến hết năm 2007, cả nước có 2.325 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào các ngành chính như chế biến nông - lâm - thủy sản, hàng gia dụng, cơ khí lắp ráp và sửa chữa, dệt, thêu ren, chạm khắc, gốm sứ tiêu dùng và mỹ nghệ, rượu bia, hóa chất, mây tre, gỗ, đá.

Từ năm 2002 đã xuất hiện các hợp tác xã cung ứng vật tư và bao tiêu sản phẩm ở các vùng nguyên liệu, làm cầu nối giữa doanh nghiệp và người nông dân.

Các hợp tác xã công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã bước đầu thích ứng với cơ chế thị trường. Hoạt động của hợp tác xã đa dạng và có hiệu quả với xu hướng đẩy mạnh liên doanh, liên kết với nhau và với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Một số hợp tác xã đã đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất, góp phần vào giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập và đời sống của người lao động, cung ứng hàng tiêu dùng thiết yếu cho xã hội và xuất khẩu. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của các hợp tác xã tăng bình quân các năm qua là 20%.

Tuy nhiên đa số hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ công nghệ lạc hậu, mẫu mã sản phẩm đơn điệu, chưa có thương hiệu nổi bật. Các hợp tác xã vẫn còn khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin về thị trường, về khoa học - công nghệ; hạn chế về vốn. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ hợp tác xã còn yếu kém, hầu hết chưa qua đào tạo, bồi dưỡng nên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

*** Hợp tác xã xây dựng [4] ;[6]**

Đến hết năm 2007, cả nước có 542 HTX xây dựng và 02 Liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Hợp tác xã xây dựng thường hoạt động đa lĩnh vực. Hầu như không có hợp tác xã hoạt động tư vấn xây dựng mà chủ yếu là thi công xây lắp công trình quy mô nhỏ, phối hợp với kinh doanh vật liệu xây dựng. Đặc điểm hoạt động của hợp tác xã xây dựng là thủ công, trang thiết bị phục vụ hoạt động xây lắp đều cũ, lạc hậu. Do vậy, các hợp tác xã chỉ nhận thi công được các công trình có quy mô nhỏ như xây dựng và sửa chữa nhà ở tư nhân, công trình 2-3 tầng yêu cầu kỹ thuật đơn giản, kênh mương, đường xá nông thôn, v.v... chưa đủ lực tham gia đấu thầu, cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp khác. Có một số hợp tác xã đăng ký nhiều lĩnh vực kinh doanh khác không gắn với xây dựng như thương mại, dịch vụ, chế biến các mặt hàng nông lâm thủy hải sản...

Vốn điều lệ trung bình của một hợp tác xã xây dựng khoảng 0,5 tỷ đến 1,2 tỷ đồng (cá biệt, thấp nhất chỉ khoảng 20 triệu đồng). Doanh thu bình quân hàng năm của một hợp tác xã xây dựng khoảng 2 tỷ đồng. Số xã viên hợp tác xã xây dựng trung bình từ 15-20 xã viên/HTX.

Một số ít hợp tác xã xây dựng làm ăn có hiệu quả, theo đó hợp tác xã huy động được thêm vốn đầu tư vào máy móc, trang thiết bị để tăng năng suất lao động, đẩy mạnh tiến độ thi công; tham gia đấu thầu công trình quy mô vừa và lớn, các công trình giao thông, thủy lợi và xây dựng phát triển kinh tế - xã hội trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Hợp tác xã xây dựng kinh doanh có hiệu quả còn là các hợp tác xã biết kết hợp giữa xây lắp với sản xuất, chế biến và cung ứng vật liệu xây dựng.

*** Hợp tác xã thương mại - dịch vụ [4] ;[6]**

Đến hết 2007, cả nước có 515 HTX thương mại - dịch vụ và 7 liên hiệp hợp tác xã thương mại tăng bình quân hàng năm 13,2%. Hiện nay, địa phương có nhiều hợp tác xã thương mại nhất là Hà Nội (với 100 hợp tác xã và 1 Liên hiệp hợp tác xã), kế tiếp là thành phố Hồ Chí Minh (với 3 liên hiệp hợp tác xã thương mại và 81 hợp tác xã cơ sở).[4] ;[6].

Sau khi có LHTX, từ 1997 đến nay, tốc độ tăng trưởng của khu vực hợp tác xã hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại tăng bình quân 8 - 10%/năm, cá biệt tại Hà Nội, trong 7 năm 2001 - 2007, tốc độ tăng trưởng của các hợp tác xã thương mại tăng từ 18-25%/năm.

Mặc dù lợi nhuận của đa số hợp tác xã thương mại còn thấp nhưng 65-70% hợp tác xã thương mại đã kinh doanh có lãi. Thu nhập của người lao động trong các hợp tác xã đã tăng dần với mức bình quân chung cả nước 500.000 - 600.000 đồng/người/tháng. [4] ;[6]. Ở một số địa phương đã phát triển thành công HTX quản lý và kinh doanh chợ.

*** Hợp tác xã tín dụng** [4] ;[6] ; [1]

Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở nước ta được bắt đầu thành lập mới từ cuối năm 1993, trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm từ hoạt động và sự đổ vỡ của các Hợp tác xã tín dụng cuối thập niên 80, tham khảo mô hình tổ chức tín dụng này của một số nước trên thế giới. Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ra đời và hoạt động trong giai đoạn đầu đổi mới hoạt động ngân hàng, dựa trên nền tảng pháp lý mới. Sau khi triển khai thí điểm ở 14 tỉnh và thành phố, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được mở rộng ra toàn quốc. Đến cuối thập niên 90 cả nước đã có 972 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở phần lớn được thành lập mới, có một số Quỹ được thành lập lại trên cơ sở mô hình Hợp tác xã tín dụng trước đây. Sau khi Luật các Tổ chức tín dụng và Luật hợp tác xã có hiệu lực thi hành, các Quỹ tín dụng nhân dân đại hội theo tinh thần Luật HTX. Như vậy loại hình Tổ chức tín dụng này vừa hoạt động theo Luật các TCTD, vừa theo Luật HTX. Thành viên góp vốn thành lập Quỹ tín dụng hầu hết là hộ nông dân và đối tượng vay vốn cũng chủ yếu là hộ nông dân. Tổ chức tín dụng này được đánh giá là cho vay vốn thuận tiện, đơn giản thủ tục cho đông đảo hộ nông dân tại các vùng nông thôn nước ta trong giai đoạn hiện nay. [4] ;[6] ; [1].

Tính đến hết năm 2007, cả nước có trên 930 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, với 1,1 triệu thành viên. Tổng nguồn vốn hoạt động đạt trên 10.000 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt trên 9.200 tỷ đồng. Hầu hết Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có lãi và số lãi ngày càng lớn, chỉ có một số Quỹ do mới khai trương hoạt động, chi phí ban đầu lớn nên tạm thời bị thua lỗ. [4] ;[6] ; [1].

*** Hợp tác xã vận tải**

Tính đến hết năm 2007, cả nước có 1.086 HTX giao thông vận tải bao gồm cả vận tải hành khách, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; hợp tác xã vận tải chiếm bình quân tới 76% hoạt động vận chuyển hành khách và hàng hóa tại địa phương, có địa phương đáp ứng tới trên 85% - 90% nhu cầu vận tải nội tỉnh. Các hợp tác xã vận tải đã giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động, góp phần ổn định các vấn đề xã hội. Đóng góp bình quân của các hợp tác xã vận tải chiếm 48% giá trị của toàn ngành. [4] ;[6].

Một số hợp tác xã vận tải hoạt động theo mô hình dịch vụ hỗn hợp, chiếm 12%, còn lại là hợp tác xã tổ chức hoạt động vận tải tập trung. [4] ;[6].

*** Hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực khác [4] ;[6]**

HTX vệ sinh môi trường có xu hướng phát triển tương đối nhanh trong thời gian gần đây với 50 HTX, ở các thị trấn, thị tứ, thành phố. Hoạt động của các hợp tác xã tập trung vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc của đời sống, đảm bảo sức khỏe của người dân trên địa bàn dân cư; như thu gom rác, xử lý nước thải, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường,... cho các hộ xã viên.

HTX dịch vụ đời sống cung cấp dịch vụ đời sống cho các hộ dân trên địa bàn dân cư, như dịch vụ tang lễ, dịch vụ cưới hỏi, dịch vụ dạy nghề, du lịch, nhà khách, dịch vụ văn hóa thể thao... Hoạt động của các HTX này đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, cải thiện điều kiện

sinh hoạt văn hóa và tinh thần đa dạng, cung cấp dịch vụ thuận lợi hơn, được đông đảo các xã viên và cộng đồng của các hợp tác xã, từ đó góp phần đề cao tinh thần cộng đồng, tương trợ lẫn nhau của đông đảo người dân trên địa bàn dân cư.

Hợp tác xã trường học cung cấp dịch vụ phục vụ học tập, đời sống của sinh viên nhà trường, như căng tin, dịch vụ vi tính, in ấn, dịch vụ ký túc xá, v.v... ví dụ hợp tác xã ăn uống tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Hợp tác xã trường học cung cấp dịch vụ giáo dục cho học sinh, sinh viên như HTX trường Đại học quản lý kinh doanh Hà Nội.

Hợp tác xã y dược cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, chủ yếu là theo phương pháp đông y cổ truyền, trồng và chế biến các loại dược liệu, tinh dầu phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hợp tác xã dịch vụ y tế rất có triển vọng phát triển tại nước ta, tham gia đóng góp cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là ở các vùng nông thôn, là tổ chức thích hợp tiếp nhận các nguồn hỗ trợ của Nhà nước trong phát triển dịch vụ y tế cộng đồng.

Hiện có khoảng 1.500 hợp tác xã cung cấp dịch vụ điện và có xu hướng phát triển tốt, chủ yếu là cung cấp điện và quản lý lưới điện nông thôn, sửa chữa bảo dưỡng mạng lưới cung cấp điện từ công tơ tổng đến các hộ dân, xử lý kịp thời sự cố, hạn chế thất thoát và giảm giá điện tiêu dùng đến các hộ.

HTX vệ sinh môi trường, dịch vụ đời sống, y dược, dịch vụ điện mới được phát triển trong thời gian gần đây và hiệu quả.

Các HTX đa dạng đã thu hút được người lao động từ nhiều ngành nghề khác nhau và phần lớn những lao động này là lao động giản đơn chưa được đào tạo, nhưng được làm việc, cống hiến và hưởng thụ thật bình đẳng.

- Cơ cấu hợp tác xã phân bố theo lãnh thổ

**Bảng số 2.2: Cơ cấu hợp tác xã phân bố theo lãnh thổ
đến hết năm 2007**

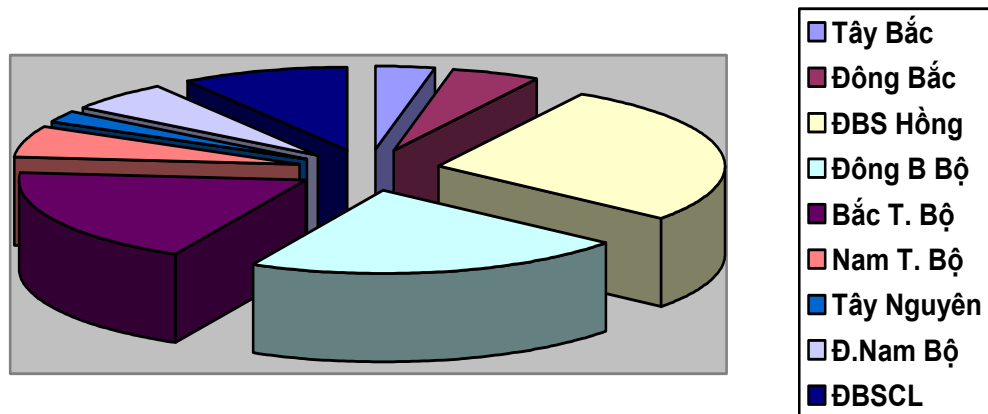
Đơn vị tính: HTX, %

STT	Vùng lãnh thổ	Số lượng HTX	Tỷ trọng
1	Tây Bắc	528	3,3
2	Đông Bắc	822	4,9
3	Đồng bằng sông Hồng	4.663	27,6
4	Đông bắc bộ	3.687	21,8
5	Bắc Trung bộ	3.177	18,8
6	Nam Trung bộ	1.033	6,1
7	Tây Nguyên	386	2,3
8	Đông Nam bộ	981	5,7
9	Đồng bằng sông Cửu Long	1.622	9,5

Nguồn: Liên minh HTX Việt Nam [4] ;[6]

Với cơ cấu HTX được phân bố theo lãnh thổ tại bảng số 2.2 trên đây cho thấy, gần 1/3 các HTX tập trung ở vùng Đồng bằng Sông Hồng. Theo thứ tự đến vùng Đông bắc bộ, Bắc Trung bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, ... Với việc phân bố này đã thể hiện rõ về số lượng các HTX được chuyển đổi theo luật HTX năm 1996 và 2003 là phần lớn. Các HTX thành lập mới chưa nhiều. Tiềm năng các HTX mới đi vào hoạt động theo luật sẽ tập trung nhiều hơn ở các vùng như Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Để chính sách nói chung và chính sách tín dụng ngân hàng nói riêng sát với thực tiễn từng vùng lãnh thổ, chúng ta cần quan tâm đúng mức tới việc phân bố này. Cơ cấu HTX được minh họa bằng biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.1: Cơ cấu hợp tác xã phân bố theo lãnh thổ đến hết năm 2007 [4] ;[6]

Sự phát triển kinh tế hợp tác xã không đồng đều giữa các vùng. Tổng hợp báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam đến hết năm 2007 cho thấy có sự chênh lệch rất lớn về số lượng hợp tác xã giữa các địa phương: hợp tác xã phát triển mạnh chủ yếu ở khu vực miền Bắc, đặc biệt là Đồng bằng sông Hồng với 4.663 hợp tác xã (chiếm 27,6% tổng số hợp tác xã trên toàn quốc), vùng Đông Bắc bộ với 3.687 hợp tác xã (chiếm 21,8% tổng số hợp tác xã trên toàn quốc), tiếp đó là Bắc Trung bộ (18,8%) và Đồng bằng sông Cửu Long (9,6%). Trong khi đó, ở vùng Tây Nguyên và Tây Bắc, là hai khu vực hợp tác xã kém phát triển, số lượng hợp tác xã chỉ chiếm 2-3% tổng số hợp tác xã toàn quốc (Tây Nguyên có 386 hợp tác xã, chiếm 2,4% và Tây Bắc có 528 hợp tác xã, chiếm 3,3%). Có một số huyện ở một số tỉnh hoàn toàn chưa có hợp tác xã. [4] ;[6].

Hợp tác xã nông nghiệp phát triển mạnh ở vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Bắc và Bắc Trung bộ. Mặc dù đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, nhưng tỷ trọng hợp tác xã nông nghiệp lại chiếm một tỷ lệ khiêm tốn, chỉ 8,6%. Tây Nguyên, Tây Bắc và Đông Nam bộ có tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp thấp nhất. Bắc Trung bộ và Đồng bằng sông Cửu Long là hai vùng có số lượng hợp tác xã thủy sản cao nhất. [4] ;[6].

Các hợp tác xã công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng được thành lập và phát triển mạnh ở các địa phương thuộc vùng Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Hợp tác xã thuộc khu vực thương mại - dịch vụ tập trung chủ yếu tại các vùng Đông Bắc, đồng bằng Sông Hồng, và Đông Nam Bộ.

c. Vấn đề trình độ công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hợp tác xã

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh luôn diễn ra khốc liệt và sòng phẳng. Sản phẩm hàng hoá muốn có lợi thế cạnh tranh hơn so với những sản phẩm hàng hoá cùng loại thì chúng phải được làm ra hoặc được xử lý bằng một công nghệ tốt hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, khoa học và công nghệ thế giới phát triển như vũ bão, Việt Nam đã chính thức gia nhập sân chơi kinh tế toàn cầu thì vấn đề công nghệ phải được đặc biệt coi trọng cho tất cả các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế HTX. Giai đoạn 2000-2007, kinh tế HTX với công nghệ đã được quan tâm, nhưng đầu tư còn chưa được đúng mức:

- Các HTX, nhất là HTX nông nghiệp hầu hết còn trông chờ ở Nhà nước, như thuỷ lợi, giao thông nội đồng, khâu giống, hệ thống phòng dịch, chống sâu bệnh... chủ yếu còn theo phương pháp truyền thống, lấy sức người là chính nên chưa được hiệu quả.

- Cơ sở vật chất của kinh tế HTX còn manh mún, lạc hậu. Hầu hết nhà xưởng đã cũ nát không được đầu tư, máy móc thiết bị lạc hậu thua kém hẳn những thành phần kinh tế khác. Trong khi đầu tư còn dàn trải, thiếu chọn lọc dẫn đến hiệu quả còn thấp.

- Công nghệ về chế biến, bảo quản chưa theo kịp với thực tế, yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Mẫu mã hàng hoá còn kém, chưa có hệ thống chuẩn về tiêu chuẩn hàng hoá, dẫn đến phải chịu nhiều thua thiệt. Nông dân làm ra lúa

gạo xuất khẩu hàng năm mang về hàng tỷ USD cho đất nước, nhưng công nghệ chế biến gạo vẫn thua kém Thái Lan, Trung Quốc, nên giá thấp hơn. Những vụ nhãn, vải thiều, chuối, hoa tươi,...khi được mùa mà người nông dân vẫn thất thu do giá rẻ, không bảo quản được, không xuất khẩu được.

- Máy móc thiết bị, năng lực vận tải còn yếu kém nên năng suất chưa cao. Những HTX thủy sản đánh bắt cá xa bờ vẫn là những chiếc tàu gỗ truyền thống nhỏ bé, chông chênh, thường chịu nhiều rủi ro và thiếu hiệu quả.

- Công nghệ tin học, ứng dụng phần mềm trong kinh tế HTX chưa nhiều. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ còn mang tính tự phát. Vấn đề phối hợp giữa bốn “ Nhà “ (nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) còn chưa tốt, chưa trên cơ sở nguyên tắc thị trường nên hiệu quả chưa rõ nét.

- Ứng dụng công nghệ trong việc cập nhật thông tin về thị trường, những dự báo cho kinh tế HTX chưa tốt. Vì vậy, đã có những vụ cà phê rớt giá, cây cà phê bị chặt phá hàng loạt. Chỉ vài năm sau, cà phê lại sốt giá. Cây hồ tiêu cũng trong tình trạng tương tự...

2.1.3. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã

- Đến nay về cơ bản kinh tế HTX đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng tri trệ trước đó là, công nợ chồng chất, xã viên thiếu việc làm nên thu nhập rất thấp,...Sau những thăng trầm, kinh tế HTX vẫn được khẳng định là tổ chức cần thiết khách quan của người lao động- nhất là đối với người nghèo trong cơ chế thị trường. Tư duy về mô hình kinh tế HTX kiểu mới dần thay thế HTX kiểu cũ đã ăn sâu vào tiềm thức của nhiều thế hệ người lao động. Vị trí, vai trò kinh tế HTX trong hệ thống các thành phần kinh tế quốc dân trên thực tế được rõ nét dần, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới.

- Hầu hết các HTX đã được chuyển đổi theo Luật HTX năm 1996 và năm 2003. Những HTX không đủ điều kiện chuyển đổi hoạt động theo luật

HTX đã tự tan rã hoặc bị xử lý giải thể. Nhiều HTX mới đã được thành lập, đi vào hoạt động ngay và có hiệu quả bước đầu.

- Hoạt động của các HTX đã thực chất hơn, theo đúng những giá trị và nguyên tắc HTX. Năng lực tài chính đã được nâng cao một bước do huy động thêm vốn cổ phần, do Nhà nước thực hiện xoá nợ ngân hàng trước đây bằng Chỉ thị 406/CT- Ttg của Thủ tướng Chính phủ, vốn từ những chương trình tài trợ của chính phủ,...

- Hoạt động của HTX được mở rộng hơn như không giới hạn về quy mô, ngành nghề, địa phương, đa dạng hoá về sở hữu,... Chính vì vậy đã mở rộng được tính liên kết trong nội bộ các thành viên cũng như liên kết với bên ngoài, phát huy hết tiềm năng vốn có của kinh tế HTX.

- Kinh tế HTX, nhất là HTX nông nghiệp ngày càng đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt, định hướng, làm cầu nối và trực tiếp đảm nhiệm hầu hết các dịch vụ, hỗ trợ, thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế xã viên phát triển.

Trong thời gian qua, hầu hết các HTX nông nghiệp hiện là đơn vị chủ yếu tổ chức thực hiện quy hoạch, phân vùng, bố trí và hướng dẫn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Nhiều hợp tác xã thực hiện khá tốt vai trò khuyến nông, dịch vụ thuỷ lợi, bảo vệ thực vật, trông coi đồng ruộng và an ninh ở nông thôn,... Nhìn chung các HTX nông nghiệp đã đóng vai trò tích cực trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đưa giá trị sản xuất bình quân ở phía Bắc từ 22 triệu đồng lên 37 triệu đồng/ha/năm và một số huyện đạt 50 triệu đồng/ha/năm. Tiêu biểu trong số các HTX được thống kê thuộc các huyện Gia Bình (Bắc Ninh), Từ Liêm (Hà Nội), An Hải (Hải Phòng). Một số HTX quy mô lớn ở Yên Bái, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình... đã đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, tạo thêm việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo. [4] ;[6].

Cũng theo báo cáo của Cục HTX&PTNT, số HTX nông nghiệp hoạt động dịch vụ tổng hợp, phát triển ngành nghề tuy chưa nhiều nhưng đang có xu hướng tăng nhanh. Các HTX đã khắc phục một bước quan trọng tình trạng thua lỗ kéo dài trước đây, một số HTX đạt lãi cao, có tích lũy để phát triển. Số HTX bị lỗ giảm, chỉ chiếm 6%. Nhiều HTX đã có lãi từ 100-300 triệu đồng. Đây là những HTX khá, giỏi, đã xây dựng và thực hiện được phương án sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn được vốn và tăng trưởng. Tổng giá trị tài sản bình quân một HTX đạt trên 1 tỷ đồng. [4] ;[6].

- Qua quá trình chuyển đổi hoạt động, hình thành một đội ngũ cán bộ HTX mới, trẻ, năng động, tiếp cận nhanh với những vấn đề mới,...Đó là tiền đề quan trọng để đánh thức tiềm năng kinh tế HTX.

- Số HTX tổ chức tiêu thụ sản phẩm tăng 53%, nhất là tổ chức thu mua các mặt hàng cho các công ty xuất khẩu nông sản. Như vậy chứng tỏ các HTX loại này đã đúc rút ra được kinh nghiệm trong kinh doanh, hoạt động có bài bản theo cơ chế thị trường. Một số HTX được ứng vốn của Công ty xuất khẩu nông lâm sản, một số HTX được vay vốn NHTM dựa trên cơ sở vận dụng linh hoạt cơ chế bảo đảm tiền vay: tài sản của thành viên ban quản lý HTX, tài sản hợp pháp của HTX và hợp đồng thu mua nông sản,...Tuy số lượng HTX tiêu thụ sản phẩm được vay vốn của NHTM chưa nhiều, nhưng chưa phát sinh nợ quá hạn mới. [4] ;[6].

Tóm lại, những năm qua, đặc biệt là một số năm gần đây, các HTX đã có những đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, bảo đảm thu - chi và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống cho xã viên, người lao động trong HTX. Giá trị sản xuất kinh doanh - dịch vụ của các HTX hằng năm đều tăng trưởng, góp phần làm tăng GDP của các tỉnh, thành phố. Hoạt động của các HTX, nhất là Quỹ tín dụng nhân dân, đã hỗ trợ kịp thời cho phát triển kinh tế hộ xã viên, góp phần tích cực vào quá

trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tại một số thành phố lớn, như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, các HTX đã từng bước tham gia các chương trình xã hội hoá trong các lĩnh vực dịch vụ: vệ sinh môi trường, nước sinh hoạt, quản lý kinh doanh chợ, vận tải hành khách, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Hoạt động của khối HTX đã giải quyết được việc làm; thu nhập ổn định cho hàng trăm nghìn xã viên và người lao động. Nhiều HTX đã thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho xã viên, người lao động làm việc thường xuyên trong HTX. Thông qua hoạt động của các HTX, xã viên người lao động được giáo dục, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước, của các tỉnh, thành phố để nâng cao nhận thức về mọi mặt, từ đó củng cố lòng tin và góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị, thật tự an toàn xã hội. Các HTX thương binh cũng góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và khẳng định (thương binh tàn nhưng không phế). Tại nhiều địa phương, hoạt động của các HTX nông nghiệp đã góp phần phát huy giá trị văn hoá tinh thần, đề cao lối sống vì cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, góp phần tích cực trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình phát triển đó, không ít hợp tác xã vay được vốn ngân hàng và được ngân hàng thường xuyên hỗ trợ vốn dưới các hình thức khác nhau, cung cấp các dịch vụ ngân hàng tiện ích khác.

2.2. THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

2.2.1. Cơ chế và chính sách tín dụng đối với kinh tế hợp tác xã

2.2.1.1. Cơ chế tín dụng

Cơ chế tín dụng đối với kinh tế HTX được biểu hiện theo qui chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành theo qui định tại Quyết định số: 284/1998/QĐ-NHNN1 và Quyết định số: 418/2000/QĐ - NHNN7 ngày

21/9/2000 của Thống đốc NHNN về đối tượng cho vay ngoại tệ. Đây là cơ chế tín dụng áp dụng chung đối với tất cả các khách hàng là doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình và cá nhân; QĐ số 67/1999/QĐ -TTG ngày 30/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách TDNH phục vụ nông nghiệp và nông thôn. Hiện nay cơ chế cho vay HTX được thực hiện theo quy định chung về quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành tại Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN và Quyết định 127/2003/QĐ-NHNN sửa đổi bổ sung Quyết định 1627. Cơ chế cho vay đối với kinh tế HTX có thể tóm tắt như sau [4] ;[6] ; [2]:

- Về điều kiện vay vốn: Ban lãnh đạo HTX phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. HTX phải có năng lực pháp luật dân sự, có khả năng tài chính để trả nợ. Mục đích vay vốn hợp pháp, có dự án đầu tư, phương án SXKD khả thi, có hiệu quả, bảo đảm tiền vay theo qui định của Chính phủ.

- Về đối tượng cho vay gồm: Giá trị như hàng hoá, máy móc, thiết bị và các khoản chi phí cần thiết khác để HTX thực hiện SXKD, dịch vụ, đầu tư phát triển, một số nhu cầu tài chính phục vụ cho SXKD. Đối tượng được cho vay bằng ngoại tệ như: SXKD trực tiếp xuất khẩu, trả nợ trước hạn nước ngoài nhưng phải tuân thủ điều kiện nhất định và có lợi cho nền kinh tế và doanh nghiệp, nhập khẩu hàng hoá, thiết bị, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất.

- Thời hạn cho vay: Các TCTD và HTX xác định và thoả thuận thời hạn cho vay ngắn hạn (đến 12 tháng), trung hạn (trên 12 tháng đến 60 tháng), dài hạn (từ trên 60 tháng) trên cơ sở phù hợp thời hạn khấu hao TSCĐ, thời hạn hoàn vốn của dự án và khả năng trả nợ của chủ dự án, thoả thuận thời hạn ân hạn phù hợp với thời hạn thi công, XDCB của từng công trình, dự án đầu tư.

- Mức cho vay: các TCTD căn cứ vào nhu cầu vay vốn theo dự án đầu tư, khả năng về tài chính, giá trị TS đảm bảo tiền vay của các chủ dự án để xác định và thoả thuận mức cho vay.

- Về phương thức cho vay: Tùy theo từng khoản vay, đặc điểm luân chuyển vốn của đối tượng cho vay và khả năng kiểm tra, giám sát của TCTD mà các HTX được áp dụng các phương thức cho vay khác nhau như: Cho vay theo dự án đầu tư, cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng, cho vay trả góp, ...

2.2.1.2. Cơ chế đảm bảo tiền vay

Cơ chế đảm bảo tiền vay đối với HTX được thực hiện theo nghị định 178/199/NĐ -CP ngày 29/12/1999 về đảm bảo tiền vay của TCTD mà không có cơ chế riêng cho loại hình kinh tế này. Hiện nay các doanh nghiệp được áp dụng thực hiện đảm bảo tiền vay qui định tại Nghị quyết số 11/2000/NQ-CP ngày 31/7/2000 về 1 số giải pháp điều hành KH phát triển kinh tế - XH trong 06 tháng cuối năm 2000, Thông tư liên tịch số : 12/2000/TTLT - NHNN - BTP - BTC - TCĐC, ngày 22/11/2000, theo đó các doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần được nói lỏng về biện pháp đảm bảo tiền vay, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, nói lỏng về điều kiện tình hình tài chính khi tiếp cận vốn vay NH. Nhưng đối với kinh tế HTX không được áp dụng các chính sách này. [4] ;[6] ; [2].

Khi thực hiện cơ chế đảm bảo tiền vay đối với kinh tế HTX vẫn còn một số rào cản như sau:

- Mức cho vay tối đa bằng vốn tự có của HTX, trong khi các HTX không có hoặc có rất ít vốn tự có bằng tiền mà chỉ có một số tài sản là bất động sản lại không có giấy chứng nhận quyền sở hữu.

- Phần lớn các HTX được thành lập từ thời kỳ trước khi luật đất đai được ban hành, nhưng đến nay vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà xưởng nên không thể chấp được để vay vốn.

- Về nguyên tắc, các HTX cũng được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhưng chỉ cho vay tối đa 50% giá trị tài sản này, còn 50% là vốn tự có của HTX. Trong khi đó vốn tự có của HTX rất thấp hoặc không có. Do vậy, điều kiện đảm bảo tài sản này cũng rất khó thực hiện. [4] ;[6] ; [2].

- Cơ chế đảm bảo tiền vay đối với kinh tế HTX còn chưa được thuyết phục đối với các NHTM, do tính thực tiễn của nó, việc xử lý TS đảm bảo gần như NH còn bó tay mà chịu mất vốn.

2.2.1.3. Cơ chế lãi suất và xử lý rủi ro

Lãi suất đối với các tổ chức kinh tế HTX do các NHTM qui định: Trước đây, trên cơ sở trần lãi suất cho vay, còn hiện nay trên cơ sở lãi suất cơ bản do NHNN công bố theo từng thời kỳ. Đây là chính sách lãi suất chung cho tất cả các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế. Ngân hàng Nhà nước không can thiệp sâu đến qui định lãi suất cụ thể của NHTM. NHTM không có qui định riêng, ưu đãi về lãi suất đối với HTX. Các NHTM và HTX thoả thuận áp dụng lãi suất, thời hạn cho vay theo quy định của NHNN. Đối với khách hàng là HTX có SX hàng xuất khẩu và có tín nhiệm với NH trong việc sử dụng, trả nợ vốn vay thì được NHTM xem xét, ưu đãi về lãi suất so với khách hàng khác. Tuy nhiên với thực trạng kinh tế HTX còn yếu kém như hiện nay thì việc ưu đãi về lãi suất, HTX gần như chưa được hưởng.

Về cơ chế xử lý rủi ro vốn vay đối với HTX cũng nằm trong cơ chế xử lý chung. Trường hợp HTX vay không trả được nợ gốc và lãi đúng hạn do nguyên nhân khách quan bất khả kháng thì tùy từng trường hợp cụ thể và trên cơ sở đề nghị của HTX, NHTM xem xét áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro vốn cho vay thích hợp như sau:

- Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (gốc và lãi) trong phạm vi thời hạn cho vay đã được thoả thuận.

- Gia hạn nợ vay: đối với nợ ngắn hạn được gia hạn không quá 1 chu kỳ vay vốn (không quá 1 năm), đối với nợ trung dài hạn được gia hạn không quá 1/3 thời hạn đã thoả thuận trước khi vay.

- Các chủ dự án bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay do nguyên nhân khách quan dẫn đến bị khó khăn về tài chính được NHTM xem xét miễn, giảm lãi tiền vay.

- Trường hợp HTX không trả được nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn do nguyên nhân chủ quan thì bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất từ 120 % đến 150%, tiếp đến là xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

2.2.1.4. Quy trình cho vay đối với kinh tế hợp tác xã

Quy trình cho vay là tổng hợp các nguyên tắc, quy định của ngân hàng trong việc cấp tín dụng. Trong đó xây dựng các bước đi cụ thể theo một trình tự nhất định kể từ khi chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp tín dụng cho đến khi chấm dứt quan hệ tín dụng. Đây là một quá trình bao gồm nhiều giai đoạn mang tính chất liên hoàn, theo một trật tự nhất định, đồng thời có quan hệ chặt chẽ và gắn bó với nhau. Hiện tại, quy trình cho vay đối với kinh tế HTX không có gì khác biệt mà cùng chung như các doanh nghiệp khác, được quy định tại Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc NHNN về thể lệ cho vay của TCTD đối với khách hàng. Nhìn chung quy trình cho vay vốn của TCTD đối với HTX bao gồm những bước công việc như sau: [4] ;[6] ; [2].

- Lập hồ sơ vay vốn: HTX cung cấp những văn bản pháp lý liên quan đến HTX :

- + Đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư cấp
- + Điều lệ HTX đã được đại hội cổ đông thông qua
- + Quyết định công nhận Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- + Bảng báo cáo quyết toán đến thời điểm gần nhất.
- + Phương án sản xuất kinh doanh vay vốn ngân hàng.
- + Hồ sơ về đảm bảo tiền vay như các chứng thư sở hữu về tài sản, đất đai,...

- Thẩm định tín dụng: Trên cơ sở hồ sơ xin vay ở trên, cán bộ tín dụng tiến hành thẩm định lại về các mặt tài chính và phi tài chính, thực hiện phỏng vấn khách hàng theo các thông tin cơ bản sau:

- + HTX có đủ các yếu tố pháp lý quy định, năng lực của Ban lãnh đạo.
- + Thẩm định lại phương án kinh doanh của HTX về các yếu tố:

Cho vay trung hạn: mức vốn chủ sở hữu của HTX tham gia tối thiểu phải là 30% tổng số vốn của phương án SXKD.

Cho vay ngắn hạn: Mức vốn chủ sở hữu của HTX phải có tối thiểu 20% trong tổng số vốn của phương án SXKD

Khi tìm ra mức vay theo yêu cầu của phương án, nhưng không chế cho vay không vượt quá 70% giá trị tài sản thế chấp. Bên cạnh đó, trên quyết toán thời điểm gần nhất của HTX cũng phải có lãi, phương án xin vay cũng phải có lãi....Hồ sơ do cán bộ tín dụng lập được trình trưởng phòng cấp tín dụng kiểm soát lại. Nếu đồng ý với cán bộ tín dụng thì chuyển toàn bộ hồ sơ sang cho bộ phận quản lý rủi ro kiểm tra, tính toán lại.

- Bộ phận quản lý rủi ro của NH tiến hành tính toán trên giác độ rủi ro của phương án vay vốn. Nếu qua tính toán thấy HTX sau khi vay hoàn toàn có khả năng trả nợ gốc và lãi đúng hạn, mức độ rủi ro của phương án là không có, thấp, trung bình thì trả lại hồ sơ cho phòng cấp tín dụng để trình lãnh đạo NH.

2.2.1.5. Thời hạn cho vay và đảm bảo tiền vay

- Về thời hạn cho vay:

Các Tổ chức tín dụng áp dụng thời hạn cho vay đối với kinh tế HTX cũng như các đối tượng khách hàng khác. Cụ thể như cho các HTX vay vốn trung dài hạn với thời hạn từ trên 12 tháng đến 36 tháng và từ trên 36 tháng

đến 60 tháng hoặc dài hơn. Số vốn này chủ yếu để đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, nhà xưởng, mua ô tô, phương tiện vận tải, tàu thuyền,... mở rộng quy mô và nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ của HTX. Vốn ngắn hạn tối đa cho vay không quá 12 tháng tập trung chủ yếu để thu mua nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, vật tư khác, chi trả tiền thuê nhân công, tiền thi công... để chế biến, hay đầu vào của sản xuất, kinh doanh, thi công dự án, công trình.

-Về cơ chế bảo đảm tiền vay:

Kinh tế HTX được các TCTD áp dụng cơ chế bảo đảm tiền vay bình đẳng như các đối tượng khách hàng khác. Đó là tài sản đảm bảo là bất động sản, như: nhà xưởng, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất,... có đầy đủ giấy tờ pháp lý. Tài sản đảm bảo cũng có thể hình thành từ vốn vay, đó là dự án, đầu tư, nguyên nhiên vật liệu, kho hàng,... Cơ chế bảo đảm tiền vay khác đó là bảo lãnh của bên thứ ba,... Trong một số trường hợp tài sản đảm bảo tiền vay của HTX thiếu hay không đủ cơ sở pháp lý thì TCTD cho vay theo cơ chế hộ gia đình, tức là sử dụng tài sản của gia đình ban lãnh đạo HTX hay thành viên có liên quan.

2.2.2. Thực trạng quy mô tín dụng đối với hợp tác xã

2.2.2.1. Vấn đề tài chính

Từ năm 2000, các HTX đã được chuyển đổi hoạt động theo luật hoặc thành lập mới. Số HTX không chuyển đổi được đã xử lý giải thể hoặc tự tan rã.

Tổng hợp qui mô vốn của các HTX theo các ngành nghề, vốn bình quân cho 1 HTX ở thời điểm cuối năm 2007 thể hiện như sau (bảng số 2.3).

Qua bảng số liệu đã chứng minh rõ số vốn bình quân của một HTX đã chuyển đổi và một HTX mới thành lập. Với 9 ngành nghề của kinh tế HTX cho biết về quy mô, tỷ trọng vốn rất khác nhau.

Các HTX đã chuyển đổi có quy mô vốn lớn hơn do được thừa hưởng của HTX cũ chuyển giao, nhưng chủ yếu là nhà xưởng cũ nát và vốn dưới dạng công nợ nên luân chuyển kém hiệu quả.

Các HTX vận tải đã chuyển đổi (chỉ có 7,33% vốn lưu động) và HTX thủy sản mới thành lập (2,8% vốn lưu động), vốn chủ yếu ở dạng tài sản cố định, nên thiếu trầm trọng vốn lưu động để hoạt động.

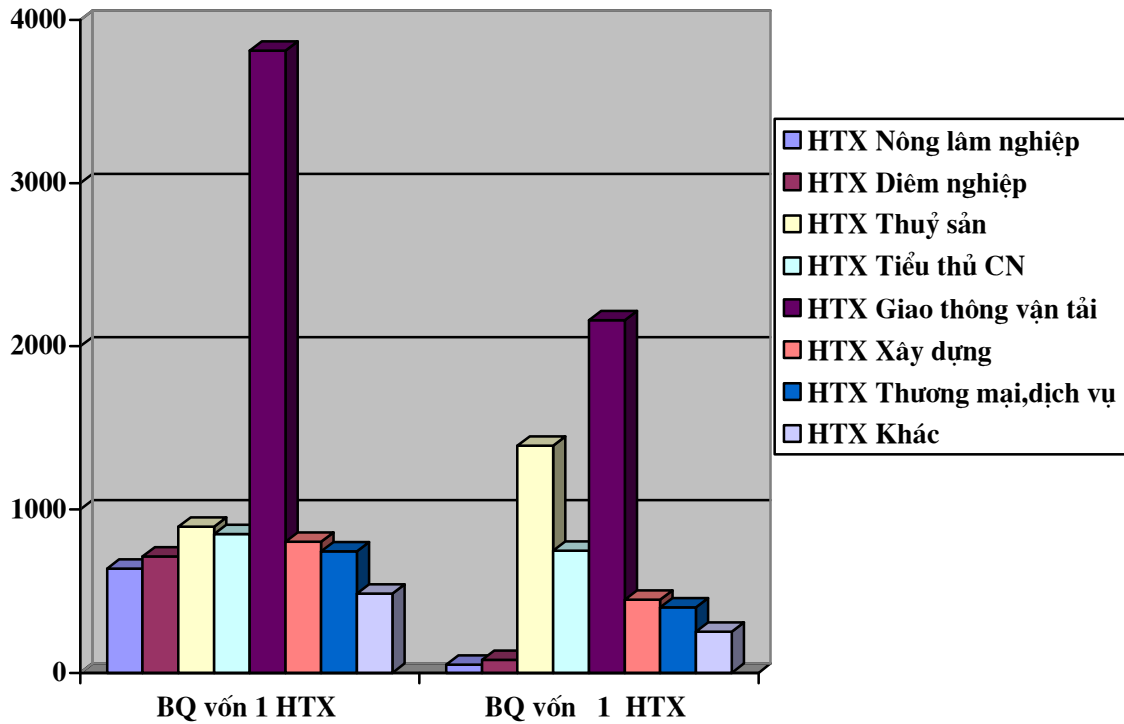
Bảng số 2.3: Thực trạng cơ cấu vốn cố định và vốn lưu động của HTX năm 2007

Đơn vị: triệu đồng

STT	Loại hình HTX	HTX đã chuyển đổi			HTX mới thành lập		
		BQ vốn 1 HTX	T.đó vốn CĐ (%)	Vốn lưu động (%)	BQ vốn 1 HTX	T.đó vốn CĐ (%)	Vốn lưu động (%)
1	HTX Nông lâm nghiệp	638.3	72.17	27.83	49.7	84.75	15.25
2	HTX Diêm nghiệp	712.6	76.52	23.48	79	15.61	84.39
3	HTX Thủy sản	894.6	70.59	39,41	1391.5	97.2	2.8
4	HTX Tiểu thủ CN	849.9	68.75	31.25	747.7	61.96	38.04
5	HTX Giao thông vận tải	3812	92.67	7.33	2160.6	65.61	34.39
6	HTX Xây dựng	802.0	45.67	54.33	447.5	49.89	50.11
7	HTX Thương mại, dịch vụ	743.3	54.39	45.61	399.4	59.69	40.31
9	HTX Khác	485.3	47.14	52.86	250.9	63.92	36.08

Bình quân chung số vốn của một HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2007 là 638,3 triệu đồng, trong đó giá trị tài sản cố định chiếm 72,17%. Vốn góp của xã viên chiếm 45,6%, trong đó vốn cũ chuyển qua chiếm 39%.

Bình quân vốn cho HTX tiểu thủ công nghiệp là cao nhất và đạt 849,9 triệu đồng đối với HTX chuyển đổi và 747,7 triệu đồng đối với HTX mới thành lập.



Biểu đồ 2.2: Cơ cấu vốn tự có của HTX năm 2007

Nguồn: Bộ NN&PTNT, Liên minh HTX Việt Nam [4]; [6]; [7]

Các HTX khác có số vốn bình quân khác nhau, cao nhất là HTX vận tải với vốn bình quân 3.812,3 triệu đồng (chuyển đổi) và 2.160,6 triệu đồng (mới thành lập). Các HTX khác có vốn bình quân thấp hơn.

Tuy nhiên, các HTX thành lập mới với vốn bình quân của một số loại hình HTX quá thấp như HTX nông nghiệp (bình quân 49,7 triệu đồng/1 HTX) Diêm nghiệp 79 triệu đồng /1 HTX đã nói lên qui mô hoạt động còn rất nhỏ bé.[4]; [6]; [7].

Về vốn tự có của HTX theo ngành nghề được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng số 2.4: Thực trạng vốn tự có của HTX phân theo ngành kinh tế năm 2007

Đơn vị: 1 triệu đồng

STT	Loại hình HTX	HTX đã chuyển đổi			HTX mới thành lập		
		BQ vốn TCó / 1 HTX	T.đó vốn CĐ (%)	% so tổng số vốn HTX	BQ vốn TCó / 1 HTX	T.đó vốn CĐ (%)	% so tổng số vốn HTX
1	HTX nông lâm nghiệp	333,3	80,6	52,2	35,3	67,5	70,9
2	HTX Diêm nghiệp	443,8	88	62,3	11,3	29,4	14,3
3	HTX Thủy sản	179,9	79,2	20,1	136,8	87,4	9,8
4	HTX Tiểu thủ CN	678	74,4	79,8	537,3	70,2	71,9
5	HTX Giao thông vận tải	1185,2	93,5	37,2	1849,6	65,2	85,6
6	HTX Xây dựng	326,3	84,4	40,7	357,9	54,3	80
7	HTX Thương mại	348	20,1	46,8	191,3	47,1	47,9
9	HTX Khác	465,4	66	95,9	135,7	32,9	54,1

Nguồn: Liên minh HTX VN, Bộ NN & phát triển NT [4]; [6]; [7]

Qua bảng số liệu nói trên cho thấy, vốn tự có của HTX rất nhỏ, nhưng lại chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn của HTX. Các HTX như nông lâm nghiệp, Giao thông vận tải, xây dựng có tỷ trọng vốn tự có so với tổng số vốn của HTX cao nhất (tương ứng là 70,9%, 85,6%, 80%). Hơn nữa, trong vốn tự có thì chủ yếu là vốn cố định ở dạng đất đai, nhà xưởng, phương tiện,... Điều này đã cho thấy: kinh tế HTX thiếu nghiêm trọng vốn lưu động để tiến hành sản xuất kinh doanh, dịch vụ và kinh tế HTX trong thế bị cô lập, không tiếp cận được nguồn vốn từ bên ngoài.

Nghiên cứu quy mô vốn của kinh tế HTX ở các vùng kinh tế khác nhau của cả nước năm 2007 cho thấy kết quả như sau:

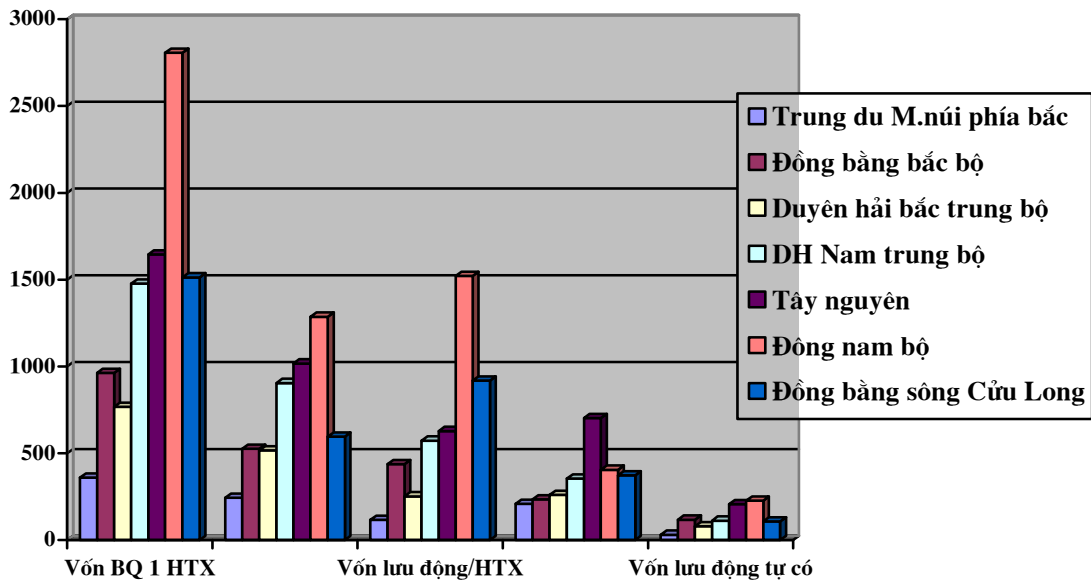
Bảng số 2.5: Thực trạng vốn của kinh tế HTX phân bố theo vùng kinh tế năm 2007

Đơn vị: 1 triệu đồng

STT	Vùng khảo sát	Số HTX báo cáo	Vốn BQ 1 HTX	T.đó vốn cố định	Vốn lưu động HTX	Vốn cố định tự có	Vốn lưu động tự có
1	Trung du M.núi phía bắc	956	359.6	243.27	116.33	208.23	30.29
2	Đồng bằng bắc bộ	2040	962.79	525.62	437.17	233.7	116.68
3	DH Bắc trung bộ	803	767.24	516	251.24	259.83	79.17
4	DH Nam trung bộ	432	1476.73	904.53	572.21	353.38	111.04
5	Tây nguyên	217	1644.53	1016.83	627.7	702.19	206.09
6	Đông nam bộ	144	2806.88	1286.22	1520.67	404.31	226.64
7	Đồng bằng sông Cửu Long	460	1513.08	595	918.08	371.88	106.72

Nguồn : Bộ NN&PTNT

Qua bảng số 2.5 trên cho thấy, vốn bình quân một HTX cao nhất là vùng Đông Nam bộ với 2.806,88 triệu đồng/ 1 HTX, cơ cấu vốn cố định và vốn lưu động gần tương đương nhau, vốn tự có chiếm 22,4% tổng số vốn của HTX, còn lại là nguồn vốn bên ngoài (87,6%). Vùng Trung du miền núi phía Bắc có vốn bình quân 1 HTX thấp nhất (359,6 triệu đồng) vốn tự có chủ yếu ở dạng TSCĐ (208,23 triệu đồng) chiếm 66,2% trong tổng số, còn lại 33,8% là nguồn vốn từ bên ngoài nhưng với số tuyệt đối rất nhỏ.



Biểu đồ 2.3: Thực trạng vốn của kinh tế HTX phân bố theo vùng kinh tế năm 2007

Nguồn: Bộ NN&PTNT [7]

- Kết quả SXKD của các HTX cũng rất khác nhau (xem Bảng 2.6 dưới đây). Số HTX Diêm nghiệp có lãi chiếm 80% nhưng với doanh thu thấp trong số các HTX ngành nghề. Số lãi bình quân 1 HTX cao nhất là HTX Giao thông vận tải với 89,6 triệu đồng /1 HTX và doanh thu bình quân của HTX loại này cũng lớn (chỉ sau các HTX thương mại. Tính bình quân, các HTX bị lỗ chiếm 13%, HTX hoà vốn chiếm 25%. Như vậy, HTX bị lỗ và hoà vốn là 38%. Nói cách khác, 38% HTX lỗ và hoà vốn này sẽ không có cơ hội tiếp cận vốn Ngân hàng khi SXKD chưa có hiệu quả (chưa xét đến các điều kiện khác). Các HTX bị lỗ nhiều là: HTX xây dựng 23,8%, HTX Thủy sản 25%, HTX Nông lâm nghiệp 16%. Nguyên nhân thua lỗ có nhiều nguyên nhân, do cả khách quan và chủ quan nhưng chủ yếu là: HTX xây dựng do đọng vốn lâu ngày không thanh toán được, HTX thủy sản do thiên tai và chương trình đánh bắt xa bờ không hiệu quả, HTX nông lâm nghiệp cũng đọng vốn trong xã viên và các phương án SXKD kém hiệu quả.v.v..

Bảng số 2.6: Kết quả kinh doanh của HTX phân theo ngành kinh tế năm 2007

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Loại HTX	Doanh thu BQ 1 HTX	Lãi BQ 1 HTX	% HTX có lãi (%)	Thực lãi BQ 1 HTX	% HTX bị lỗ (%)	% HTX hoà vốn (%)
1	HTX Nông lâm nghiệp	345,7	28,3	39,1	25,2	16	44,9
2	HTX Diêm nghiệp	156,8	3,7	80	10,5	0	20
3	HTX Thủy sản	655,9	45,3	37,5	35,9	25	37,5
4	HTX Tiểu thủ CN	1441,3	48,8	68,9	23,1	10,9	20,2
5	HTX Giao thông vận tải	2853,6	89,6	57,2	70,9	2,8	40
6	HTX Xây dựng	1206,5	20,8	52,4	16,5	23,8	23,8
7	HTX Thương mại	5901,5	75,1	79,7	18,4	7,8	12,5
8	HTX Tín dụng	2605,8	78,7	86,8	74,7	12	1,2

Nguồn: Bộ NN&PTNT [7]

Giai đoạn 2001-2007, kinh tế HTX đã có những chuyển biến tích cực bước đầu ra khỏi khủng hoảng trì trệ, tình hình tài chính đã sáng sủa hơn. Tuy nhiên, do lực lượng sản xuất còn ở mức thấp kém, SXKD dịch vụ còn nhỏ bé, nên mức gia tăng chưa cao, chưa có bút phá (thể hiện ở biểu dưới đây).

Tại bảng 2.7, tổng vốn của HTX theo Luật HTX qua các năm đã có gia tăng 24,9%, bình quân tăng 6,2%/năm giai đoạn 2001-2007. vốn tự có kinh tế HTX cũng gia tăng 21,4%, bình quân trong giai đoạn 2001-2007 tăng 5,35%/năm.

Bảng số 2.7: Cơ cấu vốn và hiệu quả kinh tế HTX giai đoạn 2001 - 2007*Đơn vị: Triệu đồng, %*

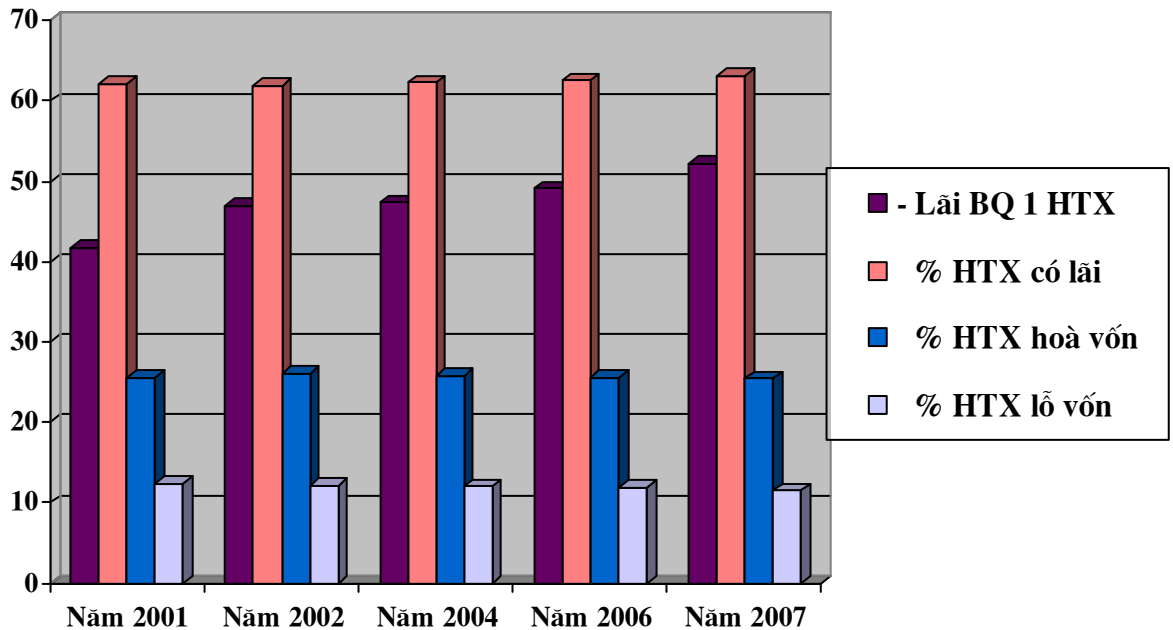
Chỉ tiêu	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
- Tổng vốn HTX	11758500	11760300	12049600	12380900	23056720	13.812.400	14.698.100
+ Vốn tự có	8.567.000	8.565.700	8.590.320	8.612.500	9.018.320	9.682.500	10.402.800
+ VTC BQ 1 HTX	600	602	581	565	542	532	500
+Tỷ lệ BQ VTC/tổng vốn(%)	72.9	72.8	71.9	69.5	69.8	70.1	70.8
- Lãi BQ 1 HTX	41.7	46.9	47.1	47.3	48.2	49.1	52.1
% HTX có lãi	62.1	61.8	62.1	62.2	62.6	62.5	63.1
% HTX hoà vốn	25.6	26.1	26.8	25.8	24.8	25.6	25.4
% HTX lỗ vốn	12.3	12.1	13.1	12	12.6	11.9	11.5

Nguồn : Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tổng số vốn cho kinh tế HTX đã tăng từ 11,7 ngàn tỷ đồng năm 2001 lên 14,7 ngàn tỷ đồng năm 2007. Trong đó, vốn tự có tăng từ 8,567 ngàn tỷ năm 2001 lên 10,402 ngàn tỷ đồng năm 2007. Đây là một thuận lợi lớn cho kinh tế HTX trong việc chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, vốn tự có bình quân một HTX từ 500-600 triệu đồng là thấp, là những khó khăn trong mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Tỷ lệ vốn tự có/Tổng vốn không có biến động nhiều qua các năm và thường chiếm 2/3 tổng số vốn của HTX, còn lại là các nguồn vốn từ bên ngoài.

Đáng lưu ý là số lãi bình quân 1 HTX rất thấp, bình quân qua các năm chỉ đạt 47,7 triệu đồng và số HTX SXKD dịch vụ có lãi mới chiếm hơn 60%. Với 25,4% HTX hòa vốn và 11,5% HTX lỗ vốn (năm 2007), cho biết kinh tế HTX phát triển chưa ổn định, còn dằn trải và chưa thực sự có uy tín đối với các NHTM.



Biểu đồ 2.4: Cơ cấu vốn và hiệu quả kinh tế HTX giai đoạn 2001 - 2007

Nguồn: Bộ KHĐT, Liên minh HTX Việt Nam [7]; [11]

Với số vốn còn mỏng, dần trải và thực trạng tình hình tài chính kinh tế HTX giai đoạn 2001-2007 đã cho thấy khả năng tiếp cận nguồn vốn Ngân hàng là rất khó khăn do chính từ nội lực kinh tế HTX. Nếu tiếp tục SXKD với hiệu quả như vậy, vốn Ngân hàng tham gia sẽ theo con đường mòn cũ là hao mòn dần và dẫn tới mất vốn.

2.2.2.2. Tỷ trọng và cơ cấu tín dụng đối với kinh tế HTX

Phần trên chúng ta đã nghiên cứu vốn hoạt động của kinh tế HTX rất hạn chế, bình quân 1 HTX chỉ có vốn từ 800 triệu đến 900 triệu. Nguồn vốn đi vay của HTX còn hạn hẹp hơn rất nhiều, thể hiện cụ thể ở bảng 2.8 dưới đây.

Vốn đi vay bình quân của một HTX chỉ từ 200-300 triệu. Trong 7 năm, vốn vay bình quân của 1 HTX không tăng, trong khi giá trị thật của đồng vốn giảm do yếu tố trượt giá của lạm phát. Như vậy, về bản chất thì vốn bình quân giảm. Đây là khó khăn lớn về tài chính mà kinh tế HTX phải gồng mình gánh chịu để tồn tại trong cạnh tranh cùng các thành phần kinh tế khác.

**Bảng số 2.8: Thực trạng vốn đi vay của kinh tế HTX
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
	Tổng số vốn đi vay	3.127.500	3.191.500	3.194.600	3.415.000	3.768.400	3.912.500	4.129.900	4.295.300
	- Vốn vay BQ 1 HTX	300	200	185	191	197	199	205	220
	- Tỷ lệ % so vốn HTX	28,2	27,1	27,2	28,1	30,5	30,1	29,9	29,2
1	Vay TD ưu đãi NN	929.500	543.000	545.000	540.000	550.000	561.000	586.200	617.100
2	Vay NHTM	181.241	236.813	398.506	461.305	545.311	686.409	858.196	1.063.356
	-% so vốn vay	5,8	7,4	12,5	13,5	14,5	17,5	20,7	24,8
	-% so vốn HTX	1,5	2	3,4	3,5	3,6	3,7	3,9	4,6
3	Vay từ xã viên	1.171.300	1.804.000	1.658.400	1.720.420	1.776.400	1.990.600	2.041.200	2.149.200
	- % so vốn vay	37,4	56,5	51,9	50,4	47,1	50,9	49,4	50,1
4	Vay khác	845.459	607.687	592.694	693.275	896.689	674.491	644.304	456.644

Nguồn: Bộ KHĐT, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [11]; [2]

Vốn vay NHTM có tăng về số tuyệt đối qua các năm nhưng không lớn. Hơn nữa, số lượng HTX mới thành lập gia tăng mạnh, nên vốn vay bình quân 1 HTX biến động rất nhỏ. Vốn tín dụng NH chỉ chiếm 5,1% vốn vay tăng dần lên thành 15,9 % So với vốn HTX thì vốn TDNH cũng chỉ chiếm từ 1,5% đến 4,6%. Suốt những năm chuyển đổi theo luật vừa qua, kinh tế HTX chỉ dựa trên số vốn có hạn của mình là chính và chưa tiếp cận được nhiều với TDNH.

**Bảng số 2.9: Tổng dư nợ kinh tế HTX theo ngành nghề
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Ngành nghề	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	HTX Nông lâm nghiệp	57.675,5	84.782,2	127.173	133.531	141.542	178.342	209.416	223.977
	Trong đó quá hạn	22,5	21,7	13,5	6,7	5,1	4,2	3,8	2,5
2	HTX Diêm nghiệp	2.182	3.208	6.736	8.756	9.368	11.803	12923	16716
	Trong đó quá hạn	19,1	18,8	12,1	10,8	9,7	4,1	3,7	3,1
3	H Thủy sản	6.114	8.987	19.771	29.656	35.587	44.839	52115	69315
	Trong đó quá hạn	21,1	20,3	19,8	18,7	7,3	3,5	3,1	2,8
4	HTX CN tiêu thủ CN	68.498,2	95.897	155.353	163.120	166.382	204.649	257198	298185
	Trong đó quá hạn	20,7	20,2	19,6	18,9	8,7	4,6	3,9	2,9
5	HTX Giao thông vận tải	6.810	13.870	34.675	54.321	124.938	158.671	198357	287192
	Trong đó quá hạn (%)	22,7		15,7	11,3	5,1	2,2	1,9	1,6
6	HTX Xây dựng	7.129	8.554	14.370	16.238	19.485	24.551	38959	51920
	Trong đó quá hạn	21,3	20,8	19,2	18,3	8,7	6,5	5,1	4,2
7	HTX Thương mại	6.212	8.821	14.819	16.745	17.247	21.731	31692	50119
	Trong đó quá hạn	23,4	22,3	20,6	19,3	10,7	5,1	4,3	3,9
8	HTX khác	6.621	12.693	25.609	28.938	31.162	41.823	57536	66532
	Trong đó quá hạn	21,3	21	18,8	15,1	9,6	4,7	4,2	3,7
	Cộng:	161.241	236.813	398.506	451.305	545.711	686.409	858196	1063956
	Trong đó quá hạn	21,4	20,8	17,4	14,9	8,1	4,36	3,5	2,6

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

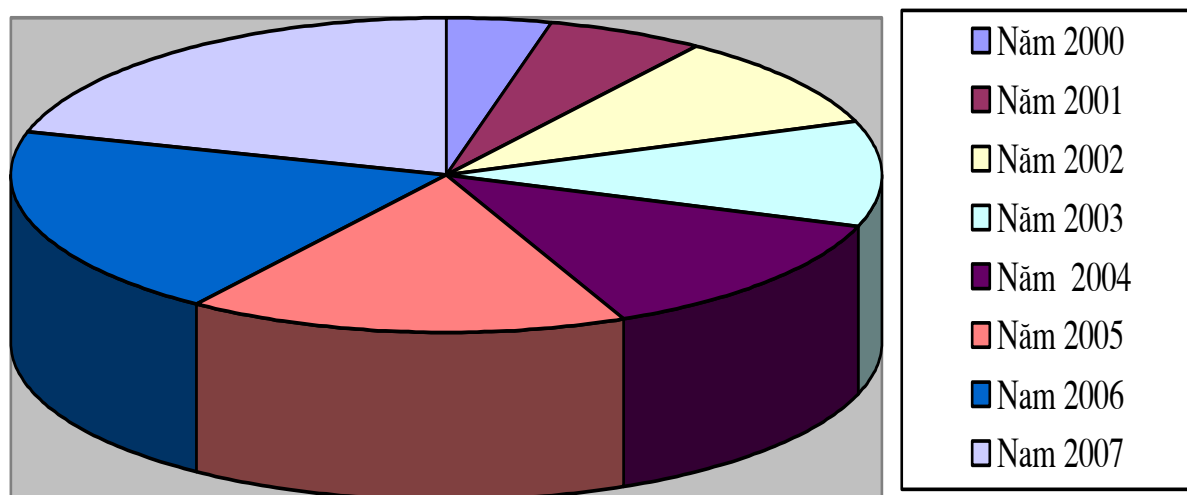
Với bảng 2.9, sử dụng vốn TDNH nhiều hơn cả là HTX CNTTCN (204,6 tỷ đồng), HTX NN (178 tỷ đồng), HTX Giao thông vận tải (158,6 tỷ đồng). Cơ cấu tín dụng NH theo ngành nghề cho thấy HTX giao thông vận tải gia tăng mạnh nhất, mức dư nợ năm 2007 gấp 23 lần năm 2000. Còn lại các HTX thuộc lĩnh vực ngành nghề khác sử dụng vốn TDNH rất hạn chế.

Nghiên cứu cơ cấu tín dụng ngân hàng theo vùng kinh tế cho thấy TDNH gần như chưa đến được với kinh tế HTX miền núi phía Bắc (xem bảng 2.10).

**Bảng số 2.10: Tổng dư nợ kinh tế HTX qua các năm theo vùng kinh tế
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Vùng	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Miền núi phía bắc	9150	13725	22875	25312	30927	38430	45987	48392
2	Đồng bằng bắc bộ	54206.2	75898	135515	158179	183216	227665	258742	312116
3	Khu 4 cũ	10029	14892	24571	27433	33898	42121	46398	55793
4	Duyên hải miền Trung	44274	64640	110685	121997	149646	185950.2	260941	339196
5	Tây nguyên	21655	31616	51196	57578	73280	100150	141008	172392
6	Đông nam bộ	6289	9119	15470	17647	21281	26413.8	31926	43928
7	Tây nam bộ	15638.5	26923	38194	43159	53463	65679	73194	92139
Cộng		161241.7	236813	398506	451305	545711	686409	858196	1063956



**Biểu đồ 2.5: Tổng dư nợ kinh tế HTX qua các năm theo vùng kinh tế
giai đoạn 2000 - 2007**

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

Các HTX ở đồng bằng Bắc bộ, Duyên hải Miền trung và Tây Nguyên vay vốn ngân hàng được nhiều hơn và đương nhiên sử dụng được vốn TDNH được nhiều hơn, số vốn TDNH đã vay thương xuyên gia tăng qua từng năm. Nếu nhìn vào số tuyệt đối thì thấy gia tăng mạnh năm 2005 so với năm 2000 gấp từ 4 đến 5 lần. Nhưng trải rộng cho cả nước thì vốn rất nhỏ “chỉ như muối bỏ bể”, mang tính dàn trải, hiệu quả thấp.

- *Tín dụng trung dài hạn đối với kinh tế HTX:*

Bảng số 2.11: Dư nợ tín dụng trung dài hạn kinh tế HTX theo ngành nghề giai đoạn 2000 - 2007

Đơn vị: triệu đồng

STT	Ngành Nghề	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	HTX Nông Lâm nghiệp	18.307	25.629	43.056	46.808	60.278	72.334	88.332	85.745
	% so tổng dư nợ TDH	28,2	26,5	26	24,6	25,4	23,9	22	16,9
2	HTX Diêm nghiệp	975	1.267	2.166	2.857	3.249	4.223	4.531	7.314
	% so tổng dư nợ TDH	1,5	1,3	1,3	1,5	1,4	1,4	1,1	1,4
3	HTX Thủy sản	5.142	6.684	11.429	15.066	16.914	21.616	23.814	33.522
	% so tổng dư nợ TDH	7,9	6,9	6,9	7,9	7,1	7,1	5,9	6,6
4	HTX CN TTCN	31.645	47.151	80.157	84.872	93.822	117.934	146.639	168.244
	% so tổng dư nợ TDH	48,8	48,8	48,5	44,6	39,6	39	36,5	33,1
5	HTX Giao thông vận tải	4.821	10.331	19.070	29.216	50.350	71.897	97.965	150.702
	% so tổng dư nợ TDH	7,4	10,7	11,5	15,3	21,2	23,7	24,4	29,6
6	HTX Xây dựng	1.370	1.918	3.279	4.014	4.321	5.097	15.970	20.524
	% so tổng dư nợ TDH	2,1	2,0	2,0	2,1	1,8	1,7	4	4
7	HTX Thương mại	984	1.377	2.354	2.883	2.983	3.712	8.554	21.017
	% so tổng dư nợ TDH	1,5	1,4	1,4	1,5	1,2	1,2	2,1	4,1
8	HTX khác	1.616	2.262	3.868	4.734	4.921	5.893	15.598	21.135
	% so tổng dư nợ TDH	2,5	2,3	2,3	2,5	2,1	1,9	3,9	4,2
	Tổng dư nợ TDH	64.860	96.619	165.379	190.450	236.838	302.706	401.403	508.203

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

Bảng số liệu 2.11 về dư nợ tín dụng trung dài hạn kinh tế HTX theo ngành cho thấy khi kinh tế HTX đã chuyển đổi theo Luật HTX, các hoạt động dần ổn định và đến nay, về cơ bản kinh tế HTX đã thoát ra khỏi khủng hoảng. Đó là một điều kiện thuận lợi dần để tiếp cận vốn TDNH.

Qua các năm từ 2000 đến năm 2007, tín dụng trung dài hạn của kinh tế HTX ở tất cả các ngành nghề đã tăng năm sau cao hơn năm trước, bình quân tăng 70%/năm và nếu so năm 2007 với năm 2000 thì tỷ lệ tăng đạt gần 700%. Đây là một con số đáng khích lệ, cho thấy kinh tế HTX đã đầu tư tăng về năng lực tài sản cố định, đã chú ý nâng cao sức cạnh tranh trong thời kỳ mới.

Tín dụng trung dài hạn tăng trưởng mạnh ở các HTX thuộc ngành giao thông vận tải, năm 2007 so năm 2000 dư nợ tăng gấp 30 lần. Vốn tín dụng trung dài hạn đã sử dụng mua sắm, đóng mới các phương tiện để khai thác sử dụng, góp phần quan trọng tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh của các HTX này.

Trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng trung dài hạn năm 2007 cũng gấp 5 lần năm 2000. Vốn tín dụng trung dài hạn bình quân chiếm 52,1%. Vốn tín dụng đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, áp dụng tiến bộ công nghệ để tăng sức cạnh tranh của các hàng hoá, dịch vụ trong các HTX ngành này.

Các HTX Nông Lâm nghiệp cũng có mức tăng TD trung dài hạn giai đoạn này gấp gần 5 lần. Tuy nhiên, số lượng các HTX nông lâm nghiệp lớn nhất trong số các HTX nên mức vốn tăng này còn hết sức khiêm tốn.

Các HTX khác cũng có mức tăng trưởng tín dụng trung dài hạn khác nhau, nhưng với tỷ lệ tăng cũng như số tuyệt đối không lớn.

Như vậy, tín dụng trung dài hạn đã có tham gia tăng dần qua các năm và tập trung cho phát triển sản xuất kinh doanh - dịch vụ ở tất cả các ngành nghề của kinh tế HTX, khẳng định vai trò thúc đẩy kinh tế HTX ngày một phát triển.

**Bảng số 2.12: Dự nợ tín dụng trung dài hạn kinh tế HTX theo vùng
kinh tế giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Vùng	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Miền núi phía Bắc	4.560	6.840	10.260	14.136	17.103	22.433	27.739	25.600
	% so tổng số	7	7,1	6,2	7,4	7,2	7,4	6,9	5
2	Đ. bằng bắc bộ	27.061	37.885	60.616	70.229	92.060	116.391	125.445	142.501
	% so tổng số	41,7	39,2	36,7	36,9	38,9	38,4	31,3	28
3	Khu 4 cũ	5.036	7.554	19.277	23.176	29.106	32.545	36.282	44.115
	% so tổng số	7,8	7,8	11,7	12,2	12,3	9,8	9	8,7
4	Duyên Hải miền Trung	18.814	27.844	44.550	48.447	55.345	76.061	130.198	173.691
	% so tổng số	29	28,8	26,9	25,4	23,4	25,1	32,4	34,1
5	Tây Nguyên	7.493	13.675	25.233	27.842	35.503	44.825	71.881	93.379
	% so tổng số	11,5	14,2	15,2	14,6	15	14,8	17,9	18,4
6	Đông Nam Bộ	70	119	309	950	1.012	1.493	3.953	12.760
	% so tổng số	0,1	0,1	0,2	0,5	0,4	0,5	1	2,5
7	Tây Nam Bộ	1.826	2.702	5.134	5.670	6.709	8.958	5.905	16.157
	% so tổng số	2,8	2,8	3,1	3	2,8	2,9	1,5	3,2
	Tổng số	64.860	96.619	165.379	190.450	236.838	302.706	401.403	508.203

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

Tín dụng trung dài hạn được phân loại theo vùng kinh tế (Bảng số 2.12) đã cho thấy tất cả các vùng, qua các năm đều tăng trưởng. Tăng trưởng mạnh nhất là vùng Đồng bằng Bắc bộ và vùng Duyên hải miền Trung.

Tuy nhiên, còn có sự chênh lệch quá xa giữa các vùng trong việc tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng trung dài hạn từ ngân hàng.

Năm 2007, dư nợ vùng đồng bằng Bắc bộ gấp 78 lần dư nợ vùng Đông Nam Bộ.

Vùng đồng bằng Bắc bộ với số lượng HTX vượt trội đã sử dụng 38,4% tổng số vốn tín dụng trung dài hạn của cả nước (năm 2007).

Tiếp đó là vùng Duyên hải miền Trung (25%), Tây nguyên (14,8%). Đáng quan tâm là các HTX vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ tiếp cận với nguồn vốn này chưa đáng kể.

Phong trào HTX ở vùng Đông Nam bộ và vùng Tây Nam bộ ra đời sau này, nhưng các HTX mới thành lập đều phát triển vững chắc và vốn tín dụng trung dài hạn cũng đã có bước tăng trưởng.

Tuy nhiên, vốn tín dụng trung dài hạn đã có ở tất cả các vùng kinh tế trên cả nước nói lên một sự hiện diện cần thiết cho quá trình phát triển đi lên của kinh tế HTX.

Những vùng có vốn này tăng trưởng mạnh qua 5 năm như vùng đồng bằng Bắc bộ tăng 4,3 lần, Duyên Hải miền Trung tăng 4 lần, Tây nguyên tăng 5,9 lần sẽ là kinh nghiệm, động lực cho các vùng khác tăng trưởng theo.

- Tín dụng ngắn hạn đối với kinh tế HTX:

Giai đoạn 2000-2007, tín dụng ngắn hạn đối với kinh tế HTX ở Việt Nam đã có tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, bình quân tăng trưởng giai đoạn này là 33%.

Nếu so năm 2007 với năm 2000, mức tăng trưởng đạt khoảng 6 lần. Tín dụng ngắn hạn chiếm tỷ lệ trong tổng vốn tín dụng nói chung cho kinh tế HTX là 57,9% (xem bảng 2.11).

**Bảng số 2.13: Dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX theo ngành nghề
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Ngành Nghề	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
1	HTX NLN	39.368,5	59.153,2	84.117	86.723	81.264	106.008	121084	138232
	% tổng dư nợ	68,3	69,8	76,2	65	57,5	59	26,5	24,9
2	HTX Diêm nghiệp	1.207	1.941	4.570	5.899	6.119	7.580	8392	9402
	% tổng dư nợ	55,4	60,6	67,9	67,4	65,4	64,3	1,8	1,7
3	HTX Thủy sản	972	2.303	8.342	14.590	18.673	23.223	28301	35793
	% tổng dư nợ	15,9	25,7	42,2	49,2	52,5	51,8	6,1	6,4
4	HTX CN TTCN	36.853,2	48.746	75.196	78.248	72.560	86.715	110559	129941
	% tổng dư nợ	53,8	50,9	48,5	48	43,7	42,4	24,2	23,4
5	HTX GTVT	1.989	3.539	15.605	25.105	74.588	86.774	100392	136490
	% tổng dư nợ	29,3	25,6	45,1	46,3	59,7	54,7	22	24,5
6	HTX Xây dựng	5.759	6.636	11.091	12.224	15.164	19.454	22989	31396
	% tổng dư nợ	80,8	77,6	77,2	75,3	87,9	79,3	5	6,4
7	HTX TM	5.228	7.444	12.465	13.862	14.264	18.019	23138	29102
	% tổng dư nợ	84,2	84,4	84,1	82,8	82,7	82,9	5,1	5,2
8	HTX khác	5.005	10.431	21.741	24.204	26.241	35.930	41938	45397
	% tổng dư nợ	75,6	82,2	84,9	83,7	84,2	85,9	9,2	8,2
	Cộng	96.381,7	140.194	233.127	260.855	308.873	383.703	456793	555703

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

Các HTX Nông lâm nghiệp thì vốn tín dụng ngắn hạn năm 2007 đạt 138.232 triệu đồng, gấp 3,5 lần năm 2000, chiếm 27,6% trong tổng số vốn tín dụng ngắn hạn kinh tế HTX.

Các HTX CN-TTCN có mức tín dụng ngắn hạn năm 2007 đạt 129.941 triệu đồng, gấp hơn 4 lần năm 2000 và chiếm tỷ trọng 22,6% trong tổng số vốn cho vay kinh tế HTX.

HTX ngành Giao thông vận tải từ điểm xuất phát năm 2000 rất thấp, dư nợ 1.989 triệu đồng nhưng đến năm 2007 dư nợ đã đạt 136.490 triệu đồng, gấp 70 lần năm 2000. Các HTX ngành này đạt mức tăng trưởng dư nợ 58,6%, điều này đã khẳng định các HTX Giao thông vận tải SXKD ổn định vững chắc, hấp thụ vốn TDNH rất tốt.

HTX Thủy sản cũng có mức tăng trưởng khá, năm 2007 dư nợ ngắn hạn đạt 35.793 triệu đồng, gấp 35 lần năm 2000.

Vốn ngắn hạn của HTX xây dựng qua 7 năm, dư nợ ngắn hạn đã tăng 5,45 lần. Tỷ trọng của vốn này trong tổng số vốn vay ngân hàng từ 80,8% giảm xuống còn 6,4%. Như vậy, các HTX ngành xây dựng đã tăng vốn rất mạnh và vốn chủ yếu tồn tại ở dạng tài sản cố định. Mô hình HTX nhà ở đang tỏ ra rất hấp dẫn đối với xã viên, nhất là những người nghèo.

Tương tự, nhờ chuyển đổi kịp thời và đúng luật, các HTX thương mại đã sớm thích nghi với cơ chế mới, nhất là ở các thành phố lớn. Tại các HTX này, vốn vay ngắn hạn đã tăng 5,8 lần, nhưng tỷ lệ trong tổng vốn vay đã giảm từ 84,2% xuống còn 5,2%.

HTX các ngành khác đã được thành lập mới khá phong phú, đa dạng về tính chất công việc theo nguyên tắc HTX như: HTX y tế, HTX trường học, HTX nhà ở, HTX môi trường,... Các HTX dạng này cũng có những mức tăng trưởng dư nợ ngắn hạn khác nhau, năm sau cao hơn năm trước, cho thấy hoạt động của các HTX đã hấp thụ vốn tín dụng ngày càng tăng.

**Bảng số 2.14: Dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX theo vùng kinh tế
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Vùng	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Miền núi phía bắc	4.590	6.885	12.615	11.176	13.824	15.997	18242	22792
	% so dư nợ vùng	50,2	50	55,2	44,2	44,7	47,7	4,0	4,1
2	Đồng bằng bắc bộ	27.145,2	38.013	74.899	87.950	91.156	111.274	133297	169615
	% so dư nợ vùng	50,1	50	55,3	55,7	49,8	48,9	29,2	30,5
3	Khu 4 cũ	4.993	7.338	5.294	4.257	9.792	9.576	10116	11678
	% so dư nợ vùng	49,8	49,3	21,6	59,7	24,5	32,8	2,2	2,1
4	Duyên hải miền trung	25.460	36.796	66.135	73.550	94.301	109.889,2	130743	165505
	% so dư nợ vùng	57,5	57	59,8	60,3	63	59,1	28,6	29,8
5	Tây nguyên	14.162	17.941	25.963	29.736	37.777	55.325	69127	79013
	% so dư nợ vùng	65,4	56,8	50,8	51,7	51,6	55,3	15,1	14,2
6	Đông nam bộ	6.219	9.000	15.161	16.697	20.269	24.920,8	27973	31168
	% so dư nợ vùng	98,9	98,7	98,1	94,7	95,3	94,4	6,1	5,6
7	Tây nam bộ	13.812,5	24.221	33.060	37.489	46.754	56.721	67289	75982
	% so dư nợ vùng	87,4	90	86,6	86,9	87,5	86,4	14,7	13,7
	Cộng	96.381	140.194	233.127	260.855	308.873	383.703	456793	555793
	% so tổng dư nợ HTX	59,8	59,2	58,5	57,8	56,6	55,9	43	52,2

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [2]

Dư nợ ngắn hạn phân loại theo vùng kinh tế (xem bảng 2.14) cũng cho thấy 7 vùng kinh tế trên cả nước tuy mức độ hấp thụ vốn tín dụng ngắn hạn khác nhau, nhưng đều có tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

Các HTX đồng bằng Bắc bộ với truyền thống nhiều năm, tuy có những bước thăng trầm nhưng đã chứng tỏ tính ổn định trở lại, hấp thụ vốn tín dụng ngắn hạn đã khá hơn. Năm 2007 vùng này đã đạt dư nợ 169,6 tỷ đồng, gấp 5,5 lần năm 2000, chiếm 29% tổng dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX.

Vùng Duyên hải miền Trung cũng có mức hấp thụ vốn TD ngắn hạn đáng khích lệ, dư nợ tăng dần qua các năm và đạt 165,5 tỷ đồng năm 2007, gấp 6,6 lần năm 2000 và chiếm 28,6% tổng dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX.

Đặc biệt, vùng Tây Nam bộ, vốn TD ngắn hạn chiếm phần lớn trong tổng vốn tín dụng của kinh tế HTX, bình quân giai đoạn 2000-2007 tới 87,5%. Mức dư nợ tăng khá ổn định qua các năm.

Các vùng kinh tế khác, dư nợ TD ngắn hạn đều có mức tăng dần, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng số dư nợ ngắn hạn kinh tế HTX còn thấp, nhất là vùng miền núi phía Bắc mới đạt 4,1%.

Như vậy, tín dụng ngắn hạn kinh tế HTX đã có mức tăng trưởng dần qua các năm ở từng ngành cũng như từng vùng kinh tế. Điều đó đã khẳng định mức độ hấp thụ vốn ngân hàng tăng dần, SXKD của HTX đã có bước ổn định và phát triển, vốn tín dụng ngắn hạn đã rất cần thiết để bổ xung cho vốn lưu động thiếu của HTX trong quá trình SXKD. Tuy nhiên, mức vốn này còn quá khiêm tốn, dàn trải, những vùng kinh tế giàu tiềm năng như vùng Đông Nam Bộ (trong đó có TP Hồ Chí Minh), các HTX hấp thụ vốn còn kém. Vốn tín dụng ngắn hạn chiếm tỷ lệ cao hơn vốn TD trung dài hạn, nên chỉ đáp ứng một phần nhu cầu thiếu vốn tạm thời, chưa có tác động mạnh tới việc nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh của kinh tế HTX.

2.2.3. Chất lượng tín dụng cho vay hợp tác xã và xử lý rủi ro

Luật HTX năm 2006, có hiệu lực từ 01/01/1997. Khi chuyển đổi hoạt động, những HTX có đủ điều kiện thì chuyển sang HTX kiểu mới những HTX không đủ điều kiện sẽ bị giải thể. Gắn liền với quá trình chuyển đổi, có

nhiều HTX mới được thành lập. Để phân tích đúng thực trạng về vốn của các loại hình HTX khi hoạt động theo luật, ta nghiên cứu bảng số 2.15 sau đây:

Các HTX phân theo 9 ngành nghề cho thấy đa số các HTX sau khi chuyển đổi theo Luật HTX hoặc thành lập mới đã tự cân đối được vốn trong kinh doanh của mình. Một số ngành nghề sau khi trừ đi số phải trả, vốn cho hoạt động vẫn còn khá là: HTX vận tải, HTX CNTT, HTX nông-lâm nghiệp.

Các HTX Nông-lâm nghiệp trong số nợ phải thu, chủ yếu là phải thu từ xã viên nợ HTX (80,5%), nợ phải trả NH chiếm 29,6% nợ phải trả. Sau khi cân đối giữa nợ phải thu và phải trả thì bình quân 1 HTX còn 42,62 triệu đồng. Nếu cộng các nguồn vốn khác nữa thì được 375,89 triệu đồng.

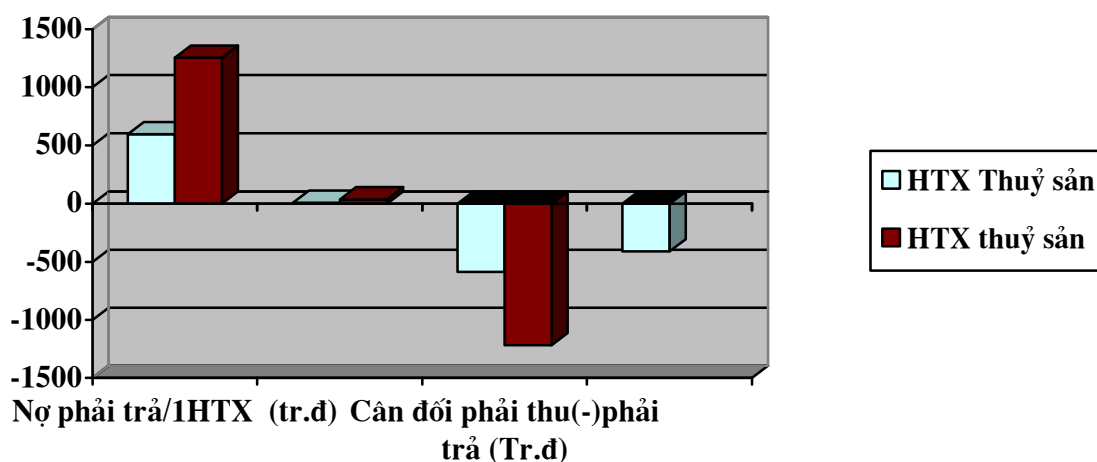
HTX Thủy sản là mô hình HTX đã chuyển đổi và thành lập mới duy nhất bị mất cân đối vốn do chủ yếu vay đóng tàu khai thác xa bờ, xã viên nợ (93%) không trả được nợ (một số chây ì). Bên cạnh đó, một số HTX nuôi trồng thủy sản miền Trung gặp thiên tai mưa lũ đã mất hết sản phẩm hàng hóa. Vì vậy, các HTX này đã không còn khả năng thanh toán công nợ, trong đó có nợ Ngân hàng 24%.

HTX Giao thông vận tải, HTX tín dụng đã chuyển đổi thành lập mới có số vốn chủ sở hữu lớn, nên mặc dù cân đối nợ phải trả với số -12,42 triệu đồng. Nhưng do vốn tự có lớn, nên cân đối vốn bình quân vẫn đạt mức cao nhất là 1837,1 triệu đồng.

Các HTX CN-TTCN và HTX Xây dựng thành lập mới cũng có vốn chủ sở hữu lớn đã giúp cho các HTX này SXKD dịch vụ ổn định, có bước phát triển vững chắc.

Bảng số 2.15: Nợ phải thu, phải trả và cân đối khả năng vốn của HTX để trả nợ năm 2007

STT	HTX theo ngành nghề	Nợ phải trả/1HTX (tr.đ)	T.đó nợ NH (%)	Nợ phải thu/1HTX (Tr.đ)	T.đó xã viên nợ HTX (%)	Cân đối phải thu (-) phải trả (Tr.đ)	Cân đối vốn HTX (-) phải trả (Tr.đ)	Đánh giá về vốn HTX
A	HTX đã chuyển đổi							
1	HTX N - lâm nghiệp	72,89	29,6	115,51	80,5	42,62	375,89	Còn vốn
2	HTX Diêm nghiệp	132,42	0,0	0,00		-132,42	311,37	Còn vốn
3	HTX Thủy sản	597,23	24	7,72	93,0	-589,51	-409,64	mất vốn
4	HTX CN-TTCN	199,75	4,1	79,26	6,2	-120,48	557,57	Còn vốn
5	HTX Giao thông VT	270,21	2,2	30,61	39,2	-239,6	945,57	Còn vốn
6	HTX xây dựng	238,31	3,7	276,84	12,1	38,53	364,86	
7	HTX thương mại	467,9	1,0	205,79	1,4	-262,11	85,88	
8	HTX tín dụng	1970,34	0,0	1618,19	94,4	-352,15	893,8	
9	HTX khác	122,2	1,6	92	14,5	-30,21	435,21	
B	HTX mới thành lập							
1	HTX N - lâm nghiệp	20,58	29,1	18,5	38,4	-2,08	33,18	
2	HTX Diêm nghiệp	58,33	100	60	100	1,67	13	
3	HTX thủy sản	1254,76	65,6	37,21	9,2	-1217,6	-1080,8	Mất vốn
4	HTX CN-TTCN	156,26	43	94,72	27,6	-61,54	475,74	
5	HTX giao thông VT	90,83	9,4	78,41	302	-12,42	1837,1	
6	HTX xây dựng	93,26	37,4	132,99	4,1	39,73	397,63	
7	HTX thương mại	207,68	12,3	53,24	23,7	-154,44	36,9	
8	HTX tín dụng	901,46	18,5	730,67	70,6	-170,79	93,13	
9	HTX khác	80,96	9,9	19,28	5,9	-61,68	74,06	



Biểu đồ 2.6: Nợ phải thu, phải trả và cân đối khả năng vốn của HTX để trả nợ năm 2007

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Liên minh các HTX Việt Nam [7]; 6]

Qua bảng số liệu nói trên cho thấy, chỉ có các HTX ngành thủy sản bị mất cân đối vốn, hoạt động rất khó khăn, còn lại các HTX thuộc các ngành khác việc cân đối vốn ở những mức cao thấp khác nhau nhưng về cơ bản, hoạt động đã có thể ổn định, là nền tảng để phát triển SXKD trong những năm tiếp theo.

Rủi ro tín dụng được biểu hiện ban đầu ở dư nợ quá hạn. Trở lại nghiên cứu bảng 2.9 (tổng dư nợ kinh tế HTX theo ngành nghề) giai đoạn 2000-2007: Nợ quá hạn bình quân kinh tế HTX là 14,49% (chỉ số trung bình cho phép là 5%). Nợ quá hạn cao ở tất cả các ngành nghề đã chứng minh tính kém hiệu quả của kinh tế HTX và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của HTX kiểu mới mà cho đến nay ấn tượng về HTX kiểu cũ vẫn khó phai mờ trong xã viên HTX và những nhà đầu tư, trong đó có Ngân hàng. Số dư nợ quá hạn chủ yếu là tồn tại của những năm trước đây để lại chưa xử lý được.

HTX Nông lâm nghiệp, dư nợ quá hạn năm 2000 là 22,5%, số tuyệt đối 12.976 triệu đồng, đến năm 2007 tỷ lệ này là 4,2%, số tuyệt đối là 7.490 triệu đồng.

HTX CN-TTCN năm 2000 tỷ lệ nợ quá hạn 20,7% bằng 14.179 triệu đồng, đến năm 2007 tỷ lệ này còn 4,6%, tương ứng với 9.413 triệu đồng.

HTX Giao thông vận tải năm 2000 tỷ lệ nợ quá hạn 22,7% bằng 1.545 triệu đồng, đến năm 2007 vốn tín dụng tăng trưởng rất mạnh (dư nợ gấp 23,29 lần năm 2000) nhưng tỷ lệ nợ QH cũng rất nhỏ: 2,2% bằng 3.490 triệu đồng.

HTX các ngành nghề khác cũng có tỷ lệ nợ quá hạn trên 20% vào năm 2000 và tỷ lệ này giảm dần.

Nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn có rất nhiều, nhưng có thể tóm tắt những nguyên nhân chính như sau:

Nguyên nhân khách quan: Một số do thiên tai như bão lũ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất của các HTX Nông nghiệp, Thủy sản, Giao thông vận tải. Những dịch sâu bệnh phá hoại nặng nề mùa màng, dịch bệnh phá hoại nghề nuôi trồng thủy sản ...

Nguyên nhân chuyển đổi một số chính sách vĩ mô có ảnh hưởng đến SXKD, việc làm dẫn đến không trả được nợ đúng hạn như: Chính sách chấn chỉnh quản lý và xuất khẩu than đã làm cho một loạt HTX vận tải mất việc làm, trong khi đó lãi suất những năm trước đây vẫn cao, các HTX gồng mình để trả lãi NH trong khi đó ăn vào vốn lúc nào không rõ.

Nguyên nhân chủ quan: Do bản thân các dự án xin vay vốn NH tính toán không kỹ lưỡng, thiếu khả thi nên không phát huy được hiệu quả, đồng vốn không quay vòng sinh lời được, trong khi đó vốn chủ sở hữu của HTX thấp dẫn đến nợ quá hạn không trả được. Bên cạnh đó là những nguyên nhân như về trình độ quản lý, do công nợ từ xã viên lớn, ...

Rủi ro tín dụng là điều không thể tránh được trong quá trình SXKD, tuy nhiên nó chỉ phát sinh trong tầm kiểm soát, chấp nhận được (không lớn hơn 4% dư nợ). Mặc dù tỷ lệ nợ QH cao vào năm 2000, nhờ việc xử lý bằng các chính sách và các HTX tích cực trả nợ (sẽ nghiên cứu dưới đây), đến năm

2005 tỷ lệ nợ QH của kinh tế HTX đã trở về con số chấp nhận được (4,36%) và đến năm 2007 tỷ lệ giảm thấp hơn.

Trước những rủi ro tín dụng của kinh tế HTX, ngành NH cũng đã tích cực giải quyết các công việc sau:

- Tích cực đôn đốc các HTX trả nợ bằng cách tận thu vốn tại các dự án xin vay vốn Ngân hàng, giải quyết công nợ từ các đối tác và xã viên để hoàn trả nợ Ngân hàng.

- Xử lý phát mại một số tài sản thế chấp để vay vốn Ngân hàng đối với những tài sản chuyển hoá được như tàu thuyền, máy móc thiết bị, một số đất đai nhà xưởng... Tuy nhiên, cũng còn nhiều tài sản, Ngân hàng nhận làm thế chấp nhưng khi xử lý không thực hiện được như: Các trạm bơm nước, trạm điện, đất đai và văn phòng HTX, ...

- Thực hiện miễn giảm lãi, khoan nợ đối với những HTX vay vốn SXKD khó khăn do nguyên nhân khách quan để từ đó có thể cho vay các dự án SXKD có hiệu quả mới được.

- Ngân hàng cùng với các ngành khác chấp hành các quyết định của Chính phủ để xoá nợ có nguồn gốc từ ngân sách cho kinh tế HTX như: Quyết định 146/2001/QĐ-TTg, ngày 02/10/2001 về xoá nợ cho HTX nông nghiệp; Quyết định 147/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2001 về xoá nợ cho các HTX phi nông nghiệp. Tổng số tiền xử lý nợ đọng này là: 12.391,7 triệu đồng.

Với các hình thức xử lý nợ tích cực, đồng bộ như trên, nợ quá hạn từ trước để lại, giai đoạn 2000-2007 đã giảm dần từ 21,4% năm 2000 xuống còn 4,36% năm 2007, trong khi tỷ lệ nợ quá hạn cho phép là không quá 5%.

Đến nay, cơ chế xử lý rủi ro của Ngân hàng thương mại đã được xác lập tương đối đầy đủ, hoàn thiện theo thông lệ quốc tế, theo đó Nhà nước cấp đủ vốn điều lệ cho Ngân hàng TM hoạt động và đề cao tính tự chủ trong hoạt động. Việc xử lý rủi ro do Ngân hàng chủ động nên sẽ được giải quyết nhanh

chóng. Tuy nhiên bên cạnh đó kinh tế HTX phải hoạt động thực sự hiệu quả, các vấn đề về thế chấp, bảo lãnh khi xử lý có tính hiện thực hơn, dễ dàng hơn thì khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của kinh tế HTX mới tốt lên được.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

2.3.1. Kết quả đạt được

2.2.3.1. Tín dụng ngân hàng góp phần phát triển số lượng HTX

a. Tạo điều kiện thuận lợi đối với các HTX mới thành lập dễ dàng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, sớm ổn định và phát triển các hoạt động

Luật HTX ra đời và có hiệu lực từ 01/01/1997, được sửa đổi năm 2003, đã tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho các HTX kiểu mới ra đời và nhanh chóng đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả.

Các ưu thế của HTX mới thành lập đó là:

- Mọi việc đều bắt tay vào làm ngay được, không phải giải quyết những gánh nặng tồn tại cũ như các HTX chuyên đổi mà trong đó có những vấn đề rất nan giải như công nợ, tài sản, bộ máy, định hướng SXKD mới,... Đây là một thuận lợi đầu tiên để các NHTM dễ dàng chấp nhận cho vay mới phù hợp với các quy định tín dụng hiện hành.

- Bộ máy quản lý và điều hành, cán bộ lãnh đạo HTX mới sau khi đã nghiên cứu thăm dò tình hình SXKD, nhu cầu cộng đồng với tư duy mới lại được trang bị bởi Luật HTX, đã thành lập HTX với độ chín muồi cần thiết để đứng vững trên thị trường. Yếu tố này vừa thuận lợi trong việc xây dựng dự án vay vốn có tính thuyết phục, lại vừa nhanh và đảm bảo các nguyên tắc cho vay.

- Vốn góp cổ phần được các thành viên góp vốn đầy đủ ngay từ đầu ở nhiều dạng khác nhau đã tạo ra thế chủ động trong SXKD. Bởi vậy việc tham gia cho vay vốn tín dụng của các NHTM có cơ sở hơn. Tức là các dự án của HTX có vốn tự có tham gia.

- Do có định hướng SXKD rõ ràng ngay từ đầu nên đã tiếp cận được thuận lợi với sự hỗ trợ từ phía Nhà nước các chính sách đối với phát triển kinh tế HTX, tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng ngân hàng để từng bước phát triển vững chắc.

b. Tín dụng Ngân hàng tạo điều kiện cho các HTX mới thành lập thực hiện kinh doanh tổng hợp và đa năng, nâng cao vai trò đối với xã viên:

Giai đoạn 2000-2007, ngoài các HTX cũ đã chuyển đổi, đã có 8.114 HTX mới ra đời một cách tự nguyện. Theo Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, bình quân mỗi năm có trên 1.000 HTX mới thành lập.

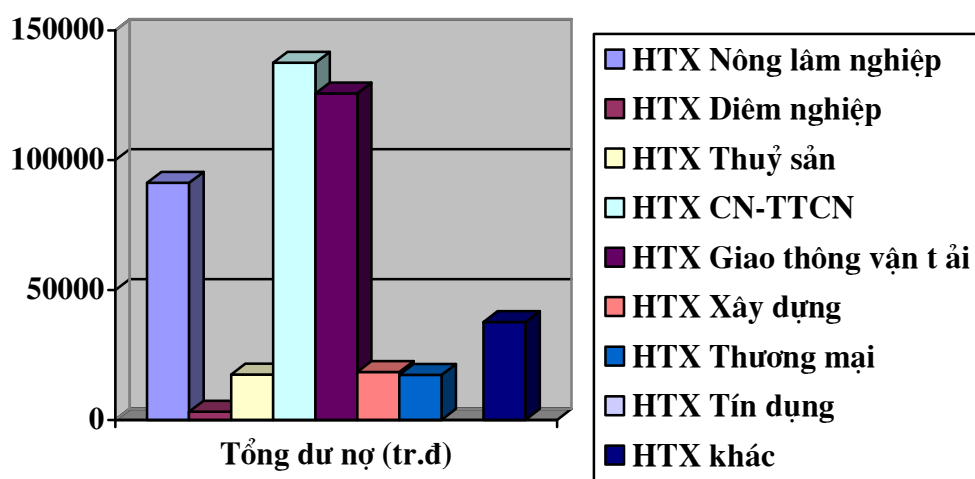
Các HTX thành lập mới đều tuân thủ các nguyên tắc của Luật HTX, có hình thức tổ chức và phương thức hoạt động đa dạng, linh hoạt, tùy thuộc vào đặc điểm của từng ngành nghề, từng địa phương và do các xã viên cùng góp vốn và thống nhất phương án sản xuất kinh doanh. Ở nhiều HTX, xã viên tham gia không chỉ bao gồm các cá nhân, hộ kinh tế gia đình mà còn gần các chủ trang trại, hộ tiểu chủ, nhà khoa học, cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa. Xã viên tham gia HTX đều góp vốn với mức bình quân nhìn chung cao hơn các HTX chuyển đổi. Mức phổ biến của các HTX phi nông nghiệp từ 10-15 triệu đồng/xã viên, HTX nông nghiệp từ 1-3 triệu đồng/ xã viên. Nhiều HTX mới có vốn góp lên đến hàng tỷ đồng. Các HTX mới có định hướng SXKD rõ ràng, tập hợp được đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, mạnh dạn và năng động trong đầu tư, vì thế phần lớn là các HTX hoạt động có hiệu quả. Đây là những điều kiện rất quan trọng để tiếp cận tín dụng ngân hàng và ngược lại, khi tiếp cận được vốn sẽ kích lệ các HTX mới với các điều kiện đầy đủ được ra đời. Vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho các HTX mới thành lập được thể hiện ở bảng 2.14 dưới đây:

Tổng dư nợ các HTX thành lập mới đến năm 2007 là 448.393 triệu đồng, bằng 65,3% tổng dư nợ cho kinh tế HTX (tổng dư nợ kinh tế HTX 686.409 triệu đồng). Các HTX nông lâm nghiệp thành lập mới nhiều nhất, tập trung nhiều ở các tỉnh miền núi phía Bắc và các tỉnh Nam bộ. Dư nợ các HTX

nông lâm nghiệp thành lập mới chiếm 51,2% tổng dư nợ HTX cùng ngành. Các HTX khác được thành lập mới như các HTX dịch vụ.

Bảng số 2.16: Vốn tín dụng ngân hàng đối với các HTX mới thành lập đến hết năm 2007

TT	HTX theo ngành nghề	Tổng số HTX	Tổng dư nợ (tr.đ)	Dư nợ BQ 1 HTX (tr.đ)
1	HTX Nông lâm nghiệp	2266	91315	40.3
2	HTX Diêm nghiệp	8	3127	390.8
3	HTX Thủy sản	124	17474	140.9
4	HTX CN-TTCN	1633	137438	84.2
5	HTX Giao thông vận tải	1135	125689	110.7
6	HTX Xây dựng	372	18413	49.5
7	HTX Thương mại	431	17297	40.1
8	HTX Tín dụng	457	-	-
9	HTX khác	1688	37640	22.3
	Cộng:	8114	448393	55.26



Biểu đồ 2.7: Vốn tín dụng ngân hàng đối với các HTX mới thành lập đến hết năm 2007

Nguồn: NHNN Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam [7];[6]

Trong giai đoạn này các HTX hoạt động quản lý dịch vụ Điện, HTX quản lý chợ, HTX rau sạch, HTX chế biến sữa, HTX vệ sinh môi trường, HTX nước sạch, HTX của những người tàn tật, HTX của những cựu chiến binh, HTX trường học... đã phát triển mạnh gắn với các nhu cầu của các giới, các tầng lớp, nhóm đối tượng khác nhau vì mục tiêu giúp đỡ nhau làm kinh tế, khắc phục khó khăn để vượt nghèo, xoá đói giảm nghèo, đề cao tinh thần cộng đồng. Các HTX này cũng được ngân hàng hỗ trợ về vốn 37.640 triệu đồng, chiếm 89,9% tổng vốn tín dụng cho HTX cùng loại này.

Các HTX thành lập mới có mức dư nợ cao so với tổng dư nợ HTX cùng ngành nghề đó là: HTX giao thông vận tải 79,2%, HTX thương mại 79,6%, HTX xây dựng 74,9%, HTX CN - TTCN 67,2%.

Tuy nhiên, mức tín dụng Ngân hàng bổ sung vốn thiếu cho các HTX cho HTX thành lập mới bình quân chung cũng còn hạn chế ở mức 55,26 triệu đồng/ HTX . Một số HTX thành lập mới có mức vốn tín dụng ngân hàng bình quân cao như HTX Diêm nghiệp, HTX thuỷ sản nhưng số lượng HTX này nhỏ và còn đối mặt với nhiều rủi ro từ những điều kiện thiên nhiên đưa lại nên còn thiếu tính bền vững. Các HTX tín dụng vẫn chưa có cơ chế và chưa tiếp cận được vốn tín dụng từ các Ngân hàng thương mại khi cần thiết.

Như vậy, tín dụng Ngân hàng đã bước đầu hỗ trợ tích cực sản xuất kinh doanh đối với các HTX mới được thành lập, tạo điều kiện thuận lợi về mặt tài chính để các HTX này phát triển sản xuất kinh doanh, khẳng định chỗ đứng trên thị trường. Từ đó, khích lệ các HTX khác hội đủ điều kiện, tiếp tục thành lập mới, mở rộng SXKD và nâng cao phúc lợi cộng đồng.

2.3.1.2. Tín dụng Ngân hàng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động HTX

a. Mối quan hệ tổng mức vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế HTX thể hiện ngày càng rõ ràng, chặt chẽ, hiệu quả ngày càng tăng

Tổng hợp báo cáo của các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, hiệu quả kinh tế HTX đạt được giai đoạn 2000-2007 thể hiện ở bảng 2.17.

**Bảng số 2.17: Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh của HTX
giai đoạn 2000 - 2007**

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Giá trị SX của kinh tế HTX	58.838,3	59.488,3	60.282,8	62.132,1	64.672	69.865	75.112	83.292
2	Giá trị gia tăng (GDP) kinh tế HTX	23.535,3	23.795,3	24.123,7	25.039,8	26.398	27.946	29.386	32.106
	% so GDP cả nước	8,6	8,1	8,0	7,7	7,8	7,6	7,4	7,38
3	Tổng vốn đầu tư cho HTX	11.088,3	11.758,5	11.892	12.308	13.507	14.314	15.050	15.318
4	Giá trị SX/Tổng vốn đầu tư	5,3	5,06	4,84	4,96	4,98	4,75	4,82	4,68
5	GDP/Tổng vốn đầu tư	2,12	2,02	1,94	2	2,03	1,9	1,81	1,87
6	Tỷ suất lợi nhuận (P/vốn)(%)	4,72	5,07	5,12	5,23	5,67	6,18	5,97	6,05
7	Giá trị xuất khẩu trực tiếp của HTX	7	7,17	7,59	8,32	10,15	15,1	21,3	26,8
8	Thu nhập BQ 1 lao động	3,35	3,85	4,62	4,31	4,92	5,81	7,73	8,15

Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư [11]

Khi tổng vốn đầu tư cho kinh tế HTX tăng thì giá trị sản xuất và giá trị gia tăng (GDP) của kinh tế HTX đều tăng. Nói cách khác, tổng vốn đầu tư tỷ lệ thuận với giá trị sản xuất và GDP của kinh tế HTX. Tốc độ tăng vốn đầu tư cho kinh tế HTX giai đoạn 2000-2007 bình quân đạt 6,5% đã giúp cho giá trị sản xuất tăng bình quân 3,74% và GDP tăng bình quân 3,74%. Điều này cũng làm rõ một thực trạng là tổng mức vốn đầu tư cho kinh tế HTX còn quá thấp cả về số tương đối và số tuyệt đối nên mức gia tăng GDP chỉ đạt mức 3,74% thấp hơn nhiều mức tăng GDP bình quân của nền kinh tế giai đoạn này (7,5%).

Nhờ mức tăng vốn đầu tư và mở rộng thị trường mà giá trị xuất khẩu trực tiếp của kinh tế HTX tuy số tuyệt đối còn ở mức khiêm tốn nhưng cũng

có những bước phát triển đáng khích lệ. Năm 2007, giá trị xuất khẩu trực tiếp gấp gần 4 lần năm 2000. Tỷ suất lợi nhuận/ vốn cùng năm sau cao hơn năm trước: Năm 2000 đạt 4,72%, đến năm 2005 đã tăng lên và đạt 6,18%, năm 2007 đạt 6,05%. Thu nhập bình quân 1 lao động trong HTX đạt 3,35 triệu đồng (năm 2000) đã tăng dần qua các năm và đã đạt 5,81 triệu đồng năm 2005,... và 8,15% vào năm 2007.

Như vậy vốn đầu tư đã gắn bó chặt chẽ, là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến giá trị sản xuất và giá trị gia tăng (GDP) của kinh tế HTX. Khi mức vốn đầu tư tăng thì giá trị sản xuất và GDP tăng và ngược lại. Giai đoạn 2000-2007, tổng vốn đầu tư cho kinh tế HTX đã tăng dần qua các năm, đã làm cho giá trị sản xuất và GDP tăng lên. Tuy nhiên, hiệu quả của vốn đầu tư cũng còn tùy thuộc vào mức độ hấp thụ, trình độ quản lý của HTX.

b. Mối quan hệ vốn tín dụng ngân hàng và hiệu quả kinh tế HTX ngày càng được thể hiện rõ và nâng cao

Vốn tín dụng ngân hàng là một bộ phận nằm trong tổng vốn đầu tư cho kinh tế HTX: Như trên ta đã nghiên cứu, nếu không có vốn đầu tư thì không có giá trị sản xuất và GDP của kinh tế HTX và vốn đầu tư tỷ lệ thuận với hai nhân tố này.

Khi cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung bao cấp đã xoá bỏ, thì vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước chỉ được giới hạn ở một mức nhất định và giảm dần.

Vốn vay từ xã viên và vay khác chỉ ở quy mô nhỏ. Vốn tự có của HTX cũng chỉ ở một mức độ cho phép. Trong khi đó vốn tín dụng ngân hàng có khả năng đáp ứng với quy mô lớn, thời hạn phù hợp, với đòn bẩy lãi suất kích thích nâng cao hiệu quả trong sử dụng sẽ trở thành vai trò quan trọng, quyết định mức tăng giá trị sản xuất và GDP của kinh tế HTX. Khi có nhiều dự án tốt, vốn vay ngân hàng tăng thì hiệu quả kinh tế xã hội sẽ tăng theo.

Theo số liệu tại Bảng số 2.18 về cơ cấu vốn đầu tư qua các năm, giai đoạn 2000-2007, vốn vay đầu tư cho kinh tế HTX xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là: Vốn vay từ xã viên, vốn vay tín dụng ưu đãi Nhà nước, vốn vay ngân hàng.

Bảng số 2.18: Cơ cấu vốn đầu tư của HTX qua các năm 2000-2007

STT	Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
	Tổng vốn đầu tư cho HTX	11.088	11.758	11.892	12.308	13.507	14.314	15.050	15.318
	- Vốn tự có	7.960,8	8.567	8.698	8.893,7	9.289,2	10.402	10.920	11.031
	- Vốn vay	3.127,5	3.191,5	3.194,6	3.415	3.768,4	3.912,3	4.129,9	4.286,9
1	Vay Ngân hàng	181,2	236,8	398,5	451,3	545,7	686,4	858,2	1.064
	% so vốn vay	5,8	7,4	12,5	15,8	14,5	17,5	20,7	24,8
2	Vay ưu đãi Nhà nước	929,5	543	545,2	540	550	561	586,2	617,1
	% so vốn vay	29,7	17	17,1	16	14,6	14,3	16,8	14,3
3	Vay từ xã viên	1.171,3	1.804	1.658,4	1.720,4	1.776,4	1.990,4	2.041,2	2.149,2
	% so vốn vay	37,4	56,5	51,9	50,4	47,1	50,9	49,4	50,1
4	Vay khác	845,5	607,7	592,7	693,3	896,7	674,5	644,3	456,6
	% so vốn vay	27,1	19,1	18,5	17,8	23,8	17,3	13,1	10,8

Nguồn: Liên minh HTX Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư [6]; [11]

Với cơ cấu vốn như trên giai đoạn này kinh tế HTX chủ yếu tự thân vận động theo chu trình khép kín, ít có sự liên kết với các nguồn vốn thương mại từ bên ngoài và phát triển ở quy mô nhỏ, sức cạnh tranh yếu ớt nên xã viên là những người chịu thua thiệt nhiều nhất.

Tuy nhiên giai đoạn này cũng đã phản ánh một xu hướng đó là: Tổng vốn vay qua các năm tăng dần, tốc độ gia tăng vốn vay bình quân đạt 7,7%. Trong tổng vốn vay, vay ưu đãi Nhà nước giảm dần 29,7% năm 2000, còn 14,4% năm 2005 và 15,5% vào năm 2007. Vay khác giảm dần từ 29,8% năm

2000, còn 19,6 % năm 2005 và 31,9% vào năm 2007. Do yêu cầu khách quan cho phát triển vốn vay ngân hàng đã từ 5,2% năm 2000 trong tổng vốn vay tăng lên 16%. Vốn vay huy động trong nội bộ từ xã viên vẫn duy trì ở mức cao, chiếm chủ yếu, từ 35,3% năm 2000 tăng lên 50% năm 2005 và 40,5% năm 2007.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế HTX, vốn vay ngân hàng đã lấp dần khoảng trống từ nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước và vốn vay khác để lại. Vốn vay ngân hàng 2000-2007 đã tăng dần qua các năm và đạt tốc độ phát triển bình quân 11,05%. Vốn vay ngân hàng đã tăng cùng chiều với tổng vốn đầu tư, giá trị sản xuất và GDP của kinh tế HTX. Sự tham gia của vốn tín dụng ngân hàng ngày càng lớn dần đã làm cho kinh tế HTX phát triển năng động, bền vững, thích nghi với cạnh tranh nhanh hơn do phải tính toán tới hiệu quả tối ưu để đạt được nguyên tắc cơ bản của vốn tín dụng ngân hàng là hoàn trả gốc, lãi đúng hạn.

Như vậy vốn tín dụng ngân hàng ngày càng có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế HTX với lợi thế vốn có của nó. Giá trị sản xuất GDP và vốn tín dụng ngân hàng của kinh tế HTX luôn tăng năm sau cao năm trước trong giai đoạn 2000-2007. Nói cách khác, vốn tín dụng ngân hàng luôn tỷ lệ thuận với giá trị sản xuất và GDP của kinh tế HTX và vốn tín dụng ngân hàng đã dần khẳng định vai trò không thể thiếu, quy mô lớn dần.

2.3.1.3. Vốn tín dụng ngân hàng góp phần thay đổi qui mô SXKD, cơ cấu, chất lượng dịch vụ HTX

a. Đối với mô hình HTX quản lý tập trung:

Đây là mô hình mà mọi hoạt động SXKD của HTX được quản lý tập trung thống nhất, xã viên tự nguyện góp tài sản, góp vốn vào HTX và bầu ra Ban quản trị HTX điều hành mọi hoạt động SXKD theo điều lệ đã được đại hội xã viên qui định.

Qui mô SXKD do Ban Quản trị HTX quyết định trên cơ sở nghiên cứu tìm hiểu yêu cầu của thị trường và năng lực đáp ứng của HTX. Khi đã có thị trường, nhất là thị trường truyền thống, ổn định thì yếu tố vốn để tổ chức SXKD là quyết định. Tài sản và vốn góp của xã viên HTX có giới hạn nhất định. Vì vậy, vốn đi vay và cụ thể hơn là vốn vay Ngân hàng (tín dụng Ngân hàng) mới có khả năng đáp ứng đầy đủ, kịp thời những yêu cầu này. Qui mô SXKD càng mở rộng thì vốn TDNH càng tăng và ngược lại.

HTX Công nghiệp Tiến bộ quân Hai Bà Trưng Hà Nội thành lập năm 1989 và được chuyển đổi theo Luật HTX năm 1997. Mặt hàng SX chủ yếu là đồ gỗ và giấy vớ. Tuy nhiên, 3 năm đầu HTX SXKD cầm chừng, cơ sở SX cũ kĩ lạc hậu, sản phẩm hàng hoá không đủ sức cạnh tranh. Đại hội xã viên năm 2007 với phương châm “đánh giá đúng thị trường, đầu tư đúng hướng” và đã đi đến quyết định:

- Mở rộng phát triển ngành may.
- Thành lập công ty con bên cạnh HTX có chức năng xuất nhập khẩu trực tiếp, có pháp nhân và khả năng để ký các hợp đồng với nước ngoài, vận dụng kết hợp tốt giữa luật HTX và luật doanh nghiệp của công ty để hỗ trợ cho nhau trong từng công việc.
- Tiếp tục mở rộng SXKD trong việc củng cố nâng cao chất lượng SX giấy vớ, xây dựng đội xe du lịch - vận tải.

HTX đã liên kết với Công ty Tiến bộ xây dựng xưởng may xuất khẩu có qui mô hiện đại trên mặt bằng 5.120 m² đất được thành phố cho thuê sử dụng. HTX và công ty đã có 2 xưởng may xuất khẩu với 600 máy may có đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị chuyên dùng, 01 xưởng sản xuất giấy vớ học sinh, đội xe vận tải có 12 chiếc để vận chuyển hàng hoá và chuyên chở chuyên gia đi làm việc.

Đến năm 2001, HTX được thành phố cho thuê thêm 5.949 m² đất tại khu công nghiệp Vĩnh Tuy để xây dựng xưởng cơ khí, xưởng may và kho hàng. Năm 2003, HTX mở thêm ngành nghề kinh doanh in bao bì nhãn mác. Năm 2004 đầu tư thêm 2 máy in, đưa tổng số lên 5 chiếc. Đến hết năm 2007, hệ thống máy móc thiết bị của HTX bảo đảm việc làm thường xuyên cho 632 người, thu nhập bình quân 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng/ người/tháng. Giá trị sản phẩm hàng hoá năm sau cao hơn năm trước 30-35%, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách và các khoản đóng góp khác, BHXH của xã viên được đóng đầy đủ.

Có được qui mô sản xuất kinh doanh phát triển đưa lại thành quả trên, yếu tố hết sức quan trọng là đảm bảo được nguồn vốn khá ổn định. HTX đã được chi nhánh Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà nội cho vay vốn tín dụng từ năm 1994. Vốn tín dụng luôn theo sát quá trình phát triển của HTX, có thời gian HTX đã vay tới hàng chục tỷ đồng. HTX cũng rất có tín nhiệm trong vay trả Ngân hàng, đồng vốn phát huy hiệu quả rất tốt, HTX đã hoàn trả hết nợ Ngân hàng từ năm 2003. Hiện nay HTX đang dự kiến phát triển mở rộng quy mô đầu tư, tiếp tục đổi mới trang thiết bị hiện đại, cải tạo nâng cấp nhà xưởng, đầu tư thêm hai dây chuyền may xuất khẩu, nhu cầu vốn lớn là rất cần thiết. Tuy nhiên HTX còn vướng mắc khi tiếp cận NHCT nguồn vốn tín dụng ngân hàng như vấn đề tổ chức đại hội xã viên để quyết định hướng đầu tư, vấn đề thế chấp tài sản,...Nếu những vướng mắc này không sớm được giải quyết, nguồn vốn tín dụng ngân hàng không hỗ trợ kịp thời sẽ chắc chắn ảnh hưởng đến quy mô SXKD của HTX.

b. Đối với mô hình HTX dịch vụ hỗ trợ:

Đối với những HTX này, SXKD của kinh tế hộ xã viên được coi là yếu tố trung tâm để HTX phục vụ, nhằm phát triển hơn nữa SXKD của kinh tế hộ, tăng cường tính liên kết giữa các hộ. HTX đứng ra làm các dịch vụ mà từng

xã viên đơn lẻ không thể làm được, hoặc nếu làm được thì giá thành cũng rất cao. HTX là cầu nối giữa kinh tế hộ với các doanh nghiệp khác, với thị trường bên ngoài và HTX luôn bảo vệ quyền lợi của xã viên để tránh những thua thiệt, vốn TDNH tham gia hỗ trợ những HTX này mua sắm trang bị những máy móc thiết bị, bổ xung vốn lưu động thiếu trong quá trình thanh toán, luân chuyển hàng hoá dịch vụ. Nếu thiếu vốn TDNH thì các dịch vụ của HTX không thể mở rộng, với chất lượng ngày càng nâng lên được.

HTX dịch vụ nông nghiệp Mông Nhuận, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận được thành lập năm 1979, chuyển đổi hoạt động theo luật HTX năm 1997. Bước đầu, HTX hoạt động một số dịch vụ nông nghiệp cơ bản như: Điều hành gieo cấy, làm đất, thuỷ lợi tưới tiêu, nhận uỷ nhiệm thu thuỷ lợi phí bằng phương thức trả chậm, trích hoa hồng các dịch vụ, từ đó tích lũy dần về vốn để kinh doanh, kết hợp với vay vốn Ngân hàng, đến nay qui mô của các loại dịch vụ đã lớn mạnh; số lượng dịch vụ từ chỗ chỉ có 4-5, đến nay đã tới 12 dịch vụ, với các ngành nghề dịch vụ đa dạng của HTX đã góp phần thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Dịch vụ kinh doanh thương mại: HTX xây dựng phương kinh doanh cụ thể, tính toán hiệu quả kinh tế và lấy hiệu quả kinh tế thực tế mang lại để đo kết quả kinh doanh. Hình thức đầu tư và kinh doanh dịch vụ được cải tiến đổi mới thường xuyên như luôn có mặt hàng mới với giá cạnh tranh so với hàng hoá cùng loại thường dùng. Hàng hoá được phục vụ tới tận từng hộ xã viên.

- Dịch vụ phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ dại: HTX cung cấp đầy đủ các loại theo nhu cầu diện tích SX của từng hộ xã viên, chuyên chở đến tận nhà. Về giá cả, HTX luôn có chế độ ưu đãi đối với hộ xã viên, với phương châm mua tận gốc, bán tận ngọn, dịch vụ này doanh thu hàng năm 700-800 triệu đồng.

- Dịch vụ tiêu thụ nông sản: HTX và đối trọng với tư thương nhằm bình ổn giá trên địa bàn, bảo vệ quyền lợi xã viên, tổ chức thu mua sản phẩm hàng hoá hàng năm từ 200-250 tấn, doanh thu đạt 450-500 triệu đồng.

- Dịch vụ điện, vật tư điện và xăng dầu: Công trình lưới điện hạ thế được tu sửa, nâng cấp thường xuyên với chiều dài 5.420m. Toàn bộ lưới điện 3 pha, trụ bê tông, dây dẫn đạt qui cách chuẩn và trang bị đồng hồ cho xã viên. Mỗi năm tiêu thụ sản lượng điện gần 1 triệu KWh, doanh thu đạt 700 - 800 triệu đồng. HTX xây dựng một cửa hàng xăng dầu gần 500 triệu đồng bằng vốn vay Ngân hàng và một phần vốn tự có, doanh thu đạt 5,5 tỷ đồng/năm, một cửa hàng bán vật tư điện, nước và các dụng cụ khác với doanh thu 300 - 350 triệu đồng/năm.

- Dịch vụ xây dựng: nhận xây dựng các công trình kênh mương nội đồng, nhà ở cho xã viên, các công trình XDCB của HTX, doanh thu đạt 200-250 triệu đồng /năm.

- Dịch vụ hỗ trợ: Mục đích dịch vụ này là phục vụ theo yêu cầu nguyện vọng của xã viên, mà khả năng từng hộ không thể thực hiện được hoặc thực hiện kém hiệu quả, chi phí cao. Do đó HTX đứng ra thành lập ký kết hợp đồng với các tổ chuyên khâu: tổ thủy nông, tổ nhân giống và xử lý chất lượng giống lúa, tổ tu sửa và bảo quản hệ thống kênh mương, đường nội đồng, tổ bảo quản nông sản cho xã viên... nhằm giúp xã viên thuận lợi trong việc sản xuất và sản xuất có chất lượng hiệu quả hơn. Cụ thể: dịch vụ nhân lúa giống và cung cấp lúa giống: hàng năm HTX chuẩn bị đủ vốn, tổ chức SX giống lúa trên diện tích thuê 10 ha đất dự phòng của xã và qui hoạch vùng, rộng của xã viên ký hợp đồng từ 15-20 ha để nhân giống chất lượng cao. Sản lượng giống từ 350-400 tấn doanh thu từ 900 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/năm. Đối với dịch vụ này, xã viên có nhu cầu rất cao và quyết tâm nhất vì tạo được công ăn việc làm, tăng thu nhập cho xã viên. Về giá cả, HTX luôn ưu đãi cho xã viên, nếu

thanh toán bằng tiền mặt sẽ giảm giá 5% còn hợp đồng để cuối vụ mới trả thì không phải tính lãi.

- Dịch vụ làm đất và tuốt lúa: HTX chủ động đại diện cho xã viên đứng ra ký hợp đồng với các chủ máy cày ở địa phương, cùng với máy cày sẵn có của HTX là đối trọng bình ổn giá. Nhờ vậy đã đảm bảo thực hiện đúng qui trình kỹ thuật thời gian gieo cấy và giá rẻ so với bên ngoài. HTX tham gia dịch vụ này thực hiện cạnh tranh lành mạnh với các thành phần kinh tế khác, đảm bảo lợi ích thuộc về xã viên, nhất là hộ nghèo thiếu vốn sản xuất. 100% xã viên tham gia dịch vụ này, doanh thu đạt 350 - 400 triệu đồng /năm.

- Dịch vụ bơm nước, thuỷ lợi tưới tiêu và uỷ nhiệm thu thuỷ lợi phí: HTX thành lập tổ chuyên khâu với 20 lao động có trách nhiệm nạo vét mương nội đồng điều tiết nước đến từng thửa ruộng theo sự điều hành của cán bộ HTX, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ đồng rộng, nông sản cho nhân dân. Bên cạnh đó, nhờ vốn tín dụng Ngân hàng và vốn tích lũy, HTX đã xây dựng 2 trạm bơm công suất 120 KVA, vốn đầu tư 344 triệu đồng, chủ động tưới cho 160 ha, nâng sản xuất từ 1 vụ lên 3 vụ/năm, đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho sản xuất. Doanh thu dịch vụ này từ 200 - 250 triệu đồng/năm.

- Dịch vụ tu bổ và bảo quản đường giao thông, hệ thống thuỷ lợi nội đồng. HTX thành lập tổ chuyên khâu với 10 lao động nhằm sửa, bảo quản, quản lý đường giao thông, các hệ thống kênh mương nhằm bảo đảm việc đi lại, sản xuất thu hoạch và điều tiết nước kịp thời, giảm chi phí vận chuyển cho xã viên. Hàng năm HTX tu bổ, bảo dưỡng gần 9 km đường giao thông, 20 km kênh mương nội đồng với kinh phí trên 30 triệu đồng. Ngoài ra, HTX nhận xây 5.000 km kênh mương cấp 3 với tổng giá trị 1,3 tỷ đồng bằng nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, vay Ngân hàng và đóng góp của xã viên.

Bên cạnh đó, HTX luôn quan tâm chú trọng đến lịch thời vụ, cơ cấu giống thích hợp, qui hoạch từng vùng để trồng cây con thích hợp và có giá trị

kinh tế cao, phối hợp với trung tâm khuyến nông bảo vệ thực vật tổ chức các lớp tập huấn trình diễn mô hình thâm canh và truyền đạt kiến thức khoa học kỹ thuật mới cho nông dân. Kết quả diện tích gieo trồng năm 2004 đạt 853 ha, tăng 16% so với năm 2002 và tăng 12% so với năm 2003, các năm 2005 - 2007 vẫn duy trì ở mức 850 - 860 ha. Sản lượng năm 2004 đạt 4.362 tấn, tăng 18% so với năm 2002 tăng 14,5% so với năm 2003, các năm 2005 - 2007 đạt 4.400 tấn đến 4.800 tấn.

Nhờ chủ động về vốn, hoạt động dịch vụ của HTX mang lại hiệu quả tăng qua từng năm, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao rõ rệt. Năm 2004, doanh thu từ các dịch vụ đạt 10 tỷ đồng, tăng 35,3% so với năm 2002, tăng 25% so với năm 2003. Lãi thu được 600 triệu đồng, tăng 33% so năm 2002 tăng 22% so với năm 2003. Doanh thu năm 2005 đạt 8,9 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch năm, năm 2006 đạt 12,1 tỷ đồng và năm 2007 đạt 16,12 tỷ đồng; giá thành từng khâu dịch vụ giảm dần với mục tiêu phục vụ xã viên là trọng tâm. [6].

c. Đối với mô hình HTX vừa sản xuất kinh doanh tập trung, vừa dịch vụ hỗ trợ:

Với mô hình này, HTX vừa đứng ra tổ chức SXKD tập trung đảm bảo hiệu quả và vừa làm các dịch vụ cho xã viên. Vì vậy, yêu cầu về vốn là rất lớn để mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh thích nghi trong cạnh tranh và luôn mở rộng, nâng cao chất lượng các khâu dịch vụ. Vốn của HTX có giới hạn, nên vốn tín dụng Ngân hàng với đặc tính ưu việt của mình đã khẳng định vai trò quan trọng, không thể thay thế ở các HTX dạng này.

HTX dịch vụ SXKD tổng hợp Duy Sơn II ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam là một đơn vị hình thành từ HTX nông nghiệp với sự góp vốn của 170 xã viên. Từ năm 1990 HTX chuyển đổi cơ cấu SXKD theo hướng nông- công nghiệp - dịch vụ. Năm 1997 HTX chuyển đổi hoạt động theo luật.

HTX vừa làm dịch vụ cho SX nông- lâm nghiệp, vừa phát triển các ngành nghề công nghiệp- TTCN ở nông thôn. [6].

- Sản xuất nông - Lâm nghiệp và dịch vụ: HTX luôn làm tốt các khâu dịch vụ cơ bản mà hộ xã viên nhu cầu như: Thuỷ lợi, bảo vệ thực vật, giống, chăn nuôi thú y... riêng kinh phí tiêm phòng đàn gia súc, gia cầm HTX hỗ trợ 100% cho xã viên:

Do tập trung được vốn từ các nguồn kinh phí Nhà nước, vốn tín dụng Ngân hàng và vốn tự có HTX đã đầu tư xây dựng nhiều đập chứa, trạm bơm nước, kênh mương phục vụ thuỷ lợi cho nông dân, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm chuyển đổi cây trồng, con vật nuôi, thực hiện các chương trình IBM, ICM, BUCAP,... Cụ thể là phổ biến cho xã viên phòng trừ dịch hại tổng hợp, chọn lai tạo giống, không dùng thuốc trừ sâu đại trà, sản xuất giống cấp I nhằm tiết kiệm chi phí SX, bảo vệ môi trường sống của cộng đồng.[6].

Sản xuất nông nghiệp hàng năm HTX đạt từ 3.500-3.600 tấn qui thóc, HTX hỗ trợ chương trình trồng rừng 100kg thóc /1ha, nhằm khuyến khích hộ nông dân đầu tư mạnh vào lâm nghiệp nên đã tổ chức trồng, bảo vệ rừng tập trung và phân tán trên 230 ha diện tích đất trồng đồi trọc. [6].

HTX đã xây dựng dự án nước sạch nông thôn trên 1 tỷ đồng và đưa vào sử dụng 40% số hộ trọng địa phương.

- Sản xuất CN-TTCN:

Sản xuất điện năng: HTX đã xây dựng 1 nhà máy thuỷ điện 1.200KW được hoà chung vào lưới điện quốc gia, hàng năm sản lượng điện từ 2-2,5 triệu KWH, doanh thu từ 1,4 - 1,5 tỷ đồng.

Dệt vải: HTX không dệt tập trung mà hỗ trợ vốn cho hộ xã viên phát triển sản xuất dệt ở từng hộ gia đình với 630 khung dệt, làm ra 3-4 triệu mét vải các loại/năm, doanh thu đạt 4 tỷ/năm, giải quyết việc làm cho 300 lao động.

Sản xuất hàng may tre xuất khẩu: Mỗi năm SX được 3.000 sản phẩm các loại như: bàn ghế, hàng trang trí nội thất gia đình, nhà hàng, khách sạn, ghế trẻ em, giỏ báo,... và 70 tấn nguyên liệu sơ chế. Doanh thu đạt 3 - 4 tỷ đồng/ năm. HTX thực hiện sản xuất tập trung ở các khâu chế biến nguyên liệu và hoàn tất sản phẩm. Các công đoạn khác được đưa về hộ nông dân tự sản xuất ở gia đình. Ngoài ra HTX còn tạo tay nghề, kỹ thuật cho các địa phương trong và ngoài huyện để sản xuất hàng may tre, sau đó HTX thu nhận và tiêu thụ.

HTX giày xuất khẩu: hàng năm sản xuất từ 200-300 ngàn đôi giày thể thao xuất khẩu, doanh thu gia công từ 3,5 - 4 tỷ đồng/năm, giải quyết cho 300 lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập bình quân 600-700 ngàn đồng/người/tháng.

Lĩnh vực may mặc: HTX đã đầu tư dây chuyền may 2,7 tỷ đồng từ nguồn tín dụng ngân hàng, hàng năm xuất khẩu từ 100-150 ngàn sản phẩm, doanh thu từ 2 - 2,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó HTX còn liên doanh với doanh nghiệp Đài loan hình thành công ty TNHH 2 thành viên chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. Tổng trị giá công trình 8 tỷ đồng gồm: nhà xưởng và thiết bị, trong đó HTX bằng vốn tự có và vay Ngân hàng góp 60% vốn, phía Đài loan góp 40% vốn. Dự án liên doanh đã đi vào sản xuất, giải quyết gần 500 lao động dư thừa ở nông thôn và góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu cho địa phương.

Dịch vụ thương mại, du lịch: HTX luôn chú trọng các khâu dịch vụ đầu vào, đầu ra của sản phẩm nông - lâm nghiệp và ngành nghề như: Lương thực, nguyên liệu sợi, sản phẩm dệt, hàng may mặc, một số hàng nông sản và cây lâm nghiệp khác. Để làm tốt các dịch vụ này HTX đã luôn chủ động về vốn. Khi cần thiết thiếu vốn, với uy tín sẵn có Ngân hàng luôn đáp ứng kịp thời bằng nguồn vốn tín dụng ngắn hạn. Vùng du lịch sinh thái trên 100 ha được

nhà nước hỗ trợ kinh phí qui hoạch đang đầu tư trong và ngoài nước. Khi có nhà liên kết đầu tư, HTX sẽ xây dựng phương án cụ thể để có sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của vốn tín dụng ngân và một phần vốn của HTX tham gia. Hiện tại đã có tuyến đường từ tỉnh lộ 610 vào khu du lịch được thi công hơn 4 km bê tông, thảm nhựa để phục vụ khách tham quan du lịch vùng sinh thái này.

Như vậy, tín dụng Ngân hàng không thể thiếu được đối với bất kỳ một HTX cụ thể nào hoặc kinh tế HTX nói chung, nếu muốn phát triển đi lên. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, TDNH tham gia tùy theo yêu cầu của từng HTX. TDNH đã thực sự quan trọng cho phát triển kinh tế HTX cả bề rộng lẫn chiều sâu và ở mọi mô hình kinh tế HTX để tín dụng ngân hàng tham gia từ sản xuất đến từng khâu dịch vụ, cần phải được tháo gỡ bằng một cơ chế cụ thể, thực tế, hiệu quả cả từ phía Ngân hàng và HTX.

2.3.1.4. Vốn tín dụng ngân hàng góp phần nâng cao tính tự chủ cho kinh tế HTX và tạo sự bình đẳng trong quan hệ tín dụng ngân hàng với các thành phần kinh tế khác

Giai đoạn 2000-2007, nền kinh tế nước ta nói chung phát triển ổn định, tốc độ phát triển GDP bình quân đạt gần 7,6%/ năm, hành lang pháp luật cho phát triển kinh tế HTX tương đối hoàn thiện, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích HTX phát triển. Kinh tế HTX ở Việt Nam giai đoạn này là thời kỳ đã chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX. Qua phân loại, hầu hết cá HTX đã ra khỏi thời kỳ khó khăn để bước vào thời kỳ phát triển mới. Tuy nhiên, kinh tế HTX phát triển vẫn ở mức thấp (bình quân 3,74%/ năm), sức cạnh tranh yếu. Các xã viên, nhất là người nghèo còn chịu nhiều thua thiệt khi không có tổ chức HTX đủ mạnh để bảo vệ quyền lợi cho họ. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm trì trệ hoá quá trình phát triển là kinh tế HTX không tiếp cận được nhiều vốn ngân hàng. Vốn ngân hàng đã ít, phân bổ

dàn trải giữa các vùng, thiên lệch giữa các ngành càng làm cho nó kém phát huy hiệu quả. Phân tích thực trạng, tìm ra những nguyên nhân, bắt cập trong mối quan hệ tín dụng ngân hàng với phát triển kinh tế HTX là rất cần thiết. Từ đó, có giải pháp hữu hiệu cho vốn tín dụng ngân hàng tham gia nhiều hơn nữa, thúc đẩy kinh tế HTX phát triển ngang tầm với vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế quốc dân.

2.3.2. Những hạn chế

2.3.2.1. Vốn tín dụng ngân hàng còn chiếm tỷ trọng thấp so với nhu cầu vốn của kinh tế hợp tác xã và hợp tác xã vẫn rất khó vay được vốn ngân hàng

Hai vấn đề trên có mối quan hệ mật thiết lẫn nhau. Chính vì khó vay được vốn NHTM, nên vốn tín dụng NHTM chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số vốn đầu tư của kinh tế hợp tác xã trong những năm gần đây. Mặc dù tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng trong tổng số vốn đi vay của kinh tế HTX có xu hướng tăng kể từ năm 2000 đến nay, từ tỷ lệ 5,8% tăng lên rất nhanh, đạt tỷ lệ 24,8% vào năm 2007, nhưng tỷ trọng vốn vay NHTM vẫn chỉ chiếm dưới 10% tổng số vốn đầu tư hàng năm của kinh tế HTX.

Bên cạnh đó tỷ trọng vốn cho vay kinh tế HTX so với tổng dư nợ của hệ thống ngân hàng đối với nền kinh tế cũng chiếm tỷ trọng rất thấp. Nếu như đến hết năm 2007, tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của hệ thống NHTM và các TCTD ở Việt Nam đạt trên 960.000 tỷ đồng, trong khi dư nợ cho vay kinh tế HTX chỉ đạt 1.063 tỷ đồng, chỉ chiếm trên 1%, đây là tỷ lệ quá thấp. Tình trạng này ít được cải thiện trong những năm qua. [6] ; [2].

2.3.2.2. Các HTX mới thành lập còn thiếu những điều kiện vay vốn và thiếu tính thuyết phục dự án xin vay đối với Ngân hàng thương mại

- Sự tách bạch giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội chưa rõ ràng. Những xã viên cùng ngành nghề muốn hợp tác với nhau, dựa vào nhau, tự nguyện góp tài sản, vốn để cùng SXKD. Khi thấy cần thiết thì gia nhập HTX,

thấy chưa có lợi (Kể cả lợi trước mắt) lại có thể xin ra khỏi HTX. Vì vậy, tổ chức HTX có những lỏng lẻo, thiếu ổn định, thiếu chủ động ở những mức độ khác nhau.

- Kinh nghiệm trong thương trường của các HTX mới thành lập chưa có nhiều, thương hiệu, uy tín chưa tạo lập được, đã hạn chế việc mở rộng SXKD, khẳng định vị thế trên thị trường còn yếu.

- Một số HTX mới thành lập vẫn còn theo phong trào, thành lập dưới sự chỉ đạo của các cấp chính quyền (nhất là đối với các HTX nông nghiệp) nên nặng về tính chất chính trị mà chưa phát huy được hiệu quả kinh tế.

- Uy tín của các HTX kiểu cũ bị đánh mất, đã đi vào tiềm thức của nhiều người nên rất khó xoá bỏ. Điều này vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động của HTX mới thành lập. Các thành phần kinh tế khác chưa thật sự yên tâm, tin tưởng khi cộng tác, liên kết kinh tế với các HTX này. Việc tiếp cận với các nguồn vốn khác nhau để phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

2.3.2.3. Việc thành lập và hoạt động của các hợp tác xã chưa thực sự tuân thủ các giá trị và nguyên tắc, chưa đúng Luật hợp tác xã nên hiệu quả hoạt động còn thấp nên ngân hàng thương mại khó có thể đáp ứng được nhu cầu vốn vay

Dịch vụ hợp tác xã cung cấp cho xã viên chiếm tỷ trọng rất thấp trong kết quả kinh doanh của hợp tác xã, ước chỉ chiếm 0,21% trong tổng giá trị sản xuất của hợp tác xã năm 2005 và tỷ lệ tương ứng vào năm 2007. Như vậy, hoạt động của hợp tác xã chưa hướng chủ yếu vào xã viên hợp tác xã.

Không ít hợp tác xã chưa thực sự "mở" rộng rãi cho đông đảo thành viên tham gia, thậm chí có hợp tác xã hoạt động thực chất là doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, phổ biến trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông, dịch vụ điện. Tồn tại này xuất phát từ nguyên nhân chủ quan, một mặt trong hệ thống pháp luật hợp tác xã các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã

chưa được thể hiện thật rõ ràng; mặt khác việc triển khai luật chưa tích cực, chưa tuyên truyền, phổ biến Luật một cách sâu rộng, từ đó dẫn đến hiểu sai, vận dụng chệch, hạn chế tiềm năng phát triển hợp tác xã.

Một nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã là hợp tác xã phải nhằm trước hết vào đáp ứng nhu cầu chung của mọi xã viên hợp tác xã, hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế xã viên hợp tác xã đã chưa được hiểu và quán triệt một cách đầy đủ. Nhìn chung, hợp tác xã còn có số lượng xã viên ít, vốn ít, mức độ và chất lượng dịch vụ hợp tác xã cung cấp cho xã viên còn thấp, công nghệ, thiết bị máy móc cho sản xuất còn lạc hậu.

Một bộ phận hợp tác xã, nhất là HTX được thành lập ở những địa bàn kinh tế phát triển, có biểu hiện xa rời mục tiêu tương trợ cộng đồng, chạy theo mục tiêu kinh doanh đơn thuần để tìm kiếm lợi nhuận nên chưa phát huy được bản chất và lợi thế của hợp tác xã, gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của hợp tác xã.

Nhiều hợp tác xã hoạt động chưa đúng luật. Do nhận thức cũng như do định kiến với mô hình hợp tác xã kiểu cũ mà xã viên không thực sự tin tưởng vào tiềm năng cũng như sự phát triển của hợp tác xã. Xã viên không góp vốn, hoặc góp vốn ít do chưa thực sự tin tưởng vào hợp tác xã, vào sự minh bạch trong sản xuất, kinh doanh và phân phối của hợp tác xã; hợp tác xã chưa thuyết phục được xã viên về các lợi ích về kinh tế, xã hội mà hợp tác xã có thể mang lại cho xã viên.

Nhận thức về vị trí, vai trò, về bản chất hợp tác xã trong cán bộ, xã viên và người dân tuy đã được nâng lên, nhưng cơ bản còn chưa đầy đủ, chưa được rõ; một bộ phận không nhỏ còn hoài nghi về mô hình hợp tác xã. Việc chuyển đổi các hợp tác xã cũ theo luật một cách hình thức đã hạn chế phát triển của chính các hợp tác xã đó và hợp tác xã thành lập mới.

2.3.2.4. Tiềm lực của hợp tác xã còn yếu về nhiều mặt nên khó có thể đáp ứng được các nguyên tắc trong hoạt động tín dụng ngân hàng

Phần lớn các hợp tác xã còn lúng túng, chưa tìm ra được hướng phát triển phù hợp, hiệu quả, đặc biệt trong cơ chế thị trường và trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hóa với sự cạnh tranh thị trường gay gắt.

Mức tăng trưởng nguồn vốn hàng năm của kinh tế hợp tác xã chậm; vốn điều lệ còn thấp, việc huy động vốn góp xã viên hạn chế; nguồn vốn của hợp tác xã đã ít được đầu tư chủ yếu cho tài sản cố định nên rất thiếu vốn lưu động; khả năng bảo tồn vốn thấp; nợ phải thu hàng năm có giảm song vẫn còn ở mức cao.

Kết quả sản xuất, kinh doanh hàng năm đạt thấp, không có tích lũy hoặc tích lũy còn thấp; công việc cho lao động hợp tác xã còn mang tính thời vụ; thu nhập của xã viên và người lao động của hợp tác xã nói chung còn thấp.

Nhiều hợp tác xã đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường. Với công nghệ và thiết bị lạc hậu, trình độ quản lý thấp, nhiều hợp tác xã và cơ sở sản xuất trong các làng nghề sử dụng lãng phí nguyên, vật liệu và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Ô nhiễm môi trường ở một số nơi đã tới mức trầm trọng do khu vực sản xuất và khu dân cư đan xen nhau, nước thải, khí thải và phế thải rắn không được xử lý.

2.3.2.5. Tính liên kết trong nội bộ khu vực hợp tác xã còn rất yếu nên hiệu quả hoạt động không cao, thiếu tính thuyết phục đối với các ngân hàng thương mại về cho vay vốn

Khu vực hợp tác xã thường thu hút chủ yếu nông dân, hộ gia đình, thợ thủ công, thuộc tầng lớp nghèo, yếu thế ở khu vực nông thôn, miền núi, ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, có trình độ dân trí cũng như tay nghề thấp, thiếu thông tin về công nghệ sản xuất, thị trường.

Sự hợp tác, tinh thần hợp tác, sự liên kết giữa các xã viên hợp tác xã và giữa các hợp tác xã còn rất yếu.

Còn thiếu các hình thức tổ chức kinh tế thích hợp để liên kết các hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.3.1. Về phía quản lý Nhà nước

+ Lý luận về hợp tác xã tuy đã được phát triển một bước cơ bản so với giai đoạn trước khi có Luật hợp tác xã năm 1996 nhưng vẫn còn chưa đủ rõ, dẫn đến khó khăn trong việc thể chế hóa vào các văn bản pháp luật, pháp quy về hợp tác xã, trước hết là Luật hợp tác xã, chưa bứt ra hẳn mô hình hợp tác xã kiểu cũ, chưa làm rõ động lực phát triển của hợp tác xã và lợi ích của hợp tác xã đối với xã viên.

Nhận thức về bản chất hợp tác xã tuy đã được nâng lên nhưng chưa đầy đủ và chưa thống nhất trong Luật và các văn bản dưới Luật về hợp tác xã, đặc biệt các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã vẫn chưa nhận thức và quán triệt đầy đủ, thấu đáo, còn nặng tư tưởng bao cấp của Nhà nước đối với hợp tác xã.

+ Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng, các chính sách của Nhà nước chưa kịp thời, kiên quyết và đồng bộ, nhất là ở cấp địa phương. Công tác quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác xã bị buông lỏng trong thời gian dài. Các cấp ủy, chính quyền, nhất là cấp xã, một mặt chưa thực sự quan tâm giúp đỡ hợp tác xã; mặt khác thậm chí có nơi lại can thiệp quá sâu vào nội bộ hợp tác xã.

Tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước còn yếu, thiếu cán bộ có đủ năng lực. Công tác chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương còn chậm, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp và giữa các cơ quan cùng cấp. Chưa có một chiến lược dài hạn phát triển kinh tế hợp tác xã.

Bộ máy quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác xã từ Trung ương đến tỉnh, huyện và xã về cơ bản chưa được kiện toàn về mọi mặt: một số ít địa phương đã thành lập được bộ máy nhưng chưa đủ năng lực tham mưu giúp tỉnh thực hiện hiệu quả quản lý Nhà nước đối với kinh tế hợp tác xã; nhìn chung, các cấp chính quyền còn chưa hiểu rõ luật pháp, chính sách về hợp tác xã, chưa nắm chắc tình hình phát triển khu vực kinh tế hợp tác xã.

Việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Luật hợp tác xã, các văn bản dưới luật, các chính sách còn chưa đồng bộ, chưa nhất quán, chưa nghiêm.

Phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật hợp tác xã, các văn bản dưới luật và những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hợp tác xã chưa chặt chẽ và đồng bộ.

+ Khuôn khổ pháp luật, chính sách về hợp tác xã vừa chậm được ban hành vừa không đồng bộ; các chính sách hỗ trợ hợp tác xã nói chung còn thiếu tính khả thi. Nhiều quy định còn rườm rà, chưa sát với thực tiễn và phù hợp với các nguyên tắc và giá trị của hợp tác xã, chưa tạo môi trường tốt cho hợp tác xã kiểu mới phát triển.

Chính sách cụ thể hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã còn có tác dụng thấp đối với phát triển hợp tác xã, chưa đồng bộ, chưa nhất quán, chưa toàn diện, chậm được triển khai thực hiện, chưa có tính khả thi cao và chưa tạo được động lực thúc đẩy kinh tế hợp tác xã phát triển; chưa gắn kết với các chính sách khác và chưa đưa vào một cách nhuần nhuyễn trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương và của cả nước.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo về hợp tác xã thực hiện triển khai chậm, chưa tích cực, chưa cập nhật thường xuyên và chưa sát với nhu cầu của hợp tác xã. Chưa có một chương trình đào tạo chính quy về kinh tế hợp tác xã trong các trường đại học, cao đẳng, góp phần quan trọng cho việc hình thành

lý luận cơ bản về hợp tác xã, đào tạo nhiều thế hệ có nhận thức đầy đủ về hợp tác xã và có tâm huyết với sự nghiệp phát triển hợp tác xã.

Việc huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế - xã hội và tổ chức nghề nghiệp vào phát triển hợp tác xã còn chưa đúng tầm và rời rạc; chưa huy động được tổng hợp các nguồn lực thúc đẩy phát triển hợp tác xã.

Chưa tạo điều kiện cho phát triển hệ thống dịch vụ tư vấn đa năng hỗ trợ cho kinh tế hợp tác xã trong điều kiện kinh tế thị trường, ví dụ tư vấn về thành lập và tổ chức hoạt động của hợp tác xã.

+ Công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo về hợp tác xã chưa tích cực, chậm được đổi mới và chưa đạt hiệu quả cao. Phương pháp tuyên truyền về pháp luật, chính sách đối với hợp tác xã chậm được đổi mới, chưa mang tính thuyết phục cao đối với người dân hiểu và tích cực gia nhập hợp tác xã. Còn có rất ít mô hình hợp tác xã kiểu mới làm ăn hiệu quả được phổ biến, nhân rộng, từ đó làm cho người dân chưa thực sự tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế- xã hội do hợp tác xã mang lại.

+ Hỗ trợ của Nhà nước: Thường rất khó hoặc ít đến được trực tiếp tới hợp tác xã và xã viên hợp tác xã.

Ví dụ: Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính Phủ về thi hành Luật đất đai mới chỉ làm rõ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đai HTX đang sử dụng, chưa có cơ chế cụ thể cấp đất hoặc cho thuê đất theo chính sách ưu đãi đối với HTX nhất là HTX nông nghiệp dịch vụ.v.v..

2.3.3.2. Về phía hợp tác xã

+ Nhìn chung các hợp tác xã yếu cả về năng lực quản trị, điều hành và khả năng tài chính, công nghệ, kỹ thuật, quy mô hoạt động nhỏ bé, sức cạnh tranh thấp, thiếu tính nhạy bén với thị trường, chưa thực hiện tốt việc cung

cấp dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên, phần lớn cán bộ, kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã chưa qua đào tạo cơ bản lại thiếu ổn định qua các kỳ đại hội xã viên.

Năng lực của hợp tác xã trong tiếp cận các nguồn vốn chính thức nhất là vốn ngân hàng còn thấp.

+ Vẫn còn có tâm lý ỷ lại, dựa dẫm lẫn nhau, hoặc trông chờ trợ cấp nhà nước, tính cộng đồng trong hợp tác xã chưa cao; chế độ đối với cán bộ quản lý và xã viên làm việc cho hợp tác xã chưa ổn định.

+ Hệ thống hợp tác xã còn rời rạc, thiếu sự liên kết chặt chẽ về kinh tế trên phạm vi vùng và toàn quốc; Liên minh hợp tác xã chưa có đủ các điều kiện và năng lực cần thiết để hướng mạnh hoạt động vào hỗ trợ hợp tác xã.

+ Số lượng xã viên bình quân tham gia một hợp tác xã còn thấp do một số nguyên nhân sau: một là, nhiều hợp tác xã, nhất là hợp tác xã chuyển đổi từ mô hình cũ chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu của xã viên. Một số hợp tác xã được thành lập chủ yếu xuất phát từ nhu cầu "tư cách pháp nhân" để vay vốn, nhận ưu đãi của Nhà nước hoặc trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước, chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu chung về sản xuất, kinh doanh của kinh tế xã viên và đời sống xã viên cần phải hợp tác để tăng sức cạnh tranh, giảm chi phí; hai là, một số hợp tác xã chưa nhận thức đầy đủ, hoặc chưa thực sự tôn trọng các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã, chưa đảm bảo tính chất "mở" của hợp tác xã, chưa khuyến khích mọi đối tượng tham gia hợp tác xã, chưa chú trọng phát triển thành viên hợp tác xã, từ đó mở rộng quy mô hoạt động và vốn điều lệ của hợp tác xã. Thậm chí không ít hợp tác xã còn giới hạn đối tượng tham gia hợp tác xã, hạn chế số lượng xã viên.

+ Năng suất lao động, hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị, nhà xưởng và chất lượng sản phẩm của nhiều hợp tác xã ngày một kém khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nguyên nhân của thực trạng này là do năng lực quản lý của

Ban chủ nhiệm HTX hạn chế, quy mô kinh doanh nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, công nghệ và trình độ kỹ thuật lạc hậu. Theo kết quả tổng hợp, hiện nay tỷ lệ cơ khí hoá trong các hợp tác xã chỉ đạt 12%, trong khi đó tỷ lệ này ở các doanh nghiệp nhà nước là trên 37%. Tỷ lệ lao động thủ công trong dây chuyền sản xuất của các HTX là trên 42% còn của các DNNN là 19%. [6] ; [2].

+ Năng lực tài chính của các NHTM còn rất hạn chế. Vốn tự có và vốn coi như tự có của các HTX rất nhỏ. Kết quả tổng hợp cho thấy, vốn cố định bình quân của một HTX nông nghiệp ở nhiều tỉnh, thành phố chỉ đạt 300 triệu đồng. Riêng khu vực phía Bắc và Tây Nguyên chỉ đạt bình quân 200 triệu đồng. Vốn tự có thấp, khả năng vay vốn ngân hàng càng thấp, từ đó lại càng hạn chế khả năng đầu tư hiện địa hoá công nghệ của HTX.

+ Trình độ quản lý của HTX rất hạn chế, trong đó bao gồm cả hạch toán kế toán, cả theo dõi và quản lý các nguồn vốn, đặc biệt là khả năng lập báo cáo khả thi, dự án khả thi để vay vốn ngân hàng, vay vốn các tổ chức khác. Do đó hiện nay chỉ có khoảng 11,0% số hợp tác xã đang có quan hệ tín dụng với các ngân hàng, trong đó chủ yếu là quan hệ vay vốn ngắn hạn. Về loại hình HTX quan hệ tín dụng với ngân hàng, chủ yếu là các HTX xây dựng, chế biến thuỷ hải sản, lâm sản, HTX sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, HTX vận tải... Tài sản đảm bảo tiền vay phần lớn là tài sản của các cá nhân trong ban quản lý HTX, của các xã viên có điều kiện. Còn các HTX nông nghiệp, HTX dịch vụ,... thì rất khó vay được vốn ngân hàng do tính chất hoạt động của loại hình HTX này.[6] ; [2].

+ Tài sản của HTX thiếu các cơ sở pháp lý, căn cứ pháp lý, do đó thiếu cơ sở để NHTM chấp nhận là tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật.

+ Thu nhập bình quân HTX thấp, thu nhập của xã viên HTX cũng thấp. Mức thu nhập khá tập trung chủ yếu vào các HTX hoạt động trong lĩnh vực

vận tải, sản xuất hàng xuất khẩu,..Tuy nhiên cơ cấu tổ chức và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức của HTX thiếu chặt chẽ, nên là một nguyên nhân quan trọng khác hạn chế việc các ngân hàng thương mại cho vay vốn đối tượng khách hàng này. Một số Ban quản lý HTX làm việc độc đoán theo kiểu gia đình chủ nghĩa, ghi chép sổ sách và hạch toán kế toán tùy tiện, thiếu minh bạch. Nhìn chung hợp tác xã chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về hợp tác xã, cũng như chế độ hạch toán, kế toán.

+ Một số HTX bản chất là một nhóm người đứng ra thành lập, còn xã viên chỉ là người làm công. Một số HTX hoạt động có tính chất như công ty cổ phần, mà vốn cổ phần áp đảo, cổ đông chính là một số người trong ban quản lý HTX. Đây là lực cản cho sự phát triển đúng hướng của loại hình kinh tế HTX cũng như phát triển quan hệ tín dụng ngân hàng.

Trong thực tế, theo Báo cáo của Bộ giao thông vận tải, tính đến hết năm 2006, cả nước có 1.113 Hợp tác xã giao thông vận tải. Số hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải chiếm 70% thị phần vận tải của cả nước, với 50.000 xe khách trong tổng số 80.251 xe khách đăng ký kinh doanh; 150.000 xe tải trong tổng số 226.000 xe tải, 60.000 trong tổng số 95.193 phương tiện vận tải thủy. Đây là lĩnh vực đang được coi là tiềm năng mở rộng kinh doanh tín dụng của các Ngân hàng thương mại.[6] ; [2].

Cũng theo đánh giá của Bộ giao thông vận tải, phần lớn các HTX ngành này đang hoạt động chủ yếu theo mô hình dịch vụ hỗ trợ, năng lực quản lý và điều hành của Ban quản trị, chủ nhiệm và Bộ máy giúp việc nói chung còn yếu kém.[6] ; [2].

Về hoạt động, loại trừ các HTX giao thông vận tải, xây dựng, thủy sản,...thì nhiều HTX nông nghiệp hoạt động như một tổ chức trung gian trong việc bán vật tư giá cao cho bà con nông dân. Các hình thức đại lý kinh doanh, kinh doanh tư nhân, kinh doanh gia đình, bán vật tư với giá hợp lý khó hoạt

động được do HTX độc quyền. Cũng do độc quyền trong lĩnh vực bảo vệ đồng ruộng, nước tưới, thủy lợi, điện,... nên mức phí các hoạt động này do HTX tự đặt ra, không có cơ quan quản lý nào giám sát. Bởi vậy, dù hợp tác xã có lập phương án vay vốn đầu tư hệ thống thủy lợi, đầu tư hệ thống đường dây điện,... ngân hàng cũng ngại cho vay do cách làm việc chủ quan của HTX.

Cũng theo đánh giá của Cục hợp tác xã & PTNT - Bộ NO&PTNT, thì hạn chế của các HTX hiện nay đang vướng mắc ở việc triển khai những chính sách hỗ trợ cho loại hình kinh tế này hầu hết vẫn đang gặp nhiều khó khăn, nhất là chính sách về vốn. Hiện có rất nhiều chủ trương, chính sách đề ra nhưng đến nay vẫn chưa được hướng dẫn thi hành đã làm hạn chế sự phát triển của kinh tế HTX. Cụ thể, tại 32 tỉnh phía Bắc, chỉ có 15% số HTX có nhu cầu được vay vốn tín dụng để làm dịch vụ, sản xuất kinh doanh, trong đó thấp nhất là khu vực Đồng bằng sông Hồng với 1.175 HTX có nhu cầu vay vốn nhưng chỉ có 34 HTX được vay, chỉ chiếm 3%. Theo Cục HTX&PTNT thì nguyên nhân khiến các HTX không thể vay vốn ngân hàng là do các quy định, thủ tục còn phức tạp như: yêu cầu tài sản thế chấp trong khi HTX còn chưa được cấp trụ sở làm việc, hay vay vốn để triển khai dự án kinh doanh cụ thể lại được yêu cầu dự án đã được triển khai với một quy mô nhất định. ...Các quy định này về phía bản thân các HTX cũng như Cục HTX&PTNT cho rằng đã gây khó khăn cho khá nhiều HTX, thậm chí có những nơi chủ nhiệm HTX phải thế chấp chính tài sản của gia đình mình để lấy vốn cho HTX hoạt động. [6] ; [2].

Cũng theo đánh giá nói trên, hiện nay mới chỉ có 31,4% HTX ở khu vực phía Bắc được cấp đất, trong đó 4,9% được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất. Trong khi đó, vốn góp của xã viên được phân bổ từ vốn, quỹ HTX cũ chuyển sang mang tính hình thức. Bên cạnh đó, tài sản trong HTX chưa rõ ràng về sở hữu, đâu là sở hữu tập thể, đâu là sở hữu cá nhân, đâu là sở hữu chung nên

không khuyến khích được xã viên góp thêm vốn. Đồng thời các NHTM rất khó thực hiện được cơ chế bảo đảm tiền vay để tiến hành cho vay.

Hiện nay vẫn còn tới 42% là HTX nông nghiệp ở mức trung bình và 22% HTX yếu, kém, số dư nợ nhiều. Đến nay, các địa phương mới xử lý được 16,5% số nợ tồn đọng của các HTX từ năm 1996 về trước, còn 83,5% chưa xử lý được, nhiều nhất là tại khu vực Đồng bằng sông Hồng (tổng số nợ khoảng 160 tỷ đồng, trong đó mới xử lý được khoảng 25 tỷ đồng). Vấn đề khó khăn trong việc xử lý nợ chính là sự phát sinh nợ mới ở khá nhiều HTX, nhất là nợ thuỷ lợi phí và thuỷ nông nội đồng. Bởi vậy, nợ cũ chưa xử lý được, nên theo Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý hiện hành, các NHTM khó mà có thể cho vay vốn mới tiếp được.[6] ; [2].

Bên cạnh đó, những yếu kém về trình độ nhận thức của cả đội ngũ về trình độ nhận thức của cả đội ngũ lãnh đạo HTX lẫn xã viên cũng là một rào cản không nhỏ đối với việc thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hợp tác nói chung và quan hệ tín dụng ngân hàng nói riêng.

2.3.3.3. Về phía ngân hàng

- Nguồn vốn cho vay kinh tế HTX chưa đa dạng và hạn chế, vẫn chủ yếu là vốn huy động trên thị trường với lãi suất của thị trường, do đó lãi suất vừa cao, vừa ít có cơ hội mở rộng cho vay đối với kinh tế HTX trong các lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Nếu như có một số nguồn vốn của Liên minh HTX, vốn tài trợ quốc tế, hay vốn của một số chương trình khác,...được đưa qua các NHTM để cho vay thì có thể cho vay với lãi suất thấp hơn và nguồn đa dạng hơn.

- Các NHTM kể cả Ban giám đốc, cán bộ lãnh đạo đến cán bộ tín dụng còn có tâm lý ngại cho vay vốn đối với hợp tác xã do những vấn đề lịch sử để lại, do thiếu các tài sản đảm bảo tiền vay, do bộ máy kế toán lỏng lẻo. Nói riêng về mô hình hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải, theo Luật HTX

mới được ban hành thì ô tô, phương tiện vận tải đứng tên xã viên trong HTX phải chuyển vào đứng tên chủ sở hữu là HTX. Do đó với các khoản tín dụng hiện tại và việc mở rộng tín dụng mới tới đây lại xuất hiện những vấn đề mới và khó khăn cho các NHTM trong việc cho vay vốn. Tình hình đó lại càng tạo lực cản về nhận thức, tâm lý cũng như sự mạnh dạn của các NHTM mở rộng cho vay vốn các NHTM.

- Hầu hết các NHTM, chi nhánh NHTM chưa có cán bộ tín dụng chuyên quản về theo dõi, cho vay vốn tín dụng đối với mô hình kinh tế HTX, mà thường là cán bộ cho vay hộ sản xuất, hoặc cán bộ cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh đảm trách. Do không có cán bộ tín dụng chuyên quản, nên cán bộ này vừa không có tâm huyết đối với HTX, vừa không có điều kiện nghiên cứu kỹ, nghiên cứu sâu các văn bản, chế độ, chính sách, quy phạm pháp luật về hoạt động của kinh tế HTX, không đi sâu, đi sát thực tế hoạt động của HTX, do đó không có điều kiện nắm chắc tính khả thi các dự án đầu tư, dự án kinh doanh của HTX, trên cơ sở đó tham mưu cho ban lãnh đạo các NHTM sẵn sàng cho vay vốn kinh tế HTX.

- Các quy định hiện hành về thể lệ, chế độ cho vay của TCTD đối với khách hàng do NHNN ban hành, cũng như quy trình, chế độ tín dụng cụ thể của các TCTD, NHTM không có quy định cụ thể riêng hay có sự vận dụng linh hoạt nào về tín dụng ngân hàng đối với HTX. Theo tiêu chí phân loại khách hàng để áp dụng cơ chế tín dụng trong *Sổ tay tín dụng* của các NHTM Nhà nước, thì trình độ quản lý, trình độ văn hoá,... của người vay là một trong những tiêu chí quan trọng, nên rất khó cho vay được. Chỉ tính riêng ở khu vực phía Bắc mới chỉ có 50% số chủ nhiệm HTX được đào tạo, bồi dưỡng, nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong nền kinh tế thị trường, chưa tạo ra được sức cạnh tranh mạnh mẽ cũng như thu hút xã viên, người lao động vào HTX, thiếu sự tin tưởng cho các NHTM cho vay vốn.[6] ; [2].

Các NHTM, chi nhánh NHTM thiếu sự linh hoạt trong vận dụng các nguyên tắc chế độ, thể lệ tín dụng về cho vay đối với kinh tế HTX, mà thường cứng nhắc trong vấn đề này, đòi hỏi phải có tài sản đảm bảo tiền vay, mà ít vận dụng hình thức bảo đảm tín dụng là tài sản hình thành từ vốn vay, là dự án của HTX đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong khi đó tài sản của HTX thì vừa thiếu, vừa giá trị thấp, vừa không đảm bảo đủ cơ sở pháp lý.

Một nguyên lý chung mọi người đều biết là muốn sản xuất kinh doanh, muốn phát triển kinh doanh trong cơ chế hiện nay, thì ngoài sức lao động, các tài sản khác thì cần có vốn bằng tiền. Nhưng ở nước ta hiện nay, từ doanh nghiệp nhà nước đến doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và hợp tác xã,... vốn tự có rất hạn chế, nên vốn hoạt động phần lớn phải dựa vào kênh tín dụng ngân hàng. Song NHTM lại cứng nhắc trong vận dụng cơ chế đảm bảo tiền vay đối với HTX, nên kinh tế HTX rất khó vay được vốn NHTM.

- Các Ngân hàng thương mại thường giải thích, tuyên truyền đối với ban lãnh đạo các HTX rằng, NHTM cũng là một loại hình doanh nghiệp, một tổ chức trung gian tài chính. Nguyên tắc của hoạt động tín dụng ngân hàng là vốn vay phải có mục đích, vốn vay phải có bảo đảm và vốn vay phải có hoàn trả. Điều đó có nghĩa là, người vay dù là doanh nghiệp, hợp tác xã, hay hộ nông dân thì khi vay vốn phải trình bày rõ ràng, minh bạch và thuyết phục về mục đích vay vốn đầu tư vào lĩnh vực gì, các yếu tố kinh tế kỹ thuật của việc đầu tư vốn ra sao, hiệu quả đầu tư vốn như thế nào. Yêu cầu này đối với các doanh nghiệp và hộ nông dân giờ đây không có gì lớn. Song đối với hợp tác xã, các nhu cầu vay từ vài trăm triệu đồng đến vài tỷ đồng, nhưng hợp tác xã không lập được phương án rõ ràng, xây dựng phương án thiếu tính thuyết phục. Về tài sản đảm bảo tiền vay, đối với các doanh nghiệp, ngoài tài sản thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba, thì tài sản hình thành từ vốn vay cũng được chấp thuận. Đối với hộ nông dân thì cũng có quy định rõ ràng về vấn đề này và giờ đây không còn là vấn đề lớn. Song đối với hợp tác xã thì tài sản đảm bảo tiền vay hầu như không có gì, các thành viên trong ban quản lý hợp tác xã

thì không dám đưa tài sản gia đình nhà mình gia để thế chấp. Cùng với hai nguyên nhân đó là khả năng hoàn trả vốn vay trong lịch sử quan hệ tín dụng ngân hàng cũng như hiện nay rất thấp. Kinh tế hợp tác luôn có tỷ lệ nợ quá hạn cao nhất so với tất cả các thành phần kinh tế khác. Bởi vậy lại càng tạo ra sự tự ty, tự ái, sự xa lẫm lẫn nhau giữa cán bộ HTX và cán bộ NHTM trong quan hệ tín dụng.

Do đó về nhận thức cần có cách hiểu đúng về hoạt động tín dụng ngân hàng trong cơ chế hội nhập hiện nay. Các NHTM cũng muốn mở rộng tín dụng một cách có hiệu quả, chắc ăn, đa dạng đối tượng khách hàng, nhưng phải dựa trên nền tảng cách nguyên tắc của hoạt động tín dụng, song cũng không nên quá cứng nhắc mà nên dựa trên tính khả thi, tính hiệu quả dự án xin vay vốn của HTX.

- Đối tượng cho vay kinh tế HTX chưa đa dạng. Hầu hết các NHTM mới chỉ cho vay một số ít lĩnh vực, một số ít dự án của kinh tế HTX, như vay mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, mua sắm tàu thuyền, chưa mở ra nhiều đối tượng hoạt động kinh doanh khác của kinh tế HTX.

- Các NHTM cũng chủ yếu áp dụng phương thức cho vay từng lần, tức khi có nhu cầu, dự án gì thì NHTM thực hiện đầy đủ các quy trình cho vay theo hợp đồng tín dụng đó, chưa mở ra phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Bên cạnh đó nghiệp vụ tín dụng thuê mua mới chỉ được các NHTM áp dụng đối với một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh của kinh tế HTX.

- Tài sản đảm bảo tiền vay đối với kinh tế HTX chưa được các NHTM đa dạng. Phần lớn tài sản đảm bảo tiền vay là máy móc, thiết bị, nhà xưởng đầy đủ giấy tờ pháp lý và có cơ sở định giá sát với giá thị trường.

- Quy trình cho vay đối với kinh tế HTX còn cứng nhắc. Các HTX hầu hết chưa được các NHTM tiến hành phân loại, xếp hạng tín dụng như đối với các loại hình khách hàng doanh nghiệp.

- Bảo hiểm tín dụng chưa phát triển do nhiều nguyên nhân khác nhau, cũng là một mục cản quan trọng về mở rộng tín dụng của NHTM đối với kinh tế HTX.

Kết luận chương 2

Trong chương 2 Luận án đã hoàn thành một số nội dung cơ bản sau đây :

- Phân tích rõ thực trạng bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam trong những năm gần đây, trên cơ sở đó phân tích thực trạng sự phát triển mô hình kinh tế HTX giai đoạn 2000 - 2007 đối với từng nghề, từng vùng miền với các tiêu chí khác nhau, như: quy mô vốn, lao động, hiệu quả hoạt động,...; đánh giá thực trạng đó cả về ưu điểm, kết quả đạt được và hạn chế, nguyên nhân của hạn chế.

- Phân tích và làm rõ thực trạng tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX giai đoạn 2000 - 2007 về cơ chế chính sách, về vốn cho vay, về cơ chế đảm bảo tiền vay, thời hạn cho vay, chất lượng tín dụng,...

- Đánh giá thực trạng trong chương này, Luận án cũng cho rằng, mặc dù đã đạt được một số ưu điểm, kết quả quan trọng, nhưng tín dụng ngân hàng đối với kinh tế HTX còn nhiều tồn tại, mà nguyên nhân chủ yếu là từ chính mô hình kinh tế này chưa đảm bảo được các yêu cầu, nguyên tắc cho vay của các NHTM trong cơ chế thị trường, của các cơ chế và chính sách của nhà nước.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

3.1.1 Chủ trương và định hướng phát triển kinh tế hợp tác xã

Trong thời gian qua cũng như hiện nay, Đảng ta luôn xác định vai trò quan trọng của mô hình kinh tế HTX. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định: *"Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó HTX là nòng cốt"*. Nghị quyết cũng nhấn mạnh: *"Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"*. Nghị quyết BCH Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa IX đã chỉ rõ: *"Mục tiêu từ nay đến năm 2010 là: đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế"*. [37].

Tiếp đến Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, phần nói về Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006 - 2010, khi đề cập đến mô hình hợp tác xã đã nói rõ: *"Tiếp tục điều chỉnh chính sách khuyến khích để các doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác,... Khuyến khích nông dân bằng đóng góp quyền sử dụng ruộng đất và lao động của mình hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã,... để phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định và cải thiện đời sống"*. [37].

Như vậy mô hình Hợp tác xã tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết của Đại hội Đảng. Đồng thời Nghị quyết cũng chỉ rõ định hướng của Đảng đối với mô hình Hợp tác xã là phát triển công nghiệp, dịch vụ, nhất là

công nghiệp chế biến. Về biện pháp, Nghị quyết cũng nhấn mạnh đến việc khuyến khích nông dân đóng góp quyền sử dụng đất, lao động hợp tác với các hợp tác xã,...

Trong những năm tới, khu vực kinh tế tập thể hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống của xã viên, nâng cao tinh thần hợp tác trong cộng đồng dân cư. Các hợp tác xã cần phải được thành lập, tổ chức và hoạt động tuân thủ đúng các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã do ICA (Liên minh hợp tác xã Quốc tế) khuyến cáo, hợp tác xã phải ngày càng thu hút nhiều xã viên và có quy mô hoạt động ngày càng lớn.

Mục tiêu kinh tế: Hợp tác xã trước hết phải nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã viên, đồng thời phát triển kinh tế của hợp tác xã; kinh tế tập thể cùng kinh tế xã viên cùng phát triển và ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn trong tổng sản phẩm nội địa; giúp xã viên ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, phát triển ngành nghề, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Thu nhập của xã viên và người lao động trong hợp tác xã ngày càng được cải thiện, góp phần ngày càng lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Mục tiêu xã hội: Hợp tác xã phải hướng tới mục tiêu phát triển cộng đồng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc quản lý dân chủ ở hợp tác xã, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái; đi tiên phong trong các lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm, phát triển dịch vụ giáo dục, y tế, phát triển cơ sở hạ tầng nhất là ở nông thôn.

Hợp tác xã phải là hạt nhân xây dựng đời sống văn hóa mới, nhất là ở nông thôn. Cá nhân, hộ cá thể, nhất là người yếu thế, được tập hợp vào tổ chức kinh tế, từ đó nâng cao được vị thế trong xã hội, giải quyết mâu thuẫn nội bộ trong dân ngay từ gốc, góp phần quan trọng trong giữ gìn và củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa bàn dân cư.

Đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và dịch vụ của khu vực kinh tế tập thể trong phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; khuyến khích phát triển hợp tác xã dịch vụ môi trường cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm đối với các hoạt động kinh tế của xã hội; xây dựng hợp tác xã thành các tổ chức có sự kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

Tạo chuyển biến căn bản về chất kinh tế hợp tác xã; phát triển hợp tác xã cả về quy mô, số lượng, từng bước nâng cao chất lượng trên phạm vi cả nước, ở tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế theo đúng giá trị nguyên tắc hợp tác xã. Tăng cường tiềm lực, tích lũy, nâng cao năng lực quản lý và hoàn thiện cơ chế phân phối lợi ích đối với HTX, tạo tiền đề đưa kinh tế tập thể cùng kinh tế nhà nước càng ngày trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Phát triển kinh tế HTX theo các định hướng ở ngành, lĩnh vực cụ thể sau đây:

- Hợp tác xã nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, diêm, thủy sản theo hướng:

Hạ giá thành và nâng cao chất lượng của các dịch vụ hợp tác xã cung cấp cho xã viên; Mở rộng loại hình dịch vụ mà xã viên và cộng đồng có nhu cầu.

Thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc liên kết, hợp nhất, sát nhập các hợp tác xã có quy mô nhỏ ở nông thôn thành các hợp tác xã có quy mô lớn hơn.

Khuyến khích hợp tác xã phát triển các dịch vụ phục vụ đa dạng trong nông, lâm, ngư nghiệp như: khuyến nông và chuyển giao công nghệ kỹ thuật, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư, phân bón, sản xuất và cung ứng giống vật nuôi, cây trồng; hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm; hợp tác xã chế biến nông sản; hợp tác xã cung ứng dịch vụ thủy lợi, thủy nông.v.v..

- *Hợp tác xã phi nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp :*

Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả và mở rộng quy mô phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có, phát triển hợp tác xã mới cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng của xã viên.

Gắn kết hợp tác xã với các chương trình khuyến công, hiện đại hóa công nghiệp nông thôn, làm hạt nhân phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại các cụm điểm công nghiệp và tạo tiền đề cho việc hình thành phát triển các làng nghề công nghiệp mới trong tiến trình công nghiệp hóa của đất nước.

Khuyến khích hợp tác xã chuyển giao công nghệ, khoa học kỹ thuật tiên tiến phục vụ hoạt động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của xã viên.

Phát triển hợp tác xã như là các vệ tinh cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho các doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn.

Khuyến khích liên kết các hợp tác xã hình thành các liên hiệp hoặc hình thức liên kết kinh tế hợp tác xã có sức cạnh tranh cao quy mô vùng hoặc toàn quốc.

- *HTX Xây dựng :*

Củng cố các hợp tác xã xây dựng hiện có, kết hợp với các giải pháp về tài chính, quản lý, tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã.

Khuyến khích thành lập mới hợp tác xã xây dựng.

Tập trung huy động vốn đầu tư vào hiện đại hóa máy móc thiết bị thi công, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và cạnh tranh của hợp tác xã.

Xây dựng thí điểm và phát triển hợp tác xã nhà ở; mở rộng hợp tác xã cung ứng dịch vụ, vật liệu xây dựng.

HTX trong lĩnh vực Thương mại :

Củng cố và phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thương mại (ở thị xã, thành phố), hợp tác xã mua bán (ở nông thôn) nhằm phục vụ tốt hơn

nhu cầu đa dạng của dân cư, đáp ứng các dịch vụ đầu ra cho các hộ nông dân và cung ứng hàng tiêu dùng cho dân cư nông thôn.

Phát triển các hình thức tổ chức liên kết kinh tế thích hợp trong lĩnh vực thương mại của các hợp tác xã có quy mô vùng hoặc toàn quốc.

Phát triển các hợp tác xã siêu thị và mạng lưới siêu thị hợp tác xã với phương thức hoạt động văn minh, tiên tiến mang lại lợi ích cho xã viên.

Mở rộng mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã thương mại của các hộ buôn bán cá thể. Phát triển mô hình hợp tác xã chợ ở cả thành thị và nông thôn thu hút đông đảo tiểu thương, người bán hàng tại chợ làm xã viên hợp tác xã.

HTX Vận tải :

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ vận tải, làm các dịch vụ cần thiết cho các thành viên.

Phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh vận tải đáp ứng nhu cầu chung vận tải của xã viên, cộng đồng dân cư hoặc các tổ chức, doanh nghiệp.

Chú trọng phát triển các hợp tác xã cung cấp dịch vụ cơ khí, sửa chữa phương tiện vận tải cho xã viên, các hợp tác xã kinh doanh bến bãi với các xã viên là các chủ phương tiện sử dụng bến bãi.

HTX Tín dụng :

Mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động quỹ tín dụng nhân dân một cách chắc chắn, an toàn, thu hút mạnh hơn xã viên tham gia quỹ để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn quy mô nhỏ của xã viên.

Tập trung vốn cho xã viên vay để đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở rộng ngành nghề, thực hiện kết hợp quỹ TDND & NH thương mại để tăng vốn tín dụng cho HTX.

Liên kết tạo vốn cho các hợp tác xã trên cùng địa bàn phát triển sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục thành lập các quỹ tín dụng nhân dân mới ở những nơi có nhu cầu và điều kiện, kể cả nông thôn và thành thị.

Tiếp tục mở rộng và phát triển mới các hợp tác xã trong các ngành và lĩnh vực khác, như: hợp tác xã môi trường, hợp tác xã trường học; hợp tác xã dịch vụ đời sống; hợp tác xã dược; hợp tác xã y tế.v.v...

3.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế hợp tác xã đến năm 2010 và dự báo đến năm 2015 - 2020

Các văn kiện của Đảng và chủ trương của Chính phủ đã chỉ rõ :

- Khẩn trương tiếp tục triển khai thực hiện Luật hợp tác xã năm 2003 với các nội dung cơ bản sau đây:

- Củng cố hợp tác xã hiện có, nhất là hợp tác xã chuyên đổi; giải thể dứt điểm các hợp tác xã chưa chuyên đổi và không có khả năng chuyên đổi; giải thể các hợp tác xã cũ đã chuyên đổi nhưng không hoạt động hoặc hoạt động hình thức hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 1996 chuyển sang hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2003.

- Khuyến khích hợp tác xã hợp tác thành lập liên hiệp hợp tác xã chuyên ngành hoặc đa ngành.

- Tránh tình trạng cạnh tranh giữa các hợp tác xã trên cùng địa bàn.

- Khuyến khích liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với nhau và giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, với nhà đầu tư nước ngoài; tiếp tục nghiên cứu phát triển mô hình liên kết kinh tế hợp tác xã kiểu mới phù hợp theo hướng trên một địa bàn khuyến khích phát triển nhiều hợp tác xã chuyên ngành, tổ chức liên kết kinh tế của các hợp tác xã theo chiều dọc và chiều ngang, hoặc khuyến khích phát triển hợp tác xã đa ngành nghề, nhất là đối với các vùng thôn thôn, vùng sâu, vùng xa; tiến tới thành lập các "tập đoàn hợp tác xã".

- Kiện toàn và củng cố tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước đối với kinh tế HTX ở các cấp, đảm bảo tính hiệu quả, tính đồng bộ và phối hợp cao trong bộ máy.

Trong giai đoạn 5 năm 2006-2010 cần đạt được một số mục tiêu cụ thể sau đây: [42].

- *Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng:*

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng hàng năm của khu vực hợp tác xã là 6,1%.

Tổng sản phẩm trong nước của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã đến năm 2010 chiếm 14,6% GDP của cả nước, trong đó các hợp tác xã đóng góp 7,1%, kinh tế xã viên đóng góp 7,5%.

Tổng số vốn của kinh tế HTX bình quân 2006-2010 là 50.327,9 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn tự có: 29.527,7 tỷ đồng

- Vốn vay: 20.800,2 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vay thương mại: 4.935,8 tỷ đồng

Trong đó vay Ngân hàng (80%): 3.948,6 tỷ đồng

+ Vay ưu đãi: 3.840 tỷ đồng

Phương án nêu trên chưa tính đến tác động của quản lý, công nghệ và các nhân tố khác có thể ảnh hưởng về mặt chất lượng đối với tăng trưởng.

Các chỉ tiêu có liên quan khác như sau:

1. Cơ cấu giá trị gia tăng khu vực kinh tế HTX

- Tỷ trọng GDP đến năm 2010 do nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 6,4%.

- Tỷ trọng GDP đến năm 2010 do công nghiệp, xây dựng và tiểu thủ công nghiệp chiếm 0,8%. Tỷ trọng GDP đến năm 2010 do dịch vụ chiếm 1,7%.

- *Kim ngạch xuất khẩu:*

Phần đầu đến năm 2010 giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của khu vực hợp tác xã lên gấp 3 lần so với năm 2001, tương đương 450 triệu/ 1 tỷ USD của cả nước.

- Thu nhập bình quân của lao động

Phần đầu tăng thu nhập bình quân của lao động khu vực kinh tế HTX ít nhất ngang bằng mức bình quân chung của cả nước; phần đầu thu nhập bình quân một năm của xã viên hợp tác xã đạt 11 triệu đồng năm 2010, thu nhập bình quân một năm của một lao động hợp tác xã đạt 12 triệu đồng năm 2010.

- Mức tăng Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã:

Dự báo lợi nhuận bình quân một hợp tác xã tăng trưởng bình quân khoảng 13,24% giai đoạn 2006-2010.

- Mức tăng tỷ suất lợi nhuận bình quân một hợp tác xã:

Dự báo tỷ suất lợi nhuận bình quân một hợp tác xã đạt mức tăng bình quân 6,01% giai đoạn 2006-2010.

- Mức tăng năng suất lao động bình quân một hợp tác xã:

Dự báo năng suất lao động bình quân một hợp tác xã đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 9,56% giai đoạn 2006 - 2010.

- Mức tăng giá trị xuất khẩu trực tiếp của hợp tác xã:

Dự báo tốc độ tăng giá trị xuất khẩu trực tiếp bình quân của một hợp tác xã tăng trưởng bình quân năm 22% giai đoạn 2006-2010.

- Số lượng hợp tác xã tăng bình quân hàng năm 7,2% giai đoạn 2006 - 2010, đạt 27.400 hợp tác xã vào năm 2010.

- Số lượng liên hiệp hợp tác xã tăng bình quân hàng năm 27,1% giai đoạn 2006 - 2010, đạt 80 liên hiệp hợp tác xã vào năm 2010.

- Thu hút 15-17 triệu người tham gia hợp tác xã, chiếm 40% tổng số lao động của cả nước vào năm 2010.

- Tỷ lệ lao động tham gia hợp tác xã tăng từ 25% năm 2005 lên 35% vào năm 2010.

- Quy mô lao động của hợp tác xã tăng trung bình từ 540 năm 2005 lên 542 lao động năm 2010;

- Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo trình độ đại học tăng từ 8% năm 2005 lên 20% năm 2010 và trình độ trung cấp tăng từ 21% năm 2005 lên 38% năm 2010.

- Tăng trưởng cán bộ quản lý hợp tác xã được đào tạo từ trung cấp bình quân khoảng 13% giai đoạn 2006 - 2010.

- Dự báo tăng trưởng bình quân lao động hợp tác xã được đào tạo nghề khoảng 21% giai đoạn 2006 - 2010.

- Góp phần tích cực xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức thu nhập xã viên tiến tới khá giả, phấn đấu mở rộng từng bước vào các hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục, y tế văn hóa phục vụ cộng đồng xã viên và dân cư; khuyến khích hoạt động văn hóa cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng xã viên.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ, xã viên và người lao động trong khu vực kinh tế tập thể; nâng cao trách nhiệm của các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nâng cao hiệu quả sản xuất gắn với phòng ngừa ô nhiễm môi trường, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã môi trường hoạt động theo hướng tập trung vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc của cộng đồng dân cư như thu gom rác, vận chuyển, xử lý rác thải, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường, cung ứng nước sạch...; phát hiện các mô hình, hợp tác xã điển hình tiên tiến trong hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường để khen thưởng, phổ biến và nhân rộng.

3.1.3. Một số cơ hội và thách thức về hoạt động tín dụng ngân hàng đối với kinh tế Hợp tác xã trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO từ ngày 7-11-2008. Từ thời điểm đó cho đến nay cũng như trong

thời gian tới, kinh tế hợp tác xã cũng như hoạt động tín dụng đối với kinh tế hợp tác xã phải đối mặt với những thách thức sau đây :

Một là, Hoạt động ngân hàng trở nên cạnh tranh sôi động hơn với nhiều loại hình và nhiều thành phần kinh tế. Các Tổ chức tín dụng cạnh tranh thu hút và mở rộng khách hàng. Do đó các hợp tác xã có điều kiện chủ động lựa chọn các Tổ chức tín dụng để vay vốn, gửi tiền và đáp ứng các nhu cầu dịch vụ tài chính khác. Song mô hình kinh tế hợp tác cũng phải cạnh tranh bình đẳng đối với các thành phần kinh tế khác trong quan hệ tín dụng ngân hàng. Đối với các HTX trong lĩnh vực vận tải, sản xuất hàng thủ công, chế biến thủy hải sản còn thuận lợi, nhưng các HTX nông nghiệp thì hết sức khó khăn.

Hai là, môi trường nền kinh tế cạnh tranh minh bạch và mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện cho phát triển thị trường và các hoạt động khác của kinh tế hợp tác xã. Song trình độ quản lý điều hành, trình độ cán bộ hợp tác xã sẽ là những bất cập, thách thức trong nâng cao hiệu quả hoạt động, trong phát huy vai trò đối với xã viên và trong quan hệ tín dụng với các NHTM Việt Nam.

Ba là, Việt Nam thực hiện lộ trình mở cửa thị trường dịch vụ tài chính theo cam kết gia nhập WTO, do đó các Tổ chức tín dụng hoạt động ngày càng đông và mạnh. Trong đó kể cả các Ngân hàng con 100% vốn nước ngoài, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty cho thuê tài chính, dịch vụ tín dụng tiêu dùng,... Với sự cạnh tranh mạnh mẽ các Tổ chức tín dụng nước ngoài sẽ vươn ra tài trợ vốn, thực nghiệp nghiệp vụ cho thuê tài chính và cho vay trả góp cả đối với kinh tế hợp tác xã, cũng như hộ xã viên hợp tác xã. Lĩnh vực mà các tổ chức tín dụng nước ngoài hướng tới là hợp tác xã trong lĩnh vực vận tải hành khách, xe tắc xi,... Do đó các Tổ chức tín dụng trong nước không mạnh dạn mở ra cho vay kinh tế hợp tác xã sẽ bị mất thị phần.

Bốn là, mở cửa hàng hoá và dịch vụ, thực hiện lộ trình cắt giảm thuế,... nên nhiều loại hàng hoá và dịch vụ trước đây là thế mạnh của các HTX trong nước thì nay bị cạnh tranh mạnh mẽ của hàng hoá nhập khẩu, của dịch vụ các tổ chức nước ngoài cung ứng.

Năm là, hội nhập quốc tế, đòi hỏi kinh tế hợp tác xã cũng phải chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về kế toán thống kê. Công tác hạch toán kế toán phải rõ ràng, minh bạch,... có như vậy mới có cơ hội dễ dàng tiếp cận với dịch vụ ngân hàng. Song tình trạng hạch toán kế toán và chấp hành quy định pháp luật về kế toán thống kê vẫn đang là điểm yếu của các hợp tác xã ở Việt Nam.

3.2. GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM

3.2.1. Đa dạng hóa nguồn vốn cho vay phát triển kinh tế hợp tác xã với lãi suất hợp lý

3.2.1.1. Tạo lập nguồn vốn dồi dào để chủ động đáp ứng nhu cầu tín dụng cho hợp tác xã

Muốn cho vay, trước hết ngân hàng phải có nguồn vốn để cho vay. Nguồn vốn càng dồi dào thì ngân hàng càng chủ động trong việc quy định cho vay của mình. Muốn chủ động về nguồn vốn, ngân hàng phải thực hiện được việc đa dạng hóa các nguồn vốn, bao gồm:

Nguồn vốn pháp định: là nguồn vốn tự có ngay từ ban đầu thành lập Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hiện nay các Ngân hàng thương mại quốc doanh đang được Nhà nước cấp bổ sung cho đủ (theo thông lệ quốc tế thì nguồn vốn này không nhỏ hơn 8% tài sản nợ).

Tạo nguồn vốn bằng cách đi vay: bao gồm vay các Ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và cá nhân trong nước thông qua các hình thức như vay trực tiếp, huy động tiết kiệm, huy động kỳ phiếu có mục đích,... nguồn vốn đi

vay nước ngoài: như vay của ngân hàng thế giới (WB) ngân hàng Châu Á (ADB), quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), và các ngân hàng, tổ chức tài chính ở nước ngoài khác.

Nguồn vốn hình thành từ ngân sách chuyển sang để cho vay (nếu có) với lãi suất thấp để ưu đãi phát triển kinh tế HTX trong một số lĩnh vực và thời gian cụ thể.

Nguồn vốn coi như tự có là nguồn có được do nguồn vốn tiền gửi tạm thời nhàn rỗi của các tổ chức kinh tế và cá nhân, nguồn vốn trong thanh toán. Ngân hàng có thể sử dụng trong một phạm vi cho phép mà vẫn đảm bảo an toàn trong thanh toán.

Với nguồn vốn đa dạng như trên, Ngân hàng sẽ chủ động trong việc cấp tín dụng nói chung và tín dụng đối với HTX nói riêng, đảm bảo đầy đủ, kịp thời vốn cho sản xuất kinh doanh dịch vụ của kinh tế HTX.

3.2.1.2. Thực hiện các biện pháp cụ thể hạ lãi suất đầu vào trên cơ sở đó giảm lãi suất cho vay kinh tế hợp tác xã

Nhìn chung, hiệu suất sinh lời của kinh tế HTX còn thấp. Về nguyên tắc, kinh tế HTX chỉ hấp thu được vốn vay ngân hàng khi lãi suất ngân hàng chỉ là một phần của tỷ suất lợi nhuận mà kinh tế HTX làm ra. Do vậy, muốn kinh tế HTX vay được nhiều vốn, trên khía cạnh chi phí của HTX, NHTM cần giảm lãi suất tín dụng. Tuy nhiên, về phía NH, lãi suất cho vay phải đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động đồng thời mang lại tỷ suất sinh lời tương ứng với rủi ro. Do vậy, với chi phí huy động cho trước, NH chỉ giảm lãi suất cho vay với khách hàng vay lớn, rủi ro thấp, hoặc sử dụng nhiều loại dịch vụ NH. Kinh tế HTX không phải là khách hàng như vậy.

Muốn cho vốn tín dụng ngân hàng ngày càng mở rộng cho vay kinh tế HTX với lãi suất hợp lý, góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của HTX ngày càng nâng cao được hiệu quả và ngân hàng cho

vay cũng có lãi trong điều kiện sức cạnh tranh của kinh tế HTX còn yếu thì vấn đề hạ thấp lãi suất đầu vào của nguồn vốn là hết sức quan trọng. Giải quyết mâu thuẫn nội tại này sẽ góp phần khơi tăng nguồn vốn NH đến HTX, thúc đẩy kinh tế HTX phát triển.

Muốn hạ lãi suất đầu vào ngân hàng cần phải:

- **Thứ nhất:** NHTM phải thực hiện nhiều đồng bộ để giảm chi phí về huy động vốn ở mức thấp nhất như thủ tục đơn giản, thuận tiện, bộ máy gọn nhẹ, tinh thông nghiệp vụ, hình thức quảng bá, tiếp thị phù hợp, tiết kiệm các chi phí quản lý, chi phí hành chính...

- **Thứ hai:** Tranh thủ được nguồn vốn vay ưu đãi từ nước ngoài với lãi suất thấp, thời hạn dài, có sức hấp dẫn đối với kinh tế HTX. Các nguồn vốn này thường gắn với các chương trình như: vệ sinh môi trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giải quyết việc làm,...

- **Thứ ba:** Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, khuyến khích các tổ chức và cá nhân mở tài khoản tiền gửi để giao dịch, từ đó ngân hàng dùng một phần số dư tạm thời nhàn rỗi với lãi suất thấp, hòa vào nguồn vốn chung để cho vay. Đây là một mảng hoạt động hiệu quả mà các ngân hàng cần triển khai nhiều biện pháp như tuyên truyền, tiếp thị... để thực hiện. Nguồn vốn này là ưu thế riêng có của hoạt động ngân hàng và nếu dùng nó để cho vay kinh tế HTX thì mức lãi suất cho vay sẽ trở nên hấp dẫn.

- **Thứ tư:** Ngân hàng cần làm việc với chính quyền địa phương về vị trí, vai trò phát triển kinh tế HTX trong tình hình hiện nay theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX của Đảng để các cấp chính quyền dành một nguồn vốn hợp lý từ ngân sách Nhà nước chuyển sang để cho vay khuyến khích phát triển kinh tế HTX ở từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể như chương trình xuất khẩu, chương trình đánh bắt hải sản xa bờ.

- **Thứ năm:** Phải thực hiện một cơ cấu về nguồn vốn một cách hợp lý đảm bảo lãi suất cho vay đầu ra có thể chấp nhận được, nhưng có thể vừa cho vay ngắn hạn, vừa cho vay trung dài hạn được.

- **Thứ sáu:** NHTM nâng cao hiệu quả quản trị điều hành thanh khoản, tối ưu hoá cơ cấu tài sản có, nhất là tài sản có sinh lời và sẵn sàng chuyển thành tiền mặt. Trên cơ sở đó NHTM có thể giảm lượng tiền mặt tồn quỹ hàng ngày ở mức thấp nhất nhưng an toàn trong thanh toán. Bên cạnh đó NHTM cũng cần tham gia tích cực và năng động hơn nữa vào thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường liên ngân hàng và nghiệp vụ thị trường mở của NHNN. Các biện pháp này tránh lãng phí về nguồn vốn tồn đọng, cũng là yếu tố để hạ lãi suất đầu vào của nguồn vốn.

- **Thứ bảy :** tranh thủ và đẩy mạnh thu hút tiền gửi thanh toán của các doanh nghiệp với lãi suất không kỳ hạn, trên cơ sở đó giảm lãi suất bình quân đầu vào. Muốn vậy một mặt NHTM cần đẩy mạnh công tác tiếp thị, nhưng mặt khác cũng phải đáp ứng được các lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp này. Theo đó NHTM cần chủ động và đẩy mạnh dịch vụ chi trả lương qua tài khoản với dịch vụ ngân hàng tự động ATM. NHTM cũng mở rộng dịch vụ thu hộ tiền mặt tại nơi bán hàng và dịch vụ của doanh nghiệp. Tiếp đó là phát triển các dịch vụ thu hộ tiền điện, nước sạch, thuế, phí bưu chính viên thông,...

Có chính sách lãi suất cho vay kinh tế hợp tác xã phù hợp: Với các nguồn vốn hiện có của Ngân hàng như nguồn vốn tiền gửi tiết kiệm - kỳ phiếu, nguồn vốn trong thanh toán, nguồn vốn cho vay ủy thác của ngân hàng nước ngoài, nguồn vốn khác,... Ngân hàng thương mại định ra một mức lãi suất phù hợp hơn ở mức rẻ nhất có thể được, để cho vay, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã đang ở thời kỳ đầu của bước "chuyển mình" mới. Ngân hàng cũng xác định kinh tế Hợp tác xã là một thị trường tiềm năng cần

đánh thức và nuôi dưỡng, dần trở thành những khách hàng mạnh sánh vai cùng các thành phần kinh tế khác.

3.2.2. Mở rộng cho vay kinh tế hợp tác xã kết hợp với nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng đối với các dự án của hợp tác xã

3.2.2.1. Mở rộng cho vay các loại hình hợp tác xã

Thực tế trong những năm gần đây cho thấy xuất hiện nhiều loại hình HTX trong lĩnh vực kinh doanh mới ở cả thành thị lẫn nông thôn, hoạt động rất có hiệu quả. Vì vậy các NHTM cần chú trọng mở rộng cho vay các loại hình HTX vận tải taxi, vận tải hành khách bằng xe Buýt, HTX khai thác vật liệu xây dựng, HTX tiêu thụ, HTX trồng hoa và cây cảnh, HTX vệ sinh môi trường, HTX đóng tàu pha sông biển, HTX cơ khí,... Các HTM loại này thường có bộ máy quản lý gọn nhẹ, ghi chép sổ sách đầy đủ rõ ràng. Do đó cho vay các HTM loại này khá an toàn. Vì vậy các NHTM cần có chiến lược và tiếp thị đến các HTM trong các lĩnh vực hoạt động mới để mở rộng cho vay vốn tín dụng.

3.2.2.2. Mở rộng đối tượng cho vay của kinh tế hợp tác xã

Đối tượng tín dụng của hệ thống HTX là toàn bộ những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh, bao gồm những chi phí hình thành những tài sản cố định, tài sản lưu động, chi phí giá thành hàng hóa sản phẩm, chi phí chờ thanh toán và những chi phí cần thiết khác mà nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn khác đáp ứng không đủ phải vay vốn ngân hàng để bổ sung.

Vì thế, đối tượng tín dụng của kinh tế HTX bao hàm rất rộng. Kinh tế HTX cần phát triển, đạt được những mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể đề ra thì: mức vốn tín dụng ngân hàng (được tính toán ở trên) đạt 3948,6 tỷ đồng giai đoạn 2006-2010, gấp 5,8 lần mức vốn tín dụng ngân hàng đáp ứng cho kinh tế hợp tác xã năm 2005 (686,4 tỷ đồng). Theo đó, đối tượng tín dụng cần mở rộng từ việc xây dựng kết cấu hạ tầng đến những chi phí thường xuyên

phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, những đối tượng này cũng cần được chọn lọc để đầu tư đúng hướng, tránh dàn trải manh mún, đáp ứng cả hiệu quả trước mắt và lâu dài, thực hiện tốt nguyên tắc cơ bản của tín dụng đó là đúng đối tượng và hoàn trả đúng hạn Ngân hàng.

Để mở rộng đối tượng tín dụng đáp ứng yêu cầu trên, Ban quản lý hợp tác xã cần căn cứ vào định hướng huy động của hợp tác xã được Đại hội xã viên quyết định để xây dựng phương án đầu tư. Về phía ngân hàng cũng cần những cán bộ tín dụng chuyên sâu về kinh tế hợp tác xã để tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án khả thi, có đối tượng cụ thể để tiếp cận nguồn vốn TDNH. Đối tượng tín dụng được mở rộng sẽ giúp kinh tế HTX phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, đạt được mục tiêu đề ra và là nền tảng vững chắc cho bước phát triển của những năm tiếp theo, thích nghi được với môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Đó cũng là chỗ dựa để kinh tế tiếp tục phát triển và hạn chế những thua thiệt trên thương trường.

Trong xu hướng hiện nay bên cạnh các HTM chuyên sâu, hoạt động chuyên một hay một số ít lĩnh vực thì cũng xuất hiện các HTX kinh doanh đa năng, tổng hợp với nhiều ngành nghề khác nhau. Đặc biệt ở nông thôn, các NHTM thường có xu hướng khép kín thực hiện toàn bộ các dịch vụ, như: thủy lợi, điện, xây dựng,... Vì vậy các NHTM cần linh hoạt mở rộng đối tượng đầu tư vốn theo từng dự án, lĩnh vực cụ thể của mỗi HTX ở tình địa phương.

Để mở rộng đối tượng tín dụng Ban quản lý hợp tác xã cần căn cứ vào định hướng huy động của hợp tác xã được Đại hội xã viên quyết định để xây dựng phương án đầu tư. Về phía ngân hàng cũng cần những cán bộ tín dụng chuyên sâu về kinh tế hợp tác xã để tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án khả thi, có đối tượng cụ thể. Đối tượng tín dụng được mở rộng sẽ giúp kinh tế HTX phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu, đạt được mục tiêu đề ra và là nền tảng vững chắc cho bước phát triển của những năm tiếp theo, thích nghi được

với môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Đó cũng là chỗ dựa để kinh tế tiếp tục phát triển và hạn chế những thua thiệt trên thương trường.

3.2.2.3. Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng đối với các dự án của hợp tác xã

Để đảm bảo vốn tín dụng ngân hàng đạt được hiệu quả cao cả với HTX, cả với ngân hàng cần thiết phải cải tiến chất lượng thẩm định tín dụng. Đây là khâu quan trọng để thực hiện các nguyên tắc và điều kiện tín dụng. Quá trình thẩm định đòi hỏi người thẩm định phải có sự hiểu biết và vận dụng một cách toàn diện các kiến thức về kinh tế xã hội, hiểu sâu sắc về mô hình, định hướng phát triển HTX kiểu mới, áp dụng các phương pháp tính toán kỹ thuật và so sánh để mở rộng đối tượng đầu tư cho kinh tế hợp tác xã.

a. Thẩm định về mặt pháp lý của HTX

- Nghiên cứu điều lệ HTX do Đại hội xã viên HTX thông qua, ở đó quy định những mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ trong kỳ đại hội. Đại hội cũng bầu ra chủ nhiệm và ban quản trị HTX. Chủ nhiệm HTX chỉ có thể ủy quyền giải quyết công việc cho phó chủ nhiệm hoặc một thành viên của ban quản trị. Qua đó cho biết TDNH tham gia ở khâu nào có hiệu quả trong định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của HTX.

- Về đăng ký kinh doanh: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp quận, huyện cấp ở đó thể hiện chức năng, nhiệm vụ của HTX theo quy định của pháp luật.

- Các yếu tố ngành, nghề, điều kiện sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ trên hồ sơ và thực tế.

- Xem xét năng lực quản lý điều hành của chủ nhiệm và ban quản trị trình độ tay nghề của xã viên, vốn góp của xã viên tham gia vào phương án sản xuất kinh doanh.

b. Thẩm định hồ sơ vay vốn, những thông tin kinh tế cần thiết, nguồn cung cấp nguyên vật liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa

- Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch vay vốn, trả nợ: Mục đích, các điều kiện thực hiện phương án, kế hoạch sử dụng tiền vay, tính toán hiệu quả kinh tế của dự án, nguồn và kế hoạch trả nợ.

- Các yếu tố liên quan đến việc vay vốn: Hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ, giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu và các chứng từ liên quan khác.

- Các giấy tờ, chứng thư sở hữu về tài sản thế chấp (nếu có).

Cán bộ tín dụng tiến hành kiểm tra, khảo sát thực tế để đánh giá trực tiếp khả năng và hiệu quả quản lý, trình độ kỹ thuật, chất lượng uy tín sản phẩm, thực trạng tài sản dùng để thế chấp, cầm cố.

- Xem xét nguồn cung cấp vật tư, nguyên liệu (đầu vào) nguồn này được mua từ địa phương, vùng lân cận hay từ các vùng khác, chất lượng, giá cả có phù hợp với thực tế thị trường không, các nhân tố ảnh hưởng đến việc cung cấp vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng... sau khi phân tích, xem xét phải khẳng định được khả năng đảm bảo thường xuyên theo hợp đồng trong thời hạn vay vốn để tránh rủi ro.

- Thị trường tiêu thụ (đầu ra): So sánh với sản phẩm cùng loại có sẵn trên thị trường, sản phẩm có thể bán rộng rãi trên thị trường hay chỉ bán cho một số nhóm khách hàng. Đánh giá, xác định nhu cầu thị trường về sản phẩm đó, các phương thức bán hàng có phù hợp không, việc liên kết giữa HTX với thành phần kinh tế khác về tiêu thụ sản phẩm.

- Phải có máy móc công nghệ.

- Về kỹ thuật, công nghệ phải đảm bảo cho việc sản xuất, chế biến sản phẩm có chất lượng, mẫu mã hợp thị hiếu, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Về môi trường: xem xét việc khai thác tài nguyên khi HTX thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh có được phép không, sự phù hợp giữa

thời hạn giấy phép với thời gian vay vốn. Vấn đề chất thải phải xử lý theo qui định của Bộ Khoa học và Công nghệ môi trường, thuốc bảo vệ thực vật phải theo hướng dẫn của Chi cục bảo vệ thực vật.

c. Thẩm định khả năng tài chính của HTX

Để thực hiện tốt bước này, cán bộ tín dụng ngân hàng cần dựa vào các tài liệu sau:

- Bảng cân đối kế toán, báo cáo doanh thu, chi phí và phân phối, báo cáo tồn kho hàng hóa. Ngoài các tài liệu này, cán bộ tín dụng cần tham khảo thêm các dự án, phương án vay vốn cùng loại và đang thực hiện.

Để đánh giá tình hình tài chính của hợp tác xã, nên sử dụng phương pháp phân tích bằng hệ số liên quan đến 4 nhóm chỉ tiêu quan trọng, đó là: Khả năng thanh toán, khả năng cân đối vốn, khả năng hoạt động, khả năng sinh lãi.

d. Thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay

Từ trước đến nay, các NHTM chủ yếu thực hiện việc thẩm định tài sản bảo đảm của kinh tế HTX là định giá tài sản, chưa quan tâm đúng mức đến bên bảo đảm. Cần phải tập hợp, nắm bắt các thông tin để đánh giá bên bảo đảm về thiện chí, ý thức bảo đảm của bên bảo đảm. Nếu khách hàng HTX là bên bảo đảm thì kết hợp thẩm định khách hàng vay vốn với bên bảo đảm, xác định cả trên phương diện năng lực tài chính, khả năng quản lý, tư cách đạo đức, ý thức trả nợ... Đối với trường hợp bên bảo đảm là bên thứ ba, thì cần xem xét cụ thể mối quan hệ giữa bên bảo đảm và khách hàng vay vốn. Chẳng hạn tài sản bảo đảm của Chủ tịch nhiệm Kế toán trưởng HTX bảo đảm cho chính HTX đó vay vốn sẽ có hiệu quả, có ý nghĩa hơn tài sản của bên không có liên quan trực tiếp. Việc xác định được trách nhiệm cụ thể và trực tiếp của bên bảo lãnh đối với khoản vay thì hiệu quả của việc bảo đảm tài sản đó bao giờ cũng cao hơn.

Về công tác định giá tài sản bảo đảm. Trong thời gian qua, tại nhiều NHTM, các Phòng thẩm định của NHTM hay Chi nhánh NHTM làm đầu mối đã thực hiện tốt công tác định giá tài sản bảo đảm, từng bước chuyên môn hóa, thực hiện một cách độc lập, khách quan. Tuy nhiên nhìn chung công tác định giá còn thụ động, chủ yếu thu thập một số thông tin của thị trường, rồi ước lượng, còn thiếu những cơ sở, luận cứ chứng minh, xác định chính xác giá trị tài sản. Để nâng cao chất lượng định giá tài sản, trong thời gian tới, các NHTM, Chi nhánh NHTM cần phải áp dụng kết hợp nhiều biện pháp định giá tài sản, phù hợp với từng đặc thù tài sản khác nhau. Đối với những tài sản lớn, việc định giá phức tạp, các NHTM, Chi nhánh NHTM cần thuê cơ quan định giá chuyên nghiệp tiến hành định giá.

Các quy định pháp lý liên quan đến giao dịch bảo đảm hiện nay đã được sửa đổi và bổ sung, theo hướng tạo điều kiện cho các bên giao dịch. Tuy nhiên về phía Ngân hàng cũng chưa cập nhật đầy đủ, kịp thời, để mở rộng phạm vi và đối tượng tài sản bảo đảm. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến dư quy mô tài sản bảo đảm của các NHTM, Chi nhánh NHTM và dư nợ có tài sản bảo đảm. Bên cạnh đó việc căn cập nhật bổ sung những quy định pháp lý vào các hợp đồng giao dịch bảo đảm sẽ hạn chế được được các rủi ro khi xử lý tài sản.

Hạn chế lớn nhất trong công tác định giá tại các NHTM, Chi nhánh NHTM đó là vẫn do CBTD kiêm nhiệm, do đó tính chuyên môn hóa không cao, kết quả định giá không được đảm bảo. Có thể nói, công tác định giá có ảnh hưởng quyết định suốt quá trình cho vay. Định giá TSBĐ được thực hiện tốt, góp phần quan trọng tới hiệu quả bảo đảm tiền vay. Vậy để nâng cao chất lượng công tác định giá TSBĐ, các NHTM, Chi nhánh NHTM cần sớm thành lập tổ định giá TSBĐ riêng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, tổ định giá quan trọng nhất cần phải có đội ngũ nhân sự chất lượng. Đó là những cán bộ

có chuyên môn sâu về nghiệp vụ định giá, có khả năng tổng hợp, phân tích, dự báo xu thế phát triển của TSBĐ. Tùy vào điều kiện thực tế tại các NHTM, Chi nhánh NHTM, mà có thể tuyển nhân sự có chuyên môn về định giá từ bên ngoài hoặc điều chuyển một số CBTD sang tổ định giá và tổ chức đào tạo lại về nghiệp vụ định giá cho số cán bộ này. Bên cạnh đó, cán bộ định giá cần chú trọng, tích cực trong việc thu thập các thông tin liên quan đến định giá TSBĐ như: các văn bản liên quan đến định giá, sự thay đổi giá cả các tài sản trên thị trường, sự xuất hiện những sản phẩm, mặt hàng mới thay thế có nhiều công dụng, tính năng hơn trước, sự phát triển của khoa học công nghệ....

Để hỗ trợ cho cán bộ định giá trong việc định giá tài sản, tổ định giá cần nghiên cứu xây dựng một số tiêu thức đảm bảo tính khoa học để đánh giá giá trị TSBĐ.

Ngoài ra, đối với những tài sản phức tạp, khó định giá, tổ định giá có thể tham khảo thêm từ tổ chức chuyên môn định giá.

e. Thẩm định hiệu quả xã hội

Khi phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ được thực hiện sẽ giải quyết công ăn việc làm cho bao nhiêu lao động, thu nhập bình quân đầu người đạt mức nào. Bên cạnh đó, việc góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và góp phần đảm bảo an ninh xã hội cũng được nghiên cứu, xem xét.

Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội đối với một phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ đều được coi trọng là tổ chức được thành lập trên cơ sở người lao động tự nguyện góp vốn, góp sức để sản xuất kinh doanh. HTX thường đứng ra bảo vệ lợi ích những người lao động này tránh bị thua thiệt trong cạnh tranh. Những phương án tạo ra nhiều việc làm ở nông thôn cũng tạo ra tình làng nghĩa xóm, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ gốc, góp phần đảm bảo an ninh nông thôn.

Vì vậy, đối với cán bộ tín dụng phải hiểu sâu sắc về kinh tế HTX, quan tâm ưu tiên về vốn thông qua thẩm định xem xét cả về hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

3.2.3. Tăng hạn mức tín dụng và linh hoạt thời hạn cho vay đối với kinh tế hợp tác xã

3.2.3.1. Tăng hạn mức tín dụng

Các HTX nên tiến hành phân loại, xếp hạng tín nhiệm khách hàng là kinh tế HTX. Căn cứ phân loại và xếp hạng tín nhiệm khách hàng HTX cũng dựa trên các tiêu chí như mọi đối tượng khách hàng khác mà từ đó xác định hạn mức tín dụng, chính sách ưu đãi và chính sách khách hàng khác đối với kinh tế HTX. Còn trong quá trình cho vay dự thể đối với từng dự án, trên cơ sở thẩm định tín dụng, các nguồn vốn tham gia vào phương án sản xuất kinh doanh hoặc mức vốn tối thiểu cần thiết bảo đảm cho nhu cầu hoạt động của HTX cần được làm rõ theo các nguyên lý của hoạt động tín dụng ngân hàng. Việc tăng mức vay từng lần hoặc tăng hạn mức tín dụng phụ thuộc vào việc HTX có nhiều phương án đầu tư chiều sâu hoặc mở rộng SXKD hay không. Kinh tế HTX phát triển bền vững khi mức vay (hoặc hạn mức tín dụng) và vốn tự có của HTX đều tăng lên hàng năm.

3.2.3.2. Linh hoạt thời hạn cho vay

Thời hạn tín dụng là thời gian vốn tín dụng sau khi đã tham gia quá trình SXKD của kinh tế HTX, của khách hàng, có thể hoàn trả ngân hàng cả gốc và lãi theo đúng thời gian cam kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với chu kỳ kinh doanh của HTX.

Thời hạn tín dụng phụ thuộc và chu kỳ SXKD hoặc thời gian dự án phát huy hiệu quả kinh tế và thu hồi dần vốn của HTX khi đầu tư vốn hay sử dụng vốn vào lĩnh vực nào đó.

Muốn đáp ứng tốt về thời hạn tín dụng cho kinh tế HTX, bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn vốn như phần trên đã phân tích, Ngân hàng thương mại phải tính sát đúng chu kỳ SXKD, vòng quay vốn lưu động và vòng quay vốn tín dụng, thẩm định tốt dự án vay vốn ngắn hạn, trung dài hạn của kinh tế HTX.

Trong bối cảnh hiện nay, việc tăng tỷ trọng vốn trung dài hạn cho kinh tế HTX là rất quan trọng để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh, tạo ra kết cấu hạ tầng thuận lợi để phát triển. Muốn thế, Ngân hàng cần có một sự mạnh dạn, quyết đoán, không ngại rủi ro trên cơ sở chủ động tín toán sát vòng quay của vốn và lĩnh vực đầu tư của từng dự án mà HTX xin vay. Bởi vì theo luận án, kinh tế HTX còn phát triển nhỏ lẻ nên mức rủi ro thấp.

3.2.4. Đơn giản hoá thủ tục cho vay

Thủ tục tín dụng là những quy định về các bước giải quyết về tín dụng cũng như hồ sơ cần thiết để giải ngân, kiểm soát và hoàn trả. Thủ tục này cần đơn giản, thuận tiện nhưng vẫn đảm bảo được yếu tố pháp lý cần thiết nhất trong quá trình thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên là Ngân hàng và HTX. Hiện nay, thủ tục cấp tín dụng còn phức tạp, chưa phù hợp với thực tế của kinh tế HTX, như đòi hỏi quá nhiều loại giấy tờ, có những loại giấy tờ cơ bản, cơ sở ban đầu trong hồ sơ vay vốn lần trước làm rồi nộp cho ngân hàng rồi, nhưng lần sau lại làm lại,... Yêu cầu đặt ra là cần đơn giản hóa ...Hay nói cách khác, thủ tục này cần đơn giản, thuận tiện nhưng vẫn đảm bảo được yếu tố pháp lý cần thiết nhất trong quá trình thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên là Ngân hàng và HTX.

- Các bước giải quyết tín dụng bao gồm:

Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ khách hàng để quyết định cho vay hay không cho vay: đối với vay ngắn hạn tối đa 3 ngày làm việc, vay trung dài hạn tối đa 7 ngày làm việc (theo quy định hiện hành tương ứng là 10 ngày và 45 ngày). Vì quy mô sản xuất kinh doanh dịch vụ ở HTX còn ở mức nhỏ

và vừa nên các phương án SXKD không quá phức tạp để cần thời gian dài. Quy định như vậy cũng hạn chế phiền hà khi kinh tế HTX tiếp cận với vốn tín dụng ngân hàng.

Giải ngân vốn tín dụng: đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ, đúng đối tượng vay và cho đúng người thụ hưởng. Việc giải ngân này có thể bằng tiền mặt hay chuyển khoản.

Kiểm soát sau khi cho vay: Đây là quá trình kiểm soát việc sử dụng vốn vay ngân hàng sau khi đã giải ngân. Ngân hàng theo dõi việc sử dụng vốn vay xem HTX sử dụng có đúng mục đích, đối tượng so với hợp đồng cam kết khi vay hay không. Nếu HTX sử dụng vốn vay Ngân hàng không đúng mục đích, đối tượng xin vay thì cán bộ tín dụng yêu cầu HTX phải thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng. Nếu HTX cố tình không thực hiện thì phải đề xuất với lãnh đạo Ngân hàng ngừng cấp vốn tín dụng và có biện pháp thu hồi ngay số vốn đã cho vay. Qua kiểm tra, nếu HTX sử dụng vốn vay đúng mục đích thì cán bộ tín dụng xem xét các chứng từ, hiện vật mà HTX đã dùng vốn tín dụng Ngân hàng vào mục đích đó. Từ đó, cán bộ tín dụng lấy làm căn cứ để tính đảm bảo tiền vay và đánh giá tiến độ thực hiện dự án, phương án đã được tính toán từ đầu.

Quá trình kiểm soát sau cũng là quá trình theo dõi việc trả nợ gốc và lãi ngân hàng theo đúng cam kết. Nếu HTX không trả được nợ, Ngân hàng phải có những biện pháp như: thông báo với chính quyền sở tại, phong tỏa tài khoản tiền gửi, yêu cầu bán những vật tư hàng hóa còn tồn kho, thu hồi công nợ để trả nợ Ngân hàng. Nếu những yêu cầu trên không thực hiện được thì tiến hành phát mại tài sản hoặc yêu cầu cơ quan bảo lãnh trả nợ thay.

Về hồ sơ thế chấp: Các giấy tờ liên quan đến tính sở hữu của tài sản thế chấp như giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận về sở hữu tài sản, bảo hiểm phải nộp (đối với thế chấp là các phương tiện vận tải thủy, bộ).

Kiểm tra trong các điều khoản của điều lệ HTX có cho phép Hội đồng quản trị và Ban Chủ nhiệm được thế chấp những tài sản gì để vay vốn Ngân hàng. Cần lưu ý tính đồng sở hữu về tài sản, nhất là những phương tiện vận tải để có thống nhất cao trong thế chấp vay vốn của cả Ban chủ nhiệm HTX và xã viên. Tính đồng thuận này phải thể hiện trên hợp đồng thế chấp (cùng ký xác nhận). Việc thế chấp tài sản sẽ nâng cao trách nhiệm sử dụng vốn của HTX.

Về hồ sơ tín dụng: Kiểm tra lần cuối những số liệu, tình hình trong tờ trình thẩm định của cán bộ tín dụng, trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Đối với số vốn giao cho xã viên đảm nhiệm sử dụng và được thế chấp bằng tài sản, phương tiện của xã viên góp vốn thì cả xã viên này cùng ký vào giấy nhận nợ với chủ nhiệm và vốn được giao trực tiếp theo phương thức "tay ba" gồm Ngân hàng - HTX - xã viên. Với phương thức giao thẳng vốn cho người sử dụng sẽ đảm bảo trách nhiệm cao trong việc sử dụng, vốn được sử dụng rành mạch, đúng mục đích.

3.2.5. Đa dạng hóa các phương thức cho vay đối với kinh tế hợp tác xã

Thực tế hiện nay Ngân hàng thương mại mới chỉ áp dụng cho vay đối với kinh tế HTX bằng phương thức cho vay từng lần bởi vì hầu hết các NHTM lo ngại kinh tế HTX hoạt động không ổn định và bền vững. Với phương thức cho vay này không đáp ứng được tính nhanh nhạy, khả năng cạnh tranh và nâng cao qui mô phát triển trong cơ chế thị trường. Vì vậy, cần thiết phải đa dạng hóa các phương thức cho vay cho phù hợp với từng ngành từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của HTX. Tùy từng trường hợp, có thể áp dụng các phương thức cho vay sau:

Phương thức cho vay từng lần: được áp dụng đối với những HTX có nhu cầu vay vốn không thường xuyên, chu chuyển vốn chậm, có quá trình sản xuất kinh doanh dịch vụ dứt điểm từng dự án, chu kỳ sản xuất dài hoặc chưa đủ tín nhiệm trong quan hệ vay trả với Ngân hàng.

Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng: áp dụng đối với những HTX sản xuất kinh doanh ổn định, có nhu cầu vay vốn thường xuyên và có đặc điểm sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần. Ngân hàng căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của HTX, tỷ lệ cho vay tối đa so với giá trị tài sản đảm bảo và khả năng về nguồn vốn của Ngân hàng để tính toán, thỏa thuận với HTX một hạn mức tín dụng duy trì trong thời gian nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất kinh doanh HTX được rút vốn phù hợp với tiến độ và yêu cầu sử dụng vốn thực tế nhưng phải đảm bảo không được vượt quá hạn mức tín dụng. Phương thức cho vay này thuận lợi cho những HTX sản xuất kinh doanh ổn định, có tín nhiệm trong quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

Phương thức cho vay theo dự án đầu tư: được áp dụng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dịch vụ. Căn cứ để phát tiền vay bao gồm: hợp đồng tín dụng, hợp đồng và chứng từ cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, dịch vụ..., biên bản xác nhận khối lượng công trình hoàn thành hoặc các văn bản xác nhận tiến độ thực hiện dự án. Phương thức này thường áp dụng cho vay đối với những dự án vay vốn dài hạn, có khối lượng vốn tín dụng ngân hàng lớn, thời gian thi công dài như xây dựng các công trình thủy lợi, đóng mới những phương tiện đánh bắt cá xa bờ,...

Phương thức cho vay trả góp: được áp dụng khi HTX có phương án trả nợ gốc và lãi khả thi bằng các khoản thu nhập chắc chắn, ổn định. Việc trả nợ có thể được thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý tùy theo tính chất sản xuất kinh doanh.

Phương thức cho vay hợp vốn: theo hình thức đồng tài trợ những nhu cầu vốn lớn, đòi hỏi các ngân hàng thương mại cùng tham gia hợp vốn để cho vay. Phương thức cho vay này phù hợp với yêu cầu mở rộng qui mô sản xuất hoặc hoạt động của các HTX cấp cao như: dự án về trồng rừng ngập mặn, xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản.

- Đảm bảo qui mô cơ cấu đầu tư phù hợp giữa tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hợp lý là yếu tố đảm bảo tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của kinh tế HTX ngang bằng với các thành phần kinh tế khác. Từ việc đầu tư dài hạn vào máy móc, thiết bị, nhà xưởng... phương tiện sẽ tăng nhu cầu vốn ngắn hạn để mở mang sản xuất kinh doanh, tăng sản phẩm hàng hóa. Với thực trạng kinh tế HTX đã phân tích ở phần trên, đòi hỏi phải tăng qui mô vốn tín dụng lên nhiều lần, ưu tiên vốn tín dụng ngân hàng cho đầu tư trung dài hạn (đang phát huy hiệu quả tốt) và bổ sung vốn ngắn hạn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh từng ngành nghề, lĩnh vực. Từ đó, kinh tế HTX mới đủ sức để tham gia cạnh tranh cùng các thành phần kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường.

- Giải pháp có đảm bảo đầy đủ: Đây là giải pháp tối ưu nhất trong đầu tư tín dụng. Với giải pháp này, trong mọi trường hợp vốn tín dụng gặp rủi ro, ngân hàng vẫn đảm bảo thu hồi đủ gốc, lãi. Những trường hợp rủi ro như vậy, việc thu hồi nợ được thực hiện bằng biện pháp cuối cùng là bán tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh để thu hồi nợ vay. Giải pháp này là rất cần thiết cho an toàn vốn của Ngân hàng vì thị trường còn hạn hẹp, hoạt động kiểm soát rủi ro của Ngân hàng còn thấp, độ tin cậy kém, tính nghiêm minh của pháp luật còn ít hiệu lực trong các giao dịch vay mượn, nhiều yếu tố kinh tế thị trường còn nằm ngoài khả năng kiểm soát của HTX và Ngân hàng.

Giải pháp có đảm bảo đầy đủ là tối ưu, tuy nhiên, ngân hàng đầu tư cho HTX không nên coi tài sản thế chấp là chỗ dựa của tiền cho vay. Không nên tuyệt đối hóa của tài sản thế chấp, cho dù tài sản thế chấp là cơ sở giúp cho Ngân hàng có khả năng thu nợ tiền vay khi khách hàng không còn khả năng trả nợ. Bởi vì mục đích của Ngân hàng là giúp khách hàng có vốn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh để thông qua đó đồng vốn của khách hàng và Ngân hàng đều có hiệu quả. Vốn tín dụng ngân hàng phải được thu hồi từ

chính phương án sản xuất kinh doanh mà nó tham gia. Hơn nữa, không phải tài sản nào cũng dễ bán để ngân hàng thu nợ kịp thời. Thực tế đã chứng minh là xử lý tài sản thế chấp để thu nợ là một gánh nặng đối với tất cả các Ngân hàng thương mại.

Để giải pháp có bảo đảm đầy đủ có tính khả thi cao, Ngân hàng cần kiểm tra đầy đủ yếu tố pháp lý của tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh xem đã đúng, đầy đủ chưa. Định giá tài sản trên cơ sở khung giá Nhà nước qui định và thực tế thị trường. Khi giá cả của tài sản thế chấp, bảo lãnh, cầm cố trên thị trường thay đổi thì Ngân hàng cùng với HTX có biện pháp để điều chỉnh số tiền vay cho phù hợp với giá cả tài sản đảm bảo đã thay đổi.

- Thực hiện liên kết giữa Ngân hàng thương mại và HTX tín dụng về chuyên môn nghiệp vụ, nguồn vốn, nghiên cứu thẩm định những dự án ở những ngành nghề lĩnh vực khác nhau để cùng tài trợ vốn hợp lý. Việc liên kết và mở rộng phạm vi tham gia của Ngân hàng thương mại và HTX tín dụng sẽ đẩy lùi nạn cho vay nặng lãi và hoạt động tín dụng ngân hàng đối với kinh tế HTX dần được chuyên nghiệp hơn.

Mở rộng cho thuê tài chính đối với kinh tế HTX:

Do đặc thù của kinh tế HTX là thiếu tài sản đảm bảo tiền vay, hoặc các tài sản đảm bảo tiền vay thiếu các cơ sở pháp lý theo quy định vì vậy nhiều NHTM đã và đang triển khai nghiệp vụ cho thuê tài chính đối với từ dự án cụ thể của từng HTX hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Trường hợp phổ biến đang được áp dụng cho thuê tài chính, đó là: vận tải taxi, vận tải hành khách, tàu thuyền, máy móc thiết bị thi công, máy móc thiết bị khác,...

Thời gian tới các NHTM cần đẩy mạnh nghiệp vụ cho thuê tài chính đối với các HTX dựa trên các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động nói trên. Đồng thời mở rộng cho thuê tài chính sang một số lĩnh vực khác mà thị trường đang có nhu cầu lớn, như: hệ thống máy bơm của các trạm bơm tiêu, bơm tưới,

máy móc và thiết bị chế biến nông lâm thủy hải sản, máy móc thiết bị chuyên dùng khác, tiến tới có thể cho thuê cả kho bãi,...

Tất nhiên việc thực hiện nghiệp vụ cho thuê tài chính thì phức tạp hơn và khó hơn đối với HTX, nhất là vấn đề mua bảo hiểm phương tiện, thiết bị, nhưng thời gian qua nhiều HTX thực hiện khá tốt vấn đề này, nên mở rộng áp dụng cho số đông HTX không có gì là quá khó khăn, miễn là sự kiên trì của các NHTM và ban quản lý HTX.

3.2.6. Đa dạng các hình thức bảo đảm trong hoạt động cho vay đối với kinh tế hợp tác xã

Hiện nay tài sản bảo đảm tiền vay của các đối tượng khách hàng khá là Quyền sử dụng đất, tài sản trên đất. Nhưng đối với kinh tế HTX nông nghiệp - nông thôn thì khác, diện tích đất nông nghiệp của HTX thì rất lớn nhưng lại giao cho xã viên sử dụng lâu dài, hộ nông dân cũng sử dụng làm tài sản đảm bảo tiền vay trong quan hệ tín dụng với NHTM rồi. Còn diện tích các loại đất khác của HTX khó có thể làm tài sản đảm bảo tiền vay được, hình thức cầm cố chủ yếu là giấy tờ có giá hầu như không có. Vì vậy để cho vay kinh tế HTX nông nghiệp - nông thôn thì các NHTM cần phải đa dạng và linh hoạt sử dụng tài sản đảm bảo tiền vay chủ yếu là biện pháp thế chấp tài sản nào thuộc sở hữu của HTX. Tiếp đó là hệ thống kho, trụ sở HTX, cơ sở vật chất khác của HTX, gọi chung là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của HTX.

Đối với các HTX trong các lĩnh vực ngành nghề khác thì các NHTM cũng phải sử dụng tài sản đảm bảo tiền vay chủ yếu là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Tiếp theo đó là phương tiện vận tải của HTX, như: tàu thuyền, xe ô tô,... Tiếp đến tài sản cũng là nhà xưởng, kho tàng, bến bãi,... của kinh tế HTX.

Trong khi đó dư nợ chủ yếu của kinh tế HTX là dư nợ ngắn hạn và chính sách tín dụng của nhiều NHTM trong thời gian tới vẫn tiếp tục đẩy mạnh cho vay ngắn hạn. Vì vậy một trong những biện pháp quan trọng để nâng cao giá trị tài sản bảo đảm, tăng dư nợ có tài sản bảo đảm đối với kinh tế HTX là các NHTM phải đa dạng các hình thức bảo đảm bằng tài sản. Qua đặc điểm và tình hình luân chuyển hàng hóa của một số HTX, cho phép NHTM có đủ điều kiện để áp dụng hình thức bảo đảm bằng phương pháp cầm cố tài sản. Cụ thể đối với các mặt hàng như sắt thép, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, đối với các HTX kinh doanh thương mại và sản xuất công nghiệp. Để triển khai cầm cố hàng hóa, NHTM cần liên hệ và phối hợp thuê kho bãi đủ tiêu chuẩn, đủ điều kiện để trông giữ tài sản bảo đảm.

Ngoài việc cầm cố tài sản bảo đảm, các NHTM cần nghiên cứu, áp dụng hình thức bảo đảm bằng quyền đòi nợ, quyền khai thác, cầm cố cổ phiếu, trái phiếu...

Phần lớn, TSBĐ mà các NHTM nhận cầm cố, thế chấp của kinh tế HTX là Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị trong khi đó việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản ở nước ta còn nhiều bất cập, gây ảnh hưởng không nhỏ cho khách hàng vay vốn trong khi đó, có nhiều TSBĐ mà khách hàng có thể dễ dàng đáp ứng hơn: Các khoản phải thu, vàng, các hợp đồng nhận thầu, các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Do đó, danh mục TSBĐ được mở rộng, không những giúp kinh tế HTX dễ dàng đáp ứng được điều kiện vay vốn, góp phần mở rộng tín dụng mà còn góp phần nâng cao chất lượng tín dụng. Ưu điểm chung của các TSBĐ này là không tốn kém về chi phí quản lý và định giá. Riêng với hình thức bảo đảm bằng vàng, Ngân hàng với nghiệp vụ kinh doanh vàng của mình, sẽ dễ dàng trong việc phân kim và định giá vàng, làm cơ sở để xác định mức cho vay.

Đối với các khoản phải thu, tạo thuận lợi cho các NHTM mở rộng các khoản cho vay ngắn hạn, nhanh thu hồi vốn.

Phần lớn khách hàng kinh tế HTX của các NHTM hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và giao thông, tình trạng các công trình chưa được quyết toán do dở dang, chưa thể hoàn thành vì còn thiếu vốn là rất lớn. Việc ngân hàng chấp nhận nhận hợp đồng nhận thầu làm TSBĐ, là “lời giải” cho bài toán thiếu vốn của các HTX, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình và sớm được quyết toán.

Ngoài ra, các NHTM cần đi đầu trong việc nhận Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ làm TSBĐ. Thị trường Bảo hiểm Việt Nam, trong thời gian qua đã có những bước phát triển khởi sắc, đặc biệt đối với loại hình bảo hiểm nhân thọ, đã đưa ra nhiều mức bảo hiểm cùng với các dịch vụ hỗ trợ liên quan, do đó số lượng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ ngày càng gia tăng, đây là cơ sở để ngân hàng có thể khai thác để mở rộng tín dụng. Bên cạnh đó, hình thức bảo đảm này tương đối thuận lợi vì tính thanh khoản cao, dễ dàng trong quản lý.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, những TSBĐ cần bổ sung trên cũng ẩn chứa nhiều rủi ro. Điều đó, đòi hỏi CBTD cần xem kỹ lưỡng các yếu tố về khách hàng kinh tế HTX, hiệu quả dự án để lựa chọn TSBĐ cho phù hợp. Việc đưa cái mới vào áp dụng ban đầu bao giờ cũng khó khăn, nhưng nếu thực hiện tốt kết quả thu được rất khả quan. Vì vậy, ban đầu các NHTM nên áp dụng đối với các HTX có quan hệ lâu dài, dự án có tính khả thi cao, ít rủi ro. Từ đó, tiếp tục mở rộng đối tượng áp dụng. Với cách làm như vậy, các NHTM không chỉ thu hút một số lượng khách hàng là kinh tế HTX đáng kể mà còn hạn chế rất lớn rủi ro.

Việc đa dạng tài sản đảm bảo tiền vay của kinh tế HTX còn được hiểu là linh hoạt trong việc áp dụng cả tài sản thuộc sở hữu của HTX và tài sản thuộc sở hữu của chủ nhiệm, ban quản lý của HTX. Tất nhiên khi nhận tài sản

đảm bảo tiền vay của cá nhân các thành viên trong ban quản lý HTX thì các NHTM, chi nhánh NHTM cần hết sức lưu ý đến những vấn đề pháp lý, đặc biệt là có cam kết của cả vợ và chồng về việc sử dụng tài sản của gia đình mình cho việc vay vốn của HTX.

Gắn liền với đa dạng hoá tài sản đảm bảo tiền vay của kinh tế HTX thì các NHTM còn phải thường xuyên đánh giá lại giá trị của TSBĐ.

Với tốc độ phát triển khoa học công nghệ như hiện nay, tài sản dễ hao mòn vô hình nhanh chóng. Bên cạnh đó, phần lớn TSBĐ của các HTX sử dụng trong quan hệ tín dụng tại các NHTM, chi nhánh NHTM là các máy móc thiết bị xây dựng, thi công, phương tiện vận tải, tàu thuyền,... thường xuyên để ngoài trời, cường độ sử dụng cao, do đó tốc độ hao mòn rất nhanh. Do đó, công tác đánh giá lại giá trị TSBĐ cần được tiến hành thường xuyên, qua đó để có giải pháp hạn chế rủi ro. Từ việc xem xét thực trạng tài sản và tham khảo các thông tin trên thị trường: giá cả, xu hướng phát triển công nghệ, các mặt hàng thay thế.... cán bộ định giá tiến hành định giá lại. Trong trường hợp, tài sản được đánh giá lại giảm giá mạnh, CBTD yêu cầu HTX bổ sung thêm tài sản đảm bảo, hoặc giảm số tiền giải ngân hoặc số lần giải ngân (nếu món vay được giải ngân nhiều lần). Như vậy, đánh giá lại giá trị TSBĐ là biện pháp giúp TCTD hạn chế nhiều rủi ro, đảm bảo TSBĐ khi xử lý có thể thu đủ nợ.

Một biện pháp khác là rất khó đối với kinh tế HTX nhưng về lâu dài thì các NHTM phải yêu cầu khách hàng mua Bảo hiểm cho TSBĐ tiền vay trong quan hệ tín dụng.

Đối với những loại TSBĐ mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm, các NHTM nên yêu cầu HTX phải mua bảo hiểm. Do đó, đối với tài sản bắt buộc phải mua bảo hiểm, việc thẩm định TSBĐ lại càng phải được thực hiện chặt chẽ, kĩ lưỡng. Kết quả thẩm định là cơ sở để ngân hàng yêu cầu HTX

mua loại bảo hiểm với mức phù hợp. Việc quản lý TSBD dù có tốt đến đâu, cũng khó tránh khỏi những rủi ro bất ngờ xảy ra đối với TSBD: lũ lụt, lốc, bão và các nguyên nhân bất khả kháng khác.... Khi đó, Bảo hiểm sẽ đứng ra thanh toán những tổn thất xảy ra đối với TSBD. Việc mua bảo hiểm cho TSBD cũng là biện pháp nhằm hạn chế rủi ro cho ngân hàng. Tuy nhiên, để đảm bảo thu nợ, khi mua bảo hiểm cho TSBD, Chi nhánh cần phải thỏa thuận với HTX vay vốn, bên bảo lãnh về việc chuyển tên người thụ hưởng trong Hợp đồng bảo hiểm là NHTM hay Chi nhánh NHTM trong trường hợp có rủi ro xảy ra.

NHTM cũng phải có biện pháp tăng cường quản lý TSBD và nâng cao hiệu quả xử lý TSDB tiền vay của kinh tế HTX trong quan hệ tín dụng.

Kết quả quản lý TSBD có ảnh hưởng rất lớn đến việc kết quả xử lý TSBD sau này khi HTX không trả được nợ. TSBD được quản lý tốt thì việc xử lý TSBD được dễ dàng, nhanh chóng hơn. Do đó, quản lý TSBD luôn phải được chú trọng và quan tâm. Đối với các loại giấy tờ phải bảo quản nơi khô ráo, tránh chuột bọ, mối mọt và thuận tiện cho việc thường xuyên lấy ra kiểm tra. Đối với các TSBD cần phải cất giữ ở các kho, thì hệ thống kho phải đảm bảo có các yếu tố an toàn: phải đặt ở vị trí có an ninh tốt, người trông coi kho phải có uy tín và tư cách đạo đức tốt, có hệ thống chống trộm, hệ thống phòng cháy, chữa cháy... Khó khăn nhất trong công tác quản lý TSBD tại các NHTM, Chi nhánh NHTM là khó kiểm soát được TSBD do HTX nắm giữ, đặc biệt là những máy móc có giá trị lớn nằm ở các công trường. Do đó, đối với những tài sản này, CBTD cần tiến hành những đợt xuống cơ sở đợt xuất để kiểm tra tình trạng tài sản, định kỳ thường xuyên định giá lại tài sản để có biện pháp bổ sung thêm tài sản hoặc dừng cho vay. Quan tâm tới công tác quản lý TSBD là giải pháp giúp ngân hàng bảo vệ chính mình, giảm bớt rủi ro.

Về việc nâng cao hiệu quả công tác xử lý TSBD. Việc tiến hành xử lý TSBD là điều mà ngân hàng cũng như khách hàng không hề mong muốn. Xử lý TSBD là khâu cuối cùng nhưng kết quả của nó lại phần nào phản ánh kết quả của định giá cũng như quản lý TSBD. TSBD xử lý đảm bảo thu hồi đủ nợ, chứng tỏ công tác định giá và quản lý TSBD đã được thực hiện khá tốt. Để nâng cao hiệu quả công tác xử lý TSBD, các NHTM, Chi nhánh NHTM cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- NHTM, Chi nhánh NHTM cần áp dụng nhiều hình thức xử lý TSBD, không nên tập trung quá vào hình thức để cho HTX tự bán vì cách này rất khó kiểm soát. Tùy từng loại TSBD và điều kiện cụ thể mà NHTM, Chi nhánh NHTM cần lựa chọn hình thức xử lý cho phù hợp.

- Để cho TSBD sau khi xử lý có thể đủ thu hồi nợ, ngân hàng phải cập nhật các thông tin về TSBD: giá cả, nhu cầu thị trường, các văn bản pháp luật mới liên quan đến xử lý TSBD.... là cơ sở để đánh giá đúng giá trị TSBD tại thời điểm xử lý.

- Cần phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan chức năng nhà nước như Công an, Tòa án, Thi hành án, ủy ban nhân dân các cấp, Tư pháp....

3.2.7. Nâng cao trình độ nhận thức và nâng cao trình độ của cán bộ tín dụng trong hoạt động cho vay kinh tế hợp tác xã

Con người luôn là nhân tố có tính chất quyết định trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và trong hoạt động cho vay kinh tế HTX nói riêng, yếu tố này cũng không nằm ngoài quy luật đó. Toàn bộ những quyết định cho vay, tiến trình thực hiện cho vay kinh tế HTX, thu hồi nợ không có một máy móc hay một công cụ nào khác ngoài cán bộ tín dụng đảm nhiệm. Vì vậy, kết quả hoạt động cho vay kinh tế HTX phụ thuộc rất lớn vào trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tính năng động sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng, cũng như tinh thần nhiệt tình, ý thức trách nhiệm của họ đối với phát triển kinh tế HTX.

Trong thực tế, do tính chất phức tạp của kinh tế thị trường, sự khó khăn trong công tác cho vay đối với kinh tế HTX thì đòi hỏi cán bộ tín dụng có ý thức trách nhiệm, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn giỏi và cả những kiến thức khác về các lĩnh vực hoạt động của kinh tế HTX một cách thường xuyên, để có được điều này thì các NHTM, chi nhánh NHTM cần tổ chức thi tuyển nhân viên đầu vào một cách công bằng, lựa chọn những người thực sự có năng lực, có trình độ, ưu tiên những người đã từng làm công tác TD đối với kinh tế HTX. Đối với những cán bộ tín dụng lâu năm phải có kinh nghiệm nắm bắt nhanh các chủ trương chính sách của các chi nhánh NHTM, NHTM cũng như của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế HTX, biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt các chủ trương trong từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, các NHTM, chi nhánh NHTM cần có kế hoạch tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ thường xuyên về hoạt động của kinh tế HTX, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm không ngừng trau dồi kiến thức nghiệp vụ chuyên môn cũng như kiến thức kinh tế thị trường, đáp ứng tính cập nhật của những vấn đề kinh tế hiện đại nói chung, cũng như kinh tế HTX nói riêng. Nhưng khả năng của mỗi người có hạn nên không thể một lúc tiếp thu được tất cả các kiến thức tổng hợp nên các NHTM, chi nhánh NHTM cần có kế hoạch đào tạo từng bước mang tính chuyên sâu.

Đối với những cán bộ quản lý kinh doanh thì không chỉ nâng cao trình độ nghiệp vụ tín dụng mà cần nắm chắc tất cả các nghiệp vụ khác của các NHTM, chi nhánh NHTM, có khả năng phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế một cách tổng hợp, sắc bén, có kinh nghiệm thực tế về hoạt động của kinh tế HTX từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn, thêm vào đó công tác quản lý đòi hỏi cần có nghệ thuật quản lý, công tác tổ chức cán bộ cần có tính chuyên sâu trong công việc, mỗi người phụ trách một công việc cụ thể và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình, mọi nhân viên

kinh doanh nghiêm túc thực hiện đúng theo đường lối, chủ trương của các NHTM, chi nhánh NHTM với một tinh thần trách nhiệm và đạt hiệu quả cao.

Ngoài việc nâng cao trình độ của cán bộ quản lý thì bộ phận cán bộ tín dụng trực tiếp giao dịch với khách hàng là kinh tế HTX cần được chú trọng một cách đặc biệt vì đây là những người có ảnh hưởng lớn đến khả năng mở rộng cho vay. Đội ngũ này tham gia giao tiếp với khách hàng là HTX, cán bộ HTX, thẩm định dự án đầu tư và đề xuất với cán bộ lãnh đạo ra các quyết định nhưng những quyết định này lại phụ thuộc rất nhiều vào cán bộ tín dụng này, do đó ngoài những tiêu chuẩn về nghiệp vụ chung đòi hỏi đội ngũ cán bộ này phải là người có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có lập trường tư tưởng vững vàng, không bị cám dỗ bởi những lợi ích cá nhân mà gây thiệt hại cho các NHTM, chi nhánh NHTM để những đánh giá, thẩm định của cán bộ tín dụng mang tính khách quan, thẳng thắn. Là những người trực tiếp phụ trách các khoản vay nên các cán bộ tín dụng phải sâu sát thực tế, có hiểu biết nhất định về pháp luật, thị trường, kỹ thuật... tinh tế trong việc kiểm tra, phát hiện những hành vi lừa đảo của các HTX, hoặc lợi dụng danh nghĩa HTX để vay vốn, hoặc những biểu hiện thiếu trung thực bằng cách trácc nghiệm, thăm dò... Trước những khó khăn của các HTX, nếu có thể giúp được, cán bộ các NHTM, chi nhánh NHTM phải nhiệt tình, không ngại vất vả, kiên trì giúp đỡ hết mình, tạo mối quan hệ thiện cảm, lâu dài giữa các NHTM, chi nhánh NHTM và kinh tế HTX.

Các NHTM, chi nhánh NHTM cần có chế độ thưởng phạt xứng đáng đối với người làm công tác TD kinh tế HTX, gắn lợi ích của cán bộ tín dụng với hiệu quả đầu tư tín dụng nhằm nâng cao trách nhiệm và tinh thần hào hứng của cán bộ chuyên trách trong việc tìm kiếm khách hàng mới là các HTX trong mọi lĩnh vực ngành nghề, mở rộng tín dụng cũng như nâng cao chất lượng tín dụng. Quy chế thưởng phạt phải gắn liền với hiệu quả làm việc

đồng thời phải có quy định cụ thể và xử lý nghiêm minh đối với cán bộ tín dụng để xảy ra thất thoát vốn, hoặc làm trái những quy tắc trong cho vay của các chi nhánh NHTM ở một số tỉnh, thành phố gây ảnh hưởng đến lòng tin của các DNNVV, làm mất uy tín của các NHTM, chi nhánh NHTM. Các NHTM, chi nhánh NHTM cũng nên thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp về cho vay vốn kinh tế HTX, tổ chức các cuộc thi đua cán bộ có tay nghề giỏi nhằm khuyến khích không khí làm việc hiệu quả trong các NHTM, chi nhánh NHTM.

Nhìn chung, các Ngân hàng thương mại phải thường xuyên quan tâm tra cứu phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đi đôi với nâng cao trình độ quản lý tín dụng kinh tế HTX, thẩm định dự án cho vay của các cán bộ tín dụng, nhất là về nghiệp vụ kiểm toán, kế toán để có thể đánh giá thực chất tình hình tài chính kinh tế HTX cũng như thẩm định chính xác dự án cho vay, trên cơ sở đó, dễ dàng tự quyết định mức cho vay không có tài sản đảm bảo đối với HTX vay vốn và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình.

Để đáp ứng chất lượng cán bộ tín dụng trong cho vay vốn kinh tế HTX, các NHTM cần thực hiện một số biện pháp sau:

- Tổ chức thi tuyển một cách công bằng, nghiêm túc, khách quan, tuyển chọn những người có năng lực, chuyên môn, tâm huyết với nghề, lựa chọn người có khả năng và ý thức trách nhiệm bổ trí phụ trách cho vay vốn kinh tế HTX.

- Tiếp tục nâng cao trình độ nhận thức về vai trò của cán bộ tín dụng đối với kinh tế HTX trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại để cán bộ tín dụng có đủ kiến thức chuyên môn cũng như kiến thức về kinh tế thị trường, về kinh tế HTX. Khuyến khích các cán bộ đi nghiên cứu, nâng cao trình độ, học tập ở trong và ngoài nước.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý HTX, các Ngân hàng thương mại khác và các cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức các cuộc hội thảo về phương pháp đánh giá tài sản thế chấp, các thông số thẩm định kết quả tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của HTX, vấn đề thông tin phòng chống rủi ro tín dụng cho vay vốn HTX, tổ chức cuộc thi cán bộ tín dụng giỏi nhằm khuyến khích cán bộ tín dụng học hỏi kinh nghiệm từ các Ngân hàng bạn, đồng thời cập nhật những thông tin mới từ Chính phủ, từ Bộ NO&PTNT, Liên minh HTX Việt Nam.

- Các NHTM phải có chế độ thưởng phạt nghiêm minh, gắn lợi ích với hiệu quả hoạt động nhằm nâng cao trách nhiệm cán bộ tín dụng trong việc tìm kiếm khách hàng mới là các dự án vay vốn của HTX, mở rộng tín dụng, cũng như giảm nợ quá hạn, nợ khó đòi.

- Bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ tín dụng chuyên phụ trách cho vay vốn kinh tế HTX phải phù hợp với vị trí, yêu cầu và ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình say mê đối với kinh tế HTX. Phân rõ trách nhiệm pháp lý của cán bộ tín dụng phụ trách cho vay kinh tế HTX đảm bảo quyền lợi gắn với trách nhiệm.

3.2.8. Giải pháp khác

- Triển khai bảo hiểm tín dụng đối với kinh tế hợp tác xã

Bảo hiểm tín dụng phát triển từ lâu và hiện nay trở thành thông lệ trong hoạt động ngân hàng trên thế giới, song chưa phát triển tại Việt Nam do các nhân tố chủ quan và khách quan khác nhau. Đặc biệt là môi trường bảo hiểm tín dụng chưa phát triển. Các HTX nói riêng và khách hàng nói chung chưa chấp nhận loại hình bảo hiểm này. Phí bảo hiểm còn cao trong khi lãi suất cho vay cao nên càng làm cho chi phí vay vốn lớn. Song về mặt trung hạn và dài hạn, khi bảo hiểm tín dụng đối với các đối tượng khách hàng khác triển khai được, thì các NHTM cũng cần triển khai đối với kinh tế HTX. Việc triển khai này thực hiện từng bước đối với các HTX trong các lĩnh vực ngành nghề

chuyên sâu, đối với thiết bị máy móc đắt tiền và dễ thực hiện bảo hiểm, sau đó mở rộng triển khai các lĩnh vực khác của kinh tế HTX.

- Tạo lập mối quan hệ gắn bó khăng khít giữa Ngân hàng và hợp tác xã, trên cơ sở xóa bỏ mặc cảm tâm lý về HTX kiểu cũ, xây dựng chữ tín và tìm cách thỏa mãn nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế hợp tác xã.

Ngân hàng đi sâu tìm hiểu tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản lý,... của HTX, từ đó đề ra chiến lược đầu tư với hai ý nghĩa: vừa là mục tiêu mở rộng khách hàng để kinh doanh thu lợi nhuận ở một "sân chơi" mới, vừa là trách nhiệm thực hiện định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Qua tình hình thực tế, đối với từng ngành nghề khác nhau, cán bộ tín dụng phải nắm được sản phẩm của ngành nghề đó sản xuất ra có đáp ứng được nhu cầu của thị trường hay không, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hiệu quả kinh tế của phương án sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý của hợp tác xã,... Bên cạnh đó, cán bộ tín dụng đồng thời cũng là người tư vấn, tham mưu những điểm còn sai sót khiếm khuyết trong phương án để hợp tác xã chỉnh sửa, hoàn thiện và quyết định đầu tư.

Khi đã nắm chắc được tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, thị trường đầu vào, đầu ra, dự án tính được hiệu quả kinh tế. Từ đó ngân hàng đầu tư theo đúng nguyên tắc, đối tượng sẽ là cơ sở vững chắc cho dự án mang lại hiệu quả đồng thời giúp ngân hàng đảm bảo an toàn vốn.

Sự kết dính chặt chẽ giữa Ngân hàng và hợp tác xã cũng giúp hợp tác xã từng bước nâng cao trình độ về xây dựng thẩm định dự án và nâng cao trình độ quản lý, đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của kinh tế hợp tác xã.

- Bố trí một lực lượng cán bộ tín dụng đủ mạnh về chuyên môn, giàu lòng nhiệt tình, luôn đi sâu đi sát cùng kinh tế hợp tác xã để đầu tư vốn tín dụng. Những cán bộ này phải hiểu được định hướng phát triển các Hợp tác xã

kiểu mới, hiệu quả phát triển kinh tế hợp tác xã bao gồm cả hiệu quả về chính trị, kinh tế và xã hội, tính sở hữu đan xen giữa sở hữu tập thể và sở hữu cá nhân... Cán bộ tín dụng hợp tác xã phải được đào tạo về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ về ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, để từ đó giúp kinh tế hợp tác xã tiếp cận được nhiều hơn với vốn tín dụng ngân hàng và đây chính là động lực thúc đẩy kinh tế hợp tác xã phát triển. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với những cán bộ tín dụng đã tận tâm với công việc được giao.

- Ngân hàng thực hiện phối hợp tốt với chính quyền sở tại và các cơ quan chức năng nhằm tháo gỡ những khó khăn trước mắt của hợp tác xã, hỗ trợ giúp các hợp tác xã xây dựng được những chương trình, kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm tạo việc làm và tăng thu nhập, giúp ngân hàng xử lý những vướng mắc khi vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho hợp tác xã gặp rủi ro.

3.3. GIẢI PHÁP ĐIỀU KIỆN

3.3.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển kinh tế hợp tác xã

Thực hiện tốt các chính sách đã được đề cập trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về Chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước với hợp tác xã và thực hiện các quy định của Luật hợp tác xã năm 2003, cần ban hành và triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã với các nội dung chính sau đây:

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập hợp tác xã

Sáng lập viên hợp tác xã sẽ được thành lập được UBND xã, phường, thị trấn chứng thực được hỗ trợ:

- Thông tin, tư vấn về pháp luật hợp tác xã;

- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ;

- Dịch vụ tư vấn xây dựng Điều lệ hợp tác xã, hoàn thiện các thủ tục để đăng ký kinh doanh thành lập hợp tác xã, tổ chức hoạt động hợp tác xã;

- *Chính sách bồi dưỡng và đào tạo các chức danh, xã viên hợp tác xã*

Các chức danh quản lý, điều hành hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2003 gồm: Trưởng ban kiểm soát, Chủ nhiệm, Trưởng ban quản trị, kinh tế trưởng (hoặc kế toán viên nếu hợp tác xã không có kế toán trưởng) được hưởng chính sách bồi dưỡng kiến thức quản lý, điều hành hợp tác xã, khi tham gia lớp bồi dưỡng: hỗ trợ toàn bộ chi phí đi lại, cấp tài liệu theo chương trình khóa học; miễn trả các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát; đối với hợp tác xã nông nghiệp còn được hỗ trợ không dưới 50% chi phí ăn ở theo quy định của cơ sở đào tạo; ngoài ra xã viên được hợp tác xã cử đi học tại các trường Đại học, Trung học chuyên nghiệp, trường Dạy nghề thì được giảm 50% tiền học phí theo quy định của trường. Nguồn kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng đào tạo được lấy từ ngân sách địa phương, của ngân sách Trung ương và các nguồn hợp pháp khác.

- *Chính sách đất đai*

Từng địa phương dựa vào quỹ đất và nhu cầu của hợp tác xã để quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã. Đối với hợp tác xã nông nghiệp có nhu cầu làm trụ sở, nơi để sản xuất thì được hưởng chính sách giao đất không thu tiền sử dụng. Nếu hợp tác xã đã có đất thì xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xã viên góp đất nông nghiệp vào hợp tác xã thì không thu tiền sử dụng đất và hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đó. Ngoài ra, hợp tác xã nông nghiệp còn được giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền thuê hàng năm nếu có nhu cầu sử dụng.

Đối với hợp tác xã phi nông nghiệp được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền đất hoặc thuê đất thu tiền thuê hàng năm. Hợp tác xã được giảm 50% tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất trong 10 năm theo giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất do Nhà nước giao hoặc cho thuê.

- Chính sách thuế môn bài

Các hợp tác xã mà xã viên góp vốn bằng tài sản và thực hiện các hoạt động sản xuất - kinh doanh bằng tài sản đã góp vào hợp tác xã theo nhiệm vụ của hợp tác xã giao chỉ phải nộp thuế môn bài chung với mức thấp nhất theo quy định của pháp luật về thuế môn bài.

- Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp

Hợp tác xã thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần nhập từ thực hiện các hợp đồng dịch vụ.

Hợp tác xã thực hiện các hoạt động dịch vụ sản xuất và đời sống xã viên được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống xã viên.

- Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

Nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hoặc các hình thức thể chế khác phù hợp để tiếp nhận nguồn vốn ngân sách Nhà nước; vốn của các tổ chức trong, ngoài nước và tự góp của các hợp tác xã để thực hiện mục tiêu hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại

Nhà nước hỗ trợ các điều kiện cần thiết để hợp tác xã có được thông tin, kiến thức về xúc tiến thương mại và tham gia hoạt động xúc tiến thương mại. Các hình thức hỗ trợ: tư vấn xuất khẩu, đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh xuất khẩu, tham gia hội chợ, tìm kiếm thị trường xuất khẩu, tài chính.

- Chính sách hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ

Đối với hợp tác xã có nhu cầu đầu tư nâng cấp hoặc đổi mới công nghệ sản xuất thì được hưởng chính sách vay vốn trung và dài hạn ưu đãi, mức vay đáp ứng đến 70% số vốn cần đầu tư.

Đối với hợp tác xã có nhu cầu chuyển giao kinh nghiệm về sản xuất, tiếp cận thông tin về công nghệ mà hợp tác xã quan tâm thì hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia chuyển giao kiến thức công nghệ mới; để được hưởng lợi các hợp tác xã cũng có nhu cầu phải tập hợp các xã viên tham gia với số lượng không thấp hơn 40 người cho mỗi lớp tập huấn.

- Chính sách hỗ trợ hợp tác xã đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Các hợp tác xã được Nhà nước hỗ trợ:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất - kinh doanh của hợp tác xã và đời sống của xã viên;

- Ưu tiên nhận thầu các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn và quản lý công trình sau khi hoàn thành;

- Tham gia thực hiện các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phù hợp trên địa bàn.

- Chính sách hỗ trợ hợp tác xã sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các chính sách pháp luật, xác lập môi trường thể chế, tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, hỗ trợ cho các hợp tác xã tham gia sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; khuyến khích thành lập các hợp tác xã khoáng sản, hợp tác xã nước sạch, hợp tác xã vệ sinh môi trường...; phát huy vai trò của các hợp tác xã trong việc bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư; hợp tác xã được Nhà nước cung cấp thông tin về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp điều kiện thực tiễn của các hợp tác xã. Nghiên cứu, xây dựng các mô hình hợp tác xã ứng dụng tiến bộ về bảo vệ môi trường vào sản xuất, kinh doanh. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để Liên minh hợp tác xã tổ chức đưa nhanh tiến bộ khoa học công nghệ về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã và hộ xã viên thông qua các dự án, tập huấn kỹ thuật về tài nguyên, môi trường cho cán bộ, xã viên hợp tác xã;

Nhà nước xây dựng các chương trình dự án liên quan đến gắn phát triển kinh tế tập thể với bảo vệ môi trường, phát huy vai trò của kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong việc thực hiện các chương trình trọng tâm của ngành tài nguyên và môi trường. Tạo điều kiện để hợp tác xã tham gia thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ tài nguyên, môi trường ở cộng đồng vì mục tiêu phát triển bền vững.

Khuyến khích xây dựng mô hình hợp tác xã trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường phù hợp với đặc điểm cụ thể từng vùng và có kế hoạch biện pháp triển khai rộng rãi. Coi trọng tổng kết, nhân rộng mô hình hợp tác xã vệ sinh môi trường ở các thị trấn, thị tứ, thành phố, hướng dẫn các hợp tác xã tập trung vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc về bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo sức khỏe của người dân trên địa bàn dân cư.

3.3.2. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ cho hợp tác xã

- Đào tạo cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về hợp tác xã

Khẩn trương tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về hợp tác xã ở tất cả các cấp chính quyền, cán bộ của cơ quan tổ chức có liên quan tới kinh tế tập thể nhằm giúp họ hiểu và vận dụng đúng các giá trị và nguyên tắc tổ chức và hoạt động của

hợp tác xã, kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của các nước trên thế giới, tuyên truyền các quy định pháp luật về hợp tác xã của Việt Nam, công tác thống kê kinh tế tập thể, nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và xã viên làm công tác chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã giai đoạn 2003-2007 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên cơ sở đó Chính phủ xem xét cho phép tiếp tục triển khai đề án này trong những năm tiếp theo.

Nghiên cứu phát triển cơ chế và hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho hợp tác xã trên nguyên tắc hiệu quả, có sự hỗ trợ của Nhà nước gắn với trách nhiệm của hợp tác xã, thu hút các lực lượng và mọi nguồn lực tham gia đào tạo, bồi dưỡng cho hợp tác xã.

- Đào tạo đại học chính quy về hợp tác xã ở Việt Nam

Xây dựng bộ giáo trình chuẩn trình độ đại học về kinh tế tập thể và hợp tác xã, đưa chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể và hợp tác xã thành một nội dung giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng và các trường chính trị trong cả nước.

Cử cán bộ trẻ đi nghiên cứu, học tập chính quy về hợp tác xã ở một số nước có phong trào hợp tác xã phát triển mạnh làm nòng cốt cho bộ máy quản lý Nhà nước các cấp, cho khu vực kinh tế tập thể và cho các trường đào tạo về hợp tác xã.

Khẩn trương đưa bộ môn hợp tác xã vào một số trường đại học trọng điểm tại 3 miền để đào tạo chính quy về hợp tác xã, thúc đẩy phát triển lý luận về hợp tác xã, đào tạo nguồn cho bộ máy quản lý Nhà nước và cho hợp tác xã.

Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách cụ thể khuyến khích sinh viên, cán bộ công chức, viên chức sự nghiệp về làm cán bộ hợp tác xã tại nông thôn vùng sâu, vùng xa.

3.3.3. Xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác xã

Để thực hiện mục tiêu đưa kinh tế hợp tác xã thoát khỏi những yếu kém hiện nay, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống của xã viên, nâng cao tinh thần hợp tác của cộng đồng dân cư trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bên cạnh một khung pháp lý nhất quán, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển hợp tác xã cần có chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế HTX.

- Xây dựng hệ thống thông tin về hợp tác xã:

Hiện nay hợp tác xã thông tin về hợp tác xã không có hệ thống, không đầy đủ và không đủ tin cậy, đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã trong xây dựng báo cáo, thống kê, phân tích, dự báo về kinh tế tập thể, hợp tác xã, từ đó gây khó khăn cho việc hoạch định chính sách phù hợp, khả thi và hiệu quả cho từng nhóm đối tượng, loại hình hợp tác xã.

Các nội dung chính bao gồm:

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu:

Xây dựng bộ chỉ tiêu chuẩn phục vụ công tác thống kê về hợp tác xã và cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể. Các chỉ tiêu thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê về khu vực kinh tế tập thể hiện còn sơ sài và mới chỉ tập trung chủ yếu vào thống kê hợp tác xã nông nghiệp.

- Xây dựng hệ thống thông tin đăng kí kinh doanh hợp tác xã:

Luật Hợp tác xã năm 2003 quy định: Hợp tác xã có quyền lựa chọn cơ quan đăng ký kinh doanh tại cấp tỉnh và cấp huyện, tuy tạo thuận lợi cho đăng ký kinh doanh hợp tác xã, song gây phức tạp cho công tác quản lý đối với hợp tác xã.

Để có cơ sở giúp các cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan quản lý Nhà nước nắm chắc tình hình thành lập và hoạt động của các hợp tác xã,

một mặt tránh buông lỏng; mặt khác tránh trùng chéo trong quản lý Nhà nước đối với hợp tác xã, cần phải xây dựng một hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh về hợp tác xã mạnh, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý Nhà nước về thành lập và hoạt động của các hợp tác xã, đồng thời có thể cung cấp cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

Cần có hệ thống thông tin theo dõi sự thành lập và hoạt động của các tổ hợp tác, đặc biệt là các tổ hợp tác đã được Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chứng thực.

- Xây dựng hệ thống thông tin toàn quốc về hợp tác xã:

Hệ thống thông tin về hợp tác xã cần phải đáp ứng kịp thời và chính xác các thông tin về hợp tác xã về các mặt, như: tình hình cơ bản về hợp tác xã (số lượng hợp tác xã, xã viên, lao động, vốn, đất đai,...); tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã (Giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, các chỉ tiêu doanh lợi, hiệu quả... của hợp tác xã); kinh tế của xã viên hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác trong đó, đặc biệt dịch vụ của hợp tác xã, tổ hợp tác cung cấp cho xã viên hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác.

- Xây dựng Trung tâm thông tin - tư liệu về hợp tác xã:

Tại các Bộ, Ngành, địa phương và Liên minh hợp tác xã Việt Nam hình thành bộ phận theo dõi, cập nhật các thông tin, tư liệu về khu vực kinh tế tập thể kết nối trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Tư liệu về hợp tác xã đặt tại Vụ Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được Chính phủ giao thông nhất quản lý Nhà nước về hợp tác xã trên phạm vi cả nước.

Xây dựng và cung cấp các thông tin cần thiết về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên mạng Internet.

- Tuyên truyền, tư vấn phát triển về hợp tác xã:

Nghị quyết số 13 Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 5 (khóa IX) đã chỉ rõ: "*Nhận thức về vị trí vai trò và tính tất yếu khách quan của việc phát triển*

kinh tế tập thể chưa thống nhất; việc tuyên truyền về chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể và việc giải quyết mô hình hợp tác xã kiểu mới chưa được quan tâm đúng mức".

Thời gian gần đây, các hoạt động tuyên truyền tuy đã được triển khai tích cực hơn nhưng phương thức, công cụ tuyên truyền cần được đổi mới. Đối tượng và phạm vi tuyên truyền chủ yếu chỉ mới tập trung cho cán bộ trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội mà chưa mở rộng đến các nhóm đối tượng đông đảo trong xã hội, các tầng lớp dân cư, đặc biệt là những người lao động, các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ, lẻ... là những đối tượng rất có nhu cầu và khả năng phát triển thành các hợp tác xã.

- Xây dựng các mô hình hợp tác xã để nhân rộng

Phát hiện các điển hình và xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới để tổng kết kinh nghiệm và nhân rộng là cách làm hiệu quả để nhanh chóng phát triển khu vực kinh tế hợp tác xã ở nước ta. Với việc học tập trực tiếp tại các mô hình hợp tác xã kiểu mới, hoạt động thành công, sáng lập viên, các hợp tác xã có cơ hội học hỏi, phát triển hợp tác xã mình.

- Đào tạo, bồi dưỡng đối với khu vực hợp tác xã

Đào tạo bồi dưỡng đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã bao gồm các nội dung chính sau đây:

+ Điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ hợp tác xã.

+ Xây dựng chương trình, giáo trình quản lý hợp tác xã

+ Phát triển thể chế đào tạo, bồi dưỡng phù hợp điều kiện cơ chế thị trường.

+ Thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ cho hợp tác xã.

+ Đào tạo bồi dưỡng đối với hệ thống cán bộ quản lý Nhà nước về hợp tác xã từ Trung ương tới cấp xã.

- + Đào tạo đại học, cao đẳng chính quy về hợp tác xã.
- + Đào tạo nghề cho xã viên và người lao động hợp tác xã.

3.3.4. Giải pháp điều kiện khác

- Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ liên kết với HTX chuyển giao các thành tựu khoa học, công nghệ mới cho HTX. Hướng dẫn các HTX vay vốn từ quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và địa phương.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hoá. Hỗ trợ kinh phí cho HTX theo quy định của chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia để tìm kiếm thị trường mới.

- Tiếp tục quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là thủy lợi, giao thông nông thôn, tạo thuận lợi hơn việc đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, qua đó kinh tế HTX có môi trường và điều kiện phát triển.

- Để thúc đẩy phát triển HTX nông nghiệp trong thời gian tới, Bộ NN&PTNT cần tiếp tục ban hành nhiều giải pháp để nâng cao năng lực hoạt động của HTX nông nghiệp theo hướng củng cố tập trung phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản nhằm mục tiêu hạ giá thành và nâng cao chất lượng các dịch vụ; khuyến khích HTX phát triển các dịch vụ phục vụ đa dạng trong nông, lâm, ngư nghiệp; tiếp tục xây dựng mới HTX theo mô hình kinh doanh đa ngành; đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý và xử lý dứt điểm nợ tồn đọng của HTX từ năm 1996 trở về trước hoàn thành trong năm 2008. Những vướng mắc trong cơ chế vay vốn, giao đất sản xuất cho HTX cần được nhanh chóng tháo gỡ với sự chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương.

Bộ NN&PTNT cũng cần phải tìm cơ chế để giúp các HTX có thể vay vốn dễ dàng từ Quỹ hỗ trợ HTX cũng như Ngân hàng phát triển. Ngoài ra, các HTX phải nhận được những trợ giúp tích cực hơn trong công tác xúc tiến thương mại, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt cần tạo điều kiện cho thành lập các doanh nghiệp trên cơ sở liên kết các HTX cùng sản xuất những loại hàng nông sản hoặc phát triển các HTX quy mô lớn có nhiều "chi nhánh nhỏ" làm gia tăng năng lực cạnh tranh của kinh tế hợp tác trong tương lai.

Hoạt động của các HTX ngày càng ổn định, rõ định hướng và có hiệu quả hơn. Tư tưởng trông chờ và ỷ lại vào cơ chế vay ưu đãi của các NHTM trong cơ chế thị trường hiện nay đã giảm hẳn và nhận thức ngày càng rõ nét hơn. Những vướng mắc về xử lý nợ cũ, về giao đất, về pháp lý tài sản,... đang được nỗ lực giải quyết với sự phối hợp của chính quyền địa phương. Đó chính là tiền đề cho hoạt động tín dụng của NHTM đối với mô hình HTX đảm bảo đúng nguyên tắc và hiệu quả cho cả HTX và cho cả NHTM.

Để kinh tế hợp tác xã thực sự thoát khỏi tình trạng yếu kém, từng bước cùng với kinh tế Nhà nước dần trở thành nền tảng nền kinh tế quốc dân như Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng đề ra, cần phải đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác gắn liền với phát triển kinh tế nhiều thành phần, xây dựng môi trường thể chế.... cho kinh tế hợp tác phát triển. Cụ thể, cần thực hiện những giải pháp sau: Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác theo hướng củng cố những tổ hợp tác, HTX hiện có; tiếp tục phát triển HTX với nhiều hình thức, quy mô, trình độ khác nhau, bảo đảm lợi ích kinh tế của các thành viên, hài hoà với lợi ích xã hội, phát triển cộng đồng; Tập trung chấn chỉnh các HTX chưa bảo đảm về nguyên tắc hoạt động theo luật

HTX, giải thể hoặc chuyển các HTX đang chỉ còn là hình thức sang các loại hình thức sang các loại hình khác phù hợp với quy định của pháp luật; củng cố và phát triển KTTT phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, quá trình trên được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các cấp; Kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực cho Liên minh HTX các tỉnh, thành phố. Theo đó, đặc biệt lưu ý đến các chính sách về đất đai; tín dụng; cán bộ; hỗ trợ công nghệ, thông tin, thị trường. Và cuối cùng, rất quan trọng là phải tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao vai trò quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể.

Về quản lý, không nên gò ép phát triển HTX theo kiểu phong trào của những năm trước đây. Cơ quan chức năng cần giám sát, kiểm tra bảo đảm cho HTX hoạt động đúng bản chất, yêu cầu của cơ chế mới, chứ không nên để tồn tại hay hoạt động có tính chất hình thức. Đặc biệt theo Luật NHNN và Luật các TCTD hiện nay thì không cơ quan nào có thể can thiệp vào quyết định cho vay của NHTM. Vì vậy, không nên chỉ thiên về phê phán một chiều do NHTM gây khó khăn về việc đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho HTX.

Cơ quan chức năng cần khảo sát, tham khảo kinh nghiệm phát triển HTX của một số nước trong khu vực, nhất là của Trung Quốc, trên cơ sở đó đánh giá, tổng kết hoạt động của HTX ở Việt Nam, từ đó có định hướng sát hơn sự phát triển HTX ở nước ta. Trên cơ sở đó tạo nền tảng hoạt động vững chắc cho tín dụng NHTM trong cơ chế mới.

Kết luận chương 3

Trong Chương 3, Luận án đã hoàn thành một số nội dung cơ bản sau đây:

- Phân tích và khẳng định, các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Chính phủ vẫn khẳng định mô hình kinh tế HTX tồn tại và phát triển là tất yếu khách quan của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong chiến lược phát triển kinh tế ở Việt Nam. Chính vì vậy Chính phủ đã đặt ra các mục tiêu cụ thể và có các giải pháp phù hợp kèm theo để thúc đẩy, tạo điều kiện cho mô hình kinh tế này phát triển.

- Các giải pháp tín dụng ngân hàng được Luận án đề ra nhằm thúc đẩy kinh tế HTX phát triển có tính đồng bộ, từ chủ động tạo lập nguồn vốn, giảm lãi suất huy động vốn đầu vào để có thể hạ lãi suất cho vay, đa dạng phương thức cho vay, linh hoạt cơ chế đảm bảo tiền vay, nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ ngân hàng đối với cho vay kinh tế HTX... đến nâng cao chất lượng thẩm định dự án xin vay vốn của HTX.

- Một số kiến nghị hay giải pháp điều kiện được đưa ra nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách của Đảng nhà nước, tăng cường công tác đào tạo cán bộ cho HTX, tăng cường công tác hạch toán kế toán, chấp hành quy định pháp luật về kế toán thống kê, hoàn thiện công tác quy hoạch,... nhằm tạo điều kiện cho kinh tế HTX phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Kinh tế HTX ra đời từ lâu trên thế giới, đó là kết quả hình thành tất yếu khách quan của nhu cầu liên kết, hợp tác giữa các gia đình, hộ gia đình, các thành viên trong quá trình phát triển sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở một địa phương, một khu vực cụ thể. Đến nay nền kinh tế thị trường đã phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới, với các trình độ phát triển khác nhau nhưng kinh tế HTX vẫn tồn tại, phát triển, chứng tỏ vai trò, sức sống và ưu việt trong quá trình cạnh tranh, tồn tại và phát triển với các thành phần kinh tế khác.

Thực hiện mục tiêu nghiên cứu của đề tài, luận án đã hoàn thành các nội dung chính với những đóng góp mới chủ yếu sau đây:

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng ngân hàng đối với kinh tế HTX trong nền kinh tế thị trường, luận án đã đưa ra một cách tiếp cận mới, nhận thức mới, cũng như khẳng định vai trò kinh tế HTX trong nền kinh tế nhiều thành phần, tồn tại và phát triển khách quan ở ngay cả các nước có nền kinh tế thị trường phát triển cũng như các nước đang trong quá trình chuyển đổi, các nước thuộc thị trường đang lên. Luận án khẳng định:

+ Mặc dù vậy để phát triển bền vững mô hình kinh tế HTX thì tín dụng ngân hàng là một trong số các giải pháp rất quan trọng. Bởi vì để mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh thì cần có vốn. Trong điều kiện mô hình kinh tế HTX vốn thiếu thì chủ yếu trông chờ vào vốn tín dụng ngân hàng. Vì vậy hoạt động tín dụng ngân hàng cũng cần có những cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với những nhân tố tác động đến sự phát triển của kinh tế HTX.

+ Cũng chính nhận thức được sự tồn tại tất yếu khách quan và vai trò của kinh tế HTX, nên nhiều nước trên thế giới có những biện pháp, chính sách cụ thể khác nhau và chính sách tín dụng ngân hàng tạo điều kiện và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của kinh tế HTX.

- Tập trung phân tích, đánh giá thực trạng tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế HTX ở nước ta trong thời gian qua cũng như hiện nay, luận án cũng đã khẳng định:

+ Tại Việt Nam trong nhiều năm qua, cũng như những năm gần đây, Đảng và Chính phủ cũng luôn quan tâm đến mô hình kinh tế HTX, đã ban hành nhiều Nghị quyết, chính sách cụ thể về lao động, đất đai, đào tạo, khuyến nông, quản lý,... để thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế này. Chính vì vậy mà nhiều năm qua, đặc biệt là trong giai đoạn 2000 - 2007, mô hình kinh tế HTX đã phát triển cả về số lượng, quy mô, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động và đa dạng lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Trong mỗi ngành nghề khác nhau, HTX có sự phát triển khác nhau. Tuy nhiên trong các lĩnh vực, như: giao thông vận tải, xây dựng, đánh bắt và chế biến thủy hải sản, tiêu thụ,... kinh tế HTX đang phát huy rõ thế mạnh của mình.

+ Để phát triển kinh tế HTX, chính sách tín dụng ngân hàng cũng không ngừng được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu thực tế. Các NHTM vẫn chú trọng đáp ứng nhu cầu vốn của kinh tế HTX trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc trong hoạt động tín dụng. Bởi vì chính việc chấp hành các quy định pháp luật về cho vay là nhằm tạo sự phát triển bền vững của mô hình kinh tế HTX trong xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

+ Tuy nhiên thực tế hiện nay các HTM vẫn nằm trong tình trạng thiếu vốn, khó vay được vốn ngân hàng. Nhiều nơi các NHTM phải vận dụng cơ chế cho vay vốn theo hộ sản xuất kinh doanh dựa trên tài sản đảm bảo tiền vay của lãnh đạo HTX. Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế chính sách của Đảng và Chính phủ, do tính chưa hoàn thiện, chưa hiệu quả và chấp hành các quy định của kinh tế HTX.

- Dựa trên những vấn đề lý luận và thực trạng được đánh giá, luận án đã nêu lên phương hướng phát triển kinh tế HTX, đề xuất các giải pháp tín dụng ngân hàng cho phát triển kinh tế HTX,... với những khẳng định như sau:

+ Hiện nay cũng như trong những năm tới, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đang diễn ra một cách mạnh mẽ và khẩn trương, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, nhưng Đảng và Chính phủ vẫn khẳng định sự tồn tại và phát triển tất yếu khách quan của mô hình kinh tế này, nên đã đưa ra các định hướng chiến lược, chính sách và chỉ đạo thực hiện các nhóm giải pháp cho sự phát triển bền vững kinh tế HTX.

+ Đối với hoạt động tín dụng ngân hàng, các giải pháp đưa ra để phát triển kinh tế HTX cũng đã được luận án dựa trên các quy định pháp luật về cho vay, dựa trên nguyên tắc hoạt động kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng của các NHTM, của các đối tượng khác nhau trong hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên các giải pháp tín dụng, chính sách cho vay của NHTM cũng cần được vận dụng, linh hoạt trong chừng mực nhất định, phù hợp với mô hình kinh tế HTX. Đó là các giải pháp về tạo lập nguồn vốn dồi dào với lãi suất thấp trên cơ sở đó có thể giảm lãi suất cho vay đối với kinh tế HTX; về phương thức cho vay các NHTM cần đa dạng, thích hợp với từng loại hình, từng ngành nghề và lĩnh vực hoạt động của HTX. Các NHTM cũng cần thực hiện linh hoạt cơ chế đảm bảo tiền vay, nâng cao chất lượng thẩm định dự án xin vay vốn của HTX. Đồng thời các NHTM cần nâng cao nhận thức cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ tín dụng, đổi mới về nhận thức tín dụng ngân hàng đối với kinh tế HTX; hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, tăng cường kiểm soát nội bộ... Các giải pháp đó được luận án đưa ra có tính đồng bộ, sát thực tiễn và có tính khả thi.

+ Tuy nhiên để thực hiện có hiệu quả các giải pháp nói trên cũng như tạo điều kiện thúc đẩy phát triển bền vững mô hình kinh tế HTX thì cần có các giải pháp điều kiện. Đó chính là những kiến nghị của Luận án đối với Chính phủ, Bộ NN&PTNT, các bộ ngành có liên quan về cụ thể hoá và hoàn thiện các chính sách đã ban hành.

+ Phát triển kinh tế hợp tác xã phải có định hướng và bước đi phù hợp với trình độ xuất phát hiện tại của nó. Những mục tiêu ngắn hạn và dài hạn được xác định ở mức trung bình, phù hợp với mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Để có được bước phát triển đó, cần có một khối lượng vốn tương ứng, trong đó việc gia tăng vốn TDNH cho kinh tế hợp tác xã có vai trò rất quan trọng. Các giải pháp tín dụng trong luận án đã được đưa ra trên cơ sở kế thừa và phát triển các giải pháp TDNH đã có nhưng chưa đủ sức hấp dẫn và thiếu hiệu quả. Bên cạnh đó, các giải pháp điều kiện cũng rất cần thiết, nó tạo ra môi trường cho TDNH mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả.

Trong quá trình nghiên cứu luận án, tác giả đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm và đọc tài liệu, tư liệu, tham khảo nhiều công trình, đề tài. Tuy nhiên do trình độ nghiên cứu còn có hạn, thông tin về hợp tác xã chưa thật sự có hệ thống nên chắc chắn còn những hạn chế. NCS rất mong được sự chỉ dẫn, góp ý của các giáo sư, các nhà khoa học, các thầy cô giáo và đồng nghiệp để công trình nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Văn Thiện (2004), “Sự phát triển của kinh tế Hợp tác xã và vấn đề đặt ra cho tín dụng ngân hàng”, *Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng*, (3), tr. 42 - 44.
2. Trần Văn Thiện (2005), “Phát triển Mô hình hợp tác xã tín dụng phục vụ nhu cầu vốn của hộ nông dân”, *Tạp chí Nông thôn mới*, (2), tr. 4-5.
3. Trần Văn Thiện (2005), “Bàn thêm về hoạt động tín dụng đối với hợp tác xã”, *Tạp chí Ngân hàng*, (7), tr. 46 - 47.
4. Trần Văn Thiện (2005), “Nhìn nhận nguyên nhân thiếu vốn của Hợp tác xã”, *Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng*, (7), tr. 70 -72.
5. Trần Văn Thiện (2005), “Vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển kinh tế tập thể ngành thủy sản ở nước ta trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế dự báo*, (388), tr. 40-41.
6. Trần Văn Thiện (2005), “Bàn thêm vai trò của Mô hình hợp tác xã tín dụng”, *Tạp chí Thị trường tài chính - Tiền tệ*, (19), tr. 26-27.
7. Trần Văn Thiện (2006), “Bàn thêm về vốn cho phát triển kinh tế hợp tác xã”, *Tạp chí Nông thôn mới*, (195), tr. 9-10.
8. Trần Văn Thiện (2006), “Giải pháp về vốn cho phát triển kinh tế hợp tác xã”, *Tạp chí Kinh tế dự báo*, (400), tr. 41 - 42.
9. Trần Văn Thiện (2006), “Bàn thêm giải pháp phát triển kinh tế hợp tác xã”, *Tạp chí Ngân hàng*, (17), tr. 45 - 46.
10. Trần Văn Thiện (2007), “Bàn về Mô hình hỗ trợ tín dụng cho phát triển hoạt động của hợp tác xã”, *Tạp chí Thị trường tài chính - Tiền tệ*, (23), tr.26 - 27.
11. Trần Văn Thiện (2007), “Đề vốn tín dụng ngân hàng đến với kinh tế hợp tác xã”, *Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng*, (67), tr. 50 - 52.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành liên minh HTX Việt Nam khoá II (2005), *Báo cáo tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III*, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Liên minh HTX Việt Nam (2008), *Báo cáo đánh giá hoạt động HTX trong giai đoạn 2002 - 2007*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, Hà Nội.
4. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2001),(2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2004), *Thông tư số 04/2004/TT-BKH ngày 13 tháng 12 năm 2004 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển khu vực kinh tế tập thể 5 năm (2006-2010)*, Hà Nội.
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2006), *Báo cáo đánh giá hoạt động của mô hình kinh tế Hợp tác xã thực hiện NHQW 5*, Hà Nội.
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), *Báo cáo tình hình đầu tư vốn cho kinh tế HTX giai đoạn 2000 - 2007*, Hà Nội.
8. Bộ NO&PTNT (2006), *Báo cáo tình hình hoạt động của kinh tế Hợp tác xã trong thời kỳ đổi mới*, Hà Nội.
9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006), *Quyết định số 1421/QĐ-BNN-HTX ngày 16 tháng 5 năm 2006 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006-2010) trong lĩnh vực nông nghiệp*, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Bình, Chu Tiến Quang và Lưu Văn Sùng (2001), *Kinh tế hợp tác- Hợp tác xã Việt Nam, thực trạng và định hướng phát triển*, Nxb Nông thôn, Hà Nội.
11. Chính phủ (2000), *Nghị định số 49/NĐ- CP về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại*, Hà Nội.

12. Cục HTX và phát triển nông thôn - JICA (2005), *Kết quả tổng điều tra các HTX nông nghiệp năm 2004*, Nxb Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.
13. Lê Vĩnh Danh (2003), *Tiền và hoạt động ngân hàng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đào Văn Hùng (2001), *Các giải pháp tín dụng đối với người nghèo ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Đắc Hưng (2003), *Một số thách thức của hệ thống NHTM Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*, Hội thảo “Những thách thức của NHTM Việt Nam trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế”, Hà Nội.
16. IMF tại Việt Nam (2004), *International Financial Statistics*, Hà Nội.
17. Nguyễn Đại Lai (2004), “Toàn cầu hoá đặt ra những thách thức đối với ngành Ngân hàng Việt Nam trong điều kiện hiện nay”, *Tạp chí Ngân hàng*, (1), tr. 12-14.
18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2001), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các Tổ chức tín dụng*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
19. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2003), *Kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế của ngành Ngân hàng Việt Nam*, Hà Nội.
20. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2003), *Chương trình hành động về hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng*, Hà Nội.
21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2005), *Báo cáo tại hội thảo “Ngân hàng hội nhập và nền kinh tế”*, Hà Nội.
22. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2005), *Báo cáo nghiên cứu về năng lực cạnh tranh tại hội thảo “Hội nhập quốc tế hệ thống NH”*, Hà Nội.
23. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007), *Báo cáo cho vay, thu nợ kinh tế HTX, từ năm 2000 - 2007*, Hà Nội.
24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007), *Báo cáo chuyên đề tín dụng cho kinh tế Hợp tác xã*, Hà Nội.

25. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007), *Báo cáo đánh giá thực hiện chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng các năm 2000 - 2007*, Hà Nội.
26. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2007), *Báo cáo cho vay kinh tế hộ và kinh tế HTX*, Hà Nội.
27. Đỗ Tất Ngọc (2002), “ *Báo cáo chuyên đề về Tín dụng ngân hàng với nông dân nghèo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*”, Hà Nội.
28. Michael E.Porter (1996), *Chiến lược cạnh tranh*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1996), *Luật Hợp tác xã*, Hà Nội.
30. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2004), *Luật Hợp tác xã*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
31. Nguyễn Thị Quy (2005), *Năng lực cạnh tranh của các NHTM trong xu thế hội nhập*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
32. Peter S.Rose (2001), *Quản trị ngân hàng thương mại*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Tiêm (1994), *Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Triện, Kim Ngọc, Ngọc Trinh (1997), *Từ điển thuật ngữ kinh tế thị trường hiện đại*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
35. Thủ tướng chính phủ (2005), *Quyết định số 272/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006-2010)*, Hà Nội.
36. Nguyễn Ty (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về HTX*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Nguyễn Ty (2002), *Phong trào HTX Quốc tế qua gần hai thế kỷ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đặng Ngọc Viễn (1999), *Từ điển Kinh tế học*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
39. Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW (2003), *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
40. WEF (1997), *Báo cáo về khả năng cạnh tranh toàn cầu*, Hà Nội.